

**VĂN HÓA THÁI HÒA XI**  
**TÌM VỀ**  
**HÒN THIÊN SÔNG / NÚI**  
**HÀU CHẤN HÙNG**  
**TÌNH / NGHĨA ĐỒNG BÀO**



**CẶP ĐÔI CỰC TIÊN / RỒNG: NỀN TẢNG CỦA DỊCH VIỆT**

**2018: Xuân Mậu Tuất**

**VIỆT NHÂN**

## HUYỀN THOẠI TIÊN / RỒNG



Image by other

Bọc Trầm trướng của Mẹ Âu Cơ: Tượng trưng cho Thiên ( Thái cực )

Gái / Trai , Tiên / Rồng : Cơ cấu Dịch Việt : Tượng trưng cho Nhân

Núi / Sông : Tượng trưng cho Địa

Tam Tài: Thiên – Nhân - Địa



Image by other

### VẬT BIỂU KÉP TIÊN / RỒNG

Chim Vũ hóa thành Tiên, Giao long ( Cá sấu 4 chân ) và Xà long ( Rắn mình dài ) thăng hoa thành Rồng có mình dài với 4 chân. Hai Vật biểu nền tảng của Dịch Việt Nam.

Tiên / Rồng là nền tảng của Dịch Việt cũng là Biểu tượng cho Châm ngôn, mang Tinh thần Dân tộc;

Mẹ Âu Cơ: Non Nhân

Cha Lạc Long : Nước Trí

Con Hùng Vương : Hùng / Dũng

### HÒN DÂN TỘC VIỆT NAM:

Nhân / Trí → Hùng / Dũng ( Nho giáo )

Từ bi / Trí tuệ → Hỷ xả ( Phật giáo )

Bác ái / Công Bằng → Tha thứ 70 lần 7 ( Kitô giáo )

**NÉT NHẤT QUÁN**  
**VĂN HÓA THÁI HÒA VIỆT**

**I.- VŨ TRỤ QUAN ĐỘNG**

Bọc Trăm Trứng ( 50 Gái / 50 Trai )

Tiên/ Rồng: Nền tảng Dịch Việt

**II.- NHÂN SINH QUAN NHÂN CH Ử**

Tam Tài: Thiên - Nhân - Địa

**III.- TRIẾT LÝ NHÂN SINH**

**NỀN TẢNG:**

**Bản năng :** Thực, Sắc, Diện

**IV.- TU THÂN**

Hoàn thiện Bản năng bằng :

Mọi Việc Làm

&

Mọi Mối Liên hệ: Thiên - Nhân - Địa

Qua 3 lãnh vực : **Thực, Sắc, Diện**

**V.- NHÂN PHẨM ĐẠT TỚI:**

**NHÂN / TRÍ → HÙNG / DŨNG**

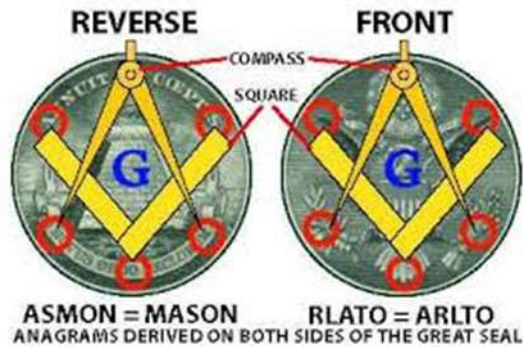
**VI.- TINH THẦN DÂN TỘC**

**HÙNG / DŨNG**

( Một Tinh thần minh mẫn trong một Cơ thể tráng kiện )

## NHỮNG BIỂU TƯỢNG VÀ CÁC SỐ MẬT MÃ

### CỦA CÁC NỀN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY



Hình mật mã của Illuminati ( FREE MASON )

#### Free Mason Cipher

Compass vẽ Vòng Tròn, Square vẽ Hình Vuông.

Compass / Square: Tròn / Vuông: Cặp đối cực Dịch lý  
của Free Mason.



Nũ Oa ( bên Trái ) cầm cái Quy vẽ Vòng tròn,  
Phục Hy ( bên Phải ) cầm cái Cũ vẽ Hình Vuông

Me Tròn / con Vuông: Cấp đối cực Dịch lý Việt

VĂN HOÁ CỔ VIỆT VÀ FREEMASON

CÓ CHUNG

BIỂU TƯỢNG VUÔNG / TRÒN THEO DỊCH LÝ



Image from internet

**Hình Tiệc Lý : Chúa Giê su với 12 Tông đồ: con số mật mã : 13**

**( 1 + 12 = 13 )**

**Number 1 :The best, The Leader, One God, The Creator, the strength.**

**Number 12: A Whole, Harmonious Unit. Manifestation of The Trinity to the 4 corners of the Horizon,; 3 X4=12. The Government of the World or the cosmos, Divine Mother.**

**Đức Thánh cha Francis nhậm chức ngày 13-3-2013 mang số Code 13 của Illuminati.**

**Great Seal of United States**

**( Quốc Ấn của Hoa Kỳ )**



Image from illuminati

Chim Đại bàng 2 chân đều mang số Mật mã 13

Mỏ con Chim mang dải băng mang 13 ký tự: **E PLURIBUS UNUM:**

**Out of Many, One: Đa : Nhất**

**Một Chòm 13 Ngôi sao ở Trên Đầu và Lá cờ có 13 sọc ở Dưới Chân**

“ Về dấu tròn **Great Seal** phía Phải trên tờ 1 Đô-la của Mỹ, có in hình con Chim Ó quay đầu về bên phải tượng trưng Hoa Kỳ luôn nghĩ đến điều phải, hành động phải (right). Chân phải của Chim Ó cầm **chùm lá Ô Liu gồm 13 chiếc lá** tượng trưng cho Hòa Bình. Thế nhưng chân trái của Chim Ó lại cầm **một bó gồm 13 mũi tên sắc nhọn** nói lên Mỹ cũng luôn luôn đáp trả bằng chiến tranh.

Mỏ con Chim Ó ngậm một dải băng ghi hàng chữ gồm 13 ký tự bằng Latinh "**E PLURIBUS UNUM**" (Out of Many, One - Giữa Nhiều, chỉ có một). Trước ngực con Chim Ó là Lá Cờ có 13 cái sọc. Cuối cùng trên đầu con Chim Ó có một chòm gồm 13 ngôi sao .

**KITÔ GIÁO VÀ HOA KỲ CÓ CHUNG SỐ MẬT MÃ : 13**

( *Illuminati; Siêu Quyền lực* )

**Chim Đại Bàng mang bên chân Phải 13 lá Olive / chân Trái 13 mũi tên:**

**Phải / Trái, Nhu / Cương, Hoà bình / Chiến tranh:**

**cặp Đối cực Dịch lý của Hoa Kỳ**

## MỤC LỤC

### NHỮNG BIỂU TƯỢNG VÀ CÁC SỐ MẬT MÃ

CỦA CÁC NỀN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY .....	- 5 -
GIẢI NGHĨA VÀI DANH TỪ .....	- 14 -
LỄ GIỜ QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG LẦN THỨ 4897.....	- 18 -
<b>I.- MỞ ĐẦU .....</b>	<b>- 18 -</b>
<b>II.- KINH TIÊN / RỒNG .....</b>	<b>- 18 -</b>
<b>III.- KHAI TRIỂN.....</b>	<b>- 20 -</b>
1.- Tiên / Rồng: Vật biểu kép của Việt Nam.....	- 20 -
2.- Gương sáng Mẹ Tiên Âu Cơ và Cha Rồng Lạc Long .....	- 21 -
3.- Những bài học của Mẹ Tiên / Cha Rồng.....	- 23 -
4.- Những áp dụng trong thực tế của cuộc sống .....	- 24 -
5.- Ca dao, Tục ngữ được gợi hứng từ Tinh thần Dịch lý.....	- 24 -
6.- Bài hát vui về Tiến trình Sinh hoạt Lập quốc .....	- 27 -
7.- Tiên / Rồng là Biểu tượng Dịch lý về Vũ trụ và Nhân sinh.....	- 28 -
<b>IV.- KẾT LUẬN.....</b>	<b>- 28 -</b>
1.- Con Dân trong Nước đều là Anh Em Đồng bào .....	- 28 -
2.- Đồng bào ăn ở với nhau theo tiêu chuẩn Công chính .....	- 29 -
3.- Mọi con Dân dân phải được phát triển toàn diện.....	- 29 -
để làm tròn Trách nhiệm và Quyền lợi chung.....	- 29 -
4.- Con Rồng Cháu Tiên là nòi cao quý.....	- 29 -
5.- Tư cách và khả năng của con Rồng Cháu Tiên .....	- 29 -
7.- Nguyên nhân thành công và thất bại của mỗi con người .....	- 29 -
8.- Nguyên nhân rối loạn Xã hội.....	- 30 -
9.-Lời nhắn nhủ chung.....	- 30 -
<b>VŨ TRỤ QUAN VIỆT NHO: VŨ TRỤ QUAN ĐỘNG.....</b>	<b>- 32 -</b>
<b>I.- DỊCH LÝ .....</b>	<b>- 33 -</b>
<b>II.- GIẢI THÍCH DỊCH LÝ .....</b>	<b>- 33 -</b>
1.- Theo cách Thông Thường.....	- 33 -
2.-Theo Ngũ hành .....	- 33 -
<b>II- BA LUẬT LỚN TRONG VŨ TRỤ.....</b>	<b>- 35 -</b>
1.- Nguồn gốc của Ba Luật lớn.....	- 35 -
2.- Luật Biến động hay Dịch lý .....	- 36 -
a.- Muôn vật trên đời biến động không một vật nào nghỉ ngơi. ....	- 36 -
b.- Mọi vật có là trong dạng thức Động.....	- 37 -
c.- Chất thể: Khí chất và tinh khí.....	- 37 -
A1.-Khí chất .....	- 37 -
A2.- Tinh khí.....	- 37 -
A3.- Ý tượng .....	- 37 -



A4.- Linh tượng.....	- 37 -
A5.-Tiết nhịp uyên nguyên.....	- 37 -
A6.-Sự hội thông: hoà hợp với Tiết điệu.....	- 38 -
2.- <b>Luật Loại tu</b> .....	- 38 -
“ <i>Vật nào xuất bởi Trời thì đi với Trời. Vật nào bởi Đất thì đi với Đất. Mỗi vật theo loại của mình</i> “ .....	- 38 -
a.- Vòng Đại diện và vòng Tiểu diện.....	- 39 -
<b>Bốn chặng của vòng Địa là Thành, Thịnh, Suy, Hủy.</b> .....	- 39 -
b.- Con Người lưỡng thể .....	- 39 -
c.- Quan niệm Nhị nguyên của Descartes về Linh hồn và Thể xác .....	- 40 -
“ <b>Đồng Thanh tương ứng. Dị Khí tương thù</b> “ .....	- 40 -
d.- ách chữa bệnh Nhị nguyên .....	- 40 -
e.- Mâm bệnh Duy Vật.....	- 40 -
g.- Hán Nho hạ Đản bà.....	- 41 -
h.- Việt Nho.....	- 41 -
i.- Đản ba giàu Tâm linh hơn Đản Ông .....	- 41 -
K.- Tam tông Đục rửa của Hán Nho .....	- 41 -
3.- <b>Luật Giá sắc</b> .....	- 41 -
4.- <b>Luật Loại tu, Giá sắc ở đợt Linh tượng</b> .....	- 42 -
5.- <b>Về Khí hạo nhiên của Mạnh Tử</b> .....	- 42 -
6.- <b>Tầm quan trọng của luật Giá sắc: Gieo chủng tử Thiện</b> .....	- 43 -
7.- <b>Gieo và chờ</b> .....	- 43 -
8.- <b>Quê Nhu: Tôn Tâm dưỡng Tính ( Làm ăn và làm Người )</b> .....	- 43 -
<b>NHÂN SINH QUAN VIỆT NHO: NHÂN CHỦ</b> .....	- 45 -
I.- <b>NHỮNG TRANG SÁCH ĐÃ THẤT LẠC</b> .....	- 45 -
1.- <i>Nhân sinh hà tại?</i> .....	- 45 -
2. <i>Tại thế hà như?</i> .....	- 45 -
3. <i>Hậu thế như hà</i> .....	- 45 -
a.- Nguyên uỷ vạn vật cũng như về loài người.....	- 45 -
b.- Cứu cánh cuối cùng của con người... ..	- 45 -
<b>II.- CHỦ TRƯỞNG CỦA VIỆT NHO</b> .....	- 46 -
1.- <i>Thế sự/ Tâm linh lưỡng nhất</i> .....	- 46 -
2.- <i>Hữu / Vô Lưỡng nhất</i> .....	- 46 -
3.- <i>Con Người là Linh vật nối liền Tính / Mệnh</i> .....	- 47 -
4.- <i>Con Người Tình / Lý tương tham</i> .....	- 47 -
5.- <i>Con Người tiến bước theo An hành</i> .....	- 47 -
<b>III.-VÀI MẪU NGƯỜI ĐIỂN HÌNH</b> .....	- 48 -
<b>IV.-CÁCH ĐỊNH VỊ CON NGƯỜI NHÂN CHỦ</b> .....	- 48 -
“ ( 1) : <i>Con Người là cái Đức hay Tinh hoa của Trời / Đất:</i> .....	- 48 -
( 2 ) : <i>Con Người là sự giao hòa giữa Âm / Dương</i> .....	- 48 -
( 3 ) : <i>CON NGƯỜI LÀ NƠI HỘI TỤ CỦA QUỶ / THẦN</i> .....	- 49 -
( 4 ) : <i>Con Người là khí tốt của Ngũ hành</i> .....	- 49 -
<b>IV.- NHẬN DIỆN BẢN NĂNG CON NGƯỜI</b> .....	- 49 -
1.- <i>Thực</i> .....	- 49 -
2.- <i>Sắc</i> .....	- 49 -
3.- <i>Diện</i> .....	- 50 -
<b>V.- HAI MỤC TIÊU “ VI NHÂN“ GIÚP THĂNG HOA CUỘC SỐNG</b> .....	- 50 -
1.- <i>Hoàn thiện mọi việc Làm</i> .....	- 50 -

2.- Hoàn thiện mọi mối Liên hệ Hòa.....	- 50 -
<b>VI.- CON NGƯỜI TO LÓN TRONG TAM TÀI .....</b>	<b>- 51 -</b>
<b>VII.- KHÍ HẠO NHIÊN CỦA CON NGƯỜI NHÂN CHỦ VIỆT NHO .....</b>	<b>- 51 -</b>
<b>CÁCH ĐEM ĐẠO LÝ NHÂN SINH VÀO ĐỜI.....</b>	<b>- 56 -</b>
<b>ÁO DÀI 5 THÂN, KHĂN ĐÓNG: .....</b>	<b>- 56 -</b>
<b>QUỐC PHỤC VIỆT NAM MANG HỒN DÂN TỘC .....</b>	<b>- 56 -</b>
<b>I.- MỞ ĐẦU.....</b>	<b>- 56 -</b>
<b>II.-ÁO DÀI 5 THÂN TRUYỀN THỐNG .....</b>	<b>- 58 -</b>
1.- Nguồn gốc của Áo dài 5 Thân .....	- 59 -
2.- Ngũ hành .....	- 59 -
a.- Đồ hình Ngũ hành .....	- 59 -
b.- Số độ của Ngũ hành .....	- 60 -
3.- Áo dài 5 Thân là Hiện thân của Đồ hình.....	- 60 -
và Số độ Ngũ hành .....	- 60 -
a.- Cơ cấu Áo dài với Đồ hình Ngũ hành .....	- 60 -
b.- Số độ Ngũ hành nơi Áo dài .....	- 60 -
4.- 6 nút cài .....	- 60 -
5.- Nút cài Áo dài với Nho giáo .....	- 61 -
6.- Ý nghĩa tượng trưng của Cơ cấu Ngũ hành.....	- 61 -
7.- Cơ cấu và Nội dung của Văn hoá Việt Nam .....	- 63 -
a.-Cơ cấu .....	- 63 -
b.- Nội dung .....	- 63 -
8.- Ý nghĩa : “ Thễ Nhân đỉnh Nghĩa “ của Áo dài.....	- 64 -
9.- Cách cài nút áo Dài theo Tả nhậm hay Thuận Thiên .....	- 65 -
10.- Cách sử dụng.....	- 66 -
<b>III.- VẼ ĐẸP CỦA ÁO DÀI VIỆT NAM .....</b>	<b>- 67 -</b>
<b>KHĂN ĐÓNG .....</b>	<b>- 69 -</b>
<b>I.- CẤU TẠO.....</b>	<b>- 70 -</b>
<b>II.- NỘI DUNG.....</b>	<b>- 70 -</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>- 71 -</b>
<b>BẢO ĐỘNG ĐỒ: CHIẾN LƯỢC TÂM ẨN DẦU .....</b>	<b>- 73 -</b>
<b>NHÀM XÓA BỎ CHỮ VIỆT VÀ TIẾNG VIỆT.....</b>	<b>- 73 -</b>
1.- Ý đồ thâm hiểm “ Tiêu diệt Văn hóa Dân tộc Việt “ .....	- 74 -
của Thiên triều với sự tiếp tay của Chư hầu .....	- 74 -
2.- Thiên triều thành lập tổ chức Đồng hóa Chư hầu:.....	- 75 -
3.- Lời Trí trá trao đổi giữa Thiên triều và Chư hầu .....	- 76 -
4.- Xúc tiến Chiến cuộc chiến TÂM ẨN DẦU .....	- 76 -
5.- Mặt trận Quyết tâm tiêu diệt và Bảo vệ Văn hóa.....	- 77 -
<b>I.- CÂU TRUYỆN LẠC HỒN.....</b>	<b>- 78 -</b>
1.- CÓ hay KHÔNG Dân tộc tính.....	- 78 -
2.- Câu chuyện LẠC HỒN:Bán HỒN cho QUỶ.....	- 79 -
3.- Trạng huống nước nhà .....	- 80 -
4.- Hai loại Trắc nghiệm Tâm lý.....	- 80 -

5.- Tại sao người Việt sát hại người Việt ? .....	- 80 -
6.- Tai họa mất Hồn .....	- 81 -
7.- Nhiệm vụ khởi công tìm lại Hồn Nước .....	- 81 -
8.- Cô Hồn cháo Lú và cô Hồn vọng Ngoại .....	- 81 -
9.- Hồn ở nơi đâu? .....	- 82 -
10.- Tìm chỗ ẩn nấp sâu kín để Rước Hồn về .....	- 82 -
11.- Lập Mặt trận Văn hiến để cùng nhau Rước Hồn về .....	- 83 -
<b>II.- TỰ TINH THẦN QUẠT KHỎI.....</b>	<b>- 84 -</b>
<b>ĐẾN QUẠT KHỎI TINH THẦN .....</b>	<b>- 84 -</b>
1.- Đọc Sử để nhận ra óc quật cường của Dân tộc .....	- 85 -
2.- Óc quật cường : Nền tảng triết lý của chúng ta .....	- 85 -
3.- Nguồn Triết lý Nhân bản chân thực.....	- 85 -
4.- Cuộc chiến thư hùng giữa Viêm tộc và Hoa tộc .....	- 86 -
5.-Triết lý tác hành bằng động từ của Tổ tiên.....	- 86 -
6.- Lý do thất bại của lớp đàn anh .....	- 87 -
7.- Hãy lên tận nguồn Triết lý để cứu quốc.....	- 87 -
8.-Triết lý Việt Nho: .....	- 89 -
Nguồn gốc và Cơ cấu căn cơ của Tinh thần Dân tộc .....	- 89 -
<b>III.- NHỮNG LỜI NHẮN GỞI ĐÁNG QUAN TÂM.....</b>	<b>- 90 -</b>
<b>CỬA ĐỨC DA LAI LA MA .....</b>	<b>- 90 -</b>
1.-Cái vòng lảm quẩn của cuộc Sống .....	- 90 -
2.- Hệ lụy của cái luẩn quẩn trong Vòng .....	- 90 -
3.- Lãng quên Hiện tại Miền trường .....	- 90 -
4.- Nguy cơ của cuộc sống loanh quanh theo hai Áo tưởng .....	- 91 -
<b>IV.- HỌC SỬ ĐỂ LINH CẢM HỒN THIÊN DÂN TỘC .....</b>	<b>- 91 -</b>
<b>V.- NHỮNG TẤM GƯƠNG HÙNG / DŨNG SÁNG NGÔI.....</b>	<b>- 93 -</b>
<b>NƠI TRANG SỬ HÀO HÙNG TIÊU BIỂU CHO HỒN DÂN TỘC.....</b>	<b>- 93 -</b>
1.- ĐỀN QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG: ĐỀN THỜ NHÂN TÍNH.....	- 93 -
2.- HAI BÀ TRƯNG .....	- 95 -
Con Người Nhân chủ : Tự Chủ, tự Lực, tự Cường .....	- 95 -
3.- NHỤY KIỂU TƯỚNG QUÂN TRIỆU TRINH NƯƠNG .....	- 97 -
Con Người to lớn .....	- 97 -
4.- NGÔ QUYẾN.....	- 97 -
với Chiến thuật cắm cọc trên sông đầy sáng tạo .....	- 97 -
5.- VUA LÝ THÁI TỔ:.....	- 98 -
Vị vua xây dựng cơ đồ vững chắc cho Việt Nam.....	- 98 -
( 1010 – 1028 ).....	- 98 -
6.- TUỐNG LÝ THƯỜNG KIẾT: .....	- 99 -
Con Người toàn diện.....	- 99 -
7.- VUA TRẦN NHÂN TÔN: .....	- 100 -
Vị vua Dân Chủ.....	- 100 -
( 1279 – 1298 ).....	- 100 -
8.- HÙNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG: TRẦN QUỐC TUẤN.....	- 101 -
Một Chiến lược và Chiến thuật gia đại tài.....	- 101 -
9.- TRẦN QUỐC TOẢN:.....	- 102 -
Tuổi trẻ Chí cao .....	- 102 -

10.- VUA LÊ THÁI TỔ: .....	- 103 -
<i>Chủ Soái kiên cường</i> .....	- 103 -
( 1428 – 1433 ) .....	- 103 -
11.- ÚC TRAI NGUYỄN TRÁI: .....	- 104 -
<i>Chiến lược gia với Tâm công kiệt xuất</i> .....	- 104 -
( 1380 – 1442 ) .....	- 104 -
a.- Tuyên ngôn chính nghĩa Quốc gia Độc lập .....	- 104 -
b.- Chiến Lược dựng Nước và giữ Nước: .....	- 104 -
c.- Áp dụng tài tình Chiến thuật chống với kẻ thù: “ Dĩ Cường lãng Nhược “bằng Chiến thuật: .....	- 105 -
12.- LÊ LAI LIÊU MÌNH CỨU CHỨA .....	- 105 -
13.-VUA QUANG TRUNG NGUYỄN HUỆ.....	- 106 -
<i>Với chiến thuật Tốc chiến tốc thắng</i> .....	- 106 -
( 1778 – 1802: Nhà Nguyễn Tây Sơn ) .....	- 106 -
14.- MẠC ĐĂNG DUNG: .....	- 107 -
<i>Gương mù bán nước ( 1527 -1529 )</i> .....	- 107 -
15.- VUA THÀNH THÁI: .....	- 108 -
<i>Vị quốc vong thân (1879 – 1954 )</i> .....	- 108 -
16.- VUA HÀM NGHI: .....	- 109 -
<i>Vị quốc vong thân</i> .....	- 109 -
( 1872 - ) .....	- 109 -
17- VUA DUY TÂN: .....	- 109 -
<i>Vị quốc vong thân</i> .....	- 109 -
( 1899 – 1945 ) .....	- 109 -
18.- TIẾN ĐIỀN NGUYỄN DU: <i>Một Văn hào lỗi lạc</i> .....	- 110 -
19.- PHAN HUY CHÚ: .....	- 110 -
<i>Việt Nho ưu thời mãn thế</i> .....	- 110 -
20.- PHAN THANH GIẢN .....	- 111 -
<i>Không cứu được Non Sông thì nát với cỏ cây!</i> .....	- 111 -
( 1796 – 1867 ) .....	- 111 -
21.- NGUYỄN CÔNG TRÚ: .....	- 112 -
<i>Con Người toàn diện</i> .....	- 112 -
<i>Con Người toàn diện</i> .....	- 112 -
22.- HOÀNG HOA THÁM: .....	- 113 -
<i>Hùm thiêng Yên Thế</i> .....	- 113 -
23.- SÀO NAM PHAN BỘI CHÂU: .....	- 113 -
<i>Kẻ Sĩ tràn đầy nhiệt huyết</i> .....	- 113 -
24.-PHAN CHU TRINH: .....	- 114 -
<i>Nhà cách mạng ưu thời mãn thế</i> .....	- 114 -
25.- PHAN ĐÌNH PHÙNG: .....	- 115 -
<i>Một sĩ phu kiên cường</i> .....	- 115 -
26.- NGUYỄN TRUNG TRỰC: .....	- 116 -
<i>Sĩ phu bất khuất</i> .....	- 116 -
27.-ĐỨC GIÁO CHỦ HUỲNH PHÚ SỔ: .....	- 116 -
<i>Vị Giáo chủ sống Đạo giữa Đời</i> .....	- 116 -
28.-THÁI DỊCH LÝ ĐÔNG A: .....	- 118 -
<i>Triết gia và Chính trị gia đầy viễn kiến</i> .....	- 118 -

29.- TÔNG THỐNG NGÔ ĐÌNH DIỆM.....	- 123 -
&.....	- 123 -
BẢO ĐỆ NGÔ ĐÌNH NHƯ.....	- 123 -
30.- TRIẾT GIA KIM ĐỊNH.....	- 124 -
Vị Linh mục Yêu Nước Thông Kim bác Cổ.....	- 124 -
31.- CÁC VỊ TỪ GIÀ TỚI TRẺ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC.....	- 125 -
Đang vùng lên chống Thù Trong / Giặc Ngoài để xây dựng nền tảng Tự do Dân chủ.....	- 125 -
cho Đất Nước.....	- 125 -
32.- RƯỚC HỒN THI ÊNG VỀ ĐỂ CHẤN HUNG TÌNH / NGHĨA ĐỒNG BÀO.....	- 125 -

### ( 1 ). Minh Triết Việt

HÌNH BÌA SAU.....	- 284 -
<b>KINH TIÊN RỒNG.....</b>	<b>- 284 -</b>
<b>I.- NỀN TẢNG CỦA TINH THẦN VIỆT.....</b>	<b>- 284 -</b>
<b>II.- TINH HOA CỦA TINH THẦN VIỆT.....</b>	<b>- 284 -</b>

## CHƯƠNG MỞ ĐẦU

---

### GIẢI NGHĨA VÀI DANH TỪ

Hồn Thiêng là Hồn linh có thể hiển hiện bất cứ nơi nào và bất cứ thời khắc nào, hay là Hồn có thể linh hiển nhiều Nơi cùng một Lúc.( ubiquitous)

Khi chúng ta Suy tư hay Quy tư thì phát ra Làn sóng, mỗi làn sóng có một tần số riêng, nếu Tâm / Trí của chúng ta hoạt động cùng Tần số với Tần số Tâm / Trí của Tổ tiên thì chúng ta linh cảm được với Hồn Tổ Tiên, khi đó chúng ta có thể bắt gặp Hồn Thiêng Sông Núi.

Hồn Thiêng Sông là Trí hay Nghĩa.

Hồn Thiêng Núi là Nhân.

Khi Hồn Thiêng Nghĩa / Nhân giao thoa hay Lưỡng nhất thì trở nên Hùng / Dũng.

Hùng là sức mạnh của Vật chất, Dũng là sức mạnh của Tinh thần.

Vậy Hồn Thiêng Sông / Núi là Nhân / Nghĩa, Hùng / Dũng.

### VÁI Ý THÔ THIÊN

#### I.- BẢN CHẤT CỦA NẾP SỐNG VIỆT HAY NỀN VĂN HÓA TỔ TIÊN

Khi tìm hiểu Triết lý An vi và Việt Nho, T. G. Kim Đnh đã khai ngộ Tâm / Trí cho chúng tôi bằng ý tưởng sau:

*“ Tổ Tiên chúng ta không đi trên đại lộ huy hoàng ( như người Tây phương ), mà luôn dần bước trên đường mòn “.*

Nói cách khác. đó là nếp sống của Tổ Tiên khởi từ Nội Tâm, vì nhận ra “ Con Người là Quỷ Thần chi hội ” , khi được sinh ra đều là bất toàn, nên luôn tìm cách vươn lên khỏi chính mình mà sống cho xứng danh là Tinh hoa của Trời Đất.

Suốt cuộc đời cứ bám vào “ Hiện tại miên trường “ nghĩa là không bám vào Quá khứ, mơ tưởng tới Tương lai, mà giây phút nào trong cuộc đời cũng đều sống theo Hiện tại, không ngừng đeo đuổi hai Mục tiêu :

Một là Hoàn thiện mọi việc Làm từ Gần tới Xa, từ Nhỏ tới Lớn, từ Đơn giản tới Phức tạp, từ Thường thường tới Phi thường, từ Tinh vi tới Vĩ đại. . .

Các cặp đối cực như Quá khứ /Tương lai, Gần / Xa, Nhỏ / To. Thường thường / Phi thường , Tinh vi / Vĩ đại. . , đều là các cặp Đối cực của Dịch lý cần được Lương nhất thì mới Tiến bộ và Trường tồn trong trạng thái Quân bình động.

Nếu chúng ta không bắt đầu xây dựng từ cái Gần thì không có cái Xa, không làm từ cái Nhỏ thì không có cái To, không làm cái Thường thường thì không bao giờ đạt cái Phi thường . . . , Nhiều người thường thất bại ở điểm sơ khởi này, vì luôn muốn làm cái To cái Xa , mà “ Lực bất tòng Tâm” nên không bao giờ tới đích.

Điểm quan trọng bậc nhất này cũng gọi là Perfect of Things. Đây là nguyên tắc phát triển Khả năng cá nhân .

Điểm quan trọng thứ hai là Hoàn thiện mọi mối Giao liên Hòa gọi là Perfect for Being. Mỗi người phải trau dồi hàng ngày cách sống hài hoà theo Tiêu chuẩn của cặp đối cực Tình yêu / Lý Công chính Lương nhất với mọi người từ trong Gia đình, ra Cộng đồng, tới Xã hội và cả Quốc tế, vì Hoà là nguồn Hạnh phúc , cuộc sống Hoà không phá tan công trình xây dựng của mọi người .

Đây là nguyên tắc làm đẹp mối Giao liên Hòa để trau dồi Tư cách cá nhân

Một con Người có Tư cách và Khả năng là con Người đã phát triển toàn diện, đây là mẫu người Nhân chủ có khả năng làm Chủ Vận hệ mình, Gia đình mình và Đất nước mình.

Việc xây dựng con Người là cần thiết cho Gia đình và Quốc gia, nhưng là việc rất khó khăn, cần có một nền Văn hoá Nhân bản và nền Giáo dục gồm Huấn linh và Bác vấn lương nhất mới được , Huấn linh cần cho Tư cách và Bác vấn cho Khả năng .

Giải quyết được vấn đề đào tạo con Người cùng Chủ đạo Hoà Quốc gia thì việc Cứu và Dựng nước mới mong đem lại phúc lợi cho toàn dân.

Nói thì có vẻ dễ, nhưng làm cho được thì khó vô vàn, để cho cả Nhân loại cùng làm hầu có Hoà Bình thì khó hơn lên Trời, Thiên Đàng , Nát Bàn.

## II.- TRÁNH NGỘ NHÂN

Công trình đồ sộ của Triết Gia Kim Định là Việt Nho và Triết Lý An vi. Việt Nho là Xác, Triết lý An Vi là Hồn, Xác / Hồn có được Lương nhất theo Dịch Lý thì mới trở nên nên Văn hoá Thái hòa Việt.

Nghe nói đến Nho và Dịch thì ai cũng đinh ninh là của Tàu, nay chúng tôi lại nói khác đi tất nhiều người sẽ cho là những lời cường điệu, đây không phải là vấn đề khoe mẽ vật ,tự ái dân tộc rôm, mà là việc tìm đường Cứu Dân cứu Nước thoát cảnh trầm luân và Nô lệ.

Phàm bất cứ công trình nào có giá trị đều phải có cái GỐC, cái NGỌN, và có cả mối Liên hệ cơ thể giữa GỐC / NGỌN, hay cách khác GỐC / NGỌN phải được Lương nhất theo Dịch lý. Dịch lý đóng vai trò Nhất quán trong công trình hay Dịch lý là Sợi chỉ hồng liên kết các phần mớ thành Hệ thống.

Xét tới cái GỐC thì Tàu không sáng tạo ra Dịch, vì Dịch của Tàu không có cặp đối cực Âm Dương, mà chỉ có Vật biểu Rỗng, mượn của Việt, mà Độc Dương bất sinh, thì làm sao mà có Dịch. Không có cặp đối cực thì không có Ngũ hành, không Ngũ hành thì không xây dựng nên Nho, quan trọng hơn là không có Dịch thì cũng không có Triết lý An vi là Hồn của Nho. Việt Nho là Cơ thể của Triết lý An vi, Triết lý An vi là Linh hồn của Việt Nho.

Việt Nho đã được kết tinh từ thời Văn hoá Hòa bình tại Thái Bình Dương với Thao thiết Văn Quý Long gọi là Thái Nho, sau đó tới Hoàng Nho thời Tam Hoàng : Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông đều thuộc dòng máu Tiên Rỗng, tới Nguyên Nho ( được gọi là Khổng giáo ) được Đức Khổng Tử cũng thuật lại từ nền Văn hoá Phương Nam tức là chủng Việt.

Số là các nhà cầm quyền Tàu là Dân Du mục từ Tây Bắc tràn qua vùng trung nguyên bên Tàu thôn tính các chủng Việt, thâu tóm hết mọi thứ từ Dân số, đến Đất đai, các phát minh và nhất là Văn hoá, họ là Dân Du mục suốt đời ngồi trên lưng ngựa, suốt ngày lang thang trên các đồng cỏ chăn nuôi súc vật, làm gì có thì giờ để có Văn mà Hóa. Thủy Tổ Hoàng Đế của Tàu lập nên nước Tàu sau Họ Hồng Bàng 182 năm.,thề mà Trung cộng cứ kêu gọi Việt Cộng đem Dân tộc Việt Nam trở về với Gốc Tò Hoàng Đế, cả vùng Biển Đông mệnh mông cũng thuộc về Thiên triều tự ngàn xưa, không ai có thể tranh cãi ! ?

Có một điều chúng ta cần nhận rõ là 70% dân Tàu đều thuộc đại chủng Việt sống bằng Nông nghiệp ở Nông thôn gồm hai lớp Sĩ Nông, còn Công thương tại thành thị thì thuộc Hoa Hán, do đó mà đa số dân Trung hoa là Anh em của dân tộc chúng ta, họ cũng đóng góp nhiều cho Nho giáo, chúng tôi không nói Tàu không có Nho, mà khẳng định Hán Nho của Tàu là mớ hổ lốn giữa Vương đạo của chủng Việt và Bá đạo của Đại Hán.

( Xin xem cuốn Dịch Tàu, Dịch Việt, Văn hoá Việt, Văn hoá Tàu trên vietnamvanhien.net của Việt Nhân )

Đây là công trình dài hơi và rất phức tạp, T. G. Kim Định đã miệt mài khai quật lên khỏi lớp bụi Thời - Không trong 50 năm, còn chúng tôi cũng đã học tập viết lách trong 25 năm,



**nhưng một số ít ỏi con én không sao kéo nổi lại mùa Xuân, nên không thể hoàn thành được Bộ sách Dân tộc gồm 4 pho: Kinh, Triết, Sử, Văn như Triết gia hằng mong ước.**

**Hy vọng những anh em lớp sau có đủ tài năng và nhiệt huyết tiếp tục gắng công bắt tay vào công trình “ Bách niên chi kế mạc ư chúng Nhân “ cực kỳ khó khăn, và rất quan trọng cho Quốc gia Dân tộc này .**

**Hy vọng thay!**

## CHƯƠNG HAI

---

### LỄ GIỖ QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG LẦN THỨ 4897

#### I.- Mở đầu

**“ Con Người có Tổ có Tông.**

**Cái Cây có Cội, con Sông có Nguồn**

**Cây có cội thì Ngọn ngành xanh tốt**

**Sông có Nguồn thì Bể rộng Sông sâu**

**Con Người nguồn gốc từ đâu ?**

**Tổ Tiên có trước, rồi sau có mình.**

**( Ca dao )**

Nước Việt Nam đã được Quốc Tổ Hùng Vương xây dựng 4897 năm ( 2018 ) , tuy đã trải qua nhiều đợt thăng trầm, tuy ở cạnh một kẻ thù khổng lồ, khi nào cũng rắp tâm nuốt chửng Việt Nam, nhưng nhờ Hùng khí của Tổ Tiên mà Dân tộc Việt Nam vẫn tồn tại cho đến ngày nay.

Năm nào chúng ta cũng Tổ chức Lễ Giỗ Quốc Tổ, thiết tưởng chúng ta cần ôn Cố tri Tân :

**Ôn cố để làm sống động lại Tinh thần dựng nước: Nhân / Trí, Hùng / Dũng của Quốc Tổ.**

**Tri Tân để hâm nóng lại Tình / Nghĩa Đồng bào, cùng nhau kết thành một Khối để giúp nhau sinh tồn và phát triển.**

**Nếu chúng ta chỉ làm Lễ Giỗ Tổ với Hình thức hoành tráng mua vui mà quên làm mới lại Nội dung Tinh thần Dân tộc thì chỉ là bày trò Hình thức vô bổ, còn những ai phủ nhận Gốc Tổ thì không biết họ có còn là Đồng bào của chúng ta nữa không ?**

#### II.- Kinh Tiên / Rông



Image by other

## **Một Bọc Trăm Con**

**Gái / Trai, Núi / Sông**

**Ta có thể tóm tắt Tinh thần lập Quốc của Dân tộc Việt Nam vào mấy câu sau:**

**“ Giống dân Việt khởi nguồn từ khi một Bà Tiên và một Ông Rồng phối hiệp nhau và bà Tiên sinh ra cái bọc 100 trứng nở ra 100 người Con. Sau đó ông Rồng nói với bà Tiên: Ta là giống Rồng, nàng thuộc dòng Tiên, “ do Âm / Dương xung khắc, Thủy / Hỏa bất đồng “, không ở với nhau lâu dài được, nên nàng đem 50 con lên Núi, ta đem 50 con xuống Biển. Khi cần thì gọi, ta về ngay “và hẹn gặp nhau ở cánh đồng Tương “ Từ đó dòng giống Việt ngày một phát triển.”**

*( Nam Thiên : Kinh Việt, Hoa Tiên Rồng, trang 21 )*

*( Chữ tiên do người Trích xin đem vào )*

**Mẹ Cha chia tay, đúng hơn là Phân cực để phát triển Bản sắc riêng :**

**Mẹ lên Non tu Nhân, Cha xuống Biển luyện Trí, nhưng vẫn hẹn hò gặp nhau trên cánh đồng Tương để cho “ Tình / Lý tương tham “ hầu đạt đức Hùng / Dũng. Nhờ đạt Đức Hùng / Dũng mà sống với nhau được : “ Thuận Vợ thuận Chồng tát Bể Đông cũng cạn “.**

**Gia đình phải là Tổ ấm thì Vợ Chồng và con cái mới được sống hạnh phúc, Gia đình phải là “ cái Nôi ươm Tình luyện Trí “ cho con cái thành Gái đảm Trai hùng, có thể Gia đình**

mới là nên tảng an bình cho Xã hội, do đó mà Gia đình được tôn lên làm “Đại Đạo Âm / Dương hòa “

### III- Khai triển

#### 1.- Tiên / Rồng: Vật biểu kép của Việt Nam

Bất cứ nước nào trên thế giới đều cũng chọn cho nước mình một vật Tổ rồi thăng hoa làm Vật biểu: Pháp chọn Gà cồ, Đức chọn Gấu, Mỹ chim Ưng, Tàu đời Hiên Viên là chim Cú, đến Bạch mã của Nhà Thương , sau đó nhà Hán mới chọn Rồng theo Việt. Trên thế giới chỉ có Việt Nam mới chọn hai Vật biểu : Tiên và Rồng. Tiên / Rồng chính là cặp đối cực của Việt Dịch,

Ban đầu thì chọn Vật Tổ Chim và Rắn rồi Cá sấu . Về Chim thì lúc thờ Mặt Trời là chim Trĩ - dương điệu - rồi đến chim Hồng được đặt tên cho họ Hồng Bàng, rồi chim Vũ tiên là vật trời, được đặt làm tên cho vợ Lộc Tục, Lộ bàn là Cò trắng, rồi Hải Âu được đặt tên cho Mẹ Âu Cơ, có khi còn chim Thiên nga nữa. Chim được thăng hoa thành Vật biểu Tiên. Các loại chim về sau là loài Lương kê, có thể sống trên đất và ngay cả dưới nước nữa, để có thể liên lạc với Rồng, hầu giữ vững mối tương quan với Rồng.

Còn vật Tổ thứ hai trước hết là Rắn ( Xà long ), rồi đến Cá sấu ( Giao long ), là loại vật sống dũng mãnh, sống dai dẳng nhất và khôn ngoan, sau 2 loại Giao Long và Xà Long giao thoa với nhau mà thăng hoa thành Vật biểu Rồng, Giao long có 4 chân, Xà long mình dài, nên Rồng mới có mình dài và 4 chân.

Rồng là vật tượng trưng có thể sống sâu tận dưới đáy biển, mà cũng có thể tung lên không trung làm mưa làm gió, cũng là vật Lương kê, nên vẫn giữ được mối tương quan với Chim Tiên. Vì được thăng hoa lên, nên Tiên và Rồng không phải là hai vật có thực, mà chỉ là Vật tiêu biểu thôi, được gọi là Vật biểu. Tiên / Rồng là cặp đối cực nền tảng của Dịch lý Việt.

“ Tiên là hình ảnh của một nàng Tiên ở trên núi cao, xinh đẹp vô ngần, dịu hiền tuyệt đỉnh, khoan nhân vô lượng, từ ái vô song, siêu phàm thoát tục.

Rồng là loài sống ngoài biển khơi, khi thì tung mình lên trời cao làm mây mưa gió bão, khi thì ẩn sâu dưới đáy biển, ẩn nấp chờ thời cơ, nên Rồng tượng trưng cho sự dũng mãnh vô song, sự ẩn nấp khôn tả, sự biến hoá khôn lường “

( Nam Thiên: Kinh Tiên Rồng )

Tổ tiên chúng ta nhận Tiên / Rồng làm Vật biểu để nhắc nhở cho cháu con, rằng dân Việt là nòi của Trai hùng / Gái đảm: hùng / dũng, quyền biến như Rồng, và đảm đang và cao đẹp như Tiên.

Có lẽ, qua những chặng đường lịch sử đấu tranh để tồn tại đã đem lại cho Cha ông những tư tưởng siêu phàm đó. Do đó mà có tên Việt: Việt nghĩa là siêu việt, là vươn lên, những giá trị cao đẹp, lúc này chữ Việt còn viết với bộ mẽ ( 粵 ), ( Dân trồng lúa nước ) đến sau vì bị lấn chiếm, không chống cự nổi, nên đổi chữ Việt viết theo bộ tẩu, nghĩa là chạy, là vượt thoát, thiên di về Nam.

Ông Lê văn Ân nhà khảo cổ học ở Úc nhận ra rằng chữ Việt viết với bộ tẩu ( chạy ) là hình ảnh của người cầm cái Qua trong lúc chống giặc ( can qua ). Qua là cái dáo dài có câu móc, Tổ tiên người Việt xưa dùng để đánh nhau với quân Du mục Tàu ngồi trên mình ngựa, họ vừa chạy vừa đánh, dùng mũi nhọn để đâm, dùng móc để móc quân thù trên lưng ngựa xuống, nên chữ Việt gồm có bộ Tẩu và Qua. ( 越 : Việt = 走 : tẩu + 戌: qua )

## 2.- Gương sống Mẹ Tiên Âu Cơ và Cha Rồng Lạc Long

Mẹ Tiên Âu Cơ khi nào cũng được đề trước Rồng, vì được coi là trọng thể hơn, hình ảnh Tiên của Mẹ được đặt nặng hơn, nên nguyên lý Mẹ được coi trọng, Tình yêu của người Mẹ rất bao la, nên đây là một xã hội được coi trọng Tình hơn Lý.

Mẹ Âu Cơ là Chim, nên đẻ ra một bọc trứng lớn, để bọc giống như Chim, nhưng khác là Bọc trứng chứa những 100 trăm trứng nhỏ, được nở ra trăm con ( có nơi ghi là 100 trai: có lẽ để nhấn mạnh là vào thời kỳ chuyển sang phụ hệ ) Thời Âu Cơ, Lạc Long Quân là thời xã hội sơ nguyên của dòng Việt,

Tiên Rồng là giống cao trọng, nên muốn xã hội của con cháu mình về sau cũng xử sự với nhau một cách tốt đẹp như thế. 100 con đây không phải là con số toán học, một lượng số nhất định, mà chỉ có ý là nhiều, như là trăm họ, như hình Đồ - Thư hợp nhất chứng tỏ .  
Lời nhắn nhủ là:

Trong xã hội, tuy có sự khác biệt, nhưng con cháu đã được cha mẹ ấp ủ trong cùng một Bọc ái ân, nên luôn ghi nhớ nhau là Đồng bào.

### Các con hãy Yêu thương nhau tận Tình.

Khi nở ra mọi con đều giống nhau y hệt, và lúc chia con cũng cho một nửa theo Mẹ, nửa kia theo Cha, nên hết sức công bằng. Đó là lời căn dặn con cháu ngàn đời về sau rằng:

### Các con hãy cư xử Bình đẳng và Công bằng với nhau.

Vì Mẹ Tiên yếu đuối hơn, được cha Rồng ưu ái nâng đỡ, nghĩa là phù yếu, để cho cuộc sống Mẹ Cha được cân bằng, các con cũng cư xử với anh chị em như vậy. Tuy Nam Nữ bình quyền, nhưng người nữ liễu yếu đào tơ, nên cần được nâng đỡ hơn.

Các con của Âu Cơ và Lạc Long được sinh ra trong một cái Bọc kỳ dị , khi sinh ra “ bị vát ra ngoài đồng, khi nở ra không phải cho ăn, cho bú, mà tự nhiên trưởng đại, trí dũng song toàn ”.

**Đây chính là con cháu của nòi Bàn Cổ rồi, đó là những con người Nhân chủ, luôn biết tư Chủ, tư Lực tư Cường để vượt qua mọi khó khăn, biết sống hiên ngang giữa Trời Đất.**

Mẹ Tiên thuộc Âm, cha Rồng thuộc Dương, Phương / Viên bất đồng, Thủy / Hoả tương khắc, hai bản chất trái ngược nhau, nên khó hoà hợp với nhau, đành phải chia tay để làm tròn chức phận riêng của mình : 50 con theo Mẹ lên Núi là môi trường phát triển Nguồn Tình bao la của Mẹ, mọi người phải phát triển hết Bản sắc của mình để mà xây Nhà dựng Nước, làm cho Đất nước lớn mạnh, Dân tộc hùng cường . Nho giáo gọi đây là hoạt động “ **Cao minh phối Thiên** “ để thăng hoa đời sống Tình cảm.

Cũng vậy, 50 con theo cha xuống Biển, Biển là môi trường vẫy vùng thuận lợi của Cha, cũng có nghĩa là vùng đồng bằng, là miền xuôi, hay miền hải đảo, để phát triển Lý trí sâu thẳm như lòng đại dương chứ không phải người cha bỏ đi xuống biển mất tích, mà để cho Lý được Chu tri, hầu tránh cảnh triết lý Sờ voi mà chia rẽ nhau. Đây Nho giáo gọi là hoạt động “ **Bác hậu phối Địa** “. để kinh biến trưởng Trí

Trước khi chia tay, Lạc Long đã căn dặn : “dù lên Núi xuống Nước, nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau “, và dặn nhau khi Âu Cơ gọi thì Long Quân đột nhiên xuất hiện gặp Mẹ Con ở Tương Dã. mà ta gọi là cánh đồng Tương. Tuy kể lên Non, người xuống Biển, nhưng phải gặp nhau để tương giao để làm sao cho hành trình **Phối Thiên / Phối Địa được Lương nhất** hầu cho **Tình / Lý tương tham**, Tình / Lý là nghịch số, nên khi sống với nhau, Tinh thần hai bên phải vươn lên khỏi sự giới hạn của mình để hòa nhập với tiêu chuẩn Dịch lý mới giao hòa với nhau, có thăng hoa vượt lên chính mình thì mới Hòa với nhau được, nhờ đó mà mọi con người mới được phát triển toàn diện.

Mẹ Âu Cơ chú tâm Hướng Nội vào nguồn Tâm linh là nguồn **Tình Nhân ái**, Cha Lạc Long Quân lại Hướng Ngoại về Thế sự là nguồn của **Lý Công chính**, do đó mới có câu: Nữ Nội, Nam Ngoại, đàn Bà là Nội Tướng, Đàn Ông là Ngoại Vương, có hợp Nội / Ngoại chi Đạo được thì Gia đạo mới thành.

Xin đừng lầm tưởng sự chia tay giữa Âu Cơ và Lạc Long là sự Ly dị, mà một sự phân công trách nhiệm, một sự sắp xếp để làm phát triển Bản sắc riêng của mỗi Phái, để khi sống với nhau giúp nhau sống sao cho “ Tình / Lý tương tham “ thì mọi con người mới được phát triển toàn diện, do đó Rồng / Tiên căn dặn nhau sẽ gặp gỡ lại lúc chia tay là để giữ cho mối

Tương quan giữa cá nhân và xã hội được bền chặt và cân bằng, hầu mọi sự được vuông tròn .

“ Trăm năm tính cuộc Vuông / Tròn,  
Phải dò cho đến ngọn Nguồn ( Núi ) / lạch Sông ( Biển ) “

**Ngọn nguồn: Lãnh vực hoạt động của Tiên, lạch Sông: Lãnh vực hoạt động của Rồng.**

“Ai về nhẩn với nẫu ( 1 ) Nguồn,  
Măng le ( 2 ) gói Xuống, Cá chuồn ( 3 ) gói Lên ”

( 1 ). Nẫu hay Nậu : là họ, kẻ, những kẻ. Nẫu nguồn là những kẻ sống trên nguồn của suối, tức là trên Núi, quê hương của Mẹ Tiên. ( 2 ). Măng le : loại măng vôi, nhỏ. Măng le là loại măng mọc ở trên nguồn, trên rừng, là thực phẩm Mẹ Tiên hay dùng.

( 3 ). Cá chuồn là loại cá ngoài biển, cá sống từng đàn, bay được,có khi bay vào thuyền đánh cá làm chìm thuyền luôn. Cá chuồn là sản phẩm nơi cha Rồng. Măng le nấu với cá Chuồn là thức ăn bình dân của dân Việt, chắc là hai thứ nấu chung thành món kho ngon. Bao giờ Mẹ Tiên cũng tìm cách dùng miếng trầu đưa duyên mời cha Rồng trước, để dịu nhau về cánh đồng Tương, sự chia tay lên non xuống biển không là sự ly dị.

Măng gói Xuống, Cá Chuồn đem Lên giúp cho sự Lên / Xuống giao thoa hầu giúp Tiên / Rồng giữ được mối Liên hệ Vợ / Chồng khăng khít với nhau.

### 3.- Những bài học của Mẹ Tiên / Cha Rồng

Là con dân một nước, chúng ta phải coi nhau như Anh Em ruột thịt, hãy yêu thương nhau, giúp đỡ nhau hết lòng trong mọi nơi và mọi lúc. Con dân trong một nước không kể người khôn, kẻ tối, kẻ giàu người nghèo, không kể sang hèn, thứ bậc, tuổi tác . . . , hãy luôn luôn đối xử bình đẳng và công bằng với nhau.

Nhớ phù yêu, nghĩa là phải nâng đỡ người Nữ, và trong lối ăn ở phải coi trọng Tình hơn Lý, “ tuy ngoài là Lý nhưng trong là Tình “. Mọi người mọi giới phải tìm cách phát triển hết Bản sắc của mình để xây dựng con người Trai hùng Gái đảm, một gia đình thuận Vợ thuận Chồng, một xã hội bình đẳng và tương thân tương ái, trong Ấm ngoài Êm.

Phải nhận biết những xung khắc của những thực thể đối kháng trong con người và cuộc đời là điều kiện cần để Tương dung nhau, có Tương dung mới thăng hoa được cuộc sống đôi bên và để giữ cho mối Tương quan được cân bằng, hầu tránh cảnh phân hoá, chứ không là loại trừ đấu đá nhau.

#### 4.- Những áp dụng trong thực tế của cuộc sống

Con dân trong một nước, có Cội nguồn từ bọc Âu Cơ Tổ mẫu, nên phải yêu thương, nâng đỡ nhau. Gọi nhau là Đồng bào (được sinh ra cùng trong cùng một bọc ) để nhắc nhở bài học yêu thương nhau. Hai tiếng Đồng bào đã nằm trên cửa miệng của con dân Việt ít nhất là gần 5.000 năm . Không những bà con mới được gọi bằng những tiếng thân tình như Dì / Dượng, Cô / Chú, Cô / Bác . . . , mà bất cứ ai là người Việt, hễ tuổi ngang hay hơn vai Cha mình thì gọi bằng Bác, dưới hơn thì gọi bằng Chú, người nào cùng lứa với Mẹ mình thì gọi là Cô hay Dì, người nào vào lứa con cháu mình thì được gọi là con là cháu. Trong xã hội Việt Nam, mọi người đều được đối xử với nhau như là bà con thân thuộc.

Ngày nay đang có khuynh hướng gọi nhau là Đồng hương, mỗi người chúng ta nên tự vấn tại sao? Có phải đã ăn ở tệ với nhau quá, nên nhìn mặt nhau không đang, mới gọi nhau bằng Đồng bào không dặng!

Từ cặp đôi Âm / Dương, Tiên / Rồng, Dân tộc ta thường nói theo nhịp đôi, và coi trọng Nguyên lý Mẹ, nên luôn luôn nói : Tiên / Rồng, Vợ / Chồng, Mẹ /Cha, Cô / Chú, Dì / Dượng, Tâm / Vật , Tình / Lý, Trên / Dưới, Trong / Ngoài, Trước / Sau, Thời gian / Không gian, Học / Hành, Sống / Chết . . . . Và từ đó mới tìm phương cách làm cân bằng hai thực thể trái ngược đó, hầu thăng hoa cuộc sống, đây là nguồn gốc từ Âm / Dương, Thái Cực. Khi sống là phải lập cho được Thế quân bình giữa hai thực thể đối nghịch, gọi là thế lưỡng hợp mới đạt trạng thái Hòa. Hoà là nguồn Hạnh phúc của con Người , Sống được Hoà như thế mới đạt Minh Triết,

#### 5.- Ca dao, Tục ngữ được gọi hứng từ Tinh thần Dịch lý

Ca dao tục ngữ là kho Minh triết của Tổ tiên để dạy dỗ mọi con cháu về cung cách làm Người để xứng với bậc con Rồng Cháu Tiên để thành những Trai Hùng Gái Đằm. Mặt khác Ca dao Tục ngữ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn Văn hoá để chống lại với chính sách “ đốt, tịch thu sách, chôn Nho” để tiêu diệt Văn hoá nước nhà của Tàu, hầu cho dễ bề đồng hoá, thôn tính. Những tư tưởng trên được thể hiện trong nhiều lãnh vực, nhất là trong thi ca bình dân như tục ngữ, ca dao của Tổ tiên.

Xin trích ra đây một số câu Tục ngữ, Ca dao để chúng ta thấy rõ được mối Liên hệ thân thương, khăng khít giữa Đồng bào với nhau:

*Anh / Em như thể Tay / Chân*

*Lá lành đùm Lá rách*



**Chị ngã, Em nâng**

**Máu chảy Ruột mềm**

**Tay đứt Ruột xót**

**Môi hở Răng lạnh**

**Một con ngựa đau, cả Tàu bỏ cỏ.**

**Nhiều điều phủ lấy Giá gương,  
Người trong một nước, phải thương nhau cùng .**

**Bầu ơi thương lấy Bí cùng,  
Tuy rằng khác Giống nhưng chung một Dàn .**

**Anh em cốt nhục Đồng bào,  
Nữ Tâm sao lại hại nhau cho đành.**

**Đã chung huyết thống da vàng,  
Xin đừng thêm chuyện tương tàn hôm nay,  
Đã chung Bọc trứng trăm đây,  
Xin đừng vẽ chuyện cho Đây Đó buồn.**

**Khôn ngoan đá đáp người ngoài,**

Gà cùng *một mẹ* chớ hoài đá nhau.

Này em mắt thắm môi hường,  
Quê mình thế đó, đoạn trường không em?  
Đừng vì *chấn nệm ẩm êm*,  
Mà quên : “ *Máu chảy ruột mềm* ” đấy nhe!

*Một hòn chẳng đắp nên non,*  
*Ba hòn chụm lại nên hòn núi cao.*

*Một cây làm chẳng nên non,*  
*Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*

Muốn cho có *Đó*, có *Đây*,  
*Sơn lâm há dễ một cây nên rừng!*

*Một cái nóc gánh trăm cái rui,*  
*Trăm cái rui đè một cái nóc.*

Ở cho phải phải *phân phân*,  
*Cây đa cậy thần, thần cậy cây đa.*

Lỗi lầm, anh vẫn là *Anh*,  
Nòi da xáo thịt sao đành hờ *Em*?

**6.- Bài hát vui về Tiến trình Sinh hoạt Lập quốc**  
( Không rõ tên tác giả , có lẽ là nhạc của Phong trào Du ca ? )

**Một mẹ trăm Con**

**Anh Em ta, cùng Mẹ Cha,  
Như truyện cũ trong tích xưa,  
Khi thế gian còn mù mờ ( bis )**

**Nhớ khi xưa, Mẹ đẻ ra,  
Trăm cái trứng, nở trăm Con,  
Trăm đũa Con, cùng một Dông ( bis )**

**Năm mươi Con vượt đôi Non,  
Phá rừng núi, khai rẫy nương,  
Xây đắp Buôn, làm Nhà sàn ( bis )**

**Năm mươi Con, dọc Trường Sơn,  
Đi xứ Bắc, đi xứ Nam,  
Xây Núi Sông, lập ruộng đồng ( bis )**

**Hôm nay đây, Rồng gặp Mây,  
Đá gặp Núi, ta tới đây,  
Tay nắm Tay, Minh gặp Minh ( bis )**

**Vui ca lên ! Thượng và Kinh,**

Người trong nước, Anh với Em,  
Em với Anh, cùng Họ hàng ( bis )  
Khua Chiêng lên, đập Công lên,  
Tiếng Công đánh qua mái tranh,  
Qua Lũy tre vào Rừng già ( bis )

Cho con Hươu, Khỉ già nua,  
Cho Ma quái, cho lũ Nai,  
Ngơ ngác say vì nhạc Công ( bis )

#### 7.- Tiên / Rồng là Biểu tượng Dịch lý về Vũ trụ và Nhân sinh

Lời kể rằng : Trong thời đại hoàng kim, Cha ông chúng ta đã sống an bình qua mấy ngàn năm là có thể tin được.

Ngoài ra, qua Biểu tượng Tiên Rồng ta cần lưu ý tới các ý tưởng sau:

a.- Tiên / Rồng là cặp đối cực như Vợ / Chồng, Âm / Dương, cả hai là gốc của Kinh Dịch. Đây là nguồn sinh sinh hóa hóa của Vũ trụ. Đây là Dịch lý Việt được đã được đem vào đời sống qua nhiều lãnh vực, mà không tìm thấy nhiều ở Tàu.

b.- Khi để Tiên trước Rồng, Vợ trước Chồng là theo triết lý Tả nhậm tức là triết lý thuận Thiên, và Nguyên lý Mẹ tức là phù Yếu, trọng Nữ, tức trọng Tình hơn Lý.

Quốc gia Việt Nam ta xưa được xây đắp trên Nền tảng Nguyên lý Mẹ đó.

#### IV.- Kết luận

Huyền thoại Tiên / Rồng căn dặn cháu con những điểm chính sau:

##### 1.- Con Dân trong Nước đều là Anh Em Đồng bào

Con dân trong một nước phải coi nhau như Anh Em, phải yêu thương và đùm bọc lấy nhau theo Tình / Nghĩa Đồng bào. Đây là lòng Nhân ái: lối Ăn Ở chí Tình.

## **2.- Đồng bào ăn ở với nhau theo tiêu chuẩn Công chính**

Dầu hoàn cảnh và vị thế có khác nhau, nhưng con dân trong một nước phải lấy lẽ Công bằng làm tiêu chuẩn sống . Đây là lẽ Bình đẳng, lý Công chính, lối sinh hoạt Chí công . Nhân quyền và Bình đẳng mà nhân dân ta đã có từ đây!

## **3.- Mọi con Dân dân phải được phát triển toàn diện**

### **để làm tròn Trách nhiệm và Quyền lợi chung**

Mọi con dân phải làm phát triển hết Tài năng và Đức độ của mình để xây dựng con Người, Gia đình và Xã hội ( theo Tiêu chuẩn: Mẹ non Nhân, Cha nước Trí , Con Hùng / Dũng ). Đây là trách nhiệm và quyền lợi chung.

## **4.- Con Rồng Cháu Tiên là nòi cao quý**

Tiên Rồng là nòi cao quý, con cháu phải ăn ở làm sao đừng để hoen ố dòng máu Hùng / Dũng của Tổ tiên. Đây là Danh dự chung.

Có “ ăn ở chí Tình ” và “ đối xử với nhau chí Công ”, thì đời sống cá nhân mới được cân bằng, gia đình được hoà thuận, và xã hội được an vui .

## **5.- Tư cách và khả năng của con Rồng Cháu Tiên**

“ Là Con Rồng thì không thể là con Người yếu hèn bạc nhược:

Yếu hèn là khi Nhân loại dơ quá đấm lên làm luật, lấy miếng ăn làm lẽ sống duy nhất, lấy đấu tranh đâm chém làm vinh quang của mình, nhưng những thứ này chuyên tạo ra bất công, gây khổ đau cho con Người và làm rối loạn xã hội.

Là Cháu Tiên thì phải nhân hậu cao cả:

Cao cả là khi biết lấy Đạo lý Nhân sinh làm luật, lấy Nhân ái làm cách xử thế, lấy Tinh thần làm trọng, và khi đó con đường Tâm linh trở nên một đường lối tối ưu quan trọng đi tới lòng Nhân ái là Gốc của con Người ”

( Những dị biệt giữa hai nền Triết lý Đông Tây . . . . Kim Định )

## **6.- Danh dự và Quyền lợi của mỗi con Dân Việt**

Vì danh dự và quyền lợi chung, mọi người phải đem hết khả năng và công sức mà xây dựng Cá nhân, Gia đình và Xã hội để tất cả đều được thăng tiến cùng một trật.

## **7.- Nguyên nhân thành công và thất bại của mỗi con người**

Những cảnh bất công, chèn ép, bóc lột, tham nhũng, tàn sát nhau trong xã hội đã được tiêu diệt tận gốc từ đây. Những tệ trạng trên chỉ xuất hiện khi con cháu từ bỏ nếp sống thân thương và công bằng đó! .

### **8.- Nguyên nhân rối loạn Xã hội**

Chỉ vì bỏ lối sống tốt đẹp đó ( Tình / Nghĩa Đồng bào ) mới dọn đường cho giai cấp đấu tranh, cho việc anh em Đồng bào tàn sát lẫn nhau!

Cầu xin Hồn Thiêng Sông ( Nghĩa ) Núi ( Nhân ) sáng soi và độ trì cho mỗi con dân Việt Nam biết yêu thương nhau, hết lòng và hành xử công bằng để sống Hoà với nhau, được thế, thì mọi công cuộc xây dựng con Người, Gia đình và Xã hội mới hanh thông được.

### **9.-Lời nhắn nhủ chung**

Ngày Giỗ Quốc Tổ đã gần kề, xin được nhắc nhở nhau:

“ Ai Lên Phú Thọ thì lên  
Lên non cổ tích, lên Đền Hùng Vương  
Đền này thờ Tổ Nam phương “

“ Dù ai đi Ngược về Xuôi  
Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba  
( Ca dao )

*Vua Hùng Dựng Nước Xây Nhà  
Trên nền: Hùng / Dũng cùng là Trí / Nhân  
Đó là nguồn mạch Hợp quần  
Chớ lia Gốc Tổ, đừng gàn gửi nhau!  
Gàn nhau Dựng Nước Xây Nhà  
Chia ly phá đổ tòa Nhà Tổ tiên!  
Ai ơi! Xin Nhớ chớ Quên  
Yêu nhau, ở lại xây nền Nhà Nam  
Nếu mê lối sống Cường Tham*

*Thì Bắc phương đó, đội làm Quê hương.*

*Với sức đôi mới đang dâng trào khắp Vũ trụ trong mùa Xuân, cầu xin Hồn Thiêng Sông Núi soi sáng và độ trì cho mọi con dân Việt Nam một lần nữa, dầu có là Lý, Lê, Trần, Nguyễn, . . . vẫn nhận ra nhau là Anh Em, hâm nóng lại Tình / Nghĩa Đồng bào cùng chung Lòng, sẻ Trí và góp Sức để vươn lên vực dậy khỏi tình trạng phân hóa ngày nay để Xây Nhà dựng Nước, hầu thoát khỏi nguy cơ Hán hoá gần kề .*

**Trân trọng,**

**Hy vọng thay !**

## CHƯƠNG BA

( Trích trong cuốn : *Khi Đông Tây Giao Hội của Việt Nhân* )

### Lời thưa

*Trong những chương sau, chúng tôi đề cập tới Nho giáo và Chữ Nho, chứ không có Chữ Hán nào hết, mà Nho được kết tinh từ nền Văn hoá Hoà Bình. Nguồn gốc Nho giáo thì chúng ta đã kiện chứng là của Việt tộc, trong đó Việt Nam là nơi được ký thác nhiều hơn hết.*

*Tuy bị vùi sâu suốt hàng hàng trăm ngàn thế kỷ, nhưng Triết Gia Kim Định đã khai quật lên Việt Nho và Triết ký An mà Dịch lý là nét Nhất quán, Việt Nho có Cơ cấu và Nội dung với Vũ trụ quan, Nhân sinh quan và Đạt quan cùng Phương cách đem Đạo lý vào Đời , tất cả được kết thành Hệ thống có Mối Liên hệ Cơ thể chặt chẽ.*

*Thiển nghĩ Nội dung nào thì Hình thức đó, nên khi đã sáng tạo ra được Nội dung phong phú tất cũng phải có khả năng tạo ra Văn tự tương xứng để ghi lại Nội dung. Chữ Nho có cấu tạo bằng tượng Hình, tượng Ý, tượng Thanh . . . là một Linh ngữ Linh tự, giúp diễn đạt những vấn đề về Tâm linh một cách tài tình, mà các Văn tự khác khó có thể sánh bằng , nên xin đừng nghi ngại, lờ đi mà bỏ qua.*

*Vấn đề Chữ Nôm, Chữ Giap cốt và chữ Nho tuy đã được Ông Nhạn Nam Phi khởi công, nhưng cần được nghiên cứu sâu rộng thêm.*

### VŨ TRỤ QUAN VIỆT NHO: VŨ TRỤ QUAN ĐỘNG

*Tổ Tiên của đại chúng Việt làm nghề Nông, chuyên quan chiêm thời tiết, để hiểu rõ tứ thời bát tiết hầu gieo trồng cho mùa màng được tốt tươi ( Hoà cốc phong đăng ), nhờ đó mà ngộ ra sự biến hoá không ngừng theo Chu kỳ trong Vũ trụ, sự biến hoá bất biến đó được gọi là Dịch lý.*

*Nếu không có các cặp đối cực như Gái / Trai. Mái / Trống, Cái / Đực, Nhụy Cái / nhụy Đực cùng muôn loài với Bản chất Vật chất và Năng lượng thì Quả Đất của chúng ta chỉ là bãi sa mạc mênh mông, trên đó không có dấu vết nào về sự biến hoá của các sinh vật, tức là nguồn Sống, vì vậy cho nên những cặp đối cực trong Vũ trụ được gọi là “ nguồn Sinh Sinh Hóa Hóa của Vũ trụ “.*

*Có 3 luật lớn trong Vũ trụ:Luật Biến động ( Dịch lý ) , Luật Loại tự và Luật Giá sắc.*

*Dịch lý vận hành trong Vũ trụ cũng gọi là Thiên tắc có tính chất sau:*

#### 1.- “ Muôn vật trên đời biến động không một vật nào nghỉ ngơi.

*Sự biến động theo vòng tròn gọi là Tuần hoàn. Chính sự động tuần hoàn này làm nên sự vật, vậy mọi sự vật chẳng qua là những hình thái động xoay ốc khác nhau. Bỏ sự động đi thì trên Trời dưới Đất không còn gì nữa cả, không có vật nào thoát khỏi luật này.*



## 2.- Mọi vật có là trong dạng thức Động.

Những hình thức đó quy định sự mau chậm của sự Động, những động vật hiện ra hình tích khả giác là những vật “động chậm “ lên giác quan “ Thấy “. Giác quan cũng có một tiết nhịp với chúng, nên tưởng là im lìm, kỳ thực là chúng biến động không ngừng nghỉ, vật động chậm thì càng cứng chắc, càng động mau thì nhẹ xốp, cây sắt được phóng đi với tốc độ ánh sáng thì sẽ trở thành ánh sáng.” ( Ba luật lớn trong Vũ trụ. Kim Định )

### I.-DỊCH LÝ

Dịch lý là là Luật **Biến hóa bất biến trong Vũ trụ**, Nho giáo có chữ Dịch gồm hai chữ Nhật ( 日 ) và chữ Nguyệt ( 月 ). Nhật là mặt Trời, Nguyệt là mặt Trăng, có lẽ để cho chữ Dịch có vẻ mỹ quan hơn, nên được viết chữ Nhật ở trên chữ Nguyệt ở dưới ( chữ Nguyệt được viết cách biến thể ) như sau: 易.

Đây là hai vầng Nhật / Nguyệt ( Ngày / Đêm, Sáng/ Tối. . ) là **cặp đối cực chủ chốt điều hành cuộc biến hoá của Thời tiết trong Thái Dương hệ**, nhờ đó mà các cặp đối cực Gái / Trai, Cái / Đực, Mái / Trống, Nhụy cái / Nhụy đực kết thành cặp Lưỡng nhất làm thành **nguồn sinh sinh hóa hoá trong Vũ trụ**. Nếu không có các cặp đối cực đó thì Thái Dương hệ chỉ là khối “ Hồn mang hoang sơ “ bất động.

Nho giáo đã dùng câu “ **Âm Dương tương thôi** “ để hình dung cách “ tương tranh tương hợp “ của cặp đối cực, nghĩa là cặp đối cực Âm Dương cùng xô đẩy, nứu kéo nhau, khi hai lực nứu kéo xô đẩy nhau không quá cách biệt, khiến bất phân thắng bại, hai bên cứ kéo xô bên này rồi lại dịch qua bên kia, khi tới điểm ngừng lại bên này rồi đổi chiều ngừng lại bên kia, đó là trạng thái Quân bình tạm thời. Những điểm ngừng lại là trạng thái Hoà tạm thời được gọi là trạng thái Quân bình động. ( Check and balance )

Khi Âm Dương đạt trạng thái Quân bình động được gọi là “ Âm Dương hoà “. **Quân bình động** đem lại sự **Tiến bộ không ngừng trong trạng thái Ổn định tạm thời**.

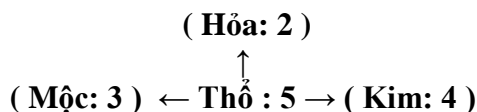
### II.- GIẢI THÍCH DỊCH LÝ

#### 1.- Theo cách Thông Thường

Chúng ta có thể lấy ví dụ sự kéo dây của hai phe để dễ hiểu hơn. Khi sức kéo của hai bên không quá cách biệt thì hai bên cứ dằng co nhau, nếu lấy trung điểm của dây kéo làm chuẩn thì trung điểm của cái dây khi xích bên này rồi xô bên kia, mỗi điểm dừng lại là trạng thái Hoà tạm thời tức là trạng thái Quân bình. Khi Quân bình ở vị trí này, khi thì lại ở vị trí kia và cứ liên tiếp như thế được gọi là trạng thái Quân bình động tức từ trạng thái “**Âm Dương tương thôi** “ đạt tới trạng thái “**Âm Dương hoà** “. Hiệu quả của “ Âm Dương tương thôi “ là tạo ra sự **Tiến hóa ở trạng thái Ổn định** được gọi chung là trạng thái Quân bình động hay Âm Dương hoà.

#### 2.-Theo Ngũ hành

Nền tảng của Nho là Ngũ hành với Đồ hình và Số độ:



↓  
( Thủy : 1 )

Đồ hình Ngũ hành : Thủy / Hỏa, Mộc / Kim  
Số độ Ngũ hành: Lẻ / Chẵn, 1/ 2, 3 / 4.

Trong các cặp đối cực : **Lẻ / Chẵn**: 1 / 2, 1/ 4, 3 / 2, 3 / 4 và  
**Chẵn / Lẻ**: 2 / 1, 2 / 3, 4 / 1, 4 / 3,

Ta có sự cách biệt giữa các tỷ lệ được xếp từ :  
0.25, 0.5, 0.66, 0,75 1, 1.5, 2, 4.

Khi hai lực của cặp đối cực lôi kéo nhau, nếu sự cách biệt hai bên quá 1 thì một bên thắng một bên thua, khi ở mức 0.5 thì huê, khi tới 0, 66 thì một bên chỉ hơn 0.16 ( = 0.66 – 0.5 ) là nhỏ nhất, nên bắt phân thắng bại, đó là tỷ lệ cách biệt thích hợp để hai bên cứ xê đi xích lại để lập thế quân bình động ( hoà tạm thời ) mà tiến bộ.

Tỷ lệ Hòa của cặp đối cực là:  $0.66 = 2 / 3$ . Nho gọi tỷ lệ đó là “ Tham ( 3 ) Thiên lưỡng ( 2 ) Địa nhi y số “. Việt gọi tỷ số đó là Vài ( 2 ) Ba ( 3 .)

**Số 2** là tượng trưng cho cặp đối cực của **Dịch lý Âm Dương hòa**.

**Số 3** là con **Người Nhân chủ**: tự Chủ, tự Lực, tự Cường.

**Số 5** ( = 2 + 3 ) là số độ của Hành Thổ, Thổ là nguồn Tâm linh tức là **nguồn Sống và nguồn Sáng**.

2-3, 5 là bộ Huyền số được dùng làm Cơ cấu cho nền Văn hoá Đông Nam của Việt tộc. ( sẽ giải thích ý nghĩa từng số ở sau )

Theo thuyết Tam tài, ta có:

**Thổ** = Thủy + Hỏa. hay **Nhân** = **Thiên** + **Địa**.

**Thủy**: “ Vạn vật chi nguyên : Nước là nguồn sự Sống của vạn vật, tượng trưng cho Vật chất.  
**Hỏa** là Lửa tức là năng lượng, là nguồn Sáng tượng trưng cho Tinh thần.

Ánh Sáng truyền đi theo làn Sóng bao quanh dòng Hạt Photon tương tự như nguồn **Tinh** hay Lòng Nhân, và Ánh sáng cũng truyền theo Đường thẳng như **Lý** Công chính hay **Nghĩa** .

**Nhân / Nghĩa** hay **Tinh / Lý** cũng như **Sóng / Hạt** không thể tách rời.

( Wave- Particle duality )

Khoa học ngày nay cho biết, Não của chúng ta có hai Bán cầu. Bán cầu não bên Phải chủ về Tình cảm, Bán cầu não Bên Trái chủ về Lý trí, giữa hai bán cầu có cầu nối Corpus Callosum, giúp hai Bán cầu trao đổi cảm xúc ( feeling ), ý tưởng ( thinking ) với nhau, hầu hội thông với nhau, nhờ vậy mà con Người có khả năng sống theo “ **Tinh Lý tương tham** “ để Hòa với nhau.



Xem thêm: <http://www.tinhte.vn/threads/1389192/>

*.What does the right Brain do.?*

*Ta có thể kết luận, con Người gồm có Vật chất / Tinh thần. Tinh thần đó là Nhân ( Tình ) / Nghĩa ( Lý ).*

*Vậy Tinh thần của Dân tộc Việt Nam là Nhân / Nghĩa ( Tình / Lý ).  
Sống sao cho Nhân / Nghĩa trở thành Lương nhất thì Hùng - Dũng*

## II- BA LUẬT LỚN TRONG VŨ TRỤ

Đây là những Định luật lớn gọi là Thiên tắc cũng là Dịch lý vận hành trong vũ trụ.

### 1.- Nguồn gốc của Ba Luật lớn

“ Trong Hệ từ X của Kinh Dịch có nói: “ **Phù! Dịch khai vật thành vụ** : Ôi! Chỉ có Dịch mới khai được Vật, nên mới thành ra Vụ, nghĩa là trí tri hay là đạt đến việc hiểu biết được đường hướng mà con Người phải đi, đường đó cũng gọi là Đạo. **Đạo là đi trở lại cùng Nguyên thủy**; “ **Nguyên thủy phục chung** “ , hoặc tuần hoàn hay là đi một vòng trở lại nơi đã phát xuất. Như vậy “ **khai vật là khai Đạo** “ , còn “ **thành vụ là thành Tính tồn tồn** “ .

Để đào sâu chúng ta hãy **tìm hiểu chữ Vật** trong đồng văn của nó, Hệ Từ hạ truyện rằng:

“ Đạo hữu **Biến động** có viết Hào: 道有 **變動** 故曰 爻

Hào hữu Đẳng có viết Vật: 爻有等故曰物

Vật tương Tap có viết Văn: 物相卡故曰文

Văn bất Đương có Cát Hung sinh yên: 文不當故吉凶生焉 “

( H.T.X )

Theo câu trên thì Vật là Hào, mà Hào là Đạo Biến động. Bởi Biến động nên có Đẳng loại, và sự pha độ các Loại gọi là Văn, Văn mà trùng độ thì Cát, không đúng độ là Hung.

Đọc kỹ 3 câu trên chúng ta nhận ra 3 luật Vũ trụ nằm gọn bên trong:

Một là luật Biến động ( Đạo hữu Biến động )

Hai là luật Loại tụ ( Hữu Đẳng )

Ba là luật Giá sắc : Sinh ra Cát Hung.

“ Vũ trụ quan Dịch xoay vần theo những luật tắc bất dịch gọi là Thiên tắc. Thiên tắc có nhiều nhưng có thể thu gọn vào ba luật lớn. Đó là Luật Biến động, Loại tụ và Giá sắc.

## 2.- Luật Biến động hay Dịch lý

### a.- Muôn vật trên đời biến động không một vật nào nghỉ ngơi.

Luật Biến Động là luật phổ biến, vì nó làm nên cơ cấu sự vật. Sự vật có là do sự động, không có động thì không có vật, mỗi vật đều là sự động hay là một cuộc chạy vòng tròn để trở lại điểm xuất phát, nên ta gọi là Tuần hoàn. Động theo vòng tròn là thể cách của luật Biến Động, nên nó cũng có tầm phổ biến như vậy.

Muôn vật trong vũ trụ không vật nào ra ngoài luật đó. Mặt Trời mặt Trăng mọc bên Đông lặn về bên Tây để rồi lại mọc bên Đông. Nước Biển bốc thành hơi, hơi tụ lại thành mây làm mưa xuống lại chảy ra biển để rồi lại bốc hơi lên. Máu trong Tim chảy ra nuôi thân xác rồi trở lại về trái Tim để đi ra nữa.

Tất cả đều đi theo vòng tròn. Chính sự Động Tuần hoàn này làm nên sự vật, vậy mọi sự vật chẳng qua là những hình thái động xoay ốc khác nhau. Bỏ sự Động đi thì trên Trời dưới Đất không còn gì nữa cả. Không có vật nào thoát ra khỏi luật này.

Chúng ta thấy sự thực theo luật Biến động này đi trái ngược với giác quan, cho sự vật là bất động, đông đặc, ù lì. Chính vì thế mà con người khó theo đúng được Đạo nên cần bàn nhiều về luật này, ở đây chỉ xin rút ra một kết luận trực tiếp là :

### **b.- Mọi vật có là trong dạng thức Động**

Những hình thức đó quy dịch sự mau chậm của sự Động, những động vật hiện ra hình tích khả giác là những vật “động chậm “ lên giác quan “ Thấy “ : Giác quan cũng cùng một tiết nhịp với chúng nên tưởng là chúng im lìm, kỳ thực là chúng biến động không ngừng nghỉ, vật động càng chậm thì càng cứng chắc, càng động mau thì nhẹ xốp. . . Cây sắt được phóng đi rất mau bằng tốc độ của ánh sáng thì sẽ trở thành ánh sáng.

*Những vật rắn tuy mắt ta thấy chúng im lìm nhưng thực sự các nguyên tử phân tử của chúng vẫn biến động không ngừng và chúng cũng có thể có liên hệ với vũ trụ qua tần số thấp.*

### **c.- Chất thể: Khí chất và tinh khí**

Vì thế mà có nhiều đợt Chất Thể, nhưng cho tiện thì ta chỉ thâm vào hai loại là Tinh Khí và Khí Chất:

#### **A1.-Khí chất**

Khí Chất ở trong tầm giác quan, có thể tiếp xúc bằng xem, nghe, sờ mó, cảm nghĩ, đo đếm.

#### **A2.- Tinh khí**

Tinh Khí thì vượt tầm giác quan, mà con người có thể tiếp xúc bằng một nhạy cảm của Tâm tình.

#### **A3.- Ý tượng**

Những hình thái làm bằng Tinh khí sẽ gọi là Tượng. Tượng là hình thái quá tế vi. Khi ta có một ý nghĩ gì thì Ý nghĩ đó liền làm nảy ra một Tượng: Nếu nó ở đợt Lý trí giác quan thì sẽ gọi là Ý tượng.

#### **A4.- Linh tượng**

‘Nếu thuộc đợt Tâm linh thì gọi là Linh Tượng. Ý tượng Linh tượng đều tuân theo luật chung là biến động theo vòng tròn, rồi nó trở lại nguyên thủy nơi phát xuất của nó.

#### **A5.-Tiết nhịp uyên nguyên**

Đó là đại để mấy ý niệm cần thiết về luật đầu tiên là Biến Dịch và đó là luật phổ biến, gọi được là Tiết nhịp uyên nguyên, vì thế muốn hoà với tiết nhịp đó cần con người phải biến dịch theo, nghĩa là phải tư Động, phải “ tư Lực tư Cường “ phải biến động trong mọi việc: Thân xác cũng như Tâm trí, ngừng nghỉ là ứ trệ là trái luật Thiên nhiên và sẽ bị đẩy đi như một yếu tố làm rối loạn Tiết điệu của Vũ trụ.

## A6.-Sự hội thông: hoà hợp với Tiết điệu

Khi có sự hoà hợp với tiết điệu thì ta gọi là “ sự Hội thông “, miễn hiểu chữ Sự theo nghĩa Biến động của Dịch “ Thông biến chi vị Sự “ ( H.T.V ). “ Sự chính là việc Biến thông, sự Động “. Gọi là luật phổ biến vì nó thâm nhập mọi việc: Hễ không động là ứ trệ: Xác thân thiếu vận động trở nên yếu nhược, cơ năng nào không vận động tới sẽ thoái bộ. Tâm trí cũng thế, thiếu luyện tập, suy tư, tìm hiểu sẽ trở nên trì độn. Muốn sống mạnh phải tự Cường cả trên mọi phương diện Vật chất lẫn Tinh Thần.”

### 2.- Luật Loại tụ

( Các vật đều phát ra tần số dưới dạng năng lượng, các tần số được truyền đi theo làn sóng, các làn sóng có tần số thích hợp thì hội tụ với nhau, giao thoa với nhau cũng như cộng hưởng nữa ).

**Tuồng nào theo tập nấy: Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã  
Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu.**

“ Luật thứ hai rất quan trọng gọi là Loại tụ, nói rộng là “ **Các tòng kỳ loại** : Tập nào đi theo tuồng nấy “ . Mỗi loại đi theo với loại của nó. Luật này được trình bày bằng câu:

Đồng Thanh tương ứng, Đồng Khí tương cầu: **同聲相應同氣相求**.

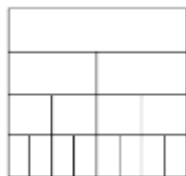
Hoặc: Thủy lưu thấp, hỏa tụt táo: **水流濕火就燥** :Nước chảy về chỗ thấp, lửa đi đến chỗ nóng.

Hoặc: Vân tòng Long, Phong tòng Hồ: **雲從龍風從虎**: Mây theo Rồng, Gió theo Hồ.

Đó là những phương thức bày tỏ **luật Loại tụ** ( Loi des affinités ): Các giống loại như nhau thì tìm nhau, hội tụ với nhau. Có muôn vàn loài, nhưng chỉ ra được hai loại lớn và chỉ thị bằng hai chữ Thiên Địa với câu nói : “ Thiên cao Địa Ty : Trời cao Đất thấp. “ . Đó là bày tỏ theo lối Tĩnh, còn Động là: **本乎天者親上 本乎地者親下 則各從其類也**: “ **Bổn hồ Thiên giả thân Thượng. Bổn hồ Địa giả Thân Hạ. Tắc các tòng kỳ loại dã** “ :

“ *Vật nào xuất bởi Trời thì đi với Trời. Vật nào bởi Đất thì đi với Đất. Mỗi vật theo loại của mình* “

Hai chữ Thiên Địa ở đây là hai danh từ rất tổng quát chỉ hai loại Thiên Địa, nhưng không có giới hạn rõ rệt, vì nó ăn ngòm với nhau. Nhưng ta có thể quan niệm rằng càng lên thì càng nhẹ, càng sáng, càng trong, càng mở rộng. . . , càng xuống thì càng nặng, càng trọc, càng tối, càng thu hẹp. . Theo như được biểu thị trong lược đồ Thái cực sau:



*Hình Thái cực: Biểu tượng của nét Gấp đôi  
( Thái cực: 1, Lưỡng nghi: 2, Tứ tượng: 2.2 , Bát quái: 2.4. → 64 )*

Khi quan niệm theo án đồ trên thì dễ có được một ý tưởng khá rõ rệt về sự vật có hai bình diện, và một ý thức sâu đậm về **nét Gấp Đôi** mà ta có thể tính từ dưới trở lên: càng ở dưới càng nặng nề, tối tăm, được biểu thị trong hình Thái cực đồ vì càng đi xuống thì hình càng rậm rạp, tối tăm, lãnh lẽo : Từ 2 ra 4, xuống 8, rồi 16, 32, . . . Ngược lại càng đi vào ( hay đi lên ) lại càng gần sự mở rộng, sáng láng, nóng nảy, 8 ô dồn lại còn 4, rồi 4 thành 2.

*( Nền Văn hoá nào thiếu nét Gấp đôi thì đánh mất mối Liên hệ hai chiều, mà chỉ có một chiều, nên là nền Văn hoá độc tài thuộc Văn hóa Du mục hay Nô lệ.*

### **a.- Vòng Đại diện và vòng Tiểu diện**

Với luật Loại tụ này chúng ta thấy luật Biến động đã kép lên một đợt: Ở luật I mọi vật đều động theo Vòng tròn, ở đây cũng thế, nhưng có 2 loại Vòng khác nhau:

Một vòng **Thiên** cũng gọi là **Đại Diện**, một vòng **Địa** gọi là **Tiểu Diện**. Vòng nào cũng chia ra làm 4 chặng:

**Bốn chặng của vòng Thiên là Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh.**

**Bốn chặng của vòng Địa là Thành, Thịnh, Suy, Hủy.**

Sự khác biệt nổi lên ở hai đợt sau cùng: Một bên là Lợi, Trinh. Một bên là Suy, Hủy.

Suy, Hủy vì nó lệ thuộc vào những cái thô đại, hiện hình nên theo trọn vẹn luật Thời Không . Lợi, Trinh thì đi theo những cái tế vi, bất tử.

Thí dụ: Khi con người chết thì chỉ có các cơ quan, tế bào tan rã, nhưng Khí năng vi thể vẫn còn nên nó khoác vòng Ngoài. Thế mà hai vòng đó vận hành đồng thời trong con Người chúng ta nên rất khó phân biệt. Con người thế tục chỉ biết có vòng Ngoài, nên đánh mất nét Gấp Đôi, nghĩa là mất ý thức về vòng Trong. Để giúp vào việc nhận thức lại vòng Trong này hãy dùng vài thí dụ rất cụ thể. Thí dụ cụ thể có lẽ là Cơ quan Sinh Dục, vì nó là nơi tận cùng của hai vòng cách rõ rệt:

“ **Suy, Hủy** “ là **Nước Tiểu**.

“ **Lợi, Trinh** “ là **Tinh Trùng** có thể thành con người khác.

Trong khi Nước Tiểu con người tống ra ngoài một thức cặn bã đã làm xong một vòng hoạt động của nó, còn khi giao hợp thì Tinh Trùng lại là những nguyên tố tham dự vào vòng Sinh Sinh. Vì thế khi giao hợp con người dễ có cảm giác lâng lâng như được nhờ bật ra khỏi những hạn chế bé nhỏ cá nhân để hoà hợp trong Vũ trụ bao la. Thí dụ cụ thể này đưa đến những công tác Tinh thần Vật chất. Những sản phẩm của Nghệ thuật, của Triết còn sống mãi, trong khi những chinh phục vật chất đã tan lìa. Tuy nhiên trong thực tế 2 vòng thâm thấu vào nhau khó phân biệt.

### **b.- Con Người lưỡng thể**

Chính sự thâm thấu của hai vòng Đại Diện ( vòng Sinh ) và Tiểu Diện ( cũng gọi là vòng Thành ) làm nên con Người Lưỡng thể nghĩa là có hai đời sống: đời sống miên viễn của **Đại Ngã Tâm linh** và đời sống Sinh Hủy của **Tiểu Ngã cá biệt**. Cần làm thế nào để giữ được Quân bình Chất Lượng giữa hai vòng Đại Diện và Tiểu Diện.. Để giữ được thì Thái hòa, tức sự bình quân chất lượng giữa Thiên và Địa.

### c.- Quan niệm Nhị nguyên của Descartes về Linh hồn và Thể xác

Chúng ta biết ở đây là những gì đã hiện ra hình tích làm đối tượng cho giác quan, nơi quy tụ mọi dữ kiện do giác quan thu lượm. Vậy mà Lý trí thuộc óc não, là những cơ năng vật chất nên ta gọi nó là cơ năng thuộc Địa: cái gì xuất phát do nó sẽ phát triển ra vòng Địa là Thành, Thịnh, Suy, Hủy. Sở dĩ như vậy vì càng xuống càng kếp nét, càng trở nên Trí tuệ nặng nề, nên nếu xuống quá độ thì sẽ không theo kịp đà biến dịch của Vũ trụ Càn Khôn, mà chỉ biết chạy theo bộ chỉ huy của vòng Tiểu Diễn Lý trí, nên gọi là Nhị nguyên.

Thí dụ rõ nhất về Nhị nguyên là quan niệm của Descartes về Linh hồn và Thể xác, cho rằng hai **đàng vận hành song song không liên hệ chi với nhau**, xác thân chuyển vận như cái máy có thể tháo rời ra từng bánh xe với những hoạt động rõ rệt. Chúng ta biết rằng sự rõ rệt chính xác là thuộc về địa vị những vật đã hiện ra hình tích có mốc giới phân minh, cái nọ phân biệt hẳn với cái kia. Nên khí đề cao sự minh hiển khách quan kiểu Descartes là đã lọt ổ phục kích của Lý trí vốn thích những xác định và ghét những gì u linh. Đây cũng là hậu quả của quan niệm im lìm về sự vật, nên không chịu “Tự Cường bất Túc” để đưa ánh sáng Tâm linh vào vùng địa lý Hiện tượng. Theo Loại tự thì:

#### “ Đồng Thanh tương ứng. Dị Khí tương thù “

Nếu không tinh tấn tự Cường thì một hai tia sáng le lói của Tâm linh xuất hiện liền bị Lý trí xua đuổi vì thuộc “ Dị Khí “, nên nó tương Thù. Nó chỉ đón nhận có “ Đồng Thanh Lý trí “ với nó và vì thế nó đưa con Người vào rò, chỉ có Lý trí ròng, chỉ còn có “Đồng đồng vắng lai “, tức vận hành trong cõi Duy, cõi đồng nhất **đánh mất nét Gấp Đồi**. Đó là cái vòng đeo cổ Triết học Nhị nguyên.

### d.- ách chữa bệnh Nhị nguyên

Muốn thoát thì con người phải biết cách **vun tưới hạt giống Tâm linh** để nó mạnh lên và kéo những luồng sáng Tâm linh đến với mình đặng trở nên mạnh mẽ, không bị Lý trí tổng cổ ra ngoài, nhưng làm chủ tinh thể bằng **tăng cường vòng Đại diễn Tâm linh để bao trùm lấy vòng Tiểu Diễn Lý trí, đặng làm nên Nhất Thể vâng theo nhất luật.**

Đây là truyện khó nên Kinh Dịch chỉ có nói tới vòng này, vì vòng Ngoài ai cũng chạy theo rồi, nên ai cũng biết vì nó hiện hình ra trước giác quan. Còn vòng Trong vi tế vì vượt giác quan nên dễ bị chối bỏ hay quên lãng và dầu sao cũng khó biết, vì vậy Kinh Dịch chỉ chuyên bàn về số Sinh, vì hễ xuôi Trên là xuôi Dưới, vì Tổng hành dinh của con Người chính là ở vòng Đại Diễn này, còn Lý trí là Tổng hành dinh cấp Tiểu Diễn nằm trong vòng Đại Diễn. Vì lẽ đó Kinh Dịch đề cao Tâm linh.

### e.- Mầm bệnh Duy Vật

Khi lãng quên Tâm linh, hoặc chuyên chăm cho Lý trí nảy nở đến đô lẩn át Tâm linh thì là Duy Trí, nên thiếu Biến thông, và đó là tình trạng thông thường.

Con người hầu hết là Duy Vật. **Không phải chỉ có Cộng sản mới Duy Vật**, tuy có thuộc những thứ Duy Vật khác nhau, nhưng bản chất vẫn là Một: Không còn là “ Đồng Dị vắng lai “ hay nói theo luận lý vẫn là luật “ Đồng Nhất ròng “, **đánh mất trọn vẹn nét Gấp Đồi**, nên cũng mất **luôn Thái Hòa, không còn thể Biến hoá.**

Quê Thái ở cung Song Ngư, nếu giữ đúng luật Thái Hoà thì cá Chép sẽ hoá Long: Song Ngư mới biến ra “ **Lưỡng Long châu Nguyệt** “. Sao không châu “ Nhật Dương “ lại châu “ Nguyệt Âm “ ?



### g.- Hán Nho hạ Đàn bà

Cần đặt ra câu hỏi này để lộ mặt nạ sự xuyên tạc của Hán Nho đục rựa đã đưa vào câu “ **Thiên cao Địa ty** “ và “ **nâng Dương hạ Âm** “. . . để hạ Đàn bà, lấy có Đàn bà là Âm, là Khôn, là Địa . . Đây là xuyên tạc, vì trong khí nói “ Thiên cao Địa ty “ là nói **trong Tiên Thiên thì Thiên chỉ Tâm linh, còn Địa ty chỉ Lý trí**. Vậy không có nghĩa là “ hạ “ Đàn bà và “ nâng “ Đàn ông.

« **Chồng Chúa Vợ Tôi: Nhất Nam viết hữu, thập Nữ viết Vô** « .

### h.- Việt Nho

*Ca dao Việt có câu về sự quan trọng của Gái / Trai trong xã hội :*

« **Trai mà chi, Gái mà chi**  
« Sao cho **Ăn Ở Nhân Nghì ( Nghĩa ) mới nên** « .

### i.- Đàn ba giàu Tâm linh hơn Đàn Ông

Nhưng ngược lại là khác, vì Thái Hoà không có phân ranh kiểu Nhị nguyên  $A = A$  , nhưng “ trong Âm có căn Dương “, trong con Trai có nhiều chất Âm, trong con Gái có nhiều chất Dương: “ **Dương quái đa Âm, Âm quái đa Dương** “ ( H.T 4 ).

Thí dụ: **Trưởng Nam** là quẻ **Chấn** ( số 4 ) thì **1 Dương 2 Âm**, còn **Trưởng Nữ** là quẻ **Đoài** ( số 2 ) thì **1 Âm 2 Dương**. Như vậy là trong Nữ có nhiều Tâm linh hơn Nam, nên cái Quy là Tâm linh lại nằm trong tay Nữ Oa chứ không trong tay Phục Hy chỉ có cái Cũ thuộc Địa, dùng để đo đếm. Bởi lẽ đó **Đàn bà luôn luôn được dùng để biểu thị nền Minh Triết**. Vì Minh Triết phát xuất từ Nông nghiệp giàu tính chất Mẹ, nên về sau gọi là Âu Cơ, rồi đến My nương và My Châu. My với Mẹ đều chỉ Minh Triết nông nghiệp là một, nên khi My Châu bị giết thì cũng là lúc nền Minh Triết Việt Mẹ bị đàn áp trước Hán học đục rựa và tất nhiên nó đàn áp luôn Đàn bà.

( *Humanity collective* )

### K.- Tam tông Đục rựa của Hán Nho

Và cái luật Tam tông Tiên Thiên chỉ sự tuân theo ba luật Vũ trụ là Biến Dịch, Loại tỵ và Giá sắc dốc ra tông 3 cái đục rựa: “ **Tại gia tông Phu. Xuất giá tông Phu. Phu tử tông Tử** “.

Thế là trật khỏi đường rầy tiến hoá: Tông 3 đục là 3 Địa, tông 3 cái Cũ (Địa ) còn chi nữa là cái Quy ( Thiên ). Hán học nhi dĩ hĩ !”

### 3.- Luật Giá sắc

“ Đây là luật tối quan trọng, nên Lạc Thư đặt nó ở Trung cung hành Thổ với câu “ Thổ viên Giá Sắc “. Cốt ý để người học chú ý đặc biệt, nhưng trong thực tế người ta vẫn quên luôn, mặc dầu tuân theo những chỉ thị của luật đó trên bình diện Hình nhi Hạ mà quên Hình nhi Thượng, mà thực tế ra là hai đọt y như nhau theo luật Nhất Thể: “ **Thiên Nhân tương dũ** “. Muốn diễn tả hai

**chữ Giá Sắc ra tiếng thông thường thì là Gieo Gặt.** Đây là một luật rất phong phú mà ta có thể gồm vào những câu sau:

**Thứ nhất là Gieo Gặt**  
**Thứ hai là Ai Gieo tất Kẻ đó Gặt**  
**Thứ ba là Gieo Gì Gặt Nấy**  
**Thứ tư Gieo Một Gặt Trăm.**

#### **4.-Luật Loại tụ, Giá sắc ở đợt Linh tượng**

Đó toàn là những sự thực hiện nhiên trước mắt, đến nỗi không ai thèm chú ý đến nữa. Vì thế cũng quên luôn rằng nó hiệu nghiệm trong khắp Hoàn vũ trên mọi phương diện, nên bất kỳ ở đâu cũng phải chú ý chọn giống, vì nó quan trọng cả trăm lần. Ngạn ngữ có câu: “ **Gieo Gió Gặt Bão** “. Câu nói tuyệt hay vì diễn tả được ý niệm then chốt của luật Giá Sắc, một là Gieo gì gặt Nấy: **Gieo Gió Gặt Bão**. Hai là Gặt được gấp Bội: Gieo Gió Gặt Bão. Bão là Gió được tăng cường gấp Trăm lần.

Chúng ta cần giải thích ý niệm hai này trên bình diện đại diện của Linh Tượng. Ở đây nó cũng vận hành theo hai luật Biến Dịch là Loại Tụ nói trên. Vậy trước hết theo luật Biến Dịch hễ cái gì Có là Có trong dạng thức, trong mô hình:

Thí dụ khi ta làm một cử động bất kỳ nào dù chỉ là **một ý nghĩ thoáng qua** thì liền tạo thành ( **Nguyên** ) một mô hình đầy chuyển động tính, nên tỏa ra xung quanh một Trường để hoặc bị thu hút bởi những ý nghĩ tương tự, hoặc **nếu nó mạnh hơn thì sẽ lôi cuốn các ý khác đồng loại** mà nó gặp được trên con đường Tuần hoàn ( luật I ) để cùng với nó tăng thêm ( **Hanh** ) và do đó lại **kéo thêm nhiều ý tưởng khác để gia tăng thêm nữa hầu hướng đến chỗ Gặt vào gấp Trăm**, nhờ đó biến thành điều Lợi ( **Lợi** hay Hai tùy nghi ). **Nếu Ý nghĩ ban đầu do Tâm linh thì nó sẽ kéo theo Ý nghĩ loại Tâm linh. Nếu Ý nghĩ do Lý trí thì nó sẽ kéo theo những Ý nghĩ thuộc Lý trí.**

**Và cứ như thế càng đi càng trở nên mạnh mẽ, để có thể trở thành một Trường, một bầu khí và bao quanh người phát xuất cũng như những người cùng cùng loại ý tưởng đó, tiếng Tây quen nói là : “ une idée en l'air “** là vô tình ám chỉ điều đó. Điều này ta có thể kiểm soát phần nào thí dụ nhiều khi ta có một ý tưởng như người khác: Đôi khi nói lên rồi ta mới biết nhưng ít khi nói ra nên ta tưởng là ít có, mà thực ra nó có rất nhiều phát minh được phát hiện cùng một thời ở nhiều nơi . . . thì chính là do luật Loại Tụ Giá Sắc này.

#### **5.- Về Khí hạo nhiên của Mạnh Tử**

Chính trong ý này mà Mạnh Tử nói về **khí Hạo Nhiên** được nuôi dưỡng thì tràn ngập Trời Đất. “ **Kỳ vi Khí dã, chí đại chí cương. Dĩ Trục dưỡng nhi vô hại, tắc hồ Thiên Địa chi gian** “ ( Mạnh. II ) Khi bầu khí này đã đạt độ mạnh đủ thì nó làm thành tác động. Vì thế **nhiều việc tuy ta không đích thân làm mà vẫn mang trách nhiệm, vì đã hoặc phát khởi ý nghĩ đầu tiên hoặc tham dự vào những ý nghĩ tương tự .**

Suy nghĩ điều trên ta mới hiểu lý do tại sao Tiên Hiền đặt nặng “ **Thành Ý** “: vì nó là đầu dây mối nhợ cho những việc rất hệ trọng. Thế nên cần phải giữ ý cho thuần hành. Để được vậy cần vươn lên tới đợt Tâm linh.

Vậy khi con người đi theo đường Lý trí thì gieo những hạt giống nặng, giống lạnh. . . , nên gặt những cái nặng nề, lạnh lẽo và nếu chất Lý trí nhiều quá thì sẽ phá vỡ mật thể Quân bình và trật ra khỏi hai đường rầy làm nên trục Tiến hoá.

Hai đường rầy này là Thiên và Địa mà con người phải tham dự cả hai ở một mức độ “**Bình Quân Chất Lượng** “. Có duy trì nổi Bình quân mới giữ được cái đạo **Biến thông**. **Biến thông** là sự trao đổi giữa hai vòng Ngoài và Trong hay là bình diện **Thể Chất** và **Tâm Linh**. Có **Biến thông** mới là **Nhất Thể sống động**.

Ở trên đã nói rằng vòng Đại Diễn bao gồm vòng Tiểu Diễn, nên hễ Đại Diễn xuôi thì Tiểu Diễn cũng xuôi.

#### 6.- Tầm quan trọng của luật **Giá Sắc**: **Gieo chủng tử Thiện**

Nếu vậy để cho chắc ăn thì ta nên gieo toàn chủng tử **Thiện** chẳng? Được lắm, nhưng vì con người là **vật Lương thể**, nếu không gieo xuống Đất thì gieo vào đâu ? Và nếu không gieo xuống Đất thì làm sao **Biến động theo Tuần hoàn**: tức là **trước khi trở lại phát xuất điểm nó phải đi hết một vòng của Địa lẫn Thiên** . Chính cái vòng Địa này có sống cho đầy đủ mới làm chín hoa quả do Hạt gieo ra, vì theo luật **Giá Sắc** thì hạt gieo xuống có thối ra mới đơm bông và nở ra trăm hạt khác.

**Vậy khi trốn đời cũng lại là trái luật Giá Sắc là luật nền móng, nên phải hiện thực nó trong hết mọi chiều kích.**

Vì thế điều quan trọng là chúng ta phải nhận thức ra được tầm phổ biến của luật này: nó ăn sâu vào cõi **Tâm linh**. Vì cõi này nằm bên ngoài tầm giác quan nên con người hay lơ đãng và vì đó nay mới gặt biết bao là **Bão** do chính mình gieo ra, vô thức mà gieo ra.

Ngày nay những khám phá mới của Khoa học đã mở ra chân trời trên những thế giới vi trùng, luồng sóng điện, từ trường. . . là những cái trước kia người ta không ngờ đến là có, thì nay đã thành một thực thể thông thường.

**Hy vọng rằng nhờ đó người ta sẽ chú ý đến luật Giá Sắc để nó cũng phải trở nên một thực thể thông thường như vậy, để con người chỉ gieo những hạt giống Tốt, những ý nghĩ Yêu thương, Công bình, Kính trọng lẫn nhau, và cố tránh những ý nghĩ ghen ghét, Oán hờn, Cừu địch, Hận thù, vì không một cái gì trong Trời Đất dù chỉ một ý nghĩ thoáng qua mà không nằm trong vòng 3 luật của Càn Khôn đã trình bày ở trên. Nếu chúng ta suy nghĩ kỹ và tìm hiểu trên mọi sự vật chung quanh mình thì sẽ nhận ra tầm quan trọng của luật Giá Sắc.**

#### 7.- Gieo và chờ

Bây giờ bàn đến điểm chốt của luật **Giá Sắc** là biết chờ đợi nuôi dưỡng những hạt giống tốt mình đã gieo ra: **không nên “ vật trợ trường ”** đừng có giúp cho nó mau mọc nhưng biết tùy thời, có thời Gieo rồi thời Gặt nghĩa là tin chắc vào luật **Giá Sắc**. Đã có **Giá** tất có **Sắc**.

**Nếu đã gieo hạt Tâm linh thì tất chính mình sẽ gặt Tâm linh: những chất cao cả, sáng láng, an vui, thanh thoát. . . toàn là những chất giúp ích cho tiến hoá mạnh. Điều quan trọng là biết chờ đợi chờ thời Gặt. Đã có Gieo thì có Gặt.**

#### 8.- Quẻ Nhu: Tồn Tâm dưỡng Tính ( Làm ăn và làm Người )

Vì thế mà có quẻ thứ 5 là **Nhu** trong Kinh Dịch mà Nho giáo đã đặc biệt chú ý bằng dùng tên quẻ **Nhu** để đặt cho Đạo là **Nho**: **Nho** đem quẻ **Nhu** áp dụng cho con Người, nên **Nhu** thêm bộ **Nhon** thành ra chữ **Nho** ( 儒 = 亠 + 需 ). Điều quan trọng nhất trong **quẻ Nhu** là “ **Hữu phu** “ nghĩa là **tin vào khả năng Tâm linh nơi con người** . Đó là điều tối quan trọng cho sự tiến hoá, vì có tin như vậy thì mới đủ nhẫn nại cường kiên để đạt sự sáng láng hanh thông bền vững tốt lành. Đây

là điều kiện để thành công trong mọi việc lớn mà việc lớn nhất của một đời người là Tiến hoá.  
Lời Kinh của quẻ Nhu: “ **Nhu: Hữu phu quang hanh trinh cát: Lợi thiệp đại xuyên** “

Quan trọng của đạo Nho là **Hữu phu**, tức **tin tưởng vào khả năng vô biên của mình**, thiếu đức tin đó thì một là chờ đợi một cách thụ động vô vọng, hai là không đủ dài hơi để chờ đợi. Chỉ những con người có chương trình dài hạn tin chắc vào khả năng của mình mới dễ nhịn nhục chờ đợi lâu dài. Vì lúc ấy không còn chờ cho qua, nhưng là **chờ đợi** để mà **vun tưới** những hạt giống Tốt mới được gieo ra và cần **phải nuôi dưỡng**, nên tượng quẻ Nhu gọi là “**Âm thực chi đạo**”.

Tượng viết : **Vân thượng ư Thiên, Nhu quân tử dĩ ẩm thực yển lạc** “ . Nhu là đạo nuôi dưỡng ăn uống hiểu theo cả **vòng Ngoài thuộc “ làm Ăn ”** , lẫn **vòng Trong thuộc “ làm Người ”** là nuôi dưỡng bằng “ **tôn Tâm dưỡng Tính** “, dưỡng Khí phách cho tới độ Tròn Đầy và luôn luôn tin tưởng vào kết quả tốt lành. Đó là ý của quẻ Nhu.

Tượng của quẻ Nhu là chờ đợi, vì trên Trời quẻ Càn có Nước ( quẻ Khảm ) nên chữ Nhu viết với bộ Văn và nhu là có nghĩa là Chờ vì sắp có mưa . “ Vân thượng ư Thiên “ trên Trời có mây tức sẽ có mưa. Có mưa là sẽ có gặt.

**Vì thế mới nói quẻ Nhu là tinh hoa của luật Giá Sắc. Giá Sắc gồm thân hai luật trước là Biến Dịch và Loại Tụ. Cái lớn lao của Nho giáo nằm ở chỗ đó. Ba luật trên ảnh hưởng rất lớn trên đời sống con người.”**

*Sở dĩ chúng ta cần phục hoạt lại Đạo Nho là để tìm hiểu về Minh triết của Tổ tiên, Minh triết chỉ được thai nghén và cảm nhận trong giai đoạn Trục giác còn mạnh, nhất là Thời Trục, khi mà Lý trí chưa phát triển. Vì Minh triết là nghệ thuật giúp cho nhận ra nghịch số ( Dịch nghịch số chi lý ) triết Thượng và triết Hạ giao thoa, hay bình dân hơn là “ sắp xếp mọi việc cá nhân, việc nhà, việc nước sao cho mọi người sống Hòa với nhau cho được hạnh phúc “. Từ cái nhìn đó, chúng ta thử đi vào nếp sống của Tổ tiên ra sao?*

---

## CHƯƠNG BỐN

---

( Trích trong cuốn: Khi Đông Tây Giao Hội của Việt Nhân )

### NHÂN SINH QUAN VIỆT NHO: NHÂN CHỦ

#### I.- Những trang sách đã thất lạc

( Nhân chủ. Kim Định )

“ Một thi sĩ Perse cho Triết lý là bản thảo lúc đem in đã bay mất hai trang đầu và cuối. Nói thế vì Triết lý thường gồm ba loại vấn đề sau:

#### 1.- Nhân sinh hà tại?

Tại sao tôi sinh ra ở trên đời? Vì nguyên do nào?

#### 2. Tại thế hà như?

Và sinh ra để làm gì? Tức triết lý nhân sinh.

#### 3. Hậu thế như hà

Sau này sẽ ra sao? Tức là vấn đề cứu cánh con người.

Trong ba loại đó thì vấn đề:

#### a.- Nguyên uỷ vạn vật cũng như về loài người

#### b.- Cứu cánh cuối cùng của con người...

Thuộc trang đầu và cuối, coi như đã mất vì thực ra là không thể tìm được câu trả lời thỏa mãn cho trí khôn. Trang Tử cho là vấn đề khởi đầu cũng như chung cục là không thể biết (**chung**

**thuỷ bất khả tri**). Đó cũng là ý nghĩa câu “ **triết lý khởi tự chỗ ngoại lý để rồi tận cùng ở chỗ ngoại lý**” (Laphilosophie commence par la non-raison pour terminer par la non-raison).

Nghĩa là triết lý trung thực tuyên bố không dám động đến mấy vấn đề nọ. Ai muốn hiểu thì đi tìm nơi khác, thí dụ nơi Tôn giáo.

Những Tôn giáo nguyên chất thì dùng mặc niệm, chẳng hạn tam giáo Sémites: Judêu, Kitô, Islam, theo đó thì nguyên thủy và cứu cánh con người là Thiên Chúa; tất cả mọi việc trên đời đều được giải nghĩa bằng thánh ý màu nhiệm của Chúa.

Những Tôn giáo triết lý tức là triết lý biến thái ra Tôn giáo như tam giáo Đông phương hay khoa triết lý Truyền Thống nói chung, thì thường do môn đệ về sau tìm cách giải nghĩa, nên những lời đó không đủ giá trị và nhiều người cho đó là chuyện “về quỷ” có nói rõ ràng minh nhiên về kiếp sau thì cũng chẳng qua là thứ rõ ràng của lý thuyết chứ chẳng thể nào kiểm chứng. Vì thế bàn tới là tỏ ra chưa hiểu được vấn đề.

Bởi vậy chính các Tổ sư thường không chịu đề cập.

Phật tổ gây ra ngoài không cho bàn đến số kiếp về sau đặng dốc toàn sinh lực vào việc tu luyện. Khổng cũng thế rất ít bàn tới những vấn đề vũ trụ nguyên thủy “**Tử hãn ngôn Lợi dữ Mệnh dữ Nhân**”. (L.N VIII.1)

Đó là đại loại tình trạng chung. Nhưng như thế thì vòng tư tưởng **Triết học cổ điển có câu: “Về nguồn gốc con người và vạn vật, không nên bàn luận**” (de fontibus non est disputandum) “A force de vouloir rechercher les origines, on devient l’écriteur”. Vì rằng chuyên môn tìm hiểu nguồn gốc vạn vật thì sẽ làm cho người đó trở thành ti hí mất lưon (cách ngôn triết). Trung thành với nguyên tắc “**khuyết nghi**” (không biết rõ thì nên để trống).

## II.- Chủ trương của Việt Nho

### 1.- Thế sự/ Tâm linh lưỡng nhất

**Việt Nho thường chỉ bàn có những trang giữa còn lại: nghĩa là các vấn đề Cương thường Đạo lý trong cõi Nhân sinh xử thế hiện hình ngay ra trước mắt thanh thiên bạch nhật ai cũng có thể hiểu và thể nghiệm ngoài ra không dám nói gì. Tuy nhiên khi hiện thực đúng đường lối Tâm linh thì sẽ cảm nghiệm ơn ích của tầng Đại ngã Tâm linh như hậu quả sẽ tràn cả xuống đời sống thường nhật cũng được an lạc.**

Đó là đại loại tình trạng chung. Nhưng như thế thì vòng tư tưởng chúng ta vừa thực hiện xuyên qua nhiều nơi không đem lại cho chúng ta giải đáp nào rõ rệt. Tuy nhiên không vô ích vì nó cho ta nhiều kinh nghiệm để thấy “chữ tại” trong câu “**Thiên lý tại Nhân tâm**” có thể dùng làm một thứ ngoặc đơn để ta xếp vào đó tất cả những vấn đề vượt qua tầm hiểu biết của chúng ta (mettre en parenthèse) như vấn đề vận mệnh cứu cánh con người.

### 2.- Hữu / Vô Lưỡng nhất

Nếu bảo **Việt Nho chủ trương Vô thần vô Ngôi vị là dán nhãn nhãn hiệu**. Đây chỉ là thứ giải bày một số lý lẽ về sự hiệu nghiệm chứ không về sự phải hay trái. **Còn chủ trương Việt Nho là “Thiên lý tại Nhân Tâm**” nghĩa là “đặt vào ngoặc”, và **chỉ cố gắng thực nghiệm: “thần chỉ cách tư, bất khả đặc tư**” (T.D), thần minh chỉ có cách cảm thông chứ không thể đo lường.

Thái độ đó ta có thể hiểu như sau:

Con người hiện tại cũng ví được với đám người mù đang lặn mò về một cái thành phố lý tưởng, trong đó ta sẽ khỏi mù lòa và sống mãi trong tiêu dao phúc lạc. Những người mù đang tiến vào

thành ấy có hạng bò ra bàn cãi về thành đó hình sắc ra sao, kiến trúc thế nào, bàn cãi đến quên cả đi lên. Đó là những người bị ví với “**lũ mù xem voi**”, người thì bảo voi như cái cột cái quạt, người thì bảo voi như cái chổi, con đĩa. Tất cả đều nói về một chuyện mà mình không nhìn bao quát được, nên đáng cho là nói mò.

Còn một nhóm khác cứ chịu khó đi lên theo một hướng tiến chập chờn không bao giờ thấy rõ cả. Nhưng cứ đi hầu như không còn bàn cãi về hình thù kiến trúc của thành phố, cho rằng có bàn cãi cũng bằng bàn quân, vì thành còn xa, bàn cãi chẳng qua là lấy lời lẽ suông mà tranh hơn tranh thiệt. **Chi bằng cứ gắng đi lên tới khi “nhập ư thất”** lúc đó mắt sẽ mở ra, trông thấy mục đích như lai. Xét thế ta thấy câu “**Thiên lý tại Nhân Tâm**” đưa ra một biện pháp vắn tắt nhưng có ba cái đủ sau:

### 3.-Con Người là Linh vật nối liền Tính / Mệnh

**Trước nhất** đủ cho con người có phần cao quý độc lập vượt xa hẳn câu định nghĩa người là con Vật suy lý, do đó không bao giờ để cho Thiên hay Địa biến con người thành dụng cụ, nhưng tự tại là một vật linh thiêng nối liền với Tính và Mệnh tức là có đủ yếu tố biến hóa từ Vật đến Nhân, từ Nhân đến Thần mà nhiều triết gia hiện đang cố gắng đem vào quan niệm con Người như ý niệm Nhân Thần (\*).

Đây là một bước tiến bộ rất xa đưa đến lưỡng hợp tính của Đông phương là trong Nhân có Thần. Trong ý đó Mạnh Tử nói: “**Tồn kỳ Tâm dưỡng kỳ Tính sở dĩ sự Thiên dã**”. Tồn tâm dưỡng tính đã là thờ Trời vậy.

(\* ) *Théandrique của Berdiaeff hay Solviev hoặc Dostoievski chẳng hạn.*

### 4.-Con Người Tình / Lý tương tham

**Thứ hai** như vậy đủ để gọi dậy và làm tăng trưởng mọi nghị lực và quy tụ chúng vào một đích điểm tức là có đủ yếu tố **gây nên thống nhất trong con người tư riêng để quy tụ lại một mối**, “**Tình Lý tương tham, Tri Hành hợp nhất**”

**Còn về nhân loại** cũng có một tiêu chuẩn thống nhất đã nhiều lần tỏ ra hiệu nghiệm vượt xa các yếu tố khác. Đó là cái “**Tính tương cận**” vậy. Lấy Tính con người làm nơi hội tụ thì hiệu nghiệm vượt xa lấy Tập tục nơi này, nọ kia khác... vì “**Tập tương viễn**” nó làm cho con người xa lìa nhau.

### 5.- Con Người tiến bước theo An hành ( Chiết trung giữa Cương hành / lợi hành)

**Thứ ba** đủ cho con người yên lòng để vững dạ tiến bước, cứ đi lên, lên mãi khỏi cần bận tâm về đích điểm cứ “**Cung hành**” mà tiến.

Nietzsche mong cầu rằng: “**phải làm thế nào để leo dốc? Thưa cứ lên và đừng nghĩ tới dốc**” (Comment faut-il prendre la pente? Monte et n’y pense pas. Gai Savoir p.18).

Giá ông biết ba đợt hành của Trung Dung! (tức **Cương hành, Lợi hành và An hành cũng gọi là Cung hành**).

Cũng vì đưa hai chữ Tính Mệnh đi liền nhau, Nho triết ở vào một quang cảnh lạc quan tự căn cứ: đó là Dịch lý biến hóa không có luật trừ: muôn vật ở đâu và bao giờ cũng là đi trên con đường “**phục quy kì căn**” tức là **dẫn tới Thái cực, mà Thái cực ở ngay Tâm mình “Thiên lý tại Nhân Tâm” khỏi tìm đâu xa**. Cái sinh thú sâu thẳm của triết lý nhân sinh phát nguyên từ đó.

Chưa nói đến cuộc sống vật chất xác thân cũng vì đó mà được ung dung nhàn tản. Điều ấy thật cả cho cá nhân cũng như cho xã hội nào biết theo lối Tâm linh.

Tóm lại Dịch lý ở trong dòng Truyền Thống là “**nhất Bản tán vạn Thù**”: một Góc phân hóa ra muôn Nẻo. Nay tự **muôn nẻo phân đa trở lại Đơn nhất**. Tự ngoài mà vào: hết lớp nông thì đến lớp sâu, cuối cùng gặp Tính, đầu là Tính, cuối là Mệnh “ **phản u Mệnh vị chi Đạo**”: trở về với Mệnh là cốt tuỷ Đạo. **Đạo đó là Tâm đạo**: một con đường tiến đến chỗ cùng của lòng tin mình vào những khả năng vô biên của con Người.

**Sứ mệnh của con người là tổng động viên mọi năng lực để tiến đến mức đó, tiến đến cái “Nhân Tâm Thiên lý hồn nhiên nhất thể”.** “

### III.-Vài mẫu Người điển hình

*Đã sinh ra là Người thì cứ tự nhiên mà sống, sao lại còn phải bàn bạc về con Người làm gì cho thêm phiền toái? Thưa: Trong mọi thứ trên đời thì chỉ có con Người là khó hiểu nhất, vì Lòng người khôn dò, Tính Tình con Người năng đổi thay, mỗi người lại có một Bản sắc khác nhau, nên con Người mình làm sao thấu hiểu hết được những người khác có liên hệ với mình để ăn ở cho được an vui với nhau, hơn nữa chính mình mới là người mà mình khó hiểu nhất.*

*Cho nên vấn đề “ **Tri Kỷ, tri Bi** “ trở nên rất cần thiết cho cuộc sống. Có Tri Kỷ thì mới mong tri Bi được. Tri Kỷ đã khó thì tri Bi lại càng khó hơn. Nếu không lưu tâm giải quyết hai vấn đề này thì dễ đi đến chỗ vong Thân, vong Gia, vong Quốc, vong Nô. Nan đề này đã và đang là nan đề gọi là Quốc nạn và Quốc nhục của Dân tộc.*

### IV.-Cách Định vị con Người Nhân chủ

*Mỗi nền Văn hoá đều có mẫu người khác nhau: Người CS có mẫu người Bolchevick, Công giáo thì cho mọi con Người đều là con Chúa, Phật giáo cũng vậy, ai ai cũng là Phật đang thành , Hán Nho có con người Quân tử Tàu, Nho gia ( Việt Nho ) có con Người Nhân chủ được định nghĩa như sau:*

“ Nhân giả, Kỳ:

**Thiên / Địa chi Đức ( 1 ) ,**

**Âm / Dương chi giao ( 2 ) ,**

**Quý / Thân chi hội ( 3 ) ,**

**Ngũ hành ( Thủy / Hỏa, Mộc / Kim ) chi tú khí ( 4 ) “**

#### “ ( 1): Con Người là cái Đức hay Tinh hoa của Trời / Đất:

*Tinh hoa của Trời là Tinh thần, là Nhân / Nghĩa ( Trí ), tinh hoa của Đất là Vật chất: <Phần cao quý của con Người>.*

#### ( 2 ) : Con Người là sự giao hòa giữa Âm / Dương

*Hay Gái / Trai kết đôi thành Vợ / Chồng mà sống hạnh phúc bên nhau, xây dựng Gia đình thành Tổ ấm, nhờ đó mà “ Gia đình hoà thuận “ là Góc bền vững của Xã hội.*



### ( 3 ) : Con Người là nơi hội tụ của Quỷ / Thần

Hay Xấu / Tốt, đó là **Bản chất Bất toàn** của con Người .( **Nhân chi sơ,Tính bản Thiện**: Lúc mới sinh ra, con người vốn lành ( Mạnh Tử ), **Nhân chi sơ,Tính bản Ác**: Lúc mới sinh ra, con người vốn ác ( Tuân Tử ) .

### ( 4 ) : Con Người là khí tốt của Ngũ hành

Ngũ hành là bộ máy Huyền vi của Vũ trụ, con Người ở vị trí Trung cung hành Thổ, nên: **Nhân linh u Vạn vật** : Thổ là Nguồn mạch của Mọi liên hệ Hòa trong Vũ trụ.

## IV.- Nhận diện Bản năng con Người

Có Triết lý cũng như Tôn giáo xem Bản năng con Người là xấu xa, nên tìm cách xa lánh, còn Nho giáo thì lại chấp nhận Bản năng con Người và tìm cách thăng hoa cuộc sống để giúp con Người bản năng đạt được cái Đức hay Tình hoa của Trời Đất . Đức là phẩm chất có đủ nơi mình “ **Đức giả bị dã** “ giúp sống sao cho hợp với “ Thiên sinh , Địa dưỡng, Nhân hoà “ . Triết lý Nhân sinh của Nho được đặt trên Cái kiềng Bản năng có 3 chân: **Thực, Sắc, Diện**.

### **Thực, Sắc, Diện: Thiên tính dã.**

( Bản năng: Ăn uống, Sắc dục, Thể Diện đều là Thiên tính )

#### 1.-Thực

Là những của ăn vừa Ngon vừa Lành được pha chế, nấu nướng và bày biện theo 3 tiêu chuẩn “ **Chân, Thiện, Mỹ**: “Ăn là nhu yếu không ai có thể chối từ ( Chân ), đồ ăn phải thỏa mãn được các giác quan: ngon, thơm, đẹp, dòn. . , khi ăn thì ngồi chung mâm bàn để trao đổi cách thi lễ bằng < lưu tâm và chia sẻ thực phẩm cho nhau > ( Thiện, Mỹ ), nhờ đó mà Thực có khả năng vực được Đạo ( Đạo Lý Nhân sinh ) . Các bà Mẹ Việt Nam là những nghệ nhân tuyệt vời về khoa ẩm thực. Thực còn là của uống và các nhu yếu nhật dụng hàng ngày.

#### 2.-Sắc

Là sắc dục cần được thỏa mãn trong đời sống Vợ Chồng. Gia đình giúp Vợ Chồng sống thuận hòa với nhau theo **Tiêu chuẩn “ Tình Nghĩa** “ tức là Tình yêu và “ lễ sống Phải Người phải Ta “ để xây dựng Gia đình và Xã hội.

Khi kết hôn, cặp Gái Trai được **nối kết khăng khít với nhau bằng Tình qua Lễ Thành hôn**, khi sống với nhau **nhờ đức Nghĩa tức là lễ Sống công bằng được y ước với nhau trong Lễ Giao bái**, nhờ đó mà sống hòa với nhau suốt đời trong cảnh : **Thuận Vợ thuận Chồng, tát Bể Đông cũng cạn** “ , đó là nền tảng Hạnh phúc Gia đình.

Gia đình còn là **Trường học đầu đời** để Cha Mẹ góp công đào tạo nên những **Trai hùng Gái đảm** cho xã hội, nên Gia đình được chọn làm nền tảng của Xã hội .

Sống tron Gia đình, người con được đào luyện bằng hai nguồn Tình / Lý tương tham.

**Lý của người Cha** tựa như ánh sáng mặt Trời, khi thì rực rỡ như ánh sáng ban mai, khi thì gay gắt như ánh nắng chói chang lúc trưa Hè, đây là nguồn Lý có tính Cương. **Còn Tình của người Mẹ** lại có tính Nhu, lúc thì mơ màng mơn trớn như ánh trăng mơ, lúc lại vàng vạc như ánh trăng rằm mùa Thu. Được đào luyện trong môi trường **Tình / Lý, Nhu / Cương** một cách “ **Hợp Nội / Ngoại chi đạo** hay **Tình / Lý tương tham** “ như thế mới giúp cho Con cái thành Trai hùng Gái đảm.

### 3.- Diện

Là Thể Diện, mọi người đều cần phải tu trì cái **Thể** cho được tốt đẹp, giúp cho cái **Diện** có bộ mặt hiền lành, nhờ đó mà con Người đạt tới Nhân phẩm: Nhân, Trí, Hùng - Dũng.

Huyền thoại Mẹ Âu Cơ lên núi cao, ngồi yên tĩnh để tu dưỡng Lòng Nhân, Cha Lạc Long lặn lội khắp biển sâu để luyện Trí. Khi sống với nhau làm sao cho Nhân Trí hài hòa thì đạt đức Hùng - Dũng. Hùng là sức mạnh của Thể xác (bắp thịt), Dũng là sức mạnh của Tinh thần, nhờ đó mà con Người có một “**Tinh thần minh mẫn trong một Thể xác tráng kiện**”.

Từ huyền thoại trên mà có Châm ngôn:

“**Mẹ Âu Cơ : Non Nhân, Cha Lạc Long : Nước Trí, Con Hùng Vương : Hùng - Dũng”.**

**Nhân, Trí, Hùng - Dũng là Tinh thần lập Quốc của Dân tộc Việt Nam .**

Nhờ Trí sâu ( Lý ) mà con người biết cách “**Ăn nên làm ra**”, và nhờ Tâm rộng ( Lòng Nhân ) mà con Người biết cách hành xử công bằng với nhau để hoàn thiện được mối Liên hệ Hòa với Thượng đế, Tha nhân và với Thiên nhiên.

**Thực Sắc tuy thuộc Bản năng, nhưng nhờ biết cách biết “ Hoàn thiện mọi việc Làm ” và “ Hoàn thiện mọi mối Liên hệ Hòa ” để thăng hoa cuộc sống hầu đạt tới Nhân phẩm: Nhân, Trí, Hùng - Dũng.**

**Đây là cách Vi Nhân nhằm đạt tới nền tảng Triết lý Nhân sinh của Tổ tiên.**

**Đây là nền tảng Nhân bản và cũng là Tinh thần của nền Văn hóa mà Tổ tiên chúng ta gọi là Hồn Thiêng Sông ( Trí ) Núi ( Nhân ).**

### V.- Hai mục tiêu “ Vi Nhân ” giúp thăng hoa cuộc Sống

Cách Vi Nhân của Tổ Tiên chúng ta theo Tiêu chuẩn “ **Đị, Giản** ”, vì : “ **Đị tắc dị Tri, Giản tắc dị Tông** : Dễ để ai ai cũng hiểu được, Đơn giản để mọi người dễ theo ”.

Trong cuộc sống hàng ngày con Người không bám vào Quá khứ cũng như mơ tưởng về Tương lai mà luôn bám vào Hiện tại miên trường ( ever present ) : Nơi Đây và Bây Giờ ( : Here, Now: Không, Thời gian ) để : thăng hoa cuộc sống, bằng cách :

#### 1.- Hoàn thiện mọi việc Làm

Bao giờ làm bất cứ việc gì, con Người cũng bắt đầu từ Gần tới Xa, từ Nhỏ tới To, từ Dễ tới Khó, từ Đơn giản tới Phức Tạp, từ Tinh vi đến Vĩ đại. . . hầu vươn lên những giá trị cao cả. Cứ bám vào những ước mơ, về lý tưởng cao vời, cùng những hứa hẹn tốt đẹp mai sau, mà không chú trọng xây dựng trong từng giây từng phút Nơi Đây và Bây Giờ thì không bao giờ đạt được Nhân phẩm.

#### 2.- Hoàn thiện mọi mối Liên hệ Hòa

Từ trong Gia đình, tới Học đường rồi ra ngoài Xã hội. Trong Gia đình thì “ **Học Ăn, học Nói học Gối , học Mờ** ”. Tổ Tiên chúng ta đã có một kho tàng Minh triết trong Ca dao Tục ngữ về cuộc sống làm Người.

Để biết cách sống hòa với nhau, về Học thì phải biết cách tu Thân theo tiêu chuẩn Ngũ Thường, về Hành thì phải thực hiện mối Giao hảo Hòa theo Ngũ luân qua tiêu chuẩn Nhân / Nghĩa

Gia đình, Học đường, nhất là Tôn giáo sẽ giúp mọi người đi về nguồn Tâm linh để thiết lập mối Liên hệ với đấng Tối cao, nhờ mối liên hệ đó mà biết cách làm tốt mối liên hệ với tha nhân cũng như với vạn vật trong các môi trường, nhờ quan niệm “ **Vạn vật đồng nhất thể và vạn vật tương liên**”.

Chùng nào mối Liên hệ hàng Dọc và hàng Ngang còn bị rối loạn thì con Người còn khổ đau dài dài.

## VI.- Con Người to lớn trong Tam tài

“ Trời Đất sinh Ta có Ý không?  
Chưa sinh Trời Đất có Ta trong  
Ta cùng Trời Đất ba Ngôi sánh  
Trời Đất in Ta một chữ Đồng  
Đất nứt Ta ra Trời chuyển động  
Ta thay Trời mở Đất mênh mông  
Trời che Đất chở Ta thông thả  
Trời Đất Ta đây đủ Hóa công “  
Trần Cao Vân

Đây là con Người Nhân chủ Việt tộc sống trong môi trường:” **Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa**”, nên hòa đồng cùng Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ ( cosmic rhythm ).

## VII.- Khí Hạo nhiên của con Người Nhân chủ Việt Nho

Khi con Người đã “ **Vi Nhân** “ để hoàn thiện mọi việc Làm và hoàn thiện mọi mối Liên hệ ( hàng Dọc với Trời Đất và hàng Ngang với Tha nhân và Vạn vật ) thì đạt vị thế Nhân chủ.

Đó là con Người đầy khí hạo nhiên: “ **Cur Thiên hạ chi quang cư, hành Thiên hạ chi Đại Đạo, Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất . Mạnh Tử “:**

**Cur Thiên hạ chi quang cư:** Sống thênh thang giữa Trời Đất mênh mông, nên con Người phải trở nên to lớn kiểu Bàn Cổ mới đủ sức làm tròn Sứ mạng của mình.

**Hành Thiên hạ chi Đại Đạo:** Lấy đại Đạo “ Âm Dương hoà “ hay tiêu chuẩn Nhân / Nghĩa mà hành xử ở đời cho thuận với lòng Người và hợp với Thiên lý.

**Phú quý bất năng dâm:** Có được giàu sang cũng không hoang dâm vô độ, luôn sống theo nếp sống Quả dục, tức là nếp sống Tiết độ, nếp sống Chiết trung giữa Diệt dục và Đa dục. ( No more, no less )

**Bần tiện bất năng di:** khi gặp cảnh nghèo hèn cũng không thay đổi nếp sống Nhân Nghĩa.

**Uy vũ bất năng khuất:** Gặp lúc bị đàn áp bằng bạo lực cũng không rời nếp sống Nhân / Nghĩa của con Người Nhân chủ.

*Xin đọc mấy Bài thơ sau để thấy rõ khí Hạo nhiên “ Chí đại chí cương “ của con Người Nhân chủ Nguyễn Công Trứ.*

**Nguyễn Công Trứ ( 1728 – 1858 )**

**Nguyễn Công Trứ : Con Người Nhân chủ**

**Chí làm Trai**

Vòng Trời Đất Dọc Ngang Ngang Dọc.  
Nợ tang bồng vay trả trả vay,  
Chí làm trai Nam Bắc Đông Tây,  
Cho phỉ sức anh hùng trong bốn bể .  
Nhân sinh tự cổ tùy vô tử,  
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh ( 1 )  
Đã chắc rằng ai nhục ai vinh,  
Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngộ.  
Cũng có lúc mưa dòn sóng vỗ,  
Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong.  
Chí những toan xẻ núi lấp sông,  
Làm nên tiếng anh hùng đầu đất tỏ.  
Đường mây rộng thênh thênh cử bộ,  
Nợ tang bồng trang trắng, vỗ tay reo  
Thành thời thơ túi rượu bầu.

Nguyễn Công Trứ

( 1 ) .-Người ở đời chẳng ai mà không chết, phải làm sao lưu lại tấm lòng son trong sử xanh.

*( Chí làm trai )*

Trót đem thân thế hẹn tang bồng,  
Xếp bút nghiên theo việc kiếm cung  
Hết hai chữ Trung Trinh báo quốc,  
Một mình để vì Dân vì Nước ,  
Túi kinh luân từ trước để ngàn sau,  
Hơn nhau hai tiếng Công hầu.

**Nguyễn Công Trứ: Con người Xử thế**

**Phận sự làm Trai**

Vũ trụ chức phận nội  
Đấng trượng phu một túi kinh luân,  
Thượng vị đức, hạ vị dân,  
Sấp hai chữ “ Quân Thân “ mà gánh vác ,  
Có trung hiếu, nên đứng trong trời đất,  
Không công danh thà nát với cỏ cây,  
Chí tang bồng hồ thỉ dạ nào khuây,

Phải hăm hở ra tài kinh tế,  
Người ở thế, trả nợ đời là thế,  
Của đồng lằn thiên hạ tiêu chung  
Hơn nhau hai chữ anh hùng.

### **Nguyễn Công Trứ: Chí Nam nhi**

Thông minh nhất nam tử,  
Yêu vi thiên hạ kỳ.  
Trót sinh ra thời phải có chí chi,  
Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu.  
Đồ kị sá chi con Tạo,  
Nợ tang bồng quyết trả cho xong.  
Đã xông pha bút trận thì gắng gỏi kiếm cung,  
Làm cho rõ tu mi nam tử.  
Trong vũ trụ đã đành phận sự,  
Phải có danh mà đối với núi sông.  
Đi không chẳng lẽ về không?

### **Nguyễn Công Trứ: Nợ tang bồng**

Vũ trụ giai ngô phận sự  
Chẳng công danh chi đứng giữa trần hoàn?  
Chí tang bồng hẹn với giang san  
Đường trung, hiếu, chữ "quân thân" là gánh vác  
Thì rằng:  
Đã mang tiếng ở trong trời đất  
Phải có danh gì với núi sông  
Nợ sách đèn đem nghiên bút giả xong  
Cầu xe ngựa lúc đi về mới tỏ  
Duyên ngư thủy, hội long vân còn đó  
Miếng đỉnh chung cho biết mùi đời  
Nhấn trắng nhủ gió đưa người  
Bẻ ngành đan quế cho rồi liền tay  
Trần ai ai có kém ai!

### **Nguyễn Công Trứ: Kể sĩ Đạt quan**

Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt,  
Dân hữu tứ, Sĩ vi chi tiên ,  
Có giang sơn thì Sĩ đã có tên,  
Từ Chu, Hán vốn Sĩ này là quý,  
Miền hương đảng đã khen rằng hiếu nghị,  
Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường,  
Khí hạo nhiên chí đại chí cương,  
So chính khí đã đầy trong trời đất,

Lúc vị ngô, hồi tàng nơi bông tât,  
Hiều hiều nhiên điều Vị canh Sần,  
Xe Bò Luân đầu chưa gặp Thang Văn,  
Phù thể giáo một vài câu thanh nghị,  
Cầm chính đạo để tịch tà, cự bí,  
Hồi cuồng lan nhi chương bách xuyên,  
Rồng mây khi gặp hội ưa duyên ,  
Đem quách cả Sở Tồn làm Sở Dụng  
Trong lãng miếu ra tài lương đồng,  
Ngoài biên thủy rạch mũi can thương,  
Làm sao cho bách thể lưu phương  
Trước là Sĩ, sau là khanh tướng .  
Kinh luân khởi tâm thượng,  
Binh giáp tàng hung trung,  
Vũ trụ chi gian giai phận sự  
Nam nhi đảo thử thị hào hùng

### Nguyễn Công Trứ: Đạo sĩ già với Phong thái An vi

Nhà nước yên mà sĩ được thung dung  
Bấy giờ Sĩ mới tìm ông Hoàng Thạch,  
Năm ba chú tiểu đồng lếch thếch,  
Tiêu dao nơi hàn cốc, thanh sơn,  
Nào thơ, nào rượu, nào địch, nào đàn  
Đồ thích chí chất đầy trong một túi,  
Mặc ai hỏi, mặc ai không hỏi tới,  
Ngẫm việc đời mà ngẫm kẻ trọc thanh.  
Này này Sĩ mới hoàn danh.

*Nguyễn Công Trứ là một sĩ phu của Việt Tộc, một con Người toàn diện: Khi là danh tướng, lúc bị giáng cấp làm lính quèn, lúc làm quan võ, lúc là quan văn, lúc làm dinh điền ở Yên Sơn Tiên Hải, lúc về già là thi sĩ với bầu rượu túi thơ cùng các tiểu đồng tiêu dao cùng sơn thủy để hoàn danh kẻ Sĩ, khi nào cũng ngẩng đầu cao cùng Trời Đất, sống hết cỡ làm người sĩ phu, khi nào cũng sống tận kỳ tính, luôn luôn là con người đang thành, sống cho hết cỡ làm người, con người của đạo Hành vi của Việt tộc.*

*Tóm lại, lý tưởng sống của Dân tộc Việt Nam được xuất phát từ việc chấp nhận Bản năng con Người, nhờ công trình Vi Nhân theo Hiện tại miên trường ( ever present ) ở Nơi đây và ngay Bây giờ ( Here and Now: Không và Thời gian ) theo cung cách “ hoàn thiện mọi việc Làm “ ( perfect of things ) và hoàn thiện các mối Liên hệ Dọc / Ngang “ ( perfect for being ) mà thăng hoa cuộc sống như Tiên / Rồng, nên mới có tên Việt.*

*Việt là vượt mọi khó khăn trở ngại hàng ngày mà vươn lên miền siêu việt. Tổ tiên Việt không dám đặt Lý tưởng của Dân tộc mình ở nơi xa xôi cao vời như Thiên đàng, Nát Bàn, XHCN, mà mọi sự đều khởi nơi Mình từ Gần tới Xa, từ Nhỏ tới To, từ Dễ tới Khó, từ Đơn giản tới Phức tạp, từ Tâm thường tới Phi thường, từ Tinh vi tới Vĩ đại. . . , đó là con đường mòn mà Tổ tiên chúng ta đã tuân tự theo Thiên lý mà vươn lên, chứ không mơ ước về những vọng tưởng*

quá xa xôi. Ngày nay Cháu Con thích những gì xa xôi cao vời, nhưng “ **Lực bất tòng Tâm** “, nên chỉ loay hoay một chỗ mà không tiến lên được, vì không làm cái Nhỏ thì làm sao mà lại có cái To?

Số là **nạn bành trướng của phương Bắc** làm cho mất Góc, tiếp theo nạn “ **Theo mới nói cũ** “ **một cách nô lệ** Tây phương làm cho vong Thân, cả hai đã làm cho dân tộc chúng ta ngày càng xuống dốc.

Vì không có Nội lực nên cứ mơ ảo những chuyện xa vời, do ngại chuyện Vi Nhân để có Tư cách và Khả năng, để có Nội lực cũng như biết đường đi nước bước xây dựng con Người, Gia đình và Xã hội. Đến khi mọi lãnh vực đã đổ nát lại mắc phải nạn “ **Lực bất tòng Tâm** “ nên đừng việc nào cũng nát, rồi **cứ chọn việc mau việc dễ mà làm** “, càng làm càng nát, càng nát càng sửa, nhưng cứ sửa các hiện tượng bên ngoài mà quên nguồn bệnh, nên không bao giờ thành công. Do đó mà không những không bao giờ làm nên việc Lớn, mà ngay việc Nhỏ cũng không xong. **Như ngày nay, Tư cách không có, Khả năng cũng không, vốn liếng chỉ có bầu nước bọt để tuyên truyền láo bịp, lại cam tâm làm nô lệ kẻ thù truyền kiếp, đưa cổ cho kẻ thù xiết vòng Kim Cô vào, hết nhượng lãnh thổ lãnh hải, nhất là rước kẻ thù xâm nhập vào các Cơ chế xã hội, thì chuyện mất nước để làm nô lệ là chuyện đương nhiên, nhà cầm quyền đảng CSVN cứ vỗ ngực ta đây là Đỉnh cao trí tuệ của nhân loại!**

Vì những thế lực lớn trên thế giới làm chuyện lằng nhằng, khiến Ông biến thành Thằng, Thằng biến nên Ông, khiến cho thành phần Quốc gia phải bó tay chịu trận! Nếu qua kinh biến không trưởng Trí và không có Hùng Tâm Dũng Chí đối chọi lại, thì CSVN vẫn trường trị, còn thành phần Quốc gia thì cứ mãi trong vòng lặn độn lao đao!

## CHƯƠNG NĂM

---

### CÁCH ĐEM ĐẠO LÝ NHÂN SINH VÀO ĐỜI

#### ÁO DÀI 5 THÂN, KHĂN ĐÓNG:

### QUỐC PHỤC VIỆT NAM MANG HỒN DÂN TỘC

---

#### I.- MỞ ĐẦU

*Tổ tiên Việt đã đem Đạo Lý Nhân sinh vào mọi lãnh vực của Đời sống, chúng tôi đã viết trong bài Minh Triết Việt đính kèm. Ở đây chúng tôi chỉ đề cập tới Vấn đề Y phục mà thôi.*

*( Xem các lãnh vực khác ở bài: **Minh Triết Việt** ở sau )*

*Mấy lâu nay, chúng tôi xem TV thấy các nhà Hoạ kiều Áo dài Việt Nam đã làm cuộc cách mạng nhỏ về Y phục, họ tạo ra một số kiểu Áo dài cho các Ca sĩ trình diễn Văn nghệ, cũng như một vài xưởng ngôn viên đài Phát thanh mặc, trông ra lạ lẫm và mới mẻ, nhưng xem ra **Hình thức** không giữ được vẻ Đẹp thanh tao xưa, mà quan trọng nhất là **Nội dung** đã đánh mất cái Hồn Dân tộc.*

Hình Áo dài, Khăn đóng **cách tân**





Áo dài nữ



Áo dài Nam



## Áo dài Khăn đóng Nữ, Áo dài Nữ / Nam ( Cách tân )

Với **Phái Nam** thì có vài kiểu Áo dài được gọi là **Áo dài cách tân**. Chiếc áo dài này về Hình thức thì không còn thấy vẻ trang nhã cũng như nét uyển chuyển của người mặc, mà thấy thân người mặc cứng đờ như hình ống, cái thân trước không khép kín nách, mà khép lưng chừng giữa ngực và nách. Còn các nút cài thân áo thì thẳng một mạch từ trên xuống dưới với 4, 5 nút cài.

Còn **Áo dài Phái Nữ** thì không rõ số nút cài, các nút cài bằng nút bấm vẫn khép kín nách, nhưng dài tới gót chân, **nhìn thấy lưng thụng**, có chiếc thì ống tay áo lại bị cắt ngắn, có cái thì thêm phần hở hang.

Thời trang ngày nay đã được trình diễn dưới muôn hình muôn vẻ, hình như lớp Trẻ ngày nay bị khủng hoảng về Văn hóa, họ không hiểu rằng ngoài Hình thức thì Y phục xưa còn có một Nội dung phong phú, họ chán cái vẻ không thay đổi bên Ngoài của chiếc Áo dài của Cha Ông, mà không hiểu gì về Nội dung, nên cứ tìm cách thay đổi liên miên từ hình thức thanh nhã tới lò lằng, cố ý làm cho người ta để ý tới, cái lỗi là do lớp Già đã thất bại trong việc trao truyền Ý nghĩa quan trọng và cao quý của Chiếc Áo dài truyền thống cho Con Em!

Y phục của Tổ Tiên Việt được gọi là Áo dài truyền thống bao hàm không những Hình thức đẹp đẽ bên Ngoài, mà còn mang Ý nghĩa sâu xa của nền Văn hoá bên Trong và cách Sử dụng đặc biệt xứng hợp.

Một tác phẩm có Hình thức đẹp mà thiếu Nội dung hay thì cũng như Hoa Hải đường tuy Đẹp nhưng vô Hương, trái lại một tác phẩm có Hình thức bên ngoài tuy xấu nhưng lại có Nội dung hay, được ví von là : “ Xù xì da Cóc, lại bọc Trứng Tiên “

Chúng tôi chỉ bàn đến Áo dài Truyền thống mang theo Linh hồn Dân tộc, được cả Dân tộc chấp nhận làm Quốc phục, chứ không dám bàn tới Y phục của từng Cá nhân ưa thích.

## II.-ÁO DÀI 5 THÂN TRUYỀN THỐNG

Chúng ta nên rõ, khi tìm hiểu Văn hoá Tổ tiên xưa, chúng ta toàn gặp toàn những Biểu tượng, mỗi Biểu tượng lại mang theo một Ý nghĩa. Biểu tượng là những Hình tượng **cụ thể**, được xem như bàn nhún ( Spring board ) để vươn lên các Linh tượng ( **Trừu tượng** ) hay cách khác là tìm cách làm quen với cách sống bớt **Lượng** để vươn lên tới **Phẩm**. Tùy theo trình độ Tâm / Trí từng người mà mức độ Cảm nghiệm ( Feeling ) rồi Thể nghiệm ( Experience ) được từng vấn đề một cách khác nhau.

Ví dụ khi nhìn thấy Tượng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thì chúng ta cảm nghiệm được Lòng Từ bi của Đức Phật, khi thấy Tượng Đức Bà Maria thì chúng ta liên tưởng tới Lòng Bác ái của Chúa Giê-su Kitô.

Vì vào giai đoạn sáng tạo ra Áo dài, nhờ Trực giác của Tổ Tiên còn mạnh mà trực thi được cốt tuỷ của Văn đề Vũ trụ và Nhân sinh, nhưng vì Lý trí chưa phát triển, chưa có đủ văn tự để diễn tả cho có mạch lạc và dễ hiểu, do đó mà phải dùng đến Biểu tượng để : **Khả dĩ Hội Ý , Bất khả dĩ Ngôn Truyền:** có thể cảm nghiệm ( feel ) được Cảm xúc ( feeling ) bằng Trực giác vòng Trong, mà chưa thể diễn đạt được Ý bằng lời nói thuộc Lý trí ( thinking ) vòng Ngoài.

Ngày nay, là thời đại của Khoa học, Lý trí đã phát triển cao độ làm cho Trực giác của Lóp trẻ yếu dần vì lãng quên lối Quy tư. Muốn Quy tư thì phải ngồi **Yên tĩnh, Bất động, bỏ Suy tư** mà hướng vào cõi lòng Mình mà Cảm nhận vào Tâm gọi là **Thể nghiệm**. Giới trẻ ngày nay chuyên đi vào **thế giới Động của Khoa học** chỉ biết Suy tư mà không quen với lối Quy tư, nên không muốn và không chịu khó tìm hiểu những giá trị cổ xưa của Tổ tiên, cho là đã cũ và lạc hậu, lại nữa Di bảo Văn hoá Tổ Tiên không diễn đạt bằng trực ngôn mà toàn bằng Biểu tượng.

Theo Văn hoá Tổ tiên thì cuộc sống của mỗi người phải theo Nghịch số của Dịch lý ( **Dịch : Nghịch số chi Lý** ) để phát triển cả Tình lẫn Lý, mỗi người phải Quy tư để uơm nguồn Tình và Suy tư để phát triển nguồn Lý, và còn phải sống theo hai chiều Quy tư / Suy tư ngược nhau sao cho cặp đối cực Tình / Lý được lưỡng nhất hay hài hoà, nhưng Tình phải nhiều hơn Lý để khỏi xa rời nhau, và Lý thì phải hành xử công bằng với nhau để sống hoà với nhau, gọi là **Tình / Lý tương tham**, chứ nhiều Tình quá thì bị thiên vị, và nhiều Lý quá thì trở nên Bất Nhân , làm điều Bất Nghĩa mà gây ra tan nát Gia đình, rối loạn Xã hội.

Vậy xin quý vị khi muốn tìm về Hòn Thiêng Sông Núi, thì chúng ta phải chịu khó lần từng bước mà đi sâu vào Bản chất của nền Văn hoá Dân tộc, vì khi để cho Hòn Dân tộc đội nón ra đi, thì chúng ta không còn nhận ra nhau là Đồng bào, nên đã làm cho Dân tộc tan đàn xẻ nghé như ngày nay.

### 1.- Nguồn gốc của Áo dài 5 Thân

Áo dài 5 Thân là **Hiện thân của Ngũ hành, Ngũ hành là Cơ cấu của Nho, Nho có nền tảng từ Dịch lý Âm / Dương hoà , mà Âm / Dương hay Tiên / Rồng là nền tảng của Việt Nho.**

**Tàu chỉ có Vật biểu Rồng - Độc Dương bất sinh “ - nên không là Chủ nhân sáng tạo ra Dịch, không là Chủ nhân của Nho mà không là Chủ nhân của Áo dài, họ là Chủ nhân của Hán Nho, tức là Nho gồm cả Vương lẫn Bá đạo.**

### 2.- Ngũ hành

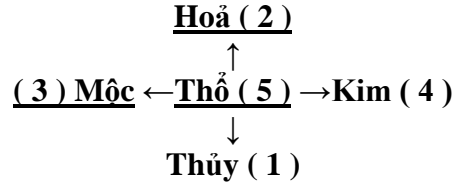
Ngũ hành gồm có **Cơ cấu** là Đồ hình và **Nội dung** là Số độ Ngũ hành.

#### a.- Đồ hình Ngũ hành

**\*Đồ hình Ngũ hành** có 5 hành gồm 4 hành xung quanh là 2 cặp đối cực **Thủy / Hoả, Mộc / Kim** và 1 hành ở giữa là Trung cung **hành Thổ** là **Tâm đối xứng**, Tâm đối xứng có khả năng dung hoá ( có chức năng như chất xúc tác hay catalyst trong Hóa học ) giúp cho cặp đối cực “ **Tương Thôi** “ ( vừa Chống đối vừa Hợp tác ) để gây ra sự Biến hoá Bất biến trong trạng thái **Quân bình Động** ( tức là Hoà liên tục trong từng thời điểm ) .

### b.- Số độ của Ngũ hành

**\*Số độ của các hành**, thì có bộ số: 1 thuộc Thủy, 2 thuộc Hỏa, 3 thuộc Mộc, 4 thuộc Kim và 5 thuộc Thổ, trong đó bộ số: 2 – 3, 5 là vô cùng quan trọng, vì **Bộ số 2-3, 5 là Cơ cấu (nền tảng) của nền Văn hoá Thái hòa Đông Nam cũng như Việt Nam,**



Đồ hình và Số độ của Ngũ hành

( Xem thêm giải thích trong cuốn **Khi Đông tây giao hội** trên [vietnamvanhien.net](http://vietnamvanhien.net) )

### 3.- Áo dài 5 Thân là Hiện thân của Đồ hình

#### và Số độ Ngũ hành

Áo dài có:

#### a.- Cơ cấu Áo dài với Đồ hình Ngũ hành

Vạt áo trước gồm **2 Thân** được may ghép bằng 2 mảnh vải khổ hẹp vào nhau,

Vạt sau cũng có **2 Thân**, như vậy.

Như vậy, Vạt áo Trước và Sau có **4 Thân** tượng trưng cho 4 hành xung quanh,

**Một Thân chẻ** hay Thân cánh gà là thân cắt ngắn từ Cổ, Nách tới Eo được may vào nách bên Phải nối liền với thân sau, tượng trưng cho **hành Thổ**, vì khi mặc áo vào thì bị Vạt trước che khuất, nên Thân chẻ được xem như **hành Thổ**.

**Như vậy Áo dài 5 Thân chính là Hiện thân của Cơ cấu Ngũ hành.**

( Ngày xưa khung dệt vải của Tổ Tiên có khổ hẹp, nên tiện cho việc may Vạt áo có 2 Thân, sau này khổ vải rộng, để cho tiện, may 2 thân làm một, nên việc làm tiện ích đó đã vô tình đánh mất Cấu trúc của Áo dài theo Ngũ hành ).

#### b.- Số độ Ngũ hành nơi Áo dài

Để cài Vạt áo Thân trước vào Thân sau thì phải dùng:

#### 4.- 6 nút cài

1 nút cài ở giữa cổ,

2 nút cài từ Cổ ra Nách bên Phải,

3 nút thì cài từ nách Phải xuống Eo.

## 5.- Nút cài Áo dài với Nho giáo

1 nút ở giữa Cổ tượng trưng cho **Thái cực**: **Nhất Nguyên lưỡng Cực**.

2 nút tượng trưng cho Âm / Dương hay Tiên / Rồng: **Thái cực phân cực thành Âm / Dương: nền tảng của Dịch lý Việt**.

3 nút tượng trưng cho **Tam Tài: Thiên – Nhân - Địa**.

5: số độ của hành **Thổ** : **Nguồn Sống** ( Thủy ) và **Nguồn Sáng** ( Hỏa ) ( Thổ: số 5 :dynamic force, tương tự như công thức  $E = mc^2$  của Einstein: Nguồn Tình Yêu sáng tạo ra Vũ trụ)

Số 5 là Nguồn năng lượng sinh động của Vũ trụ được Nho gọi là động lực của Tạo hóa lư.

Ta đã có : **Thái cực, Dịch Lý, Tam tài, Tạo hóa lư , đó là nền tảng của Nho.**

**Vậy: Áo dài cũng mang theo Số độ của Ngũ hành: Nền tảng của Nho giáo.**



## 6.- Ý nghĩa tượng trưng của Cơ cấu Ngũ hành

Muốn biết Ý nghĩa của Áo dài 5 Thân thì ta phải hiểu rõ Ý nghĩa của Ngũ hành.

Ngũ hành gồm có:

**Hoả** ( Năng lượng: Nguồn Sáng : Sóng/ Hạt: **Nhân / Nghĩa** ) :**Tinh thần**

**Mộc** ( Sinh vật ) ← **Thổ** → ( Khoáng chất ) **Kim**



**Thủy** ( Nước: **Vật chất** : Nguồn Sống )

Xem Đồ hình Ngũ hành trên, chúng ta thấy: **Trúc Tung** ( Dọc ) thì có:

**Hoả** là Năng lượng, tượng trưng cho **Tinh thần** ( Nguồn Sáng : Sóng / Hạt: **Nhân / Nghĩa** )  
**Thủy** là Nước, Yếu tố quan trọng cho đời sống muôn loài, tượng trưng cho **Vật Chất**.

**Trúc Hoành** ( Ngang ) thì có:

**Mộc** tượng trưng cho **Sinh vật**,  
**Kim** tượng trưng cho **Khoáng chất**,  
**Thổ** là Nguồn Sống và nguồn Sáng, cũng tượng trưng cho **Nhân**

Thiên ( Hỏa)

↑

Nhân ( Thổ )

↓

Địa ( Thủy )

Hành **Thổ** là Tổng hợp của **Hỏa / Thủy** tức là **Tinh thần** và **Vật chất** hay **Thiên / Địa = Nhân** nên Hành **Thổ** cũng tượng trưng cho con Người.

**Vây Ngũ hành** là Tổng hợp của con Người với **Vật chất** và **Tinh thần**, cùng **Sinh vật** và **Khoáng chất** và **nguồn Động lực năng động của Vũ trụ** ( **Thổ** : số 5 :  $E = mc^2$  )

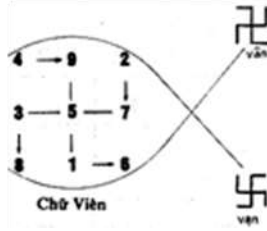
Ta có thể kết luận Ngũ hành là **Biểu tượng cho Nguồn sinh sinh hóa của Vũ trụ mà Tổ tiên chúng ta gọi là Lò Cừ hay Tao Hoá lư.**

**Tóm lại:**

**Bộ số huyền niệm 2-3, 5 là Cơ cấu của nền Văn hoá Đông ( 3 ) Nam ( 2 ) của Việt tộc cũng là nền Văn hoá Thái hoà Việt Nam.**

**Vậy Áo dài 5 Thân cũng mang theo Bộ số Huyền niệm 2-3, 5 của nền Văn hoá Việt Nam .**

**Tổ Tiên Lạc Việt của chúng ta cũng có thêm Hình Lạc Thư tức là Ma trận trong Toán học ( Matrix ) trong đó các số Lễ được xếp theo hình chữ Thập ( + ), còn các số Chấn được xếp theo hình chữ Thập chéo ( X ). Khi các cặp Số Lễ / Số Chấn quay ngược chiều nhau : Chữ Văn quay theo chiều Tả nhậm ( ngược chiều quay đồng hồ ), Chữ Vạn quay cùng chiều theo đồng hồ tức là chiều Hữu nhậm, các cặp số Lễ / Chấn ( đối cực ) đan kết với nhau, cá biệt hóa mà sinh ra Vạn vật, Lạc Thư cũng là cách khác diễn tả về Lò Cừ.**



Hình **Chữ Viên** = **Chữ Văn** ( Tả nhậm: hình nhỏ bên phải ở trên ) + **Chữ Vạn** ( Huru nhậm: hình ở dưới ).

*Đó là hai biểu tượng giải thích về Bộ máy Huyền vi của Vũ trụ ở Đông phương của Việt tộc nhất là Việt Nam thuộc dòng Lạc Việt .*

*Còn ở Tây phương vào thế kỷ 19 mới có thuyết Tương đối của Einstein về Time – Space – Continuum, ta có thể Liên hệ Time với trục Tung là Thời gian và trục Hoành là Không gian, khi hai mô căn bản ( tissue fundamental ) Thời – Không đan kết với nhau thì tạo ra Vạn Vật. ( xem SPACE. Com. Warping Time and Space )*

*Xem ra tuy chưa Văn minh, nhưng Tổ tiên chúng ta đã giải thích được sự Tạo Thiên lập Địa từ thuở xa xăm, không khác gì môn Khoa học Vật lý Vi tử tân tiến nhất ngày nay.*

*Đây là sự hội ngộ Đông/ Tây, Kim / Cổ.*

## 7.- Cơ cấu và Nội dung của Văn hoá Việt Nam

### a.-Cơ cấu

*Bộ số huyền niệ: 2-3, 5 là Cơ cấu của nền Văn hoá Thái Hòa Việt.*

*Sách Ước Gồm 2 trang Hoả ( 2 ) , Mộc ( 3 ) và một trang Trống không: Thổ ( 5 )*

*( Xem giải thích khác nơi cuốn Khi Đông Tây giao hội )*

### b.- Nội dung

*2: Là cặp đối cực Tiên / Rông hay Âm / Dương. Âm / Dương tương thối ( vừa hợp tác vừa chống đối nhau theo tiêu chuẩn Thiên lý hay Dịch lý ) mà **Tiến bộ** không ngừng trong trạng thái Quân bình Động nghĩa là **luôn ổn định hay là Hoà** .*

**Vậ số 2 là Cơ cấu của Dịch, và có Ý nghĩa: Tiến hoá bất biến và Thái hòa.**

*Dịch cũng là Nguồn của 3 luật lớn: Luật Biến động, Luật Giá sắc và Luật Loại tự.*

*( Đã được giải thích rõ ở cuốn Dịch Tàu Dịch Việt, Văn hoá Việt Văn hóa Tàu của Việt Nhân trên vietnamvanhien.net )*

**3: Là Tam Tài:** Thiên – Nhân – Địa, Con Người luôn giữ được vị thế quân bình giữa Trời và Đất, không Duy Tâm để bị mê tín dị đoan, không Duy Vật để coi Cửa trọng hơn Người, mà luôn giữ cho **Tâm / Vật lưỡng nhất**, nên luôn **biết tự Chủ, tự Lực, tự Cường**, con Người này gọi là **con Người Nhân Chủ**, có là Nhân Chủ thì con Người mới làm Chủ được Vận hệ mình, Gia đình mình và Đất nước mình.

**Vậy con số 3 tượng trưng cho con Người Nhân Chủ.**

**5: Là năng lượng của Vũ trụ tức là nguồn Sống và Nguồn Sáng: Nguồn Tâm linh .** **Nguồn Sống là Vật Chất, nguồn Sáng là Năng lượng cũng là Ánh sáng, Ánh sáng được truyền đi vừa theo Làn sóng hình Sin, Làn Sóng có tính cách bao bọc che chở, tựa như Lòng Nhân ( ái ), Ánh Sáng lại vừa truyền theo dòng Hạt thẳng tắp ( dòng hạt photon ) tựa như Lý công chính hay Nghĩa. ( Wave- Particle duality )**

**Vậy số 5 cũng là nguồn của Nhân / Nghĩa tức là nguồn Tâm linh.**

**Áo dài tượng trưng cho Ngũ hành, Ngũ hành là nền tảng của Việt Nho, tức là Văn hoá Việt Nam, Tinh hoa của nền Văn hoá mang Tiểu Thái cực: Nhân / Nghĩa .**

**Ta có thể tóm tắt theo hình dưới đây :**

**Thiên ( Hòa: Nguồn Sáng ( : Sóng / Hạt: Nhân / Nghĩa: Tinh thần )**

**Nhân ( Thổ: Nguồn : Nguồn Sống, Nguồn Sáng )**

**Địa ( Thủy: Vạn vật chi Nguyên: Nguồn Sống: Vật chất )**

( Do vị trí Nhân nơi Hành Thổ mà Nho có câu: **Thiên lý tại Nhân Tâm** )

**8.- Ý nghĩa : “ Thể Nhân đỉnh Nghĩa “ của Áo dài**

**Nho có câu: “ Thánh nhân thể Đạo ( Đạo: Nhân / Nghĩa ) : Người Quân tử “ mặc Đạo lý “Nhân / Nghĩa “ vào mình, hay**

**Mặc Áo dài là “ Thể Nhân đỉnh Nghĩa: Đội Nhân lên Đầu, dẫm Nghĩa dưới Chân “, nghĩa là Thể nghiệm Nhân / Nghĩa vào cuộc Sống hàng ngày.**

**Qua trên chúng ta thấy Áo dài cũng có Cơ cấu: 5 thân như Ngũ hành có 5 hành, và có Nội dung trong Bộ số: 2-3, 5.**

**Áo dài có:**

**1 nút giữa cổ, số 1 tượng trưng cho Thái cực, Thái cực là Nguồn gốc của Vũ trụ.**



2 nút bên bờ vai Phải, tượng trưng Tiên / Rồng ( cũng là Âm / Dương): gốc của Dịch lý với 3 Luật lớn trong Vũ trụ: Luật Biến động, Luật Giác Sắc hay Gieo / Gặt và Luật Loại tỵ. Vậy số 2 tượng trưng cho Nguồn sinh sinh hóa của Vũ trụ. ( Xem Chương Năm, mục D về 3 Luật lớn trong Vũ trụ )

3 nút cài dưới nách: tượng trưng cho Tam Tài, cho con Người Nhân chủ với Tiểu Thái cực Nhân / Nghĩa, con Người Nhân chủ là Tinh hoa của Vũ trụ.

5 Thân ( hay 2 + 3 = 5 nút ) tượng trưng cho Năng lượng Vũ trụ ( Dynamical force ) được khoa học gia Einstein gọi là nguồn Tình Yêu tạo nên Vũ trụ, được xuất phát từ  $E=mc^2$ .

( E là năng lượng, m là khối lượng vật chất biến ra năng lượng, c là tốc độ của Ánh sáng ,  $c = 300,000 \text{ km/sec}$  )

### Vậy số 5 tượng trưng cho Nguồn Tâm linh

Vậy Áo dài cũng có Bộ số Huyền niệm: 2-3, 5 là Cơ cấu của Việt Nho, tức là nền Văn hoá Thái hòa Việt Nam, Tinh hoa của nền Văn hoá là Nhân / Nghĩa hay Nhân / Trí, Hùng / Dũng.

Nhân / Nghĩa có Gốc từ Dịch lý Việt, khi để mất Dịch lý thì mất Nhân / Nghĩa, mất Nhân / Nghĩa thì mất mối Liên hệ Chính trung giữa Người với Trời / Đất và Người này / Người khác . Bệnh Vô cảm và thiếu tinh thần Liên đới Trách nhiệm xuất phát từ sự sống xa rời Dịch lý Việt.

Trái lại, Văn hoá Tàu khởi từ Độc Dương, mà Độc Dương thì Bất sinh, nên thực sự Tàu không sáng tạo ra Dịch mà vẫn có Dịch, không sáng tạo ra Dịch thì không thể có Ngũ hành, không có Ngũ hành là không có Nho, Không Nho thì cũng không thể sáng tạo ra Áo dài 5 Thân.

Điều Quan trọng là khi thiếu Dịch thì đánh mất mối Liên hệ hai chiều, mà chỉ còn Liên hệ một chiều từ Trên xuống Dưới, do đó mới Tôn Quân, trọng Nam khinh Nữ, bạo Động, gây Chiến tranh, Cướp bóc bà Bành trưởng.

Sở dĩ Tàu có Dịch là vì đã chiếm Dịch của Chúng Việt, “ chiếm Công vi Tư “ rồi “ Dịch Chủ vi Nô “, nhưng Tổ tiên Việt đã cất dấu Gốc Văn hoá ( tức là Dịch Lý ) trong Huyền thoại, trong nhiều Cổ vật, nên Tàu chỉ cướp được cái Ngọn Văn hoá với 64 quẻ Dịch để Bóc phệ, mà không nhận ra Triết lý Nhân sinh khởi từ Dịch lý tức là Thiên lý, do đó mà các nhà cầm quyền Tàu từ xưa tới nay đều sống nghịch với Dịch lý , nên chỉ Chuyên chế độc tài!

### **9.- Cách cài nút áo Dài theo Tả nhậm hay Thuận Thiên**

Dân tộc Việt Nam là một chủng trong Tứ Di, Tứ Di khác với Hoa Hán. Hoa Hán gán cho Tứ Di là mọi rợ, nhưng Tứ Di thì có Văn hoá, còn Dân Du mục Hoa Hán thì không, nên phải cướp Văn hoá Chúng Việt làm Văn hoá riêng của mình. Tứ Di là Bắc Địch, Nam Man, Đông Di,

**Tây Nhung** . Tên Tứ Di là do Hoa Hán gán cho đại chủng Việt, Dân Lạc Việt hay Việt Nam thuộc dòng Nam Man. **Tứ Di có thói quen gọi là Tả nhậm ( Tứ Di Tả nhậm )** , tức là thói quen chuộng về bên Trái tức là quay ngược chiều quay Đồng hồ. Số là Đại Hùng Tinh quay ngược chiều Đồng hồ quanh sao Bắc đẩu, nên **Ý nghĩa Tả nhậm là Thuận Thiên tức là thuận theo Dịch lý** . Do đó mà có thói quen cái nút Áo dài về phía bên Tả, nhưng nay chúng ta vẫn cái nút Áo dài về phía Tay Mặt, gọi là Hữu nhậm . Có lẽ trong thời Cai trị nhà cầm quyền Tàu bắt Dân Việt ta phải theo phong tục tập quán của Tàu mà đổi cách cài nút áo vạt Thân trước từ Trái qua Phải tức là theo Hữu nhậm như hiện nay, mà **Hữu nhậm là nghịch Thiên lý**.

### 10.- Cách sử dụng

Tổ Tiên Việt dùng Áo dài trong việc Phụng tự cũng như Thờ cúng Tổ Tiên, Thờ cúng Trời Đất gọi là Tế Thiên, hay trong các dịp trọng thể khác. Trong dịp Thờ cúng Tổ Tiên ở trong Gia đình thì mặc Áo dài chén ( Áo dài không rộng ), còn trong dịp Tế Thiên thì Ông Vua mặc Áo dài chén bên trong, Áo dài thụng ( rộng ) bên Ngoài , chỉ có Vua Quan mới mặc Áo dài đi làm việc công, còn thường dân thì không .

Ở trên chúng ta đã bàn về Nội dung của Áo dài, Cha ông chúng ta đã không trao truyền cho cháu con được Ý nghĩa về Nội dung “ **Thể Nhân đỉnh Nghĩa của Áo dài: Đới Lòng Nhân lên Đầu và đậm Đức Nghĩa xuống chân, nghĩa là đem Nhân Nghĩa vào trong Cơ thể gọi là Thể nghiệm** “ , làm cho Tâm hồn lớp trẻ trống vắng, nên họ mới thao thức đi tìm những cái mới lạ, ngay cả những thứ lố lăng.

Lớp trẻ ngày nay chỉ thích những cái gì đổi thay mới lạ, để kích thích người xem nhất là để bán sản phẩm Văn nghệ, cái nguy hại là Giới Trẻ càng ngày càng xa rời phần Tinh hoa của Văn hoá, đó là Triết lý Nhân sinh đã bị kẻ thù Bắc phương và Tây phương ( Pháp ) cố ý làm cho tiêu diệt để cho Dân Việt Nam mất Gốc mà thống trị.

Dân tộc Việt Nam là Dân tộc biết đem triết lý Nhân sinh vào cách Ăn Mặc, và mọi lãnh vực khác trong đời sống hàng ngày, đến Y phục cũng được đem gói ghém vào hai chữ Nhân / Nghĩa .

**Nhân** là lòng mọi người Dân Việt Nam đều biết kính trọng, Yêu thương và Bao dung nhau, không loại trừ nhau.

**Nghĩa** là mọi người từ trong Gia đình ra ngoài Xã hội đều ăn ở Công bằng hàng ngày ( cuộc hành xử hai chiều với nhau nghĩa là có Đi có Lại thuận thỏa với nhau ) để sống Hoà với nhau hầu xây dựng Gia đình và Xã hội.

Đây là điều dễ hiểu, nhưng lại khó thực hiện, nên mọi con dân Việt Nam **phải Tu thân hàng ngày và suốt đời theo Tôn chỉ Nhân / Nghĩa:**

Có **Hướng Nội** đi vào Lòng Minh gọi là **Quy Tư** để un đúc Lòng Nhân.

Và phải **Hướng Ngoại** hầu **Suy tư** cho thông suốt mọi sự để ăn ở công bằng với nhau mới đạt Đức Nghĩa , không dành Hon Thua đấu đá nhau làm cho tan Nhà nát Nước, mà có sống Hòa với nhau.

Việc khó khăn trong cuộc sống hàng ngày là phải hành xử làm sao cho cặp đôi cực Nhân ( Tĩnh ) / Nghĩa ( Động ) được hài hòa hay Lưỡng nhất ( dual unit ) thì mới đạt Đức Hùng / Dũng .

**Khi xa rời Nhân / nghĩa thì mất Hùng / Dũng, khiến con Người biến chất, ăn ở phóng túng chèn ép nhau làm cho Gia đình lục đục, Xã hội rối loạn do cái Lòng Bất Nhân và Hành động Bất công của con Người mà ra. Quốc Nạn và Quốc Nhục phát sinh từ đây.**

**Chỉ có Giáo dục từ lúc còn ấu thơ theo nền Văn hoá thái hòa Tổ tiên cho đến lúc nhắm mắt buông Tay mới sống hài hoà với nhau theo Nhân / Nghĩa được . Nho đã chẳng bảo : “Vi Nhân nan hĩ: Làm Người khó thay ! “**

Để thường xuyên nhắc nhở con cháu về nền Triết lý Nhân sinh, Tổ tiên chúng ta đã đem Tinh thần Nhân / Nghĩa này vào mọi lĩnh vực của đời sống như Lời Ăn tiếng Nói, cách Ăn Mặc, sinh hoạt Hội hè đình đám, phong tục Tập quán, nhất là trong hai Lễ Thành hôn và Lễ Hợp cẩn < Giao bái >, nói cách khác là đem Tinh thần Dịch lý Việt vào Đời sống hàng ngày, hay vào Đời để giúp cho cuộc Sống được an bình hạnh phúc.

( Xem 5 Điển chương Việt trong cuốn **Văn Hiến Việt Nam** và bài **Minh Triết Việt** của Việt Nhân trên vietnamvanhien.net )

### III.- Vẻ đẹp của Áo dài Việt Nam



Bức tượng Áo dài đẹp



Áo dài Liền Anh, Liền Chị ( Quan Họ Bắc Ninh)



Áo dài Đàn Ông / Đàn bà trang trọng thanh nhã

Áo dài kép gồm một áo Trong và một Áo Ngoài tượng trưng cho Nét Gấp đôi ( Two fold : Plie en deux ) của nền Văn hoá gọi là ( Hợp Nội / Ngoại chi Đạo ) theo Dịch lý .



## Áo dài Nữ

Áo dài của phái Nữ ( Là Áo dài canh tân từ Áo dài 5 thân thành Áo dài Cát tường : Le mur ) làm nổi bật Cơ thể người Nữ qua nét đẹp Quyển rũ kín đáo bằng đường cong nét lượn tuyệt mỹ: Ngực căng, Eo thon, Mông tròn.



Cùng với Dáng đi: Bay bướm, Trang nhã, Thanh tao, Thướt tha, Duyên dáng.

Nhìn ngắm dáng vẻ những người Nữ khi mặc Áo dài, chúng ta nhận ra cái Áo dài đã làm tôn lên vẻ đẹp Thân thể của người Nữ một cách đầy Nghệ thuật, khi Đứng, khi Ngồi, khi Đi, lúc nào hình dáng người Nữ cũng thướt tha, duyên dáng, uyển chuyển.

Còn hình dáng người Nam thì cũng không kém trang trọng và thanh nhã .

**Cái Áo dài đã tôn vinh một cách tài tình vẻ đẹp thiên nhiên của con Người Việt Nam cả phần Hình thức lẫn Nội dung, tức là Toàn bích hay “Hợp Nội / Ngoại chi Đạo”.**

**Nét đẹp thanh cao của Người Nữ mặc Áo dài nâng Tâm Hồn người quan chiêm Tuyệt phẩm của Tạo hóa ( Great Architect of the Universe ) lên tầm cao Nghệ thuật.**

## KHĂN ĐÓNG



Khăn đống Nam



Khăn đống Nữ

( Hình để ngược )

### I.- Cấu tạo

Khăn đống được cấu tạo bởi nhiều lớp băng vải kết vào nhau theo Vòng tròn của cái Đầu. Các băng vải dưới cùng được xếp chéo nhau theo hình chữ Nhân : 人 : tượng trưng cho con Người.

Còn các băng trên thì cuộn tròn theo hình chữ Nhất : 一.

Màu sắc của khăn đống: Ông Vua thì dùng màu vàng là màu của hành Thổ, nên Ông Vua có tên là Hoàng ( màu vàng ) Đế, khi Cúng tế thì Vua mặc Áo dài và Khăn đống đều màu vàng, còn các Quan và thường dân thì Áo dài và khăn đống thường dùng màu Đen ( Lê dân ).

### II.- Nội dung

Theo Cơ cấu Văn hóa Việt thì số Trời là số 3, số Đất là 2, con Người là tinh hoa của Trời Đất nên là số 5 ( 3 + 2 = 5 ). Theo thiên ý nên kết 5 băng vải từ dưới lên trên theo hình chữ 人, còn các băng vải khác thì là những băng cuộn vòng tượng trưng cho chữ Nhất : 一, do đó mà Ý nghĩa của Khăn đống là: Đa = Nhất: E PLURIBUS UNUM: Out of Many, One ( Great Seal của Hoa kỳ ).

Khi đội cái Khăn đống lên Đầu thì mỗi người phải luôn ghi nhớ tới Tinh thần Dân tộc là mọi con Dân Việt phải khắc ghi vào trong Tâm là mọi con Dân Việt Nam phải luôn đoàn kết với nhau “ Một Lòng “ theo Nhân / Nghĩa hay Tinh / Nghĩa Đồng bào mà Xây Nhà Dựng Nước. Về vẻ đẹp cái Khăn đống thì khi đội lên đầu phải phù hợp hài hoà với khuôn mặt và vóc dáng con Người, cái Khăn không nên quá to cũng như quá nhỏ .

Tinh thần này đều xuất phát từ Dịch lý “ Đại Đạo Âm / Dương Hòa “. Hòa là đỉnh cao của Nghệ thuật.



Hình Hoàng Đế Bảo Đại

Xem hình khăn đóng của Hoàng Đế Bảo Đại, chúng ta nhận thấy cái Khăn đóng đã không có băng xếp hình chéo ( Chữ 人 ) giữa trán, điều này cho chúng ta thấy Nho thời đó đã quên mất Ý nghĩa Đa: Nhất ( Đoàn kết ) của Nho giáo.

### KẾT LUẬN

Qua Hình thức và Nội dung của cái Áo dài 5 Thân và khăn Đóng đội trên đầu, chúng ta thấy Quốc phục Việt Nam đã mang theo trong mình Tinh thần **Hồn Thiêng Sông ( Nhân ) Núi ( Nghĩa )** của Dân tộc, do đó mà Quốc phục Việt Nam mang danh “**Thẻ Nhân Đỉnh Nghĩa**”.

Đây là một trong những cách **đem Đạo lý Nhân sinh vào Đời Sống hàng ngày** của Tổ Tiên Việt. Xem ra Tổ Tiên chúng ta tuy chưa đạt trình độ Văn minh cao nhưng về Văn hoá thì không Quê mùa lạc hậu như một số người chúng ta lầm tưởng .

**Thế nhưng, tuy có VĂN, nhưng bị áp bức và cướp bóc triền miên, không HÓA nổi nên Dân tộc ta mới bị lạc hậu.**

**Tiếc thay! Tổ tiên chúng ta đã sáng tạo ra viên Ngọc Long Toại Trống / Mái trong tay từ thời Tiên sử đã giúp cuộc Sống vươn tới giá trị của Tiểu Thái cực Nhân / Nghĩa hầu sống Thuần Thiên theo Dịch lý, để sinh tồn và phát triển, nhưng khôn thay lại không thể giữ gìn và mài dũa cho sáng trong mà tô điểm cho cuộc sống được an bình hạnh phúc.**

Ngày nay có một số vị trí thức mang nặng Tinh thần Duy Sử, họ chỉ nhìn nhận Lịch sử Việt Nam chỉ có 900 năm kể từ Hai Bà Trưng, chứ không phải 4897 năm, tức là họ đã chối bỏ phần Huyền sử là giai đoạn sáng tạo Văn hoá, mà Tinh hoa của Văn hóa là Nhân / Nghĩa – Tinh thần Bất khuất của Dân tộc Việt Nam - . Việc một Dân tộc có Lịch sử dài lâu được xem quan trọng là ở chỗ Tinh thần Hùng / Dũng của Dân tộc đã giúp Dân tộc chịu được thử thách qua thời gian dài mà tồn tại và phát triển.

#### Ý kiến của học giả ngoại quốc về Huyền sử Huyền sử là Sở của Huyền thoại

“ Bộ Huyền thoại của một Dân tộc là là Đạo sống của Dân tộc đó. Nếu mất Huyền thoại thì bất cứ một Dân tộc nào, kể cả những Dân tộc văn minh nhất cũng sẽ sụp đổ khùng khiếp ”.

( Karl Jung )

“ Bộ Huyền thoại của một Dân tộc không phải là những chuyện hoang đường, mà là những chuyện gần chân lý nhất, hơn nữa bộ Huyền thoại là gia sản quý báu nhất vì tính chất thiêng liêng điển hình và mang lại ý nghĩa sống ”.

( Mircea Eliade )

“ Không có bộ Huyền thoại thì không thể thành một dân tộc được. Dân tộc nào không có bộ Huyền thoại không thể được coi là có Văn hoá hay Văn minh gì hết, vì bộ Huyền thoại là những câu chuyện điển tả Tinh thần của Dân tộc ở mức độ cao nhất và cũng là di sản thiêng liêng của Dân tộc đó ”.

( Laurens Van Der post )

“ Mất bộ Huyền thoại là mất mạch nối vào nguồn quá khứ Tổ tiên và mất luôn căn bản cho việc xây dựng Tiên đề Dân tộc. Dân nào mất bộ Huyền thoại, Dân tộc đó quả thực bị coi như không còn nữa ”.

( Wallace Cliff )

“ Sử mệnh nói lên sứ mệnh của một Dân tộc nhất định phải thi hành trong một hoàn cảnh nhất định nào đó. Sứ mệnh vì thế đã được thích nghi với hoàn cảnh, với khu vực và thường được các bậc hiền triết của mỗi Dân tộc thấy trực thị rồi diễn đạt qua những trang Huyền sử. Huyền sử cũng là Lịch sử nhưng rộng hơn nhiều vì bao cả Dĩ vãng lẫn Tương lai, nên có tính cách siêu thời gian “. ( Kim Định ).

*Ngọc Long Toại là Huyền thoại đã được sáng tạo từ thời Tiên sử gọi là Huyền sử và đã được chôn dấu ở phương Nam từ thời nhà Ân, nay quý vị Duy Sử lại một lần nữa muốn chôn táng Huyền sử, mà Huyền sử chính là nguồn gốc Nhân / Nghĩa.*

*Tổ Tiên đã căn dặn:*

“ Trai mà chi, Gái mà chi

“ Sao cho Ăn, Ở Nhân Nghì ( Nghĩa ) mới nên.”

( Ca dao )

*Vì bỏ gốc Nhân / Nghĩa hay Tình / Nghĩa Đồng bào được kết tinh từ thời Huyền sử, mà một số con dân Việt không còn nhận ra nhau là Đồng bào, mà xem nhau như là kẻ thù bất khả tương dung, nên gây ra cảnh phân hoá, làm con người xuống cấp, Gia đình lục đục, Xã hội rối ren trong thời gian dài mà chưa cách nào phục hoạt được.*

*Thiết tưởng chúng ta cần đào xới Viên Ngọc Nhân / Nghĩa lên, tẩy rửa cho sạch lớp bụi thiên kiến, ngộ nhận, khích bác nhau và mài dũa cho sáng trong, để nhờ ánh sáng viên Ngọc chiếu rọi vào tận Tâm hồn từng con dân Việt, dù xấu dù tốt, dù sang dù hèn, dù thông minh tài cán, dù dốt nát tối tăm, mọi con dân Việt vẫn nhận ra nhau là Đồng bào, thúc dục cùng nhau kết thành một khối, giúp cho Nội lực Dân tộc sung mãn mà vươn lên vực dậy.*

*Nhân / Nghĩa, Bác ái / Công bằng, Từ bi / Trí tuệ cũng đều là những viên Ngọc quý giá nhất của Nhân loại, vì cả ba đều là Tiểu Thái cực của cùng Thái cực, cả ba tuy danh xưng khác nhau, nhưng đều cùng có Bản chất là HÒA, và có Dũng lực là Bao dung, Hỷ xả và Tha thứ 70 mươi lần 7.*

*Những viên Ngọc quý báu trên đều mang tính chất Biến hoá Bất biến từ Dịch lý, giúp mọi người có mối Tương quan mật thiết với nhau nhờ sinh hoạt theo nẻo Công chính.*



## CHƯƠNG SÁU

---

### BÁO ĐỘNG ĐỎ: CHIẾN LƯỢC TÂM ĂN DÂU

### NHÀM XÓA BỎ CHỮ VIỆT VÀ TIẾNG VIỆT

( On Saturday, February 24, 2018 8:00 PM, chanh huynh <[chanhhuynh99@yahoo.com](mailto:chanhhuynh99@yahoo.com)> wrote:

Cuốn sách 2000 trang “Cải Tiến Tiếng Việt” đã được Nguyễn Phú Trọng mang về từ TC gần 10 tháng trước khi cuốn sách được tung ra tại VN dưới tên tác giả Bùi Hiền sau 20 năm nghiên cứu!

*Dân tộc anh ở đâu?  
Sao đang tâm làm tay sai cho Tàu?*  
(Việt Khang - Anh Là Ai)

**Chiến lược "Tâm Ấn Dầu"  
nhằm xóa bỏ dần chữ Việt và tiếng Việt**

Tác giả: NGUYỄN HOÀNG HÂN (Viện Nghiên Cứu Tài Nguyên Biển Đông).

**1.- Ý đồ thâm hiểm “ Tiêu diệt Văn hóa Dân tộc Việt “  
của Thiên triều với sự tiếp tay của Chư hầu**

Ngày 20-11-2017, giáo sư tiến sĩ Bùi Hiền, 83 tuổi, tung ra một cuốn sách “Cải Tiến Tiếng Việt” sử dụng tiếng Việt Mới.

Một loại tiếng Việt Hán hoá, phiên âm theo tiếng Tàu Bắc Kinh ( tổng hợp gồm đơn âm Quan Thoại và Bạch Thoại ).

Nói cho dễ hiểu hơn, đây là một kiểu chữ Tàu áp dụng riêng cho người Việt Nam vào những thập niên sắp tới, phiên âm từ tiếng Tàu, nhằm địa phương hoá ngôn ngữ , tương tự như tiếng Tàu Quảng Đông, Hồ Nam, Tây Tạng, Tân Cương, Nội Mông ....trong thời gian Tự Trị trước khi sát nhập.

Quyển sách dày 2000 trang, ông nói là do ông mất đúng 20 năm để biên soạn được Bộ Giáo Dục Việt Nam cho xuất bản.

Tại Việt Nam, rải một tờ bướm bướm A4, quảng cáo dầu cù là hay thuốc xổ cao đơn hoàn tán cũng phải xin phép công an.

Huống gì một công trình cải đổi từ tiếng Việt chuyển sang tiếng Tàu. Nếu không được sự uỷ nhiệm của Đảng, bà cố nội của ông Bùi Hiền cũng không dám làm điều này. Quý vị có đồng ý không?

Đây là một chiến dịch quy mô được phát động có kế hoạch, có âm mưu, có chiến lược, phổ biến rộng rãi để chuẩn bị tư tưởng người Việt nhằm tránh sự ngỡ ngàng một ngày kia không xa lắm, tiếng Việt sẽ bị xoá bỏ hẳn hoi.

Người ta tạo ra một thứ tiếng Tàu riêng cho từng vùng, từng khu vực mục đích đánh lừa một dân tộc trước khi tiêu diệt ngôn ngữ của dân tộc đó, đồng hoá dân tộc đó một cách êm thấm do người bản xứ lãnh đạo, chỉ huy và thực thi phương án sát nhập trong thời hạn 60 năm bắt đầu năm 2020, hoàn tất vào năm 2060.

Lúc đó, Việt Nam chỉ còn là một tỉnh ly.

Ông Bùi Hiền nói láo, Đảng cũng nói lộn lộn!

“Bộ Chữ Cải Tiến Tiếng Việt ” này hoàn toàn do “Cục Ngôn Ngữ Trung Quốc” mà Cục Trưởng là giáo sư Từ Hường Hòa ( con trai thứ ba của Thống Chế Từ Hường Tiền) soạn thảo xong vào tháng 3 năm 1998, thời kỳ Giang Trạch Dân làm Tổng Bí Thư (1989-2002) .

Bây giờ đã đến lúc ra lệnh Nhà Nước VN có bốn phận thi hành nhiệm vụ hướng dẫn người Việt đi từ từ vào con đường đồng hoá cũng như hội nhập vào xã hội của “Trung Quốc” một cách “dịu dàng” ôn hòa , tự nguyện dâng hiến đất nước của mình trở thành một tỉnh ly của “ Trung Quốc” !.

Uông Dương (cháu nội Uông Tinh Vệ, Tổng Thống Trung Hoa Dân Quốc Nam Kinh (1940-1944), về sau bắt tay với Nhật rồi hợp tác với Mao Trạch Đông.

Người kế nhiệm Uông Tinh Vệ là Tướng Giới Thạch. Người con trai út của Uông Tinh Vệ là Uông Triệu Quang, làm cận vệ cho Mao Trạch Đông hồi 17 tuổi, đến năm 40 tuổi giữ chức “ Cục Trưởng Cục Bảo Vệ Mao Chủ Tịch”.

## **2.- Thiên triều thành lập tổ chức Đồng hóa Chư hầu:**

**Uông Dương, con trai trưởng của Uông Triệu Quang là đệ tử ruột Tập Cận Bình, Ủy Viên Thường Vụ Bộ Chính Trị , Phó Thủ Tướng Quốc Vụ Viện và kiêm luôn 5 chức vụ :**

- 1- Tổ Trưởng Tổ Công Tác Điều Phối Tân Cương**
- 2- Tổ Trưởng Tổ Công Tác Điều Phối Tây Tạng**
- 3- Tổ Trưởng Tổ Công Tác Điều Phối Nội Mông**
- 4- Tổ Trưởng Tổ Công Tác Điều Phối Đài Loan**
- 5- Tổ Trưởng Tổ Công Tác Điều Phối Việt Nam.**

Nói cách khác, **Uông Dương là “Chủ Nhiệm Đô Hộ Phủ”** có thẩm quyền tuyệt đối về vận mệnh các quốc gia vừa nêu trên.

Cách đây 1 năm, lúc 16 giờ chiều, ngày 12-1-2017, tại Sảnh Đường Nhân Dân Bắc Kinh, ông Nguyễn Phú Trọng đã ký “15 Hiệp Ước” có tính cách lệ thuộc và thần phục Bắc Kinh. Nhưng Hiệp Ước thứ 16 thì không ký trên văn bản mà ký bằng miệng, tức “ thoả hiệp ngầm”.

Đó là văn kiện “ Cải Tiến Mẫu Tự Tiếng Việt” thành âm điệu tiếng “Trung Quốc “ do Uông Dương trao tận tay ông Nguyễn Phú Trọng.

Theo chỉ thị của “Trung Quốc”, Bộ Giáo Dục Việt Nam sẽ dạy “tiếng Việt Hán Hoá “ này cho bậc tiểu học vào năm 2023, bậc trung học phổ thông vào năm 2026 và bậc đại học vào năm 2030 !

Năm 1969, Chu Ân Lai thông báo với Lê Duẩn là “Trung Quốc “ đang có kế hoạch “bang giao” với Hoa Kỳ , yêu cầu VN hãy ở “thế thủ” , dùng giải pháp chính trị hơn là quân sự , không nên liên tục “tấn công” Miền Nam.

### **3.- Lời Trí trá trao đổi giữa Thiên triều và Chư hầu**

Tháng 3-1970, Lê Duẩn sang yết kiến Mao Trạch Đông tại Hồ Nam (quê hương của Mao).

Trong cuộc gặp gỡ này, Mao Trạch Đông hỏi rất xỏ lá :”Có phải trong lịch sử , người Việt Nam từng đánh bại quân nhà Nguyên Mông Cổ ?”

Lê Duẩn khiêm tốn đáp: “ Dạ, thưa phải” .

Mao Trạch Đông: “ Đó là chuyện ngày xưa . Còn chuyện ngày nay và ngày sau thì tôi muốn di dân 500 triệu người Trung Quốc của tôi định cư toàn vùng Đông Nam Á và Việt Nam là bàn đạp trong chiến dịch di dân của người Trung Quốc , đồng chí nghĩ sao ?”

Lê Duẩn trả lời; “ Đồng chí Chủ Tịch muốn gì cũng được, miễn là đừng đẩy Việt Nam vào đường cùng bằng pháo binh, thiết giáp và tên lửa ?”

Mao Trạch Đông hỏi tiếp: “Muốn sử dụng Việt Nam làm bàn đạp tiến xuống Đông Nam Á không áp dụng chiến tranh thì chỉ còn một cách duy nhất là hai nước phải “hợp tác” với nhau thôi.”

Ý nghĩa của hai chữ “hợp tác”, Lê Duẩn hiểu hết chứ ! Hiểu mà không thi hành là dựa vào lưng Nga Sô.

Vì vậy, ngày 17-2-1979, Đặng Tiểu Bình chỉ thị Đại Tướng Dương Đắc Chí và Đại Tướng Hứa Thế Hữu chỉ huy 600 ngàn quân, 400 thiết giáp, 2200 khẩu đại pháo 122 ly tràn qua biên giới tàn phá 6 tỉnh ly miền Bắc “ dạy cho Việt Nam một bài học”.

Trong cuộc chiến này, nói thì nói, Tàu vẫn thua đậm.

Đặng Tiểu Bình nóng mặt. gấp rút cho thực hiện chính sách “Tứ Đại Canh Tân” .

### **4.- Xúc tiến Chiến cuộc chiến TÂM ĂN DÂU**

Lê Duẩn chết ngày 10-7-1986 ( 79 tuổi ) . Nguyễn Văn Linh lên thay thế chức Tổng Bí Thư từ ngày 18-12-1986 đến ngày 28-6-1991, Nguyễn Văn Linh triệt để “hợp tác” với Bắc Kinh qua “thỏa hiệp ngầm” ký tại Thành Đô (Tứ Xuyên ) ngày 4-9-1990, trong đó có 10 điều khoản kê khai rõ ràng :

- 1- Sát nhập **Đất liền** ( dư luận nghĩ sai là VN nhượng đất, nhượng lãnh hải . Sự thật sát nhập dần dần)
2. Sát nhập **Biển** .
- 3-Sát nhập **Kinh tế**
- 4- Sát nhập **Quốc phòng**
- 5- Sát nhập **An ninh**
- 6-Sát nhập **Gián điệp**
- 7- Sát nhập **Tình báo**
- 8- Sát nhập **Di dân**
- 9- Sát nhập **Văn hoá**
- 10- Trước khi sát nhập sẽ có **thời hạn 17 năm sát nhập ngôn ngữ**

Năm 42, Hán Quang Vũ Đế Lưu Tú hạ lệnh Thống Tướng Mã Viện thống lãnh 20 ngàn quân sang xâm lăng Việt Nam..

Giao chiến lâu ngày, quân Hai Bà Trưng thiếu trang bị và kinh nghiệm không chống cự nổi đạo quân thiện chiến của Mã Viện..

Sau khi chiến thắng Hai Bà Trưng, Mã Viện xử chém 1/3 dân số Việt Nam và tru di tam tộc các dòng họ Trưng, Thi, Đô, Lá, Thiều, Ngọc .....

#### **5.- Mặt trận Quyết tâm tiêu diệt và Bảo vệ Văn hóa**

Cho nên, Việt Nam không còn những dòng họ này. Mã Viện tâu lên vua Lưu Tú ( người sáng lập nhà Đông Hán ) rằng :

“Việt Nam có luật lệ riêng, có phong tục riêng, có tiếng nói khác với nhà Hán, muốn đồng hoá chúng nó thì phải xoá ngôn ngữ chúng nó.”

Nhưng một mặt người Việt “đánh du kích chiến” rờn rả hàng trăm năm, đến năm 939 Ngô Quyền tuyên bố độc lập.

Một mặt, giả vờ hợp tác với các Thái Thú Tàu, học chữ Hán, viết chữ Hán, nhưng khi nói chuyện thì nói bằng tiếng nói của nước mình.

Không ai dám gọi là tiếng “Nam =An Nam” đọc trại thành tiếng “Nôm”.

Kiên trì giữ vững phong tục, luật lệ, tiếng nói của dân tộc mình nên Việt Nam là quốc gia độc nhất trong 100 Việt (Bách Việt ) không bị Tàu đồng hoá, trường tồn trên 4000 năm nay.

Nhà văn hoá Phạm Quỳnh, trước khi bị Cộng Sản xử bắn cùng với ông Ngô Đình Khôi(anh ruột Tổng Thống Ngô Đình Diệm), Ngô Đình Huân (con trai của ông Ngô Đình Khôi) tại rừng Hắc Thú (Huế) tháng 8 năm 1945 , để lại câu nói lịch sử :

**“ Tiếng Việt còn, nước Ta còn. Tiếng Việt mất, nước ta sẽ không còn”.**

**Văn hào Voltaire cũng có nói: “ Tổ quốc chính là điểm mà trái tim chúng ta buộc vào .”**

**Tiếng nói bị xoá mất, dân tộc sẽ mất theo!**

**Bởi vì, tiếng nói làm nên con người.**

**Con người dựng thành tổ quốc.**

**Ngôn ngữ không còn, con người biến thành nô lệ và tổ quốc sẽ bị diệt vong, bị xoá tên trên bản đồ thế giới, trái tim vỡ nát, nước mắt sẽ chảy thành sông, vì: “ Nước đi mãi không về cùng non” (Tản Đà) ./.**

NGUYỄN HOÀNG HÂN (Viện Nghiên Cứu Tài Nguyên Biển Đông).

---

## CHƯƠNG KẾT:

---

### RƯỚC HỒN THIÊNG DÂN TỘC VỀ VỚI ĐỒNG BÀO

---

#### I.- CÂU TRUYỆN LẠC HỒN

( *Hồn Nước với lễ Gia tiên: I.- Hồn Nước. Kim Định* )

#### 1.- CÓ hay KHÔNG Dân tộc tính

“ Từ mấy chục năm nay, chúng ta hay được nghe tới dân tộc tính. Nhóm này hô hào phải phục sinh Văn hoá dân tộc, phải duy trì Dân tộc tính, phải làm sống lại Hồn nước, nhóm khác cười nhạo và nếu không nói toạc ra là chẳng có Hồn, chẳng có Dân tộc tính. Cử chỉ và hành vi họ còn nói điều đó rõ hơn. Vì thế chúng ta cần phải mở đầu bằng tìm hiểu xem có Dân tộc tính chăng. Người thưa “ CÓ “, phải, người thưa “ KHÔNG “ mới đúng?

## 2.- Câu chuyện LẠC HỒN: Bán HỒN cho QUỲ

Thiết nghĩ cả hai đều đúng, đúng hết và đó không phải là mĩa mai, nhưng là nói thật, và xin mượn câu chuyện “ Lạc Hồn “ để biểu lộ sự thực đó. Đây là câu chuyện phim nhan đề “ Một sinh viên thành Prague “.

“ Ở Prague có một sinh viên nghèo đang lâm vào bước quẩn bách quá, không biết tìm đâu ra tiền

**Quý liền hiện đến đề nghị cho anh một món tiền kẹch xù với điều kiện là nhường lại tất cả những gì anh đang có trong phòng.**

Ngờ là điều kiện gì chứ cái đó thì anh khỏi suy nghĩ vì tất cả cơ đồ của anh chỉ là một cái ghế bố đã thùng với một cái gương mờ, vài đồ chơi rẻ tiền.

**Quý cứ việc mang tất cả đi và để tiền lại cho anh. Nhưng trước khi đưa đi, quý bảo anh soi vào gương một cái. Đang khi anh soi thì quý làm dấu, bóng anh biến đi và quý đem các đồ đồng tuốt, để lại tiền cho sinh viên nợ sống cuộc đời đế vương, không chú ý tới chuyện xảy ra nữa.**

Anh chỉ thấy hơi phiền một chút là lúc soi gương cạo mặt, không thấy mặt trong gương nữa. Tuy thế đó là sự bất tiện nhỏ nhoi không đáng quan ngại, nhất là khi người ta có đủ tiền để thuê người cạo mặt.. Nhưng một ngày kia vì có chuyện bất bình với em rể không sao giàn hòa được, nên phải hện đánh nhau để phân phải trái.

Bố vợ can ngăn hết lời vô ích nên chỉ xin anh đừng có giết em. Điều đó thì anh chịu liền, vì thực bụng chính anh cũng không muốn giết em rể, mà chỉ có ý làm sây da một chút gọi là đắc thắng có nghĩa là đắc lý.

Vì thế, anh lấy danh dự hứa với bố vợ là không giết em. Khi ngày quyết đấu tới anh lên xe để đến chỗ hẹn ở bên ngoài thành. Dọc đường xe gãy bánh, anh phải xuống đi bộ một quãng xa, nên không tới đấu trường kịp giờ. Khi gần tới nơi, anh thấy một người cầm gươm đi lại để đón anh, mặt mày có vẻ giống anh như hệt và đang chùi sạch cây gươm còn nhỏ máu.

Thấy thế anh liền giật mình nhận ra đó chính là cái Hồn của anh mà anh đã vô tình bán cho quý, mà nay có thể là quý sai về giết hại em mình. Nghĩ thế anh liền chạy vội tới đấu trường thì quả đúng rồi, xác em rể đã nằm chết sòng soại, máu tuôn ra lai láng, anh buồn muốn ngất xỉu: Không những vì thương em, nhưng vì còn thẹn với bố vợ là thất hứa. . . Thật là mọi sự đã xảy ra ngoài ý muốn của anh, chỉ vì một cử chỉ như vô thường vô phạt:

**Nhường tấm gương soi mặt cho quý, mà khiến nên nông nổi đau thương.**

Đành rằng đời sống vật chất của anh có lên cao, nhưng nếu nghĩ đến cái xác vô tội của người em nằm trên vũng máu, nghĩ tới cặp mắt cha vợ đầy oán trách kinh hoàng cho anh là đứ hèn nhất nuốt lời thề. . . thì khó bình tâm ngồi hưởng thụ giàu sang kiếm được bằng giá máu của em.

Đó là câu chuyện mà chúng tôi cho là phản chiếu khá trung thực trạng huống nước ta trong mấy chục năm qua.

### 3.- Trạng huống nước nhà

Cũng có đủ cả việc Cướp Nước, Bán Nước và bán Hồn Nước. Và vì đó một số người vào hòa với ngoại bang làm giàu trên xương máu đồng bào trước muôn vàn đau thương của Dân tộc. . .

Cũng từ đây xảy ra việc nhiều người xem vào những gương Tiên Tổ thì chẳng còn thấy bóng dáng mình đâu nữa.

Thấy sao được , vì đã bị ngoại bang dẫn đi rồi. Và Hồn có phải là vật cụ thể hiện ra thù lù trước mắt đâu, nhưng là cái gì u linh, như ẩn như hiện, có mà không, không mà có. Nếu tấm lòng yêu nước thương nòi đã phai nhạt thì xem vào tấm gương mờ là cái nước chậm tiến lạc hậu này, thấy sao được Hồn nữa, nên có nói nước Việt không Hồn, dân tộc Lạc Việt không có tính chất đặc trưng, thì chỉ là nói lên một nhận định chân xác khách quan thôi.

### 4.- Hai loại Trắc nghiệm Tâm lý

Không những khách quan mà còn đúng tâm lý nữa: ngày nay các nhà Tâm lý đã biến chân lý đó thành các loại trắc nghiệm chiếu giải ( tests projectifs ) dành cho khoa giáo dục để tìm hiểu Tâm lý mỗi đứa trẻ như **các loại tests gọi là T.A.T** ( Thematic apperception test ) nổi tiếng thứ nhì sau loại test của Rorschach được sáng chế năm 1935 do hai người Mỹ là các ông Morgan và Murray: nó hệ tại đưa ra một màn kịch với vài ba nhân vật rồi bảo trẻ đặt mình vào hoàn cảnh của các nhân vật đó để nói lên điều ước muốn ( needs ) hoặc sự bó buộc ( press ) phải đối xử ra sao. . . Hoặc như trắc nghiệm của ông Szondi cũng gọi là **trắc nghiệm vận mệnh**: Đưa ra 6 bộ hình, mỗi bộ có 8 cái hình người, rồi bảo trẻ con chỉ ra những người nào mà nó có cảm tình nhất. . .Nhà tâm lý theo đó mà đoán vận mệnh và tìm hiểu tâm tính của tuổi trẻ.

Theo luật tâm lý đó thì phải là người có Hồn mới thấy được Hồn Nước, còn không có Hồn thì không sao thấy được.

### 5.- Tại sao người Việt sát hại người Việt ?

Bao nhiêu người Việt ngày nay còn gọi được là có Hồn Nước? Nếu còn có Hồn sao lại Việt cộng lại đi sát hại đồng bào cách hăng say thành khẩn như giết quân thù: “ **Thề phanh thây uống máu quân thù** “. Nếu còn có Hồn, ai đủ cam đảm hát như thế ! Cũng còn được mấy tỷ Hồn trong số những công chức làm việc giải đãi, trong **những người được địa vị ưu đãi lại thẳng tay bóc lột người dân cách tàn tệ dưới đủ mọi hình thức, từ hối lộ cho đến bắt trả dịch vụ một cách rất xa mức chịu đựng của dân. . .** Đó cũng là một lối giết dần giết mòn. Nhưng giết dần dần hay giết ngay đều là việc bên ngoài ý muốn của hai bên. Đến nỗi nếu ai nói với họ như thế họ sẽ phát đoá cho là vô bằng.

Quả thật sinh viên thành Prague có giết em rể mình đâu, đó là cái Hồn của y đã giết em đấy chứ, cái Hồn mà y đã nhường đi rồi thì còn quyền điều khiển nữa đâu, soi vào gương còn chưa thấy Hồn hướng chi điều động sao được.



Vì thế đổ cho anh tội giết em là oan, hay có đúng thì chỉ đúng một phần nhỏ vì đó là hậu quả bất ngờ của một việc vô thường vô phạt, đúng hơn thường nhiều phạt ít, và đối với anh còn thật mãi, vì sau khi em rẻ bị giết anh vẫn còn giàu sang.

**Giới trí thức của ta vẫn thế, chẳng phải ai chịu hết trách nhiệm trạng huống nước nhà, bởi tất cả được đào tạo trong một nền văn hoá không phải của nước ta thì làm chi còn Hồn.**

Có chăng cũng chỉ còn là cái tình tự sông sẻ hơi hột, không đủ gây nên những công cuộc sâu xa có tính cách quyết định.

#### **6.- Tai họa mất Hồn**

**Cho nên có thể nói chung là chúng ta không có Hồn, và vấn đề không phải ở tại có bán hay không? Ai bán? Ai có lỗi? Thành thực mà nói chẳng ai có lỗi cả.**

Tại họa chúng ta là Hồn không còn ở lại với chúng ta nữa: một mớ thì vọng ngoại, cho nên những người trong giới được ưu đãi bóc lột dân thì tại cái học Duy lý là cái học hoàn toàn mưu sinh trục lợi, không có một khoa nào dạy cho một chữ gì đủ khả năng làm họ nương tay: toàn là trí thức rất dễ dùng để làm hại nhau mà thôi. Thấy vậy đâm ra phát cáu, một mớ đem gỏi hồn sang Nga, để học cách cứu đồng bào như quân thù. . . . Còn một mớ Hồn nữa không biết bám víu vào đâu thì lạc long như những cô hồn chồn vờn trong làn hơi cháo lú.

**Bởi vậy muốn nói nước có Hồn hay không có Hồn cũng đều đúng cả: đúng với tâm trạng của người nói.**

Khi Tâm thức không còn gì phảng phất Hồn Nước mà cũng nói về Hồn Nước, nói về Dân tộc tính, nói về nền Quốc Học thì cũng chỉ là những lời thiếu chân thật.. Việc khởi đầu do lỗi lầm của một hai người trước đây. Nay có đào bới lên cũng chỉ là chuyện vô tích sự.

**Điều quan trọng là xét xem Nước phải cần có Hồn chẳng và nếu cần thì nên làm thế nào để hú cho Hồn trở lại với Nước cùng Non.**

#### **7.- Nhiệm vụ khởi công tìm lại Hồn Nước**

**Nhiệm vụ của thế hệ này là phải khởi công.** Tôi dùng chữ khởi công vì nó bao hàm rất nhiều công tác nặng nhọc, như phác họa một chương trình hoạt động cân đối với tỷ lệ quan trọng và cố công theo đuổi.

**Không những thế thì Hồn càng biến biệt xa bay, và cái hố giữa những Hồn vọng ngoại một bên và cô Hồn cháo lú một bên càng ngày càng mở rộng.**

#### **8.- Cô Hồn cháo Lú và cô Hồn vọng Ngoại**

Thí dụ bên cô Hồn bảo Hồn Nước ở cái Áo Thụng, ở Lễ Gia Tiên, ở việc không khiêu vũ thì làm sao những người tân tiến trí thức chịu lý: Lễ Gia Tiên có ngay tự bên Roma, còn Áo Thụng đã trở thành trò diễu cợt từ lâu rồi, từ thuở còn tuần báo Ngày Nay, Phong Hoá. . . , cho nên càng

cổ võ Hồn Nước, càng cổ võ Dân Tộc tính thì hai bờ càng dang xa mặc dầu thiện chí giúp nước của đôi bên có thừa. Có thiện chí sao lại thất bại?

**Thưa vì hai bên đã bỏ qua một việc rất cần thiết là đào sâu, vậy mà chẳng còn ai nghĩ tới nữa:Tất cả đều bám vào những cái bên ngoài thì chôi Hồn Nước hay quyết có Hồn đều vô ích.**

Hồn đâu có nằm bên ngoài trờ trờ như thế .

### **9.- Hồn ở nơi đâu?**

Kinh Dịch nói rất đúng là Hồn không ở bên nào:“ **Thần vô phương** “, không ở trong cái **Áo Khẩu**, cũng chẳng trong cái **Lư Hương** hay **Lễ Gia Tiên**, vì nếu đã phải có chôn, có nơi như thế thì hết là Hồn, cùng lắm là cái **Phách**, cái **Vía**, chứ Hồn thật có ở trong cái gì đâu , nhưng là - 82 -ang bạc khắp nơi, không đâu không ở. . . phải có **Tình cảm**, phải **Cung Kính** mới nhận ra trong những cái tế vi mà mắt thường không thấy được.

Chẳng hạn là phải tiếp khách cả, người Pháp cũng như người Anh đều dành ra một căn phòng trang hoàng chững chạc. Đó là một sự kiện suýt soát đâu mà chả thế, nếu ta dùng lại ở đây thì hai đảng có thấy chi khác nhau đâu, cũng bàn cũng ghế cũng thuốc lá.

Nhưng khi đi sâu vào sẽ nhận ra lý do tại sao cũng là phòng khách mà người Anh gọi là phòng ngồi ( sitting room ), vì trong thực tế ngồi chiếm chỗ hơn nói hay nói đúng hơn những câu nói được trao đổi theo một nhịp độ còn để kẻ hở cho ý thức được sự mình đang ngồi. . . Trong khi bên Pháp thì gọi là phòng nói ( Parloir ) cũng như Quốc hội gọi là **Parlementaire** ( **Chỗ để nói** ), và càng tiến xuống mạn Nam nước Pháp, nhất là sang đến nước Ý thì càng thấy đúng là **Parloir**.

**Một sự việc bé nhỏ đó có thể làm khởi điểm cho một cuộc so sánh giúp chúng ta nhận ra nhận ra biết bao cái khác nhau.**

Cũng là tránh nhau, mà bên Pháp tránh bên mặt, bên Anh tránh bên trái. Vào nơi tôn nghiêm thì bên Ả Rập tụt dầy, bên Âu Châu bỏ mũ, bên ta tôn kính thì chấp tay trước ngực, bên Tây rất nhiều linh mục quỳ gối cúi đầu trước tượng Đức Trinh Nữ mà hai tay bắt sau lưng. .

**Đó là những cái khác nhau từ bên ngoài, và thực ra Hồn không ở trong những cái tí mĩ nhỏ mọn đó. Tuy nhiên đó có thể là những dấu đặc trưng để dẫn tới chỗ nhận ra Hồn, và những người chịu để tâm nghiên cứu chẳng hạn nhà Tâm lý học người Đức ông Wundt, đã viết được 10 quyển về “ Tâm lý các Dân tộc “ ( **Psychologie des peoples, 1900 -1920** ). Nếu theo gương đó chúng ta chịu để tâm nghiên cứu cũng sẽ tìm ra Hồn Dân Tộc.**

### **10.- Tìm chỗ ẩn nấp sâu kín để Rước Hồn về**

Trong tập này ( Hồn Nước với Lễ Gia Tiên ) chúng tôi chỉ lấy có một thí dụ là Lễ Gia Tiên như sẽ bàn sau.

**Ở đây chỉ xin nhấn mạnh một điểm là nếu chúng ta không đi sâu vào thì dù có thiện chí mấy cũng không đủ phác họa ra một sách lược có hy vọng thành đạt, không đủ khả năng hú Hồn trở lại.**

Chẳng hạn mỗi khi nói đến Dân tộc tính hoặc Hồn Nước thì lại thấy những lời đã kích gài điếm, sách dâm ô, đòi phong bại tục, lối ăn mặc hoặc cư ngụ này nọ. . . Bấy nhiêu chỉ tổ gây nên trong nhóm có khuynh hướng phóng khoáng một ấn tượng về cái gì có tính cách khắc nghị, tiêu cực, cầu nhàu, đôi khi không thành thực và phần nhiều thiếu thiết thực.. Một số người du học đã thành tài nhưng không chịu về giúp nước. . . , chưa phải vì thế mà lên án được là bật rể. Có thể là vong bản mà cũng có thể không, và nếu thấy nước không cải tổ lại, nhân tài cứ bỏ xó vào những việc bàn giấy vớ vẩn. . , thì có thể ở lại lập nghiệp ở ngoại quốc là thực tế hơn nhiều.

**Đại để Hồn Nước rất tế vi phải xét kỹ mới nhìn ra không phải hễ đi với ngoại kiều hay yêu thương một tí là bật rể, hiểu như thế để đưa tới những cử chỉ bất lịch sự cả với những người khách ngoại quốc.**

Thí dụ lấy có kiểm tục để xâm phạm vào đời sống tư riêng của người khách thì như vậy là đi ngược Hồn Nước, vì Hồn Nước của Dân tộc ta vốn tôn trọng khách, kính khách.

**Nếu không làm gì được hơn ít nhất cũng phải đủ tế nhị để khách được tự do tổ chức đời sống tư riêng một cách thoải mái, mà nghĩa vụ của nước Văn hiến chính là chỗ không cho ai được xâm phạm vào.**

Một số sách khêu gợi, mấy đôi trai gái yêu thương ngoài công lộ, một khách ngoại quốc dặt một cô nhân tình Việt. . . bấy nhiêu đã sục trời sục đất chi đâu mà phải hò la, cùng lắm có làm chướng mắt mấy nhà Nho thì chỉ là thứ thanh Nho hương nguyệt mà thôi. Hay nếu có hệ thì cũng mới nặng một phần so với chín phần nhiều cái bật rể khác. . .

**Cần phải suy nghĩ kỹ mới đánh giá được cách trung thực là cái gì bật Rể, cái gì Hồn, và lúc ấy chúng ta mới kinh hoàng nhận ra biết bao cái mất Gốc ẩn sau những cái Vô uy nghi trang trọng.**

Nhưng moi móc cái đó ra chưa chắc ơn ích vì con người có muôn phương thế để che đậy, để trình bày kiểu này hoặc đổi kiểu kia.

### **11.- Lập Mặt trận Văn hiến để cùng nhau Rước Hồn về**

Điều tốt hơn hết là phải tìm phương thế sửa đến tận Gốc rễ trong hết cái mức độ có thể làm. Trong các phương thế thì một là đánh thức dậy cái Hồn Nước xa xưa . Điều quan trọng là những người yêu nước chân thành phải liên lạc với nhau trong mặt trận Văn hiến để suy tư tìm kiếm ra trong những cái không đáng kể, nhưng nhiều khi lại là chỗ phát khởi sức mạnh vô biên.

Cái sức địch muôn người của Simson không nằm trong cánh tay hộ pháp của ông nhưng trong những sợi tóc bé nhỏ phát phơ trước gió. Hồn dân tộc cũng thế, nó phảng phất trong

**những cái tế vi, và nếu không tìm tra để bị Dalida cắt mất thì càng ngày càng trở nên yếu hèn.**

Để cho dễ quy tụ ý tưởng chúng ta nên phân biệt ra 3 đợt Hồn Nước:

**a.- Tình tự Tổ quốc**

**b.- Nền tảng Triết lý của Hồn Nước**

**c.- “ Tình / Nghĩa nhập thần “ nhằm tiến tới chân trời xa lạ.**

Cho tới nay nói đến Hồn Nước thường chúng Ta mới môn môn ở đợt tình tự thường được nuôi dưỡng bằng lịch sử, một số bài văn hiểu theo mức độ văn học văn nghệ với một số thói quen, và thể chế mà ta gọi bao trùm bằng danh từ Thuần phong Mỹ tục, Lễ Giáo, Quốc Tuý, Quốc Hồn.. Đợt này tuy cần và rất phổ cập, mọi người đều cảm thông được hết, nhưng nếu không có cán bộ để tiến lên đợt hai thì rất dễ sa đọa: Sử ký có thể đưa đến bài ngoại, Văn học có thể choán chỗ lẽ ra phải để dành cho những áng văn kiệt tác của nhân loại; thuần phong mỹ tục dễ trở nên nơi ẩn náu của hủ tục, của những ước lệ chỉ hợp thời xưa. . . , làm cho mặt trận Hồn Nước trở thành nhân tố níu lại bánh xe lịch sử với bầu khí cổ hủ khác hẳn với tinh thần khai phóng của Hồn Nước chân thực.

**Vì mỗi lần nhân loại trải qua một giai đoạn giao thời cũng gọi là khúc quanh lịch sử, như hiện tại, thì cần coi nhẹ thói tục, tập quán để chú trọng vào việc đào sâu: Đi lên đợt hai là Triết lý, là Đạo thuật, rồi cuối cùng khi đã thấu triệt, đã “ Tình Nghĩa “ thì “ nhập thần ” nghĩa là thâm hoá tinh hoa từ bốn phương trời đem về tài bồi cho Hồn Nước để nó linh động những thể chế mới, thói quen mới.**

Đây là chiều hướng lý tưởng của sự tìm hiểu Hồn Nước. Trước khi đề ra tiêu chuẩn một cách khái quát để xác định nội dung Dân tộc tính chúng ta đi ngay vào một thí dụ là Lễ Gia Tiên. ( Xem cuốn Hồn Nước với Lễ Gia Tiên )

---

## **II.- TỰ TINH THẦN QUẬT KHỞI**

### **ĐẾN QUẬT KHỞI TINH THẦN**

( *Việt lý tổ nguyên: XXII.- Tự tinh thần. . .Tr. 411- 424. Kim Định )*

### **1.- Đọc Sử để nhận ra óc quật cường của Dân tộc**

“ Có một điều ai cũng nhận ra được khi đọc lịch sử nước nhà đó là óc quật cường nổi bật. Một nước nhỏ bên cạnh một nước làng giềng đồ sộ, vậy mà vẫn giữ được độc lập, và đã có lần thắng nổi Mông Cổ, một đoàn quân đã chinh phục tự các nước Tây Âu cho tới Viễn Đông, nhưng khi xuống đến Việt Nam thì bị đánh quỵ chính giữa lúc nhà Nguyên còn đang hưng thịnh. Cái sức quật cường đó được duy trì cho tới thời Pháp thuộc vẫn luôn luôn bất khuất và được bùng lên ở trận Điện Biên Phủ. Đó là trận mà nước Việt Nam bé nhỏ đã thắng một cường quốc Tây Âu. Đó là một hiện tượng đặc biệt nhưng có lẽ con người thời đại sống quá ồn ào phiến diện không lưu ý tới, hoặc một số người Việt có nhận thấy nhưng cũng không tìm ra được lý do.

### **2.- Óc quật cường : Nền tảng triết lý của chúng ta**

Vì thực ra nếu không vượt lên đến nguồn gốc thì khó lòng tìm ra được yếu tố giải nghĩa óc quật cường của dân Việt vì nó chỉ thể tìm ra ở đợt triết lý mà thôi. Vậy khi đi vào lãnh vực triết ta sẽ nhận ra rằng óc quật cường chính là nền tảng triết lý của chúng ta. Và sở dĩ nó sống trường cửu qua bao cơn bão tố là vì một trật nó cũng là triết lý của con Người. Và do đây ta có thể quả quyết nó là nền triết lý nếu không duy nhất thì cũng là nổi nhất. Bởi vì những dân tộc ở trong những điều kiện tương tự như nó đã không còn giữ nổi. Bên Âu Châu cổ đại người Minoens đã gục ngã trước sức tấn công của người xâm lăng Hellens; bên Ấn Độ người Dravidiens đã bị lép vế trọn vẹn trước sức mạnh của giống Aryen hung hãn. Riêng có Viêm tộc đã dẻo dai đối chọi với kẻ xâm lăng là Hoa tộc. Và nếu với Hoa tộc chúng ta chỉ thị những đợt xâm chiếm từ Tây Bắc với rất nhiều tên tuổi: Đột Khuyết, Hồi Hột, Kim, Nguyên, Thanh v.v thì phía Viêm tộc cũng trường kỳ kháng chiến qua Miêu tộc, Bách Việt, Lạc Việt, để rồi ngày nay đại diện chính thức cho cái sức chống đối dẻo dai đó là Việt Nam. Vì thế cái óc quật cường của người Việt là truyền thống của một dân tộc lớn lao, có cái sứ mạng nuôi dưỡng bảo vệ cho một nền triết lý nhân bản, mà đến thế kỷ 20 này nhân loại mới bừng tỉnh giấc mê mở mắt nhận ra sự cần thiết. Phải, nhân loại đã nhìn ra bi cảnh vong thân của mình và lý do căn bản là tại thiếu một nền Nhân bản chân thực. Và vì thế các nhà thức giả trên hoàn cầu đang gắng công tìm cách thiết lập (xem đầu quyển Nhân Bản).

### **3.- Nguồn Triết lý Nhân bản chân thực**

Trong viễn tượng đó người Việt sẽ có phần đóng góp nếu biết trở về nguồn gốc để tìm hiểu. Và lúc ấy sẽ nhận thấy là tổ tiên đã thành công thiết lập ra được nền triết lý nhân bản chân thực và chính vì chân thực nên không được trình bày bằng những tràng ý niệm, nhưng đã thể hiện vào việc làm, vào lối sống, vào cách hành xử ở đời. Vì thế ta gọi đó là một triết lý biến hóa, hay nói theo danh từ triết Tây là biện chứng tức là một đôi co giữa hai thế lực bên lý bên tình, bên văn bên võ, bên tiềm thức bên ý thức Triết lý Việt Nho chính là mối tương quan sinh động giữa hai đối cực luôn luôn thay đổi đó, và nếu cần phải gôm vào một tên thì ta gọi là âm dương hay nói sát vào một đợt nữa là sinh và tâm và tương quan lý tưởng phải là “ tham thiên lưỡng địa “ tức sinh hai phần thì tâm ba phần, nói khác tâm phải trùm cảnh (địa) chứ không phải cảnh trùm tâm.

Đó là khẩu hiệu đã ghi trên ngọn cờ “ Trung Quang “ (Si Vuu) từ ngàn xưa và nhiều lần đã tung bay khắp cõi Đông Nam Á.

#### **4.- Cuộc chiến thư hùng giữa Viêm tộc và Hoa tộc**

Nhưng cũng lắm phen bị xâm lăng xéo dày. Biết bao phen Phục Phi đã bị gìm dưới lòng sông Lạc. Trong thực tế có nghĩa là mỗi khi quân xâm lăng (đại diện cho Sinh) nắm được quyền bính trong tay thì luôn luôn đàn áp Viêm tộc con cháu Nữ Oa, Phục Hy (đại diện tâm) thí dụ nhà Tần đốt sách chôn Nho là đốt triết lý nông nghiệp, chôn Nho sĩ của Viêm tộc. Mông Cổ khi đặt quyền cai trị trên Trung Hoa thì gạt Nho sĩ xuống bên dưới hàng ăn mày. Nhà Thanh khi mới vào được Trung Nguyên cũng giết nho sĩ, chiếm đất đai của công, hầu, tử, nam để phong cho Kỳ nhân (Mãn tộc) không phải thi cử vì theo thể lập, rồi lại đặt ra văn tự ngục để khóa miệng Nho gia. Tóm lại không có lần xâm lăng nào là văn hóa Viêm tộc không bị đàn áp. Tệ hơn nữa mỗi lần Viêm tộc đứng lên lật đổ xâm lăng chuyên chế thì rồi lại bị phản bội như nhà Hán nhờ thế dân gian lên nắm chính quyền, đến khi lên rồi quay lại phản bội dân gian, chà đạp lên nền triết lý của dân tộc, giết hại công thần đã giúp mình lập nên nghiệp lớn như Hàn Tín là thí dụ, như Ngô Tử Tư bị sát hại do tay Phù Sai, như Phạm Lãi kịp thời chạy trước khi Việt Câu Tiễn diễn lại cái trò vắt chanh bỏ vỏ... Có thể nói lịch sử Viêm Đông toàn viết nên bằng cái thói được cá quên nom đó cả. Nhưng một trật cũng lại viết nên bằng những sự chối dấy, bằng những cuộc quật cường của Viêm tộc để biểu lộ một nền triết lý sinh động đầy sức sống, luôn luôn bị đánh bại như Phục Phi bị chết đuối, như con lân bị đánh què chân, nhưng rồi lại như con li chối dấy để chứng tỏ sự thực của câu nói “ nhất thời chi quan, vạn đại chi dân “. Quan Tần, quan Hán, quan Nguyên, quan Thanh tất cả đã đổ ra không biết cơ man nào là máu Viêm Việt, nhưng rồi các quan lần lượt qua đi mà Viêm Việt vẫn còn tồn tại, qua những danh hiệu khác nhau, tự Miêu tộc qua Bách Việt đến Lạc Việt □ Và cho đến tận nay thì các quan cộng sản lại tái diễn cái trò cũ đó: đã biết bao chiến sĩ chống xâm lăng bị ngã gục trước sự tàn ác của cộng quan? Hơn thế nữa đã biết bao cán bộ từng chiến đấu cho sự lớn mạnh của đảng nhưng rồi cũng bị hi sinh, và từ hơn hai mươi năm nay đã có biết bao trăm ngàn con dân Việt gục ngã xuống để làm nấc thang cho cộng quan bước lên đài chuyên chế. Xin hỏi câu “ nhất thời chi quan vạn đại chi dân “ có còn hiệu nghiệm nữa chăng? Chúng ta phải hỏi thế vì lần này có một yếu tố mới làm cho các cộng quan khác xa Tần quan, Hán quan, Nguyên quan.... Bởi chưng các đợt xâm lăng hay chuyên chế trước có tham vọng chính trị nhưng còn các quan cộng sản lại đeo thêm một tham vọng ý hệ và đây là yếu tố mới rất đáng e ngại. Đã thế còn thêm một yếu tố khác nữa là lần này người dân bị tước luôn cả nước, để trở thành những kẻ vô tổ quốc. Vì chỉ còn có các đảng viên mới có tổ quốc, mới được phụng sự, được quyền lợi, còn tất cả những ai không chịu gia nhập đảng mà chỉ muốn là người dân của nước thì xin miễn. Yếu tố này đáng ái ngại vì dân gian đã mất trọn vẹn chỗ đứng.

#### **5.-Triết lý tác hành bằng động từ của Tổ tiên**

Trước tình trạng bi đát như thế chúng ta phải làm gì? Một số đồ cho vận nước vận trời, một số khác tỏ ra “ khoa học “ hơn cho là hạ tầng chỉ huy thượng tầng: cơ cấu sản xuất khác tất nhiên thượng tầng phải khác, phải thay đổi cấp hưởng thụ... Đây không phải câu trả lời của Việt tộc người thừa tự cuối cùng của tinh thần quật khởi truyền thống của Viêm tộc.

**Triết học Tây Âu làm bằng ngôn từ ý niệm, triết học Viêm tộc làm bằng động từ, bằng tác hành, bằng tam tài: Trời làm, Đất làm, nhưng Người cũng làm, và đó là nguồn gốc của óc quật cường: không dựa vào trời rồi nói là vận số, không dựa vào đất để nói hạ tầng chỉ huy thượng tầng nhưng “doãn chấp kỳ trung”: mình cậy vào mình, tự tin, tự cường, tự lực. Khác với vô thần ở chỗ hòa hợp với trời cùng đất sao cho thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Và đây là tôn chỉ hành động của Viêm Việt tộc đã từng chiến đấu quật khởi xuyên qua ngũ thiên niên sử: cứ cha truyền con nối không hề bị đứt đoạn cho tới tận nay.**

### **6.- Lý do thất bại của lớp đàn anh**

Mấy thế hệ liên trước chúng ta cũng đã quật cường như vậy tuy không thành công. Sự thất bại là chuyện thường không có gì đáng kể. Tuy nhiên mỗi lần thất bại cũng cần kiểm thảo để tìm ra lý do. Xem ra thế hệ đàn anh thất bại vì đã nhãng bỏ khẩu hiệu Tam Tài trên kia. Chúng ta hãy coi lại để tránh lối xe cũ. Hãy nói về lời đàn anh liên trước chúng ta tính từ tờ Nam Phong của Phạm Quỳnh cho tới tận ngày nay đã biết bao lần quật khởi và cho tới nay cũng còn đầy thiện chí lâu lâu lại được hâm nóng lên dưới các danh từ dân tộc tính, bảo vệ tinh thần.... Tuy nhiên chúng ta nhận thấy hai điểm thiếu sót lớn lao. Điểm trước nhất và cũng là căn bản là hầu hết các phong trào đó chỉ dừng lại ở đợt luân lý (thuần phong mỹ tục...) hoặc văn nghệ (văn học, văn chương). Thứ đến là rời rạc lẻ tẻ hay nếu có tổ chức thì chóng biến ra hình thức. Như thế là không còn hợp cho thời đại, một thời đại đấu tranh bằng ý h? ã bằng thuyết lý, thế mà mình chỉ đưa ra có văn nghệ và văn học là những việc của thời bình thì làm sao chống đỡ nổi những búa rìu của thuyết lý. Văn nghệ là đồ trang sức là đồ để chiêm ngưỡng ngắm nhìn không phải là xe tăng, đại bác để gùn bờ giữ cõi, người làm văn nghệ không đi sâu đủ nên tô tình đề cao nhiều yếu tố mâu thuẫn chống lại nền văn hóa mà lẽ ra mình phải bênh vực, chẳng hạn ca ngợi cái hay khéo của Việt văn mà lại đả kích Nho giáo thì có khác chi ngồi dưới bóng cây cỏ thụ miệng ngợi ca lá ca hoa mà tay cứ kéo cưa cắt cho đứt tận gốc rễ.

**Cho nên thiếu triết thì văn học, văn nghệ chóng trở thành sáo, không còn là hồn cho các hoạt động văn hóa khác, mà cũng không ảnh hưởng chi tới chính trị. Chính trị trở nên thiếu hồn làm sao đạt được nền móng sâu xa đủ để làm nên một chủ đạo, một huyền niệm đặng tiêu hăng say cho cán bộ các cấp. Thành ra cấp trên chỉ còn loanh quanh ở đợt chỉ thị, hô hào, diễn văn.... Cuối cùng chính trị lâm nguy đổ ra một lối làm ăn kiểm chác: dùng chiêu bài chính trị để chiếm một hai cái ghế....**

Dân có mắt đời nào chịu cúi xuống làm bệ cho ông leo. Thiếu tinh thần các ông lấy chi cấu kết. Điều đó dễ thấy và người ta chỉ trích chính trị đến độ khinh bỉ nhưng người làm văn nghệ phải thú nhận rằng chính vị họ chưa chu toàn sứ mạng văn hóa, nên chính trị mới sa đọa xuống hàng xôi thịt. Cái lỗi đó văn hóa phải chịu chung với chính trị.

### **7.- Hãy lên tận nguồn Triết lý để cứu quốc**

**Hãy xóa dĩ vãng, bỏ qua việc đổ lỗi, hãy chân nhận ngay ra điều thiết yếu này là muốn cứu quốc, kiến quốc cần phải lên tận triết lý, tìm ra những nguyên tố cấu tạo nên cái hồn quật khởi của dân tộc. Thiếu nó thì cái tinh thần quật khởi sẽ lịm dần. Hiện nay nó đã rữa ra chùng**

mười lăm mảng là cộng sản và mười nhóm tôn giáo, hỏi còn lại bao nhiêu cho dân tộc. Bởi chung khi chạy theo một ý hệ, một thuyết lý nào đó là người ta dồn hết sinh lực cho ý hệ đó, chúng ta chỉ việc nói truyện với họ thì nhận ra liền. Những vấn đề liên hệ tới vận mạng quốc gia có còn được họ lưu tâm nữa cùng chỉ là hàng thứ yếu, hay đúng hơn là lưu tâm lắm nhưng là để chinh phục về cho ý hệ họ tôn thờ và chính cái lòng ham chinh phục này đã che mắt họ không cho thấy rằng họ đã từ khước hồn dân tộc. Họ còn để lại đây có cái xác nhưng hồn đã bị dẫn đi, đã phú dân cho các ý hệ ngoại lai hết rồi. Sở dĩ ít người chú trọng đến điều này vì ai cũng cho rằng **cần phải học hỏi cái hay nơi người ta**. Điều ấy đúng qua không ai chối cãi, nên cũng không đề phòng câu thứ hai: là **cái mình học với cái người ta có hay thực chăng?** Đó là điều cho tới nay chưa ai xét tới cận kề, tất cả đều nghĩ rằng Tây Âu tiến bộ vô cùng, đi dưới nước bay trên trời đều được cả thì tất nhiên các lý thuyết các ý hệ họ đưa ra phải hơn mình, cho nên không một ai nghĩ đến xét lại tận nền, mà chỉ dừng lại ở đợt thích nghi ngành ngọn. Nhưng nếu ta chịu nhìn kỹ thì có thể nói **tất cả ý hệ ngoại lai đều nhằm củng cố địa vị của quyền bính chuyên chế, duy trì sự phân chia giai cấp, dành ưu đãi cho thiểu số**, cách này hay cách khác: lộ liễu hay tế vi, và hầu hết là tế vi nên những người đang chạy theo mấy ý hệ đó không ngờ rằng mình đang phụng sự cho một thế lực đàn áp con người. Hầu hết chỉ căn cứ vào ngôn từ, lý luận, nên chỉ thấy toàn là hay, hết tự do thì giải phóng, hết bình đẳng thì đến nâng cao phẩm giá con người □ nhưng nếu ta chịu “ xem quả biết cây “ tức nhìn hậu quả mà xét thì sẽ thấy khác. thí dụ người cộng sản luôn luôn nói bình quyền, tự do, dân chủ nhưng trong thực tế là họ nhập cảng toàn bộ triết lý Hy Lạp là nền triết lý nhằm củng cố gia cấp tự do, kìm kẹp nô lệ trong cái ách tàn bạo đầy bất công chênh lệch. **Từ ngày lấy lại nền độc lập, nước ta đã thiết lập ra biết bao đặc ân cho giới này nọ kia khác, là vì mới độc lập ở cấp chính trị và văn học mà chưa lên đến cấp triết lý, vì thế chạy theo ngoại lai mà không hay biết.**

Một điểm khác cần được suy nghĩ là tất cả các tư liệu ngoại lai đều được tổ chức rất quy mô có quần chúng làm hậu thuẫn để bảo thủ quyền lợi và mở rộng thêm mãi ra... Thế là những con cháu của Lạc Việt chính tông tức những người còn thiết tha với hồn dân tộc (tức thiết tha với sự tự do chân chính, phân chia đồng đều, chống lại mọi đặc ân □) không còn đất đứng nữa. Miếng đất tổ tiên bao đời tốn xương máu gây dựng cho con cháu mà nay cứ co dần dưới chân con cháu đến nỗi con cháu phải trở thành vô tổ quốc. Tình trạng bi đát ấy tại đâu, có phải tại thế hệ trước đã không quật khởi. Không phải thế, tất cả đều đã quật khởi và hiện chúng ta đang quật khởi. **Vậy tại đâu chúng ta cứ bị đẩy lùi vào ngõ cụt. Thưa là tại chưa biết hoạt động theo thời.** Thời đại đã đổi mà lẽ lối tranh đấu của chúng ta chưa có đổi: thời đại tranh đấu bằng ý hệ bằng kết đoàn, chúng ta vẫn theo lối cũ kỹ, chỉ có tranh đấu bằng văn nghệ văn chương rời rạc, mà chưa biết đổi. Chưa biết đổi vì tinh thần quật khởi của ta mạnh mẽ đã tỏ ra hữu hiệu trên bốn ngàn năm, khiến chúng ta yên trí là bây giờ cũng cứ thế mà xài, khỏi lo đổi lại.

**Một đôi người đã nghĩ đến việc cần phải đổi nhưng chưa biết đổi cách nào. Theo tôi thì nhất định phải đổi, còn đổi cách nào thì chúng ta sẽ gom sức tìm ra công thức. Nhưng hình thái nào kế nó phải chú trọng đến văn hóa theo nghĩa uyên nguyên mới có thể khơi lại nguồn suối của tinh thần quật khởi, và việc đó tôi gọi là quật khởi tinh thần hay gọi tắt là**



**quất thần.** Phải, chính cái lò phát minh tinh thần đã bị bỏ bê từ gần một nửa thế kỷ nay không được vun tưới nữa thì tinh thần quật khởi sẽ yếu dần và có còn quật khởi nữa cũng chỉ là theo đà còn sót lại mà thiếu ý thức sâu xa đi kèm, và như thế sẽ lụi đi dần dần nếu không có những bàn tay dùng dầu quất thần xoa lên. Việc này khó hơn tinh thần quật khởi đó là chống các thứ ngoại xâm có xương có thịt, còn quất thần rất tế vi không có đối tượng cụ thể, do đó rất khó tìm ra cán bộ.

## **8.-Triết lý Việt Nho:**

### **Nguồn gốc và Cơ cấu căn cơ của Tinh thần Dân tộc**

Để là cán bộ quất thần cần phải có óc tế vi, và một lòng **kiên trì tìm hiểu đến Gốc nguồn và Cơ cấu căn cơ của Tinh thần Dân tộc.**

Hai đức tính đó rất khó tìm, nhưng dầu sao thì đối với người Việt Nam cũng dễ tìm hơn nhiều nơi khác. Nhưng khó hay dễ là một chuyện, mà nhất tâm đi tới là chuyện khác.

**Vì muốn góp phần vào việc đó nên chúng tôi đã thử tìm về Nguồn gốc, cố gắng khai quật lại cái nền tảng Triết lý Việt Nho và đã thử trình bày trong một số sách và sẽ còn tiếp tục để cung ứng cho nhu cầu đầu tiên hầu sửa soạn một cái gì may ra có thể gọi được là mặt trận văn hóa.**

**Vì để thành một mặt trận Văn hóa cần phải có một Chủ đạo, một Ctinh thần vững ạnh, đồng thời một số Cán bộ thấm nhuần đường hướng. Người xưa nói vắn tắt là Văn hiến. Văn là kinh điển điển đạt chủ đạo. Hiến là những hiền nhân quân tử hi hiến cho cái văn, tức cho cái Chủ đạo kia.**

**Điều thật cho xưa thì nay cũng chưa thể làm khác, nghĩa là một mặt phải có một Chủ đạo trình bày hợp cảm quan thời đại, hai là một Hệ thống cán bộ trung kiên thì mới là Mặt trận, vì hai chữ Mặt trận bao hàm một tinh thần hăng say chiến đấu cho một lý tưởng theo một đường hướng đã được hoạch định cách ý thức sâu xa.**

**Trong hiện tình đất nước chúng ta có cần một Mặt trận như thế chẳng? Chúng ta đã có Văn chưa? Có còn thể tìm ra được Hiến nữa chẳng?**

Những vấn đề bàn trong sách này có còn gợi nên được chẳng những âm vang trong Tâm hồn người Việt nữa chẳng? Họ có còn nhiều chẳng? Đó là một vài câu hỏi trong rất nhiều câu hỏi có thể đưa ra, nó làm thành một thứ điều tra Văn hóa, mà chúng tôi muốn làm vì nhận thấy nó rất cần thiết cho những dự án liên hệ. Vì thế chúng tôi sẽ rất biết ơn quý vị nào vui lòng cho chúng tôi biết ý kiến, những chỉ dẫn mách bảo, đề nghị v.v... Và xin cảm ơn trước. “.

---

### III.- NHỮNG LỜI NHẮN GỢI ĐÁNG QUAN TÂM

#### Của Đức Da Lai La Ma

##### 1.-Cái vòng lẩn quẩn của cuộc Sống

*Có Người hỏi Đức Da Lai La Ma:“Điều gì làm cho Ngài ngạc nhiên nhất trong chúng sinh? “ Ngài đáp : “ Con Người, bởi vì họ đã tốn bao nhiêu Sức khỏe để kiếm ra Tiền, sau đó họ mất bao nhiêu Tiền để tìm lại Sức khỏe. Và họ nghĩ ngợi lo lắng nhiều về Tương lai gần như quên hẳn Hiện tại, đến độ cuối cùng, họ sống không có Hiện tại lẫn Tương lai. Họ Sống như thể không bao giờ Chết, và Chết như chưa bao giờ đã từng Sống”.*

##### 2.- Hệ lụy của cái luẩn quẩn trong Vòng

*Ngài Đa Lai La Ma đã đề cập tới vấn đề cực kỳ quan trọng, đó chính là con Người của mỗi chúng ta.*

*Tuy sống bình thường trong đời, nhưng phần đông chúng ta đã vô tình đánh mất hướng sống: Con Người bị mắc bẫy vào nếp sống Đa Dục, lao đầu vào nếp sống to thuyền to sóng, cố vùi đầu làm cho nhiều Tiền để Sức khỏe bị hao tổn mà không hay, đến khi Tâm đã hao, Trí đã tổn, mà muốn hồi phục thì phải xài hết Tiền, đã thế mà Sức khỏe chưa chắc đã hồi, nhưng khôn nổi mình đã trở về với tay không. Mục đích chính của cuộc đời chúng ta là hạnh phúc, mà cuối cùng chúng ta bị hao tổn hết công sức mà không đem lại chút gì cho cuộc sống hạnh phúc, thì quả là bất hạnh.*

*Sống mà để cho thân tàn ma dại, mà chẳng tìm đâu thấy được bóng dáng của Hạnh phúc thì quả là đã lạc hướng. Thật ra, chúng ta chỉ lao đầu vào con thuyền to để ra sức chống đỡ những con sóng dữ! Đó là một cuộc sống vong Thân. Hành động lao đầu vào đời sống xa hoa là những cản trở cho cuộc sống hạnh phúc đích thực của chúng ta. Thực ra chúng ta đã đi sai hướng vì hạnh phúc có gốc ở trong Tâm ta, nên nhiều người giàu tiền muôn bạc ức mà vẫn không tìm thấy bóng, nên thất vọng mà có khi tìm đến con đường tự tử, vì họ đi tìm thoả mãn khát vọng vô biên bằng những của ăn vật chất hữu hạn. Đó là lời nhắn nhủ thứ nhất của Đức Đa Lai La Ma.*

##### 3.- Lãng quên Hiện tại Miền trường

*Điều thứ hai là chúng ta cũng đã vong Thời, cuộc sống con Người thường bị bủa vây giữa hai mắt lưới Quá khứ và Tương lai. Con Người thường bị Quá khứ ám ảnh dày vò, trong đầu luôn luôn bị những ý tưởng lưu luyến quá khứ vàng son hay những đau xót lở làng dày vò, rồi tìm cách ẩn trốn trong giấc mộng Tương lai để tự an ủi mình, mà quên mất Hiện tại. Chính Hiện tại mới là thời gian để cho chúng ta lập công để phát triển con Người toàn diện hầu được thành Nhân và thành Thân.*

Giây phút nào trong đời sống hàng ngày cũng là hiện tại, hết phút hiện tại này qua hiện tại khác triền miên, không bao giờ ngừng nghỉ, hết Xuân Hạ sang Thu Đông, tứ thời bát tiết nối đuôi nhau vô cùng, nếu chú tâm sống cho trọn vẹn từng giây phút hiện tại triền miên đó, thì đâu còn có thì giờ để bị Quá khứ ám ảnh và mơ màng Tương lai! Có sống trọn vẹn trong hiện tại mới bảo đảm được cho tương lai. Sống trọn vẹn với từng giây từng phút hiện tại thì làm gì mà chúng ta chẳng tiến triển trên con đường lập Đức, lập Công, lập Ngôn, để đạt tới con Người Nhân chủ là con Người có khả năng Tự chủ, Tự lực, Tự cường. Thiếu con Người Nhân chủ thì không thể thoát cảnh nô lệ cách này hay cách khác được.

« **Yesterday Is History, Tomorrow Is a Mystery, but Today Is a Gift. That Is Why It Is Called the Present.** : Ngày Hôm Qua đã thuộc về Lịch Sử, Ngày Mai còn là điều Bí Ẩn vì chưa tới, nhưng Ngày Hôm Nay là Món Quà luôn sẵn sàng giúp con Người sống được sung mãn.. Đó là lý do tại sao nó được gọi là “Present” – cũng có nghĩa là Hiện Tại.

#### 4.- Nguỵ cơ của cuộc sống loanh quanh theo hai Ảo tưởng

Bám vào Quá khứ và Tương lai là trụ vào ảo tưởng, nói là sống mà thực sự cũng như không. Cứ mãi mê sống trong ảo tưởng đó, cứ i y như là mình sống không bao giờ chết, do đó mà khi đến sắp chết mới lại nhận ra rằng mình chưa bao giờ được sống. Cha ông chúng ta đã bảo cho chúng ta về “ Hiện tại miên trường “ là chẳng cần chia cắt thời gian ra Quá khứ, Hiện tại và Tương lai ra làm gì! Hiện tại là Thời gian giúp chúng ta thực hiện cuộc sống viên mãn trong bất cứ Không gian sống nào. Chính thời gian ( Hiện tại : Bây giờ ) và không gian ( Nơi đây ) là hai mạng lưới tạo nên vũ trụ, đó là đầu mối ( Không Thời gian ) giúp con Người chúng ta phát triển. Quên những điều đó cũng là quên con Người.

---

#### IV.- HỌC SỬ ĐỂ LINH CẢM HỒN THIÊN DÂN TỘC

Huyền sử là giai đoạn sáng tạo Văn hóa, Lịch sử là giai đoạn Dân tộc Dựng nước và Giữ nước theo mạch sống sống Văn hóa đó, giai đoạn Huyền sử dài lâu, tuy là giai đoạn Lịch sử còn mù mờ, chưa có Văn tự để ghi chép lại, nhưng nếu muốn tìm Hồn Dân tộc thì chúng ta có thể đi sâu vào Lịch sử để linh cảm Hồn Dân tộc được khai nguyên từ thời Huyền sử.

Nho có bảo “ *Hữu ư Trung tất hình ư Ngoại* “ hay “ *Con Người làm sao thì Bào hao làm vậy* “.

Tây phương cũng có câu” *The outward world is the dim reflection of inward world* : Thế giới bên Ngoài là tấm gương phản chiếu mờ mờ thế giới bên Trong .

Vua Hùng dựng nước đã 4897 năm, kể từ thời Bà Trưng nổi dậy dành lại nền Độc lập từ tay Bắc phương vào năm 44 sau Công nguyên của hai Bà Trưng, thì nước ta mới có Lịch sử rõ ràng, còn giai đoạn trước là giai đoạn xây dựng Hồn Dân tộc thuộc về Huyền sử.

Huyền sử thuộc phần Nội. Lịch sử thuộc phần Ngoại, Dân tộc có sinh hoạt sao cho Nội / Ngoại hay Thân / Tâm được Lương nhất theo Dịch lý thì mới tồn tại dài lâu và được phát triển ổn định.

Nước Việt Nam là một nước có Văn hiến; Vua nhà Minh đã khen tặng Dân tộc ta là “ Văn Hiến chi Bang “.

Văn tức là Văn hoá, là Hồn Dân tộc, Hiến là những Vị đã hy hiến Thân / Tâm cho Dân tộc, chúng ta hãy giữ qua trang Lịch sử nước nhà để thấy phần Hiến mà cảm nhận ra phần Văn, vì Văn chứa Hồn Dân tộc.

Văn là Văn hóa Dân tộc, tinh hoa của Văn là triết lý Nhân sinh của con người Nhân chủ, Tinh thần Hùng / Dũng trong con Người Nhân chủ là tự Chủ, tự Lực, tự Cường, nhìn qua hành tung quả cảm của con Người Nhân Chủ thì chúng ta nhận ra Hồn của con Người Nhân chủ, có thông suốt được hành động Dựng và Cứu nước của những con Người Nhân chủ qua các triều đại thì mới linh cảm được Hồn Dân tộc. Hồn Dân tộc nằm ngay trong nền Văn hoá Nhân bản của chúng ta, trong Hồn Tổ tiên chúng ta.

Hồn Dân tộc hiển hiện trong Lịch sử qua những hành động hào hùng của Dân tộc chúng ta, mà không ở bên Tây, bên Tàu, bên Nga, bên Mỹ. Nga Mỹ có hồn Dân tộc riêng của họ, nhưng họ có Khoa học kỹ thuật mà chúng ta cần học hỏi để dựng nước, sau khi đã gọi được Hồn Thiêng Song Núi về với Dân tộc.

Một con Người mất Hồn thì ngu ngơ, sống cũng như chết, một Dân tộc mất Hồn thì làm sao nhận ra nhau để có Nội lực Dựng xây mà không sa đọa, mà sa đọa là cửa Ngõ dẫn tới kiếp Nô lệ lầm than!

Ngày nay là thời đại của Khoa học, Kỹ thuật, các nhà Duy sử bài bác Huyền sử, họ cho là mù mờ không rõ ràng, nhưng phần mù mờ không rõ ràng đó lại chính là nguồn Tinh u linh man mác thuộc Huyền sử, xưa nay “ ai mà giải nghĩa, mà chứng minh được Tình Yêu “ !.

Khốn thay! Khi con Người thiếu Nhân Tinh thì Nhân Tính cũng biến chất, trở nên Bất Nhân Bất Nghĩa, nguồn của sa đọa.

Muốn Tìm cây đũa Thần cứu Nước thì trước tiên phải lo gọi Hồn Dân tộc về trước để Đoàn kết với nhau, rồi khi đó mới tìm Chủ đạo cũng như Quốc sách Cứu và Dựng nước. Dân tộc chúng ta đã có Nền Văn hóa Thái hoà, một Chủ đạo Hòa để đoàn kết Dân tộc và cách đem Đạo lý Nhân sinh vào Đời theo Dịch lý để nâng cao Dân sinh và Dân Trí, Khi Dân sinh / Dân Trí được lương nhất thì sẽ nâng cao Dân Khí, Dân khí chính là Hồn Dân tộc.

Chúng ta lần lượt lướt qua những trang Lịch sử để “ Linh Cảm “ được Hồn Dân tộc đã và đang sinh động trong dòng Lịch sử gần 5 ngàn năm, Hồn Dân tộc có thể hiển hiện khắp nơi và bất cứ lúc nào, miễn là Hồn của mỗi chúng ta có Linh tới thì Hồn mới Ứng lại được, chứ không chỉ Nghĩ với Suy mà lãnh hội được phần Hồn.

---

## V.- NHỮNG TÂM GƯƠNG HÙNG/ DŨNG SÁNG NGỜI

### NƠI TRANG SỬ HÀO HÙNG TIÊU BIỂU CHO HÒN DÂN TỘC

( Vì có nhiều hạn chế, chúng tôi chỉ trưng ra được một ít nét điển hình, những tranh ảnh đã số chúng tôi lấy từ nguồn Việt sử bằng tranh của Trần Việt Nam. Vietlist.usHistory / Index )

#### 1.- ĐỀN QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG: ĐỀN THỜ NHÂN TÍNH

##### Ở Tỉnh Phú Thọ

Chữ Tính: 性 gồm hai phần:chữ Tâm: 心= † và chữ Sinh: 生  
Tâm là Nguồn Sáng, Sinh là nguồn Sống . Nguồn Sống là Vật chất,  
Nguồn Sáng là Tinh thần : Nhân / Trí. Khi Nhân / Trí Lương nhất  
( wavw – particle diality ) thì đạt Hùng / Dũng.

Nhân / Trí, Hùng / Dũng là Nhân phẩm c ủa con Dân Việt

Dân tộc chúng ta tôn kính Nhân phẩm trong Lễ Gia Tiên.

Hòn nước của Dân tộc chúng ta được tượng trưng bằng Đền Hùng trên Núi Nghĩa ( Ngũ )  
Lĩnh, tỉnh Phú Thọ, với Châm ngôn :

Mẹ Tiên: Non Nhân.

Cha Rồng: Nước Trí.

Con Hùng vương Hùng / Dũng



**Quốc Tổ HÙNG VƯƠNG**



**Lăng Quốc Tổ HÙNG VƯƠNG**

**GƯƠNG GÁI ĐẢM / TRAI HÙNG CHỐNG GIẶC BẮC PHƯƠNG**

**“ Dầu cường nhược có lúc khác nhau**

**Song hào kiệt đời nào cũng có!”**

Nguyễn Trãi “ BNĐC “

*Đây là những khuôn mặt tiêu biểu thuộc nền Văn hoá “ Khoan nhu “ Nông nghiệp, chống với nếp sống “ Hung tàn và cường bạo “ của theo những người “ Dĩ cường lãng nhược” thuộc nền Văn hoá Du mục Bắc phương.*

## 2.- HAI BÀ TRƯNG

**Con Người Nhân chủ : Tự Chủ, tự Lực, tự Cường**



*Năm 40, hai Bà Trưng Trắc và Trưng Nhi nổi lên trong mấy ngày thu được 65 thành, đuổi Thái thú Tô Định về Tàu, sau nhà Hán sai lão tướng Mã Viện đem đại quân qua đánh, hai Bà chống không nổi, nên đã tuấn tiết ở sông Hát.*

**Trưng Trắc kêu gọi Trưng Nhi**

**Em ơi! Đứng cùng Chị  
Thù riêng mà Nghĩa chung  
Một trận đuổi Tô Định  
Quân Tàu đuổi chạy cong**

**Lĩnh Nam bảy mươi phen**

**Mặc sức ta vấy vùng ( ? )**

**Hịch ra quân của Hai Bà**

**“ Một xin rửa sạch thù nhà,**

**Hai xin nối nghiệp xưa vua Hùng**

**Ba kéo oan ức lòng Chồng,**

**Bốn xin vền vẹn sở công lệnh này “ ( ? )**

**Vịnh Bà Trưng**

**Vó ngựa quân thù kinh Ái Bắc**

**Quay về khăn trở lạnh đầu voi**

**Chàng ơi! Thiếp thấy bơ vơ quá**

**Bệ ngọc cung vàng Thiếp lẻ loi!**

*Ngân Giang nữ sĩ*



### 3.- NHUY KIỀU TƯỚNG QUÂN TRIỆU TRINH NƯƠNG

#### Con Người to lớn



#### Lý tưởng của Bà:

**“ Tôi muốn cỡi cơn gió mạnh, đập luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô, dành lại giang sơn, cỡi ách nô lệ, chứ tôi không chịu khom lưng làm tỳ thiếp người ta “**

*Bà Triệu Thị Trinh cùng anh là Triệu Quốc Đạt nổi lên chống Đông Ngô được 6 tháng, vì thế cô, bà tuần tiết lúc 23 tuổi. Bà xứng đáng là con Châu Bàn Cổ.*

*Hai Bà cùng Nhụy Kiều là những nữ kiệt đầu tiên trên thế giới mà ta biết được. Qua ba Bà chúng ta mới nhận ra nền Văn hoá của Tổ tiên chúng ta nặng về nguyên lý Mẹ.*

### 4.- NGÔ QUYÊN

với Chiến thuật cắm cọc trên sông đầy sáng tạo



*Năm 938 Ngô Quyền có sáng kiến đóng cọc nhọn trên sông Bạch Đằng, nhử quân Nam Hán vào, lúc nước thủy triều rút, thuyền quân Nam Hán bị đâm thủng mà chìm, quân ta ập ra đánh, bắt Thái tử Hoàng Thao giết đi, quân Tàu đại bại.*

## **5.- VUA LÝ THÁI TỔ:**

**Vị vua xây dựng cơ đồ vững chắc cho Việt Nam**

**( 1010 – 1028 )**

*Lý Công Uẩn được triều thần nhà Lê tôn làm Vua, lấy niên hiệu là Thuận Thiên , tức là vua Lý Thái Tổ. Lý Thái Tổ dời đô từ đất Hoa Lư ra Thăng Long. Nhà Lý có 9 đời vua kể cả Vua Lý Chiêu Hoàng ( 1225 ) Nhà Lý là triều đại anh hùng, chống Tống bình Chiêm, lại thêm việc mở mang mọi việc trong nước, đặt nền tảng vững vàng cho quốc gia.. Nhà Lý xây chùa Một Cột, và văn Miếu tại Hà Nội.*



#### **^6.- TƯỚNG LÝ THƯỜNG KIỆT:**

**Con Người toàn diện**



#### **Bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên:**

*(Trương Hồng và Trương Hát vào đền ở Sông Như Nguyệt đọc bài Tuyên ngôn để nâng cao tinh thần binh sĩ. Đây là đòn chiến tranh Tâm lý độc đáo).*

**“Nam quốc sơn hà Nam đế cư**

**Tiết nhiên định phận tại thiên thư**

**Như hà nghịch lộ lai xâm phạm**

**Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư “.**

**Tạm dịch :**

**Đất nước Nam, vua Nam ở**

**Đạo lý này, định sẵn ở sách Trời**

**Nếu cứ tìm đường qua xâm lấn**

**Lũ bay chuốc thảm bại mà thôi!**

## **NHÀ TRẦN ( 1225 – 1400 )**

*Nhà Trần là một triều đại oanh liệt ngay từ lúc đầu đã làm rạng rỡ nước Nam. Mới thay nhà Lý, nhà Trần phải lo dẹp giặc Mường ở phủ Quốc Oai, giặc Đoàn Thượng ở Đường Hào Hưng Yên và giặc Nguyên Nộn ở Phù Đổng. Võ công phi thường nhất của nhà Trần, mà cũng là của thế giới thời bấy giờ là đã 3 lần đánh tan quân Mông Cổ. Nhà Trần có 12 đời vua. **TRẦN THỦ ĐỘ** đã có công gây dựng nên nhà Trần, từ việc sắp xếp cuộc hôn nhân giữa Lý Chiêu Hoàng và Trần Cảnh, để ép Lý Chiêu Hoàng phải nhường ngôi cho Trần Cảnh cũng như việc sát hại các nhân vật quan trọng của nhà Lý và việc bắt đổi những người họ Lý phải qua họ Nguyễn để tránh hậu hoạn. Đó là một vết nhơ lịch sử. Nhưng về phương diện giữ nước, khi quân Mông Cổ chiếm thành Thăng Long, cướp phá giết cả nam phụ lão ấu trong Thành, vua Thái Tôn hội ý kiến bá quan, Trần Thủ Độ đã nói : “ **Đầu tôi chưa rơi xuống thì xin Bệ hạ đừng lo** “. Đó là một điểm son của một trung thần.*

## **7.- VUA TRẦN NHÂN TÔNG:**

**Vị vua Dân Chủ**

**( 1279 – 1298 )**

*Đến đời Trần Nhân Tông, vua Nguyên của Mông Cổ sai thái tử Thoát Hoan đem các tướng Toa Đô và Ô Mã Nhi cùng đại quân sang đánh nước ta. Vua Nhân Tông triệu tập hội nghị Diên*

*Hồng để hỏi ý kiến quốc dân. Các vị bô lão đều đồng thanh quyết chiến. Vì biết tôn trọng người dân, vua quan nhà Trần được dân chúng đồng thanh ủng hộ, tạo một sức mạnh chưa từng có trong lịch sử. Đây là nền tảng Dân chủ trong chế độ quân chủ.*



## 8.- HÙNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG: TRẦN QUỐC TUẤN

Một Chiến lược và Chiến thuật gia đại tài



Chân dung Trần Quốc Tuấn  
Hùng Đạo Đại Vương



Ngài viết cuốn “ **Binh Thư Yếu lược** “ về Chiến lược và Chiến thuật giữ nước, nhưng nay đã bị thất truyền, có lẽ đã bị quân Tàu tịch thu. Ngài là linh hồn của cuộc chiến thắng quân Mông Cổ đến 3 lần! Trước khi Ngài qua đời, vua Trần Anh Tôn đến giường bệnh vấn kế Ngài về việc giữ nước, tức là Chiến lược và chiến thuật chống với kẻ thù truyền kiếp, đại loại Ngài tâu :

1.-Kể đến bản triều, giặc Nguyên kéo đến vây bọc 4 bề, may được vua tôi đồng lòng, anh em hoà mục, cả nước đấu sức mà đánh, mới bắt được tướng kia, cũng là lòng trời giúp ta mới được thế. Đại để kẻ kia cậy có tràng trận, mà ta thì cậy có đoản binh, lấy Đoản chống với Trường, phép dùng binh thường phải thế, còn như khi giặc kéo đến ầm ầm như gió như lửa, thế ấy lại dễ chống.

2.- Nếu nó dùng cách dần dà như tầm ăn lá dâu, thông thả mà không ham của dân, không cần lấy mau việc, thế ấy mới khó trị, thì ta nên dùng tướng giỏi, liệu xem quyền biến, ví như đánh cờ, tùy cơ ứng biến, dùng binh phải đồng lòng như cha con một nhà , thì mới có thể đánh được, cách ấy phải trị lúc bình, thì khoan sức với dân, để làm kế sâu rĩ bén gốc, đó là cái thuật giữ nước hay hơn cả.

## 9.- TRẦN QUỐC TOẢN:

### Tuổi trẻ Chí cao

Trần Quốc Toản là một cậu bé mới 16 tuổi nên không được vào dự hội nghị Diên Hồng. Cậu đứng bên ngoài, nghe nói về sự tàn ác của quân Mông Cổ và nghe tiếng dân reo hò quyết chiến, cậu bóp nát một trái cam trong tay lúc nào không hay. Trở về, cậu chiêu mộ được hơn 1000 nghĩa quân trẻ tuổi, lập thành một đội binh riêng đánh giặc giúp vua, lập được nhiều chiến công hiển hách.



## 10.- VUA LÊ THÁI TÔ:

Chủ Soái kiên cường

( 1428 – 1433 )



*Lê Lợi ở làng Lam Sơn, tỉnh Thanh Hoá nổi lên kéo cờ khởi nghĩa chống quân nhà Minh. Ông là người khảng khái, có chí lớn, quân Minh đã nhiều lần cho vời ra làm quan, nhưng ông không chịu khuất. Ông thường nói: “ Làm trai sinh ở trên đời, nên giúp nạn lớn, lập công to, để*

tiếng thơm muôn đời chứ sao lại chụi bo bo làm đầy tớ người “ . *Cuộc khởi nghĩa kéo dài 10 năm và đã toàn thắng. Nhà Hậu Lê có 8 đời vua. ( 1428 – 1516 ).*

## 11.- ỨC TRAI NGUYỄN TRÃI:

**Chiến lược gia với Tâm công kiệt xuất**

( 1380 – 1442 )



NGUYỄN TRÃI (1380-1442 )  
ANH HÙNG DÂN TỘC - DANH NHÂN VĂN HOÁ THẾ GIỚI

### a.- Tuyên ngôn chính nghĩa Quốc gia Độc lập

“ Việc Nhân Nghĩa cốt ở yên dân, quân điếu phạt chỉ vì khử bạo. Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn hiến đã lâu. Sơn hà cương vực đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần gây nên độc lập. cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, hùng cứ một phương. Dẫu cường nhược có lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có “.

### b.- Chiến Lược dựng Nước và giữ Nước:

“ Lấy Đại Nghĩa mà thắng *Tham Tàn*

Dem Chí Nhân mà thay *Cường bạo* “



**c.- Áp dụng tài tình Chiến thuật chống với kẻ thù: “ Dĩ Cường lãng Nhược “bằng Chiến thuật:**

**“ Dĩ Nhu thắng Cường, Dĩ Nhược thắng Cường “**

*Tiếc rằng trong Thời bình, Chiến lược này không được tiếp tục khai triển để dựng nước.*

**12.- LÊ LAI LIỀU MÌNH CỨU CHỨA**

*Việc khởi nghĩa gian khổ, lắm phen thất bại, phải rút về núi Chí Linh ẩn núp 3 lần. Một lần bị giặc vây khốn, nhờ ông Lê Lai hy sinh giả làm vua mặc áo bào ra đánh. Giặc bắt giết ông Lê Lai rồi bỏ đi, vua Lê Lợi trốn thoát tiếp tục kháng chiến. Không có sự hy sinh dũng cảm của Lê Lai, thì vua Lê Lợi không thể đánh bại quân nhà Minh để giải phóng cho Dân tộc.*



**15.- VUA LÊ CHIÊU THỐNG:**

Gương mù bán nước

( 1786 – 1788 )

*Khi quân Tây Sơn tiến tra Bắc diệt Trịnh thì vua Lê Chiêu Thống sợ quá, tới cầu viện với vua Càn Long của nhà Thanh. Nhà Thanh sai Tôn Sĩ Nghị kéo 200 ngàn quân cùng với Hứa Thế Hanh, Sầm Nghi Đống sang đánh chiếm Thăng Long. Đây là một vết nhơ lịch sử: Một ông vua với tinh thần nô lệ.*



### 13.-VUA QUANG TRUNG NGUYỄN HUỆ

Với chiến thuật Túc chiến túc thắng

( 1778 – 1802: Nhà Nguyễn Tây Sơn )



*Trung Quang là biệt hiệu của Sĩ Vưu, lãnh tụ nền Văn hoá Nông nghiệp, bị Hiên Viên lãnh tụ Du mục của nòi Hoa Hán đánh bại tại Trác Lộc. Nguyễn Huệ lấy biệt hiệu ngược lại là Quang*

*Trung có ý lật lại thế cờ, đánh lấy lại Lưỡng Việt tức là Lưỡng Quảng. Chiến thuật của Ngài là “Tốc chiến tốc thắng”. Ngài sáng tác khúc nhạc “Đánh, đánh, đánh “ dậy đất dậy trời: để thúc quân“. Từ đèo Tam Điệp kéo thẳng ra Thăng Long, vừa đi vừa ca hát rục rủa đấu tranh dũng liệt oai hùng, bài hát chỉ có 4 câu:*

**“ Đánh cho để tóc dài, đánh cho để răng đen**

**Đánh cho nó chích luân bất phản**

**Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn**

**Đánh cho sử tri Nam quốc Nam quốc anh hùng tri hữu chủ.”**

**Nghĩa là :**

**Đánh để bảo tồn văn hoá: Đầu để tóc dài, răng nhuộm đen.**

**Người Tàu Mãn Thanh thống trị để tóc bím đuôi sam, người Tàu không ăn trầu để răng trắng.**

**Đánh cho cỗ xe trận của nó tan tành mất cả bánh xe không về nước được.**

**Đánh cho nó một mảnh giáp không còn.**

**Đánh cho lịch sử biết rằng nước Việt Nam anh hùng có chủ.**

## **NHÀ MẠC**

( 1527 – 1592 )

### **14.- MẠC ĐĂNG DUNG:**

#### **Gương mù bán nước ( 1527 -1529 )**

Mạc Đăng Dung, bày tội nhà Lê, giết vua Lê Chiêu Tôn lập ra nhà Mạc, truyền được 5 đời. Khi cướp ngôi, triều thần nhà Lê có người sang cầu cứu. Khi quân nhà Minh kéo sang, Mạc Đăng Dung tự trời xin hàng và dâng đất năm động và Khâm Châu cho nhà Minh mới thôi. Đây là gương mù thứ hai sau vua Lê Chiêu Thống

### **GƯƠNG TRAI HÙNG / GÁI ĐẢM CHỐNG THỰC DÂN PHÁP**

*Đây là những khuôn mặt tiêu biểu thuộc nền văn hoá Nông nghiệp “ Khoan nhu “ chống với nếp sống “ Hung tàn và cường bạo “ của theo những người “ Dĩ cường lãng nhược” của nền Văn hoá Du mục Tây phương.*

## **NHÀ NGUYỄN**

**( 1802 – 1945 )**

Trong 12 đời vua Nhà Nguyễn, có 3 vị vua: “ **Vị Quốc vong Thân** ”

### **15.- VUA THÀNH THÁI:**

#### **Vị quốc vong thân (1879 – 1954 )**

*Mặt ngoài nhà vua tỏ ra cởi mở vui vẻ tiếp nhận văn minh phương Tây, nhưng mặt trong nhà vua lại đi gần dân để mưu đồ chống lại Pháp. Ngài tham gia với phong trào chống Pháp, nên bị ép buộc phải xuống ngôi, và bị bắt an trí tại Vũng Tàu và sau đó bị đày cùng con là vua duy Tân ra đảo Réunion ở Ấn Độ Dương.*



## 16.- VUA HÀM NGHI:

Vị quốc vong thân

( 1872 - )

Vua Hàm Nghi là chủ soái của phong trào Cần vương chống Pháp, bị phản bội, nên bị bắt và đày sang Algérie



## 17- VUA DUY TÂN:

Vị quốc vong thân

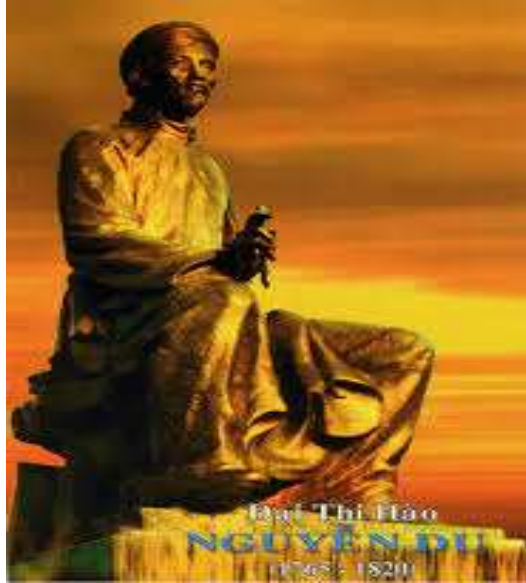
( 1899 – 1945 )

*Vua cùng chí sĩ Trần Cao Vân nổi lên chống Pháp, nhưng bị tiết lộ, khi trốn ra khỏi kinh đô thì bị bắt và bị đày qua đảo Réunion với vua Cha là Thành Thái.*



## 18.- TIÊN ĐIỀN NGUYỄN DU: Một Văn hào lỗi lạc

**Con Người đội Trời đạp Đất ở Đồi**



“ Trăm năm trong cõi người ta

Chữ Tài chữ Mệnh khéo là ghét nhau

Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng. . . “

...

“ Đã mang lấy Nghiệp vào thân

Cũng đừng trách lẫn Trời gần Trời xa

Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài. “

## 19.- PHAN HUY CHÚ:

**Việt Nho ưu thời mẫn thế**

**Điều trần về Quốc kế dân sinh**

( Dưới thời vua Minh Mạng )

Ông viết bản điều trần từ tất cả sự hiểu biết tâm đắc của mình, gồm 4 việc :

1.- Hãy xem Dân là Gốc của Nước, Gốc có vững Xã tắc mới yên. Muốn vậy triều đình phải thư sức cho dân, bớt thuế, bớt lính, bớt những phiền hà khác.

2.- Thực hiện chế độ Quán Điền, làm thế nào để mỗi tấc đất của lãnh thổ phải được khai khẩn, mọi người đều có ruộng để trồng cấy, dập tắt nạn áp bức chiếm đất của bọn cường hào,

lý dịch. Khi dân có ruộng để cày cấy thì làng xã mới yên ổn, từ đó mà hướng dẫn xây dựng phong tục kỹ cương cho dân.

3.- Bãi bỏ các cuộc hành binh dẹp loạn. Dân nổi loạn là vì đói rét, nếu không giúp họ được no đủ thì mầm loạn diệt được chỗ này thì sẽ sinh ra chỗ khác.

4.- Nghiêm trị bọn quan lại tham nhũng. Thượng bất chính, hạ tác loạn, các quan phải tự mình tu nhân tích đức, thì mới giáo hoá được dân. Đơn giản vì dân bắt chước người trên còn nhanh hơn pháp luật. Pháp luật sở dĩ không nghiêm, không thi hành được là do người trên phạm vào. . . , không thể bỏ qua được. Thuốc có cam thảo, nước có lão thần, thuốc phải có cam thảo mới dung hòa được các vị thuốc trong toa để tăng hiệu lực, không công kích nhau, đồng thời dẫn giải thuốc ngấm đều vào mao mạch, tế bào. Nước không có lão thần can gián thì vua sa đà vào chuyện truy lạc dâm ô, gió Sở mưa Tần, làm sao trị vì nổi thiên hạ?

Nhưng thay vì được nghe để cứu dân cứu nước, lại bị trận lôi đình mạt sát thậm tệ. Sau đó ông viết cáo quan về tại vùng núi Sài Sơn mở trường dạy học.

## 20.- PHAN THANH GIẢN

**Không cứu được Non Sông thì nát với cỏ cây!**

( 1796 – 1867 )

Ông Phan Thanh Giản sinh năm 1867, Khi Pháp lại đánh tiếp chiếm 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Tuy đã 2 lần ký hoà ước nhượng đất và những điều kiện bất công khác, nhưng khi ký xong Pháp lại phản bội. Ông Phan Thanh Giản chống không lại, đành nộp thành, dâng sớ cho vua từ quan, rồi uống thuốc độc tự tử chết. Trước khi mất Ông có dặn con cháu đừng có hợp tác với người Pháp.



## 21.- NGUYỄN CÔNG TRÚ:

### Con Người toàn diện

Người làm tròn nhiệm vụ của một viên tướng, của một lính quèn, một kinh tế gia, một thi sĩ, một đạo sĩ. . .

### Con Người toàn diện

“ Vùng trời đất dọc ngang dọc

Nợ tang bông vay trả, trả vay

Chí làm trai Nam, Bắc, Đông, Tây

Cho phi chí vẫy vùng trong bốn bể. .” . . .

“Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường

So chính khí đã đầy trong Trời Đất

Lúc vị ngô hồi tàng nơi bông tằm

Hiêu hiêu điều Vị canh Sắn

Xe Bò Luân chưa gặp Thang Văn

Phù thế giáo một vài câu thanh nghị

Cầm chính đạo để tịch tà cự bí

Hồi cuồng lan nhi chương bách xuyên

Rồng mây chưa gặp hôi ưa duyên



Dem quách cả sờ Tôn làm sờ Dụng “

## 22.- HOÀNG HOA THÁM:

Hùm thiêng Yên Thế



*Năm 1886 Ông lập chiên khu Yên Thế. Ông gây nhiều thiệt hại cho Pháp tại các vùng Yên Thế, Tam Đảo, Nhã Nam. Ông bị Lương Tam Kỳ giết để lấy tiền thưởng của Pháp. Ông có biệt hiệu là Hùm thiêng Yên Thế.*

## 23.- SÀO NAM PHAN BỘI CHÂU:

Kẻ Sĩ tràn đầy nhiệt huyết



“ Ví phỏng cuộc đời bằng phẳng cả

**Anh hùng hào kiệt có hơn ai? “**

“ Minh có khôn phải nghĩ mà suy

Trời sinh ta có tội gì

Sao cho **gọi được Hồn về Nước ta. . . “**

. . .

“Song trong nước mỗi người một khác

Vốn cùng nhau xung khắc bất hoà

Nhưng là **Ta lại hại Ta “**

“ Hồn máu uất chất quanh đây ruột

Anh em ơi! Xin tuốt gươm ra

Có Trời có Đất, có Ta

**Đồng Tâm như thế mới là Đồng tâm”**

#### **24.-PHAN CHU TRINH:**

**Nhà cách mạng ưu thời mẫn thế**



*Cặp bài trùng Phan Bội Châu và Phan Bội Châu: Tuy hai người có hai chủ trương khác nhau: Cụ Phan Bội Châu thì theo đường lối Bạo Động, còn Cụ Phan Chu Trinh thì Bất bạo động, nhưng hai Cụ vẫn khăng khít với nhau trong cuộc đấu tranh.*

### **Cách học Văn hoá của Người ( Âu Tây )**

**“ Có người hỏi luân lý ta mất thì ta đem luân lý của Âu châu về ta dùng hẳn có được không ? Tôi xin trả lời rằng : Không. Một nước luân lý cũ đã mất là nước không có cơ sở, nay bảo đem luân lý mới về thì đặt vào đâu ? Vẫn biết phép tháp cây của người Tây tài tình thật, nhưng nay đem một cây tươi tốt như cây luân lý ở các nước bên Âu châu kia mà chấp với một cây đã cằn cỗi như cây luân lý nước ta thì tưởng không tài nào sinh hoa tươi, quả tốt được.**

**Muốn cho sự kết quả sau được tốt đẹp, tưởng trước khi chấp cây cũng nên bồi bổ cho hai bên có sức lực bằng nhau.”**

### **25.- PHAN ĐÌNH PHÙNG:**

#### **Một sĩ phu kiên cường**

Ông Phan Đình Phùng tài kiêm văn võ. Ông lãnh đạo phong trào Văn Thân, xây chiến lũy Ba Đình, tập luyện binh sĩ chống Pháp. Ông có tài tổ chức quân đội, huấn luyện binh sĩ theo lối Âu châu. người Pháp đánh dẹp nhiều năm không xong. Sau ông già bị bệnh mà mất ở Núi Rẽ Quạt, Hương Sơn, Hà Tĩnh.



## 26.- NGUYỄN TRUNG TRỰC:

### Sĩ phu bất khuất

**Anh hùng Nhật Tảo** : Ông Nguyễn Trung Trực sinh tại Bình Định. Ông là một sĩ phu bất khuất, lãnh đạo nghĩa quân khởi nghĩa 8 năm ở vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh. Chiến công chói lọi của ông là đốt cháy tàu *Espérance* trên sông Nhật Tảo, Tân An, và đánh chiếm thành Sơn Đá tại Kiên Giang. Sau kháng chiến thất bại, ông bị bắt chém tại chợ Rạch Giá năm 1868. Dân chúng chôn cất và lập đền thờ ông tại tỉnh Rạch Giá.



## 27.-ĐỨC GIÁO CHỦ HUỲNH PHÚ SỔ:

### Vị Giáo chủ sống Đạo giữa Đời

Năm 1946 Ngài liên kết các chiến sĩ quốc gia với các tín đồ Phật giáo Hòa Hảo thành lập Việt Nam Dân chủ Xã hội đảng với chủ trương công bằng Xã hội và Dân chủ hoá đất nước. Năm 1947 Ban Hành chánh Việt Minh âm mưu bắt Ngài tại Dốc Vàng Hạ ( vùng Đồng Tháp ) và Ngài mất tích từ đó.



“ Dương trần biết đặng Đạo Hằng mới thôi

Chẳng ham cúng kiếng chè xôi

Phật Trời chẳng muốn điều tòi ấy đâu !

Muốn cho dân hiểu Đạo mâu

Chớ không có muốn Chùa lầu cho cao

Bao nhiêu cũng biết vàng thau

Dạy khôn trần thế chớ nào dạy ngu. “

“ Đạo Thích Ca nhiều nẻo cao sâu

Hãy tìm kiếm Cái Không mới Có “

...

“ Cõi âm phủ đâu ăn của hối

Đức Phật chốn Chùa cao bói rói

Mà làm cho Phật giáo suy đồi

Tu Vô vi chớ cúng chè xôi

Phật chẳng muốn chúng sanh lo lót

Tặng với Chúng ưa ăn đồ ngọt

Nên bày ra cúng kiếng hoài hoài  
Y nghĩ nhiều tiền chẳng biết thương ai  
Cúng với lạy khó trừ cho đặng  
Kẻ nghèo khó tu hành ngay thẳng  
Không cầu siêu Phật bỏ hay sao ?  
Lập trai đàn chạy chọt lao xao  
Bôi lem mặt làm tuồng hát Phật. . .”

...

“ Khuyên trai gái học theo Khổng Mạnh  
Sách Thánh Hiền dạy Đạo làm Người “

## **28.-THÁI DỊCH LÝ ĐÔNG A:**

### **Triết gia và Chính trị gia đầy viễn kiến**

**Đảng Trưởng của đảng Duy Dân, bị VC giết tại trận Nga My.**

“ Trong quá trình sống của mình, hạt bụi sợi cỏ, từ những cái rất nhỏ đến cái rất to, từ cái vô hình đến cái hữu hình, đều là tài liệu của Sự Biết. Biết là trục của sống, mà Học là cửa của Biết. Ôi Đạo học khó thay Cùng một cửa mà ra Thiên tài, mà ra Nô tài, mà ra Nhân tài . Cho nên dạy người hay cầu học tóm lại có 3 phương châm :

**Nuôi Tâm sinh Thiên tài**

**Nuôi Óc sinh Nhân tài**

**Nuôi Thân sinh Nô tài “**

*Việt Nam là cửa ngõ giao lưu của thế giới, nên có cơ tiếp xúc với nhiều trào lưu tư tưởng, nên chúng ta phải ý thức về các cửa học để biết cách làm chủ:*

*Có 4 cửa học :*

**“ Nhập Nô xuất Chủ**

**Nhập Chủ Xuất Nô**

**Nhập Chủ xuất Chủ**

Nhập Nô xuất Nô”.

---

Quốc Sĩ

**Thái Dịch Lý Đông A**

Nhấp chén rượu mài gương giận chém đá.  
Tắc cô thân nghịch tử có ai chia?  
Buổi Âu phong Á vũ vẫn còn mê.  
Chưa thức giấc cùng ta tuyết quốc sĩ?

Vuông nhiều đồ chờ chờ hoen nét rĩ.  
Thẹn những phường tranh chấp mượn tay ai.  
Gương Minh vào, Thanh đến, đến Tây lai.  
Ngai vàng nặng để ê chề non nước.

Thẹn những kẻ quyền gian cướp xã tắc,  
Bêu sống thừa, thác nhục chôn tha hương,  
Dâng sớ đồ quý gói chôn biên cương,  
Tiếng sét đánh hoảng hồn quân biếm chúa.

Thẹn những kẻ sinh ra con lợn chó.  
Thân ăn nằm còn nghĩ đến ông cha.  
Gác cử trùng đau thảm chất muôn nhà,  
Đem dân nước phó cho làn sóng cả.

Thẹn những đũa cân đai mang xống xả.  
Chí đội trời đạp đất đã bù nhìn.  
Chạy trước hươu, góm lũ chó săn nèn!  
Chi trách được mụ Cù tâm dạ Hán!

Thẹn những kẻ miếu đình ngồi tướng tán.  
Chén thanh trà, bôi hoàng tửu đỉnh chung,  
Mặt diện tường sao biết chuyện ô long!  
Con thuyền đồ sớ bèo ai giữ lái?

Thẹn những bác y ô chi lái nhãi,  
Mãi sân Trình, cửa Khổng, mãi Ba Lê!  
Mộng hầu quan tứ xứ lạc đường quê.  
Quê nước ở trong Hồn người tự Chủ.

Thẹn đất nước dưới chân giày ướm xú.  
Người Lâm Thao, Bến Ngự luống tâm cơ.  
Mà bướm hồn, xuân nửa não lòng thơ.  
Để đàn nhạn Cô Tô dài thoi thóp!

**Thẹn dân nước trong sống còn ngoi ngóp.  
Cũng vua quan, phẩm sắc, cũng giàu sang,  
Miếng thịt xôi luôn lọt mà đỉnh đàng,  
Luống để thẹn nghìn năm người da ngựa.**

**Thẹn những phường thất phu xanh đỏ khô,  
Cúng vênh vang ra phết bậc thầy cô.  
Đoái chẳng ai Sát Thát lại Bình Ngô,  
Quân hồn để sượng sùng gươm Vạn Thắng.**

**Thẹn những bậc yếm khăn chi lẳng đẵng,  
Chẳng xem người mũi chỉ dục chinh nhân.  
Cũng theo đòi những vãi Hậu Đình Ngâm,  
Để bút rút ánh trăng trằm cửa Hát.**

**Nghĩ đến sự nước nòi lòng tan nát.  
Có ai còn nhớ chữ trượng phu chăng?  
Núi Lam Sơn còn sống lại Thánh Vương  
Để mở lại nước non nòi Đại Việt.**

4824 T.V  
X.Y. Thái Dịch Lý Đông A

---

**Lưỡi Gươm Việt**

[Thái Dịch Lý Đông A](#)

**Thép Văn Lang lò Viêm hồng nung đúc.  
Búa Lô Truy rèn giữa bể dâu từng.  
Góp ba núi, năm sông dày tấm dục.  
Sấm sét nhòang chớp nhòang giữa gươm cung.**

**Thuở Vạn Kiếp tiên trao khét oanh liệt,  
Ngày Lục Niên đã hiện thét quang vinh,  
Rửa lấy máu gột màu bằng xương thịt,  
Chém muông Hồ, thú Hán nức uy linh.**

**Như Bình Trọng nhờn nhờn giữ một mực.  
Tựa Lê Lai ngật ngật xung chín lần,  
Rửa lấy khí gột mài bằng trung trực,  
Sờn gai người, chém đảo sóng ba quân.**



Ví binh phù ngư long bay xào xạc.  
Bằng phiến minh tuyết lửa thổi chập chành  
Rửa ấy óc gọt mài bằng sáng tác,  
Nổi phong trần cuốn quét khắp đản thanh.

Thép Văn Lang toàn tinh thần tái luyện,  
Thép Văn Lang sắc lên nhường bay biển,  
Lưỡi gươm Việt lại là gươm Duy Dân  
Thế hệ mới mở văn minh hùng kiện.

Lưỡi gươm Việt Vương đầu gồm Thánh Chiến.  
Lưỡi bảo kiếm, kiếm khí và tuệ kiếm.  
Quy Long trận vung lên áp cổ kim,  
Vào hình sắc ra không huyền ảo biến

Hỡi con nhà Lạc Âu nước Trăm Việt,  
Hãy đứng dậy vung gươm khoa nửa triệt.  
Nổi mây mù sấm sét gió mưa ran,  
Cả vũ trụ hét lên ca kỳ tuyệt.

Quy Long trận,

Kỳ tuyệt ca.

Lý tường Việt chan chan ánh sáng loà,  
Lưỡi gươm Việt phơi phơi hồn ông cha.  
Tráng sĩ Việt đường đường chí đạ ba.

Kỳ tuyệt ca,

Quy Long trận.

Đứng núi Tu Di, cắm giường Nam Bắc.  
Chém sắt Côn Ngô, thu đồ Hà Lạc,  
Cắt búi Kim Chiêm, bắt tiêm y thác.  
Cùng một lưỡi gươm vẫy nên Vạn Thắng,

Cũng một lưỡi gươm trở đến Thái Bình,  
Muôn muôn năm còn mãi mãi chân hình,

Vóc tình thân thiết diện, quý thần kinh.

Tự Hào

**Thái Dịch Lý Đông A**

Chàng thiếu niên chí thành, hành chữ vương  
Sinh ra đời gặp lúc đại nhiễu nhưong.  
Dân muôn nhà trầm luân trong nước lửa.  
Chàng thiếu niên gằm thét động bi thương.

Phấn hùng tâm gọt mài tìm lẽ sống.  
Đặt tấm thân dày dạn giữa gió sương;  
Ngày công thành hện trước như cứu chúa.  
Cầm trong tay vận mệnh và kỷ cương.

Chàng thiếu niên gốc cháu con Hồng Lạc  
Máu nóng sôi, hồn nóng lửa Viêm Phương.  
Năm nghìn năm trong mạch sống chan chứa.  
Hoa thiên tài bùng nổ nước Đông Dương.

Lòng trong trắng như vàng trời cao sáng.  
Đức uy nghi nên cách khác ai thường.  
Tình yêu thương những ngày thiên mệnh sớm  
Vì giống nòi trút lại chẳng tơ vương.

Vết phấn đấu như rồng bay tuyệt cẳng  
Tài lược thao cái thế có ai đương;  
Lưỡi gươm thề quyết mở đường Vạn Thắng  
Gồm một nhà trăm giống Việt Kinh Dương.

Chàng thiếu niên rượu thần thơ lại thánh.  
Nét tâm đan mở miệng có văn chương,  
Bước Duy Dân dòng Xuân Thu tha thiết.  
Uống Năm hồ, ngâm trăm thuở cương thường.

Trang bất tử bước chân hùng khảng khái.  
Vê hồn nhiên linh nhạc nẩy cung thương.  
Thường than câu “Thiên hạ thù nhân khắp”  
Thoát xem mình đầu tóc đã pha sương.

Gánh tài tình tự hện thời mưa gió.

**Đẹp cuồn lan xấy đắp côi kim cương,  
Thân lui về tiêu dao không ngày tháng.  
Muôn nghìn đời tài tử nhất danh trương!**

**Chàng thiếu niên tự hào thân làng lạng,  
Đáng cháu con Hồng Lạc mặt dương dương  
Cũng doanh hoàn đua chen với kim cổ,  
Hỏi xem đời mấy kẻ dám tương đương?**

**Chàng thét rượu, mở tờ buông bút sử,  
Tự hào mình, mình hát lại mình thương,  
Rằng nghìn trước, nghìn sau, nghìn năm nữa,  
Có ai cùng Thái Dịch hú hồn thương ?**

---

## **29.- TỔNG THỐNG NGÔ ĐÌNH DIỆM**

**&**

### **BÀO ĐỆ NGÔ ĐÌNH NHU**

**Cặp bài trùng: Tình / Lý tương tham**



## Hai Vị đã : Vì Nước quên Minh

Đã bị Cô Hồn Cháo Lú và Cô Hồn Vọng Ngoại thăm sát.

Trong tình huống phải đối diện với khó khăn của Dân tộc, Tổng Thống đã tuyên bố đại khái như sau : “ *Nếu tôi Tiến thì hãy Tiến theo Tôi, nếu tôi Lui thì hãy Giết Tôi, nếu Tôi bị giết chết thì hãy Trả thù cho Tôi*”.

Còn Ông Ngô Đình Nhu thì cũng tiên báo từ lâu đại khái rằng; “ *Trải bao nhiêu đời trong Lịch sử nước nhà, Trung cộng vẫn luôn là cái thảm họa cho Dân tộc ta.*”

Chỉ có những người Yêu Nước Thương Nòi mới có lời Nói và Hành động đi đôi như vậy, nhất là hành động của hai Vị chấp nhận cái Chết tựa như Lông Hồng, chứ không thèm cao chạy xa bay để mang kiếp sống hèn chết nhục.

## 30.- TRIẾT GIA KIM ĐỊNH

Vị Linh mục Yêu Nước Thông Kim bác Cổ



*Cài tư lớn nhất của Triết gia là :*

“ **Đạo** ( Đạo lý Nhân sinh ) **mất trước, Nước mất sau.**”

*Triết gia đã dâng trọn cuộc đời đi tìm **Chủ đạo Hòa** cho Dân tộc.*

**Đó là chủ thuyết Việt Nho và Triết lý An vi:**

**Nền Văn hoá Thái Hòa Việt.**

Bộ sách gồm hơn 46 tác phẩm chính, nay còn lại 33 tác phẩm, tất cả được tóm tắt vào 3 chữ: Chí Trung Hòa.

### 31.- CÁC VỊ TỪ GIÀ TỚI TRẺ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Đang vùng lên chống Thù Trong / Giặc Ngoài để xây dựng nền tảng Tự do Dân chủ

cho Đất Nước

Dân tộc chúng ta đã được trường tồn tới nay là nhờ vào những hành động quả cảm hào hùng của biết bao nhiêu con dân đã hy hiến Thân / Tâm cho Đất nước, chúng tôi chỉ trung được một số ít các Vị Tiên bối đã hy hiến Thân / Tâm cho đất nước để giúp chúng ta nhận thấy rằng chúng ta có đi sâu vào Tâm tưởng và Hành động của Tổ Tiên thì mới gọi lên được cái Hồn Thiêng Sông / Núi của các Ngài, Hồn linh đó đã giúp các Ngài sống đời sống tự Chủ, tự Lực, tự Cường như thế nào hầu xây Nhà Dựng và Cứu nước.

Thiết tưởng chúng ta có Gọi Hồn Nước thì Hồn mới Về với ta, vì có “*Đồng thanh mới tương ứng, có đồng khí mới tương cầu*”.

### 32.-RƯỚC HỒN THIÊNG SÔNG / NÚI VỀ VỚI DÂN TỘC

ĐỂ CHẤN HƯNG

TÌNH / NGHĨA ĐỒNG BÀO

Để ý tới sự liên hệ giữa Xác / Hồn chúng ta cũng thấy có mối Liên hệ theo Dịch lý.

Nhờ tinh thần Dịch lý mà chúng ta thấy được mối Liên hệ giữa Linh hồn và Thể xác một cách khăng khít.

Linh hồn thì linh động, nhưng rất nhẹ nhàng thanh thoát không thể trông thấy bằng mắt trần được, mà bằng Huệ nhãn, bằng trực giác.

Xác là Vật chất thì lại nặng nề do sức ì của trọng lực, dễ thấy, và bất động, có thể sờ mó được.

Xác là cái giá đỡ phân Hồn, Hồn là đôi cánh của Xác.

Khi Hồn / Xác có kết hợp với nhau thành Lương nhât thì con người mới có sinh hoạt. Không có Hồn thì Xác chẳng thể có hoạt động nào.

Nhưng Xác nào thì Hồn nấy, có Xác thì Hồn mới có Nơi nhập, có Hồn thì Xác mới được nâng lên, Xác là Gốc mà Hồn là Ngọn.

**Đại loại trên Đồi có 3 nếp sống, đối với những người có Tu Thân thì tùy theo sự sinh hoạt của Xác mà có Tỷ lệ Xác / Hồn khác nhau:**

**Người sống theo lối Diệt dục tuy Xác không phát triển được toàn diện, nhưng Hồn có thể Dững mà Xác không Hùng.**

**Người sống theo lối Đa dục thì Xác được Hùng mà Hồn không Dững tương xứng.**

**Người sống theo Quả dục nghĩa là chiết trung giữa Diệt dục và Đa dục thì Xác chẳng những được Hùng và Hồn cũng được Dững tương xứng theo Tỷ lệ Dững / Hùng: 3 / 2. (Âm / Dương hoá theo tỷ lệ Tham Thiên Lương Địa .)**

**Có được cái Hồn có Dững lực thì mới giúp cho cái Xác Hùng hành động theo nẻo Công chính gọi là “ *Nghĩa khí chi Dững* “, còn khi cái Hồn thô bạo thì làm cho cái Xác mạnh mẽ hành động Cuồng tham gọi là “ *Huyết khí chi Hùng* “.**

**Hồn quả là cái đầu máy của Xác, đúng hơn là cái La bàn của con thuyền Xác.**

**Khi Hồn mạnh mà Xác yếu thì cũng có hành động can trường được. Khi cái Hồn bạc nhược mà Xác mạnh thì con người vẫn đốn hèn.**

**Tứ quan niệm con Người là “ *Quý / Thân chi hội* “, nên muốn có Hồn Dững thì phải ngồi Yên tĩnh bất động mà tích lũy năng lượng Tình thương mang tính cách Xây dựng theo nẻo Công chính. Muốn cho được Hùng thì chỉ cần hoạt động bấp thịch mà không lý đến việc tu trì, cứ để cho Quý cảm dỗ mà hành động theo nẻo Hận thù nên chỉ có khả năng phá hoại mà thôi.**

**Xây dựng thì khó mà Phá hoại thì lại dễ, nên mới có câu: “ *Xây dựng thì Khó như lên Trời, mà Phá hoại thì Dễ như đốt Lông* “**

**Mọi thứ trong Vũ trụ được sắp xếp theo loại nặng nhẹ khác nhau, Dịch bảo là : “ Các tầng kỳ loại “. Nhẹ thì ở Trên, Nặng thì ở Dưới, Không Nặng và không Nhẹ thì ở giữa . Hồn của Tổ tiên chúng ta mang bản chất Nhân ái. giúp hành động theo Nghĩa, Hồn có tần số riêng, nếu chúng ta muốn thông giao được với Hồn Dân tộc thì Hồn chúng ta cũng phải là Hồn Nhân mới phát ra cùng tần số mà thông giao với Hồn Thiêng được, chứ không thể cầu xin la lối mà Hồn Dân tộc trở về với ta.**

**Tóm một Lời:**

**Chúng tôi mong mỗi không những làm Mới lại Hình thức cũ và nhất là ráng làm Mới lại được những gì đã Cũ về Nội dung của nền Văn hoá Cha Ông đã bỏ quên tư bao đời, với hoài vọng bắc cầu nối liền hai bờ Kim / Cổ !**

**Việt Nhân**

( \* ) Hầu hết các Hình đều lấy trên internet )

( 1 ):

# MINH TRIẾT VIỆT

## Việt Nhân

Nhận được thư chuyển có tựa đề: **Mối Quan hệ giữa Minh Triết với Quyền lực và Chính trị** “ của Ts. Lê Công Sự “ cùng bài phản biện của Ông Phạm Khiêm Ích ( 1 ) với lời yêu cầu Góp ý của Ông Lê An Vi, tiếp theo chúng tôi lại nhận thêm bài Thơ “ **Đất nước mình ngộ lắm phải không Anh ?** của người con Gái nơi quê Mẹ của tôi cách nửa vòng trái Đất “ ( 2 ), cùng **những tin đồn dập về Cá chết hàng loạt ngoài biển** miền Trung, chúng tôi không có ý phản biện bài viết, cũng không họa thơ, mà chỉ nhận cơ hội góp vài ý về Minh triết Việt để làm sáng tỏ một vài vấn đề về Văn hoá Việt, hy vọng sẽ phần nào đáp ứng được ước vọng của những người còn thiết tha với tiền đồ của Dân tộc.

Tuy với Hình thức Cũ rất Cũ, nhưng với Tinh thần Minh triết, Bài viết sẽ mang tới Nội dung rất Mới, rất hợp với thời đại Khoa học ngày nay, Kính xin quý vị cảm phiền chịu khó đọc Kỹ cho hết. Đa tạ.

### A.- MINH TRIẾT

#### I.- Định nghĩa: Triết: Triệt dã:

Theo Nho thì Triết cần phải “ suy xét cho tới cùng triệt “ mọi vấn đề, nên phải Triệt Thượng và Triệt Hạ. Triết gồm có hai lãnh vực ngược chiều:

Triệt Thượng là : **Cao minh phối Thiên: Có vươn Lên chỗ** Cao mới Sáng soi thấu được cõi Trời hay linh phối với bầu Trời để tiếp cận với nguồn Tâm linh: Nguồn Sống và Nguồn Sáng ( Có thể suy từ trục Thủy / Hỏa của Ngũ hành ) thuộc Đời sống Tinh thần.

Triệt Hạ là: **Bác hậu phối Địa: Có lặn lộn Xuống** khắp chốn Rộng Sâu mới bao quát được bờ cõi mặt Đất để khai thác các định luật Vật chất trong Vũ trụ cần thiết cho đời sống Vật chất.

Con Người là Tinh hoa của Trời Đất ( **Nhân giả kỳ Thiên Địa chi Đức** ), tuy Tinh hoa Trời Đất được kết tụ nơi Minh, nhưng Tinh thần và Vật chất có được kết hợp với nhau làm Một ( : Body and Mind in One ) thì mới giúp cho “ Thân an Tâm lạc



“, nhờ đó mà con Người có “ một Cơ thể tráng kiện trong một Tâm hồn minh mẫn “, cũng nhờ đó mà con người có khả năng sống theo Tiết nhịp “ Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa. “.

Nói cách khác, khi có cái nhìn Cao Sáng và Sâu Rộng đủ cả Trên lẫn Dưới, cả Trong lẫn Ngoài, từ Gần tới Xa, từ Nhỏ tới To, từ nơi Rõ ràng tới chốn Sâu kín. . . thì con Người mới được Chu tri ( holistic knowledge ) hay có cái Nhìn viên mãn để tránh cảnh “ triết lý sờ voi “ mà đưa tới cảnh bị phân hoá.

Khi kết hợp được hai chiều ngược nhau của: Trên / Dưới , Cao / Thấp, Trong / Ngoài, Rộng / Sâu, Trước / Sau . . . thì con Người mới có cái nhìn toàn diện, giúp quán thông được cả ba cõi **Thiên, Địa, Nhân** , do đó mà bảo : ” **Thông Thiên, Địa, Nhân, Viêt Nho.** “.

## II.- Minh bằng cách nào?

Minh là “ làm rõ ra “ phải làm sao cho Triệt Thượng và Triệt Hạ ngược nhau mà giao hòa hay được kết hợp với nhau thành nét Lương nhất: ( Dual unit: 2 → 1 ).

Chúng ta dùng hình Thái cực để giải thích về nét Lương nhất: “ Âm Dương hòa “



Hình Thái cực

Thái cực gồm Âm ( màu Đen ) / Dương ( màu Trắng ) kết lại làm một, gọi là “ Nhất Nguyên Lương cực ”.

Nho có các câu về Thái cực :

“ Âm trung hữu Dương căn, Dương trung hữu Âm căn: Trong Âm màu Đen có mầm Dương màu Trắng, trong Dương màu Trắng có mầm Âm màu Đen “.

“ Thể / Dung nhất Nguyên, Hiển vi vô gián: Cái Thể ( Bên Trong ) và Diện ( Bên Ngoài ) có cùng một Góc, Cái Hiện rõ ( Dương ) và cái Ẩn tàng ( Âm ) liên kết với nhau, không có chia cách “.

\*Âm ( màu Đen ) trung hữu Dương căn ( có chấm màu Trắng ): Trong Âm có mầm Dương.

Tuy Âm có Thể bên Trong màu Đen, nhưng Dụng hay Diện bên Ngoài lại có chấm Trắng, nên Diện mang tính chất Dương, do đó Âm trở thành ion +

**\*Dương** ( màu Trắng ) **trung hữu Âm căn** ( có chấm màu Đen ) : Trong Dương màu Trắng lại có mầm Âm màu Đen, cái Điện bên ngoài mang tính chất Âm, nên Dương là ion –.

**\*Ion + kết hợp với ion – thành dòng Điện tức là ion – và ion + đạt trạng thái Hòa ở thế Quân bình động.**

Triệt Thượng liên hệ với Âm, Triệt Hạ với Dương, khi Thượng Hạ giao thoa thì « Âm Dương hoà ». Khi “Âm Dương hoà “thành luật phổ biến thì trở thành « **Đại Đạo Âm Dương hoà** » ..

**Khi Triệt Thượng và Triệt Hạ kết giao thành nét Lương nhất thì Triệt mới được Minh, ta gọi là Minh triết. Minh triết là luật Biến dịch trong Vũ trụ hay Thiên lý, chứ không ai có Minh triết.**

Đông phương thì có Minh triết « **Đại Đạo Âm Dương hoà** ».

Tây phương cũng suy tư theo nghịch lý **Diễn dịch / Quy nạp** hay **Phân tích / Tổng hợp**, nhưng không thấy đề cập tới nét Nhất quán hay Lương nhất của Vấn đề. Mọi Liên hệ của Tây phương theo Khoa học thuộc loại **Liên hệ Cơ khí** ( mécanique ) chứ không phải mối **Liên hệ Cơ thể hai chiều** theo Dịch lý như như Đông phương ( organique ) .

Tổ tiên chúng ta đã sống thuận theo Thiên lý bằng cách sống sao cho « **Tình Lý tương tham** », Cự Nguyên Du đã ví von : " **Bên Ngoài là Lý, nhưng Trong là Tình** .

**Khi sống ngoài Xã hội thì phải Suy tư** ( nhờ Nguồn Sáng: Thinking ) theo Khoa học để khám phá vũ trụ Vật chất mà nâng cao đời sống Vật chất, nhưng **trong từng Cá nhân** thì phải **Quy tư** về nguồn Tâm linh ( nhờ Nguồn Sóng: feeling ) mà nâng cao đời sống Tinh thần bằng cách ngồi yên tĩnh và bất động, bỏ vương vấn cuộc đời mà « **Đôn hồ nhân, cố năng ái** : Đôn hậu Tình người để mà yêu thương nhau « tức là un đức nguồn Tình ».

Khi sống với nhau trong Gia đình và ngoài Xã hội thì lại phải dùng Lý, nhưng Lý cần được sự bao bọc che chở của nguồn Tình để cho Lý được công chính mà đạt tới trạng thái Hòa .

Tình Và Lý hoạt động như sự truyền đi của Ánh sáng : Theo nhà vật lý Brooglie thì Ánh sáng được truyền đi vừa theo Đường Thẳng của dòng Hạt photon vừa theo làn Sóng hình Sin bao quanh dòng photon. Làn Sóng bao bọc che chở cho dòng Photon tựa như nguồn Tình, còn dòng Photon truyền theo đường thẳng tựa như Lý

công chính. Đây là lối sống hòa « **Hợp Nội Ngoại chi Đạo: kết hợp Trong / Ngoài vào nhau làm Một** » .

**Tình** thôi thúc con Người tìm đến với nhau, **Lý** giúp con người sống « có Đi có lại cho toại lòng nhau » nghĩa là sống công bằng mà Hoà với nhau, khi hành xử Tình / Lý kết đôi thì sống hoà vui với nhau. Hoà là nguồn mạch của hạnh phúc.

Nếp sống theo Việt lý này đã được thâm nhập vào huyết quản của Dân tộc Việt trong mọi lãnh vực qua hàng ngàn năm. Các cặp đối cực của Dịch lý hay nét Lương nhất là sợi chỉ hồng xuyên suốt nền Văn hoá Việt, nét Lương nhất đã thâm nhập vào mọi sinh hoạt của dân Việt như các huyết quản chu lưu khắp thân thể con người .

Đây là nếp sống vừa **Chu tri theo tinh thần Triết lý ( Lý )** vừa có **tính chất Tế vi của Nghệ thuật ( Tình )** để giúp sống hòa với nhau, nên là việc không dễ làm, xin đừng làm là nếp sống nhà quê lạc hậu.

### III.- Ví dụ điển hình

Để làm sáng tỏ Vấn đề, chúng ta xét tới sự giao thoa thành nét Lương nhất của một số cặp đối cực :

1.-**Trong Con Người:** Khi em bé vừa được sinh ra, bắt đầu hơi **Thở Vào** và hơi **Thở Ra** được điều hòa thì mới khóc oe oe, báo hiệu là cuộc sống bắt đầu . **Hơi thở Vào** do **Thần Kinh Giao cảm ( sympathetic )** làm cho quả tim đập nhanh, **hơi Thở Ra** do **Thần kinh đối Giao cảm ( parasympathetic )** làm cho quả tim đập chậm, do vậy mà hơi Thở Vào và Thở ra có **điều hòa** theo Quân bình động thì áp suất máu mới điều hoà, sức khỏe con Người mới ổn định. Những người có hơi thở không điều hoà thì bị bệnh áp huyết cao hay thấp.

Người ta thường ngồi Thiền tập hơi Thở Vào / Thở Ra để duy trì thể cân bằng trong Cơ thể hầu thư giãn, hầu loại trừ những ý tưởng làm vướng vẩn cuộc đời cho Thân an Tâm lạc hay Thân Tâm hợp nhất ( Body and Mind in One ) .

2.- Trong cây cối:

**Rễ** cây thì mọc **Xuống**

**Thân, Cành , Lá** thì mọc **Lên**

**Rễ** cây hút Nhựa Thổ dưới Đất chuyển **Lên** Lá cây, ở đây nhờ năng lượng ánh sáng mặt Trời, Nhựa Thổ được quang hợp thành Nhựa Luyện. Nhựa luyện lại được chuyển **Xuống** khắp nơi trong cây để cho cây sinh tồn và phát triển. Nhờ Hiện tượng luân chuyển Lên Xuống để cho nhựa Thổ biến thành nhựa Luyện để cây phát triển mà đơm Hoa kết Trái. Hoa Trái là hệ quả cao nhất của hoạt động

Lên Xuống của nhựa cây. Hoa đực kết Trái là Tinh hoa của sự Lượng hợp Lên Xuống của nhựa cây.

3.- Trong **Sinh vật**: Gái / Trai, Mái / Trống, Cái / Đực, nhụy Cai / nhụy Đực là những cặp đối cực ( opposite term ) kết hợp với nhau mà sinh ra Con Cái . Con Cái là hệ quả của nét Lượng nhất . Con cái ( 1 ) mang nhiễm thể X / Y của Cha Mẹ ( 2 ) mà thành là nét Lượng nhất ( 2 → 1 )

4.- Trong **Không gian**: Các Thiên thể di chuyển không ngừng trong không gian theo hướng vô cùng vô tận nhờ sự cân bằng động của sức **Quy tâm và Ly tâm**.

5.- Trong **một Nguyên tử**: Một Nguyên tử được trung tính nhờ sự cân bằng giữa sức Quy tâm của hạt Nhân ( proton ) và sức Ly tâm của điện tử ( electron ).

6.- Trong **Điện học** : Những ion – và ion + chạy ngược chiều trong dây dẫn điện giao thoa nhau mà sinh ra dòng Điện.

7.- Trong **Từ học**: Từ lực của **Cực Nam** và **cực Bắc** của một Nam châm giao thoa nhau mà sinh ra Từ phổ.

8.- Trong **Hoá học** thì có Base ( pH: 7 - 14 ) và Acid ( pH : 7 – 1 ) phản ứng với nhau mà có phản ứng Trung tính.

9.- Trong **Âm học** thì hai âm có Tần số thích hợp thì giao thoa với nhau mà sinh ra tiếng Bổng tiếng Trầm cũng như cộng hưởng với nhau,

7.- Trong **Toán học** thì có số Âm - và số Dương + đối xứng kết hợp với nhau thành số 0. Trong toán học cũng có phép **Vi phân và Tích phân**.

8.- Trong **Vũ trụ** cũng có năng lượng **Tối** và năng lượng **Sáng**, năng lượng Tối là nguồn Sáng, nguồn Tình, năng lượng sáng là Nguồn Lý . . . .

10.- Trong **Khoa học Vật Lý** hiện đại thì có **Thời / Không** nhất phiến ( Time – Space – Continuum ) của Einstein. Thời gian và không gian là hai mô căn bản ( tissu fondamental ) như sợi Dọc và sợi Ngang đan kết với nhau mà sinh ra vạn vật. ( Xem SPACE.com. Warping Time and Space ).

11 . Trong **Nho** thì có **Cơ cấu Ngũ hành**: 2 cặp đối cực ( **Thủy / Hỏa, Mộc / Kim** ) của Tứ hành nhờ sự Dung hoá của **hành Thổ** mà đan kết với nhau mà sinh

ra vạn vật. Ngũ hành chính là nguồn sinh sinh hóa hóa của Vũ trụ, hay Tạo hóa luân hay Lò Cừ .

13.- Trong Lạc thư của Lạc Việt thì có các cặp số Lẽ và số Chẵn thuộc vòng Trong và vòng Ngoài của số độ Ngũ hành được xếp theo mạch nối chữ Văn và chữ Vạn, quay ngược chiều nhau, đan kết với nhau cá biệt hoá mà sinh ra vạn vật, đó là Lạc thư Minh triết ( xem cuốn Lạc thư Minh triết của Kim Định ). Những ví dụ trên nói về sự kết hợp của những cặp đối cực làm Một để thành một hợp thể Tiến bộ mang tính chất Hòa, gọi là nét Lương nhất .

#### IV.- Dịch lý

Tất cả các cặp đối cực được Nho tổng quát bằng Âm Dương. Cặp đối cực Âm Dương được gọi là Nghịch số của Dịch ( sự biến hoá ) , nên có câu: “**Dịch : Nghịch số chi Lý** “ , Lý Biến dịch của “ **Âm Dương tương thôi** “ ( Tương thôi là níu kéo và xô đẩy nhau ) lập nên thể Quân bình động, nhờ trạng thái quân bình động mà thay đổi để tiến bộ và luôn được ổn định trong trạng thái cân bằng động tức là **trạng thái Hoà**, do đó mà có : “ **Âm Dương hoà** “ , Âm Dương hòa là luật phổ biến, nên trở thành “ **Đại Đạo Âm Dương hòa** “ hay còn gọi là **Tiết nhịp của Vũ trụ** ( cosmic rhythm ).

Ta có thể lấy một thí dụ đơn giản để gợi ý về sự Biến dịch của “**Âm Dương tương thôi**” như **sự kéo dây của hai phe**. Hai phe là cặp đối cực mà sức Niu / Kéo của hai bên không quá cách biệt, khi hai bên kéo nhau thì cái dây cứ liên tiếp xích bên này rồi xích bên kia, mỗi lần di chuyển rồi lại ngừng giây lát, và cứ dằng co như vậy. Sự di chuyển tạo ra sự “ Tiến bộ “ và sự ngừng lại ở mỗi thời điểm và không điểm là Trạng thái “ giao Hòa nhau “ , điểm Ngừng lại không ở một chỗ mà cứ di chuyển qua lại liên tiếp, đó là trạng thái Quân bình động. Như vậy, sự Biến dịch theo Dịch lý tạo ra sự Tiến bộ ở Trạng thái tạm ổn định mà Hòa ở từng Thời và Không điểm gọi là Quân bình động.

Vợ Chồng là Nghịch số, là cặp đối cực. Vợ Chủ Tình, Chồng chủ Lý, khi sống sao cho Tình / Lý vẹn toàn với nhau thì “ Thuận Vợ thuận Chồng “. Mỗi Tình giúp hai Vợ Chồng tìm đến kết đôi với nhau, Lý giúp hai Vợ Chồng hành xử công bằng với nhau mà sống Hòa với nhau để “ Thuận Vợ Thuận Chồng, sống Hạnh phúc bên nhau, Hạnh phúc là mục tiêu cao cả của con Người. Vợ Chồng là đầu mối của đời sống của người Quân tử

( **Quân tử cho Đạo, tạo đoan hò phu phụ** ), vì Gia đình là nếp sinh hoạt cao nhất trong Vũ trụ và cũng là nền tảng của Xã hội. Gia đình “ thuận Vợ thuận Chồng “ là Hạnh phúc con Gia đình cũng là nền tảng Hoà bình của Xã hội.

Cặp đối cực Âm Dương kết thành Thái Cực .Nho lại có câu: “ **Nhân nhân, vật vật các hữu Thái cực** “ : Người nào, Vật nào cũng đều có Thái cực, vì Người nào, Vật nào cũng do cặp đối cực đã kết thành Lưỡng nhất.

Do đó mới có câu: “ **Thể / Dụng nhất Nguyên, Hiền / Vi vô gián** “: Cái Thể bên Trong và cái Dụng bên Ngoài của mỗi Vật đều có nguồn Gốc Nhất thể. Con Người chân tu có cái Thể ( Lòng ) Nhân ái thì mới có bộ Mặt ( Diện ) hiền lành, Ân Nối từ tốn, Hành động khiêm cung. Nhất thể của Vạn vật là Vật chất và Năng lượng. Vật chất có thể biến ra năng lượng theo công thức ( của Einstein ) :

$$E=MC^2.$$

$M$  là khối lượng Vật chất được biến ra năng lượng,  $C$  là tốc độ ánh sáng: 300.000 km / giây .  $MC^2$ : bình phương của tốc độ ánh sáng là số năng lượng phát ra từ khối lượng vật chất  $M$ .  $E$  là Năng lượng từ khối lượng  $M$  phát ra, đó là năng lượng Nguyên tử .

Con Người có Cơ thể là Vật chất. Vật chất và Tinh thần ( siêu Vật chất ) đều hoạt động được là nhờ năng lượng. Vật chất và Tinh thần có là Một thì con Người mới quân bình.

Cùng một lẽ, **Đạo và Đời cũng là Một**, không thể ly cách, vì: “ **Đạo bất viễn nhân**: Đạo không ở xa con Người mà ở trong Tâm con Người “, muốn tu thì cứ đi vào Tâm mình bằng cách ngồi yên tĩnh và bất động, xóa bỏ màn Vô minh Tham, Sân, Si cho cõi Lòng trống rỗng mà tiếp cận với Nguồn Sống và nguồn Sáng, nên ai cũng phải Tu, mà Tu Đạo là để có Nhân Nghĩa mà sống Hoà trong Đời, ở Đời mà không Tu để tìm về Nguồn Gốc. “ thì mất Gốc Nhân Nghĩa thuộc Tâm linh mà sống xào xáo với nhau . Chữ Đạo theo Nho là đi về Nguồn ( Tâm linh ) .

Do đó “ **Cố ly vật cầu Đạo giả, vọng nhi dĩ hĩ**: Việc Lià Xa sự Vật mà cầu Đạo là chuyện hão huyền “ ( Hồ Như Phong. Đại cương 145 ).

Cũng thế, những cái **Hiện rõ** ( Dương ) cũng như cái **Ẩn tàng** ( Âm ) đều không có chia cách vì cùng Nhất thể, do Nhất thể, nên “ **Vạn vật tương liên** “, giữa con Người với các môi trường Không khí, Nước, Đất cũng như ( môi ) trường Tần số ( do ba động của

làn Sóng ) đều có Liên hệ Cơ thể với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, một cái dơ nắm tay của chúng ta cũng ảnh hưởng đến cả Vũ trụ, vì vật nào nặng nhẹ đều phát ra Tần số, vật nặng có Tần số Thấp, vật Nhẹ có tần số Cao, các Tần số thích hợp có thể giao thoa với nhau và cộng hưởng với nhau, do đó mà Tổ tiên chúng ta có câu: **Hồn Thiêng Sông Núi.**

**Hồn thiêng.** Hồn thiêng khi nào và ở đâu Hồn cũng hiển hiện được, và hiển hiện cùng một lúc ( cùng Thời gian ) ở nhiều nơi trong Không gian ( ubiquitous ), đó là nhờ tần số của Tư tưởng. Tần số do năng lượng của các electron phát ra khắp vũ

trụ. Người ta biết được khả năng hiển hiện của Tần số do năng lượng của electron phát ra khắp nơi, vì tổng số pin của hai electron ở gần hay cách xa vạn dặm vẫn bằng không, số pin là số vòng quay ngược chiều của hai electron. Nhờ có năng lượng mà con người Suy tư được, năng lượng gây ra ba động tạo ra tần số.

Theo Huyền thoại Việt Nam, chúng ta có Châm ngôn:

**Mẹ: Non Nhân, Cha: Nước Trí, Con Hùng Vương : Hùng Dũng .**

Mẹ / Cha , Nhân / Trí là Nghịch số trong Thái cực. Khi mình Ăn Ở biết yêu thương nhau ( theo Tình: Nhân ) và hành xử Công bằng với nhau ( theo Lý: Nghĩa ) thì mình bắt gặp được Tần số tư tưởng của Cha ông qua cảm nhận của Trực giác. Khi luôn sống theo Tình Lý kết đôi thì con Người trở nên Hùng Dũng: Hùng là sức mạnh của Cơ bắp, Dũng là sức mạnh của Tinh thần.

**Hùng Dũng là tinh thần Đoàn kết cũng là Nội lực của Dân tộc để lập Quốc Việt Nam .**

### **Vua Hùng là Quốc Tổ Hùng Dũng của Việt Nam**

**Lối Quy tư và Suy tư** của Tổ tiên Việt cũng là Triệt Thượng và triệt Hạ:

Một là **hướng Ngoại** thì **Suy tư** để khám phá định luật trong **thế giới Vật chất** mà nâng cao đời sống.

Hai là **hướng Nội** tức là **Quy tư** về Tâm mình để tiếp cận với **nguồn Tâm linh**: nguồn Sáng và nguồn Sáng. Nguồn Sáng là Động lực ( Tình ) giúp cho Hướng đi của nguồn Sáng ( Lý ) được Công chính mà Hoà với nhau.

Khi kết hợp được Nghịch số Quy tư và Suy tư theo Dịch lý “ Âm Dương hòa “ thì cuộc sống con Người mới bắt nhịp với **Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ** mà sinh tồn và phát triển.

**Trên đây là vài nét về Minh triết Việt theo Việt Nho.**

### **B.- MINH TRIẾT TRONG CẤU TRÚC NGÔN TỪ: NÉT GẤP ĐÔI**

Người Việt Nam có thói quen Nói theo lối gấp đôi ( twofold ) thành cặp đôi cực của Dịch lý. **Khi để ý tới Cơ cấu và cách Vận hành của Ngôn từ Việt thì chúng ta nhận ra được cuộc sống nhịp theo Thiên lý Thái cực của Dân tộc Việt.**

Chúng ta thường nói: Ăn / Ở, Ăn / Nói , Ăn / Uống, Ăn / Làm, Ăn / Ngủ, Làm / Lụng, Đi / Đứng, Học / Hành, Vợ / Chồng, Mẹ / Cha, Tiên / Rồng, Tình / Lý hay Nhân / Nghĩa , Núi / Sông hay Sơn / Hà, Nhà / Nước, Thời gian / Không gian hay Vũ / Trụ . . .

**Ăn / Ở**

**Ăn ( vào ) / Ở ( ra )**

*Ăn là nhu cầu đầu tiên của con Người để tồn tại và phát triển, đó là Thiên tính, không ai có thể Sống mà không Ăn. Đã sinh ta thì ai cũng biết Ăn, nhưng Ăn cho khỏe Xác thì thức ăn phải gồm đủ hai yếu tố ngược nhau Ngon / Lành.*

***Thức ăn Ngon** phải thoả mãn năm giác quan: Đẹp mắt ( Thi giác ), Ngon miệng ( Vị giác ), Mùi thơm ( Khứu giác ), Dòn tan khi nhai ( Thính giác ), Dễ chịu khi cầm lấy ( Xúc giác ), có vậy Dịch vị mới tiết ra giúp sự tiêu hóa được tốt.*

***Thức ăn lành** thì dễ tiêu hóa không gây bệnh. Đồ ăn Ngon thì không mấy lành, đồ Ăn Lành thì ít Ngon. Có điều hòa được hai yếu tố Ngon và Lành thì sức khỏe mới luôn ổn định , khi đó thì Cơ thể mới khỏe mạnh, làm giá đỡ cho Tinh thần minh mẫn.( Body and Mind in One ).*

*Còn cách ăn thì ngồi chỗ chung, ăn chung, không mỗi người một đĩa như Âu Tây. Khi ăn mọi người quây quần xung quanh bàn ăn, các thực phẩm có nhiều món để chung trên mâm, chỗ ngồi cũng như thức ăn cũng được để ý về cách “ **Kính già yêu trẻ** “. Khi ăn mọi người đều “ lưu tâm mà chia sẻ mọi thứ “ như về Lời Ăn tiếng Nói cùng san sẻ thực phẩm cho nhau sao cho thuận Tình hợp Lý mà sống hoà vui với nhau, đó là cách xử Lễ với nhau, “ **Ăn xem Nòi, Ngồi xem Hướng** “ là vậy. Ăn còn là bài học Lưu tâm và Chia sẻ hàng ngày cho tuổi trẻ. Thường sau khi ăn buổi tối là những lúc cả gia đình hàn huyên với nhau về những sinh hoạt ban ngày của mỗi người trong gia đình, đây cũng là thời gian quan trọng làm cho mỗi dây ràng buộc buộc mọi người trong gia đình với nhau. Do đó mới có câu: “ **Có Thức mới vực được Đạo** “ làm Người .*

***Ở** là cách hành xử với nhau hàng ngày cũng phải có hai chiều Đi / Lại, cho công bằng mà Hoà với nhau. Khi giao tiếp với nhau phải “ **cẩn ngôn cẩn hành**: cẩn trọng trong Lời Nói, dẫn đó trong việc Làm “ vì “ **Bệnh tông khẩu nhập, họa do Ngôn xuất**: Bệnh do của “ ăn vào “ không lành hay tham thực, Họa do lời “ Nói ra “ sắc hơn dao gây tổn thương nhau. “*

*Cha ông căn dặn cách sống ở đời: “ **Học Ăn, Học Nói, Học Gói, Học Mở** “.*

***Ăn Vào, Nói Ra.** Ăn để cho Khỏe Xác và để “ **Vực được Đạo làm Người** “. Nói điều Nhân Nghĩa cho vừa Lòng nhau.*

***Gói Vào cho Kín** để khỏi bị rơi ra, **Mở ra cho hở rộng** để không còn bị che lấp, tức làm việc nào cũng đến nơi đến chốn.*

*Tất cả đều Học và Hành theo cách sống hợp với Dịch lý.*

*Có kết hợp được cả hai cách **Ăn Ở** được hài hoà thì mới “ **Thân An Tâm Lạc** ” tức là “  **mạnh Hồn khỏe Xác “ hay “ Một cơ thể tráng kiện trong một Tinh thần minh mẫn “.** Ăn Ở là một nghệ thuật sống thường xuyên rất tế vi, có vậy thì cuộc sống mới được an hòa hạnh phúc.*

*Trong bài Viết:*



“ Khắc kỷ phục Lễ “ đầu đó, T.G. Kim Định có câu nhại Kiều:

“ **Ở / Ăn thì Nét phải hay**

“ **Nói điều “ ràng buộc “ thì Tay phải Già “**

**Ở Ăn phải hay** là phải làm sao cho hai chiều Ngược Xuôi được êm thấm. **Tay Ràng buộc phải Già** là phải có nghệ thuật làm sao kết hợp được nghịch số cho vừa đủ hài hoà, chứ cứ “ **già néo thì đứt dây”** “.

**Ăn / Nói**

**Ăn** / ( vào ) / **Nói** ( ra )

**Ăn vào** thì phải có thực phẩm Ngon / Lành. **Nói ra** điều Nhân / Nghĩa theo cách “ **Lời Nói chẳng mất tiền mua, liệu Lời mà Nói cho vừa Lòng nhau “**

**Ăn Nói** cũng đều có hai chiều vào ra, cần phải được hài hòa thì mới giúp cho cuộc sống được an vui thoải mái.

**Ăn / Uống**

**Ăn** ( chất Đặc ) **Uống** ( chất lỏng )

**Ăn Uống** sao cho hai chất Đặc / Lỏng được trộn lẫn cân bằng cho sự tiêu hóa tốt thì mới có sức Khỏe, “ **Sức Khỏe là vàng “**, có “ **Tiền mua Tiên cũng được”** , nhưng nhiều khi có vàng cũng không mua nổi sức khỏe .

**Ăn / Làm**

**Ăn** ( Trong ) **Làm** ( Ngoài )

**Ăn** để có năng lực mà làm việc, **Làm** việc thì tiêu hao năng lượng, nhưng có **Làm** thì mới có **Ăn**, nên: “ **Tay Làm hàm Nhai, Tay quai miệng trề.** ” **Ăn Làm** phải kết hợp vừa sức thì cuộc sống thoải mái, có **Ăn** mà không làm thì miệng trề nghĩa là không có **Ăn** hay cướp lấy của người khác mà **Ăn**, có **Làm** mà chẳng được **Ăn** thì sống kiếp Ngựa Trâu. Thái quá cũng như Bất cập cũng đều bị **Làm** dụng làm cuộc sống mất quân bình, nên cần phải sống Tiết độ ( No more , no Less ) trong mọi lãnh vực.

**Ăn / Ngủ**

**Ăn** ( Động ) / **Ngủ** ( Tĩnh )

**Ăn** ( Ban ngày ) để có năng lực mà **Làm** việc để nuôi sống và phát triển, khi làm Ban Ngày thì tiêu hao năng lượng, nên phải **Nghỉ** ( Ban đêm ) cho cơ thể hết mệt, nhất là giấc Ngủ ngon ( sound sleep ) thì hấp thụ năng lượng ( năng lượng là Chi trong cách tập Tai chi để tăng năng lượng cho sức khỏe ) trong không khí được nhiều hơn thức ăn vào. Qua giấc ngủ ngon lúc sang thức dậy tinh thần con người rất thoải mái.

“**Ăn được ngủ được là Tiên, mất Ăn mất Ngủ là Tiên mất đi “.**

## **Làm / Lụng**

**Làm** ( *Thực tự: Hữu* ) / **Lụng** ( *Hư tự: Vô* )

Trong Các Lời nói Gấp đôi có nhiều cặp có tiếng đầu có nghĩa thuộc **Thực tự** ( *Hữu* ) và tiếng sau là **Hư tự** ( *Vô* ) thì vô nghĩa, cặp này cũng diễn tả Dịch lý: “**Thực nhược Hư, Hữu nhược Vô**: Có mà như Không, Không mà dường như Có “ . Đây là Lời nói về sự **Biến hóa bất biến** của **Vật chất** trong **Vũ trụ**, có đó rồi không đó, nên trong cuộc sống không thể bám chặt vào những cái **Biến đổi** từng sát na như của cái **Vật chất** mà tranh dành sát phạt nhau làm cho xã hội rối loạn, con Người khổ đau.

## **Đi / Đứng**

**Đi** ( *Động* ) **Đứng** ( *Tĩnh* )

**Chân** này phải **Động** mới bước tới được, nhưng **Chân** kia phải **Đứng yên**, để làm **Điểm tựa** cho chân **Kia** **Động** mà bước tới. **Chân** **Động** bước tới được là nhờ **Chân** **Tĩnh**, nên “ **Hữu sinh ư Vô** “: Cái **Có** từ cái **Không** mà ra . Cứ **chân** này **Tĩnh** giúp cho **chân** kia **Động** bước tới, hai **chân** cứ luân chuyển **Tĩnh** **Động** như thế thì bước đều nhịp nhàng mà đi được quãng đường dài. Nếu hai **chân** đều **đứng yên** thì không bước tới được, nếu hai **chân** cùng bước thì chỉ có thể nhảy được một số bước là đã mệt nhoài, một **chân** làm việc để cho **chân** kia nghỉ thì hai **chân** mới làm việc được lâu dài. Đó là sự phân công hợp lý trong mọi trường hợp.

## **Học / Hành**

**Học** ( vào ) **Hành** ( Ra )

**Học** để có kiến thức ( *information* ) giúp cho phát triển **Khả năng** ) và có cả kiến thức về sự **đào luyện Tư cách** ( *formation* ) ,

**Hành** là đem hai loại kiến thức trên thể hiện vào cuộc sống hàng ngày để trau dồi **Tư cách** và **Khả năng** để nâng cao đời sống **Vật chất** và **Tinh thần**.

**Học** mà không **Hành** là cái **Học** vô bổ. **Hành** mà vô **học** thì làm càn, vì “ **Bất học vô thuật**: không học thì không biết cách làm “, thường gây rắc rối trong xã hội, vì không kết hợp được **Học** và **Hành** hay “ **Tri Hành phải hợp nhất** “.

Những nhà cầm quyền **mị dân** thì chỉ **Nói Hay** mà **Làm** không được **Tốt** vì “ **Lực bất tòng Tâm** “ hay **Tâm nông Trí cạn** .

## **Vợ / Chồng**

**Vợ** ( *Gái, Mẹ* ) / **Chồng** ( *Trai, Cha* )

**Gái** / **Trai** là cặp đối cực kết nên **Vợ** **Chồng**. **Vợ** **Chồng** tìm đến với nhau bằng **Tình** qua lễ **Thành hôn**, sau lễ **Thành hôn**, trước khi vào phòng riêng trao thân gửi phận cho nhau, hai **Vợ** **Chồng** cùng uống chung với nhau một ly rượu và hai bên bái nhau gọi là lễ **Giao Bái** như là lời kết hứa tôn trọng nhau suốt đời cho đến khi “ **cốt rủ xương mòn, răng long đầu bạc** “ với nhau. Đây là lời giao ước

sống Hoà với nhau theo Lý công bằng Do đó mà có câu : **Quân tử chi Đạo tạo đoan hồ phu phụ** : Vợ Chồng là đầu mối cho người Quân tử.

Nhờ yêu nhau bằng Tình yêu khăng khít, sống Hoà với nhau bằng Lý Công chính, nên “ **Thuận Vợ thuận Chồng**, biến gia đình thành Tổ ấm, Vợ Chồng cùng nhau xây dựng Gia đình và Xã hội mà vui sống bên nhau cùng sinh Con đẻ Cái, đó là nguồn sinh sinh hoá hóa cao nhất trong Vũ trụ. Sự phân công trong Gia đình thì: **Nữ Nội, Nam Ngoại**: Người Vợ chủ Tình được phong làm **Nội Tướng**, **quản xuyến mọi việc trong nhà**, người Chồng chủ Lý đóng vai **Ngoại Vương lo toan xây dựng phần Ngoài thuộc Gia đình và Xã hội**.

Ngày nay người ta cho lễ Giao bài là cổ hủ, nên bỏ đi Lễ sống tôn trọng và công bằng với nhau, nên bỏ luôn cuộc sống Hoà.

Liên hệ với câu chuyện Bà Eva ăn trái Cấm nơi vườn Địa Đàng gây ra Tội Tổ tông cho Nhân loại, chúng ta cũng có cách lý giải theo Dịch lý: Số là Bà Eva là Nữ bỏ Chức Nội tướng chủ Tình, Bà đã bỏ Tình ra Ngoài là lãnh vực của Lý để ăn trái Cấm, lại còn rủ Ông Adam cùng ăn, để hai bên cùng sống theo “ Lý chay “ ở bên Ngoài. Hành động của bà Eva đã làm đảo lộn trật tự “ **Tình Trong Lý Ngoài** “ hay “ **Âm Dương Hoà** “ của Vũ trụ. Nan đề của Nhân loại ngày này là quên Tình, sống theo “ **Duy Lý một chiều** “, vì đã đánh mất cái “ **Hướng sống Công chính** “ từ nguồn Sống Tình thuộc Tâm linh.

Khi mất Tình thì con người trở nên **Vô cảm** và đánh mất luôn **mọi Liên đới trách nhiệm**.

Gia đình có là Tổ ấm thì mới là Trường học đầu đời **wom Tình đom Lý** cho người con khi lớn lên biến thành Trai hùng Gái đảm. Gia đình Tổ ấm được chọn làm nền tảng cho xã hội yên vui. Văn hóa Việt được đặt trên Nguyên lý Mẹ ( Mẹ Âm Cơ ), trọng Tình hơn Lý, vì người Nữ yếu hơn nên phải “ **phù yếu trọng nữ** “ giúp cho cuộc sống Nữ Nam được cân bằng, do đó mà đặt Vợ trước Chồng, tục này được gọi là **Tả nhậm** tức là thói quen quay về phía bên tay Trái hay cái nút áo về phía Tay Trái, bên tay yếu hơn và có quả Tim, tức là trọng Tình, chứ không gọi là Phu phụ hay Chồng / Vợ như Tàu “ **Trọng Nam khinh Nữ** “, tức là thói quen Hữu nhậm ( Tay phải, tay mạnh hơn ( Trọng Lý hơn ). Tục Hữu nhậm của Tàu thì lại cài nút áo về phía tay Mặt, vì giao lưu Văn hoá qua hàng ngàn năm, dân Việt Nam quên mất Thói quen quan trọng này. .

**Nhân ( Tình ) / Nghĩa ( Lý )**

**Nhân** ( Trong: Tình Cá nhân ), **Nghĩa** ( Ngoài: Những người trong Gia đình và Xã hội ). Nhân là Lòng Yêu thương do tác động hướng Nội níu kéo mọi Người lại với nhau. Nghĩa là cách hành xử hướng Ngoài giúp mọi người hành xử Công bằng

để sống hòa với nhau. Sống trong Nhân Nghĩa thì con Người có Dũng lực tự chế để không làm chuyện Bất công mà làm rối loạn Gia đình và Xã hội.

Nhân ( Âm ) Nghĩa ( Dương ), Hùng Dũng ( Hòa ) tức là “ Âm Dương hoà “ theo Dịch lý.

**Bao** ( Bọc ở Ngoài ) / **Dung** ( Chứa ở Trong )

**Bao** là Bọc lại trong bao để che chở, **Dung** là Chứa, là chấp nhận cùng sống Công bằng trong Bao ( theo Lý ) nhờ được nuôi nấng bằng Tình Bao la của Mẹ.

Muốn sống theo tinh thần Bao dung phải có Dũng lực của Nhân Nghĩa.

**Điù** ( Núi, Nâng ) / **Đắt** ( Kéo, lôi )

**Điù** là Nhờ **Tình yêu** mà giúp đỡ ai bước đi hay làm một điều gì, mà người đó không làm nổi, **Đắt** là hướng dẫn đi cho đúng hướng để đạt mục tiêu nhờ **lẽ Phải của Lý**. Có **Điù** mà còn **phải Đắt** nữa mới đạt mục tiêu.

**Điù Đắt cũng hàm ý Tình Lý tương tham.**

**Bây Giờ** ( Thời gian ) / **Nơi Đây** ( Không gian ) : **Vũ / Trụ**

Trong cuộc sống cũng nên nhớ kết hợp hai yếu tố : **Nơi đây** ( Here : Không gian ) và **Bây giờ** ( Now : Thời gian ) mà làm Người ( Vi Nhân ) bằng cách bám theo Hiện tại miên trường ( ever present ) mà « **hoàn thiện mọi việc Làm** » ( perfect of things ) từ Nhỏ đến Lớn và « **hoàn thiện mọi mối Liên hệ Hoà với nhau** » ( perfect for being ) trong Không gian đang sống, ngay đến cả việc sống Hòa vạn vật và Vũ trụ nữa . Chứ không bám vào **Quá khứ** mà than khóc hay tự hào suông cũng như hy vọng hảo huyền về **Tương lai** mà thân nhiên tự lờ dối mình. Có Vi nhân như thế ở đời Nay mới mong có sự cứu rỗi đời Sau, chứ không thể ngồi bất động mà cầu xin được.

**Những lời Nói nhip đôi ngược nhau:** Núi / Sông, Non / Nước, Nước / Nhà, Tiên / Rồng, Ông Đùng / bà Đà, ông Cò / bà Cộc. . . .Hồn thiêng Sông / Núi . . . đều là nhắc nhở về sự sống làm sao cho các cặp đối cực đó luôn được hài hòa theo **Dịch lý**.

Đa / Nhất cũng chỉ là Một, trong cái Vĩ đại có chứa cái Tinh vi mà trong Tinh vi cũng có cái Vĩ đại ( Xem Holograph cũng như “ The wisdom of the cells “, và cấu trúc của Nguyên tử cũng như cấu trúc của Thái Dương hệ ), mọi vật liên hệ chặt chẽ với nhau, không bị chia cách phân ly, sống trong Vũ trụ mọi sự đều biến hoá không ngừng, nên hàng ngày con người phải nhớ kết hợp được hai yếu tố trái ngược ( Nghịch số chi lý ) đó mới tồn tại và phát triển điều hòa..

Ngày nay đa số chúng ta bị choáng ngợp bởi sự **hào nhoáng của khoa học**, quên đi nguồn **u linh man mác của Tâm linh** ( Nguồn Tinh và Lý công chính ) chỉ miệt

mài theo văn minh « Duy lý cực đoan một chiều », đánh mất phần Tâm linh - phần quan trọng của Thiên lý - gây ra bất hòa trong nhân quần xã hội. Đó là nan đề của Thời đại.

Ngày nay Khoa học đã khám phá ra không những có năng lượng Sáng mà còn có năng lượng Tối, năng lượng Tối chiếm phần lớn, trong năng lượng Sáng, Khoa học chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

Nói rộng ra, Tĩnh ( Silence and stillness ) là phương thế giúp Quy tư về nguồn Tâm linh để được Mạc Khải. « Tĩnh lặng là sự Mạc Khải lớn lao » .( Lão Tử )

**Động là cách Suy tư ( hướng Ngoại ) về Khoa học. Tĩnh giúp Quy tư ( hướng Nội ) về nguồn Tâm linh. Tâm linh và Khoa học như hai mặt của đồng tiền phải nương tựa vào nhau mới có thể biến hoá trong trạng thái cân bằng.** Mãi mãi theo ánh sáng Khoa học mà bỏ quên nguồn Tâm linh u linh man mác là mất Góc, mất Hướng của Lương tâm, nên “ Khoa học không có Lương tâm “ chỉ đem lại sự hủy hoại của Tâm hồn, khiến con người Vô cảm, làm cho Tinh thần Liên đới Trách nhiệm chi cắt đứt.

Đây là nguồn rối loạn của Xã hội.

Xin đừng tưởng **VÔ ( Nguồn Tâm linh )** là không có gì, mà **VÔ** là nguồn cội của mọi **Động lực thuộc Hữu**, đừng làm **VÔ Tuyệt đối** với Vô tương đối.

**VÔ = Thái Cực nhi VÔ CỰC**

Chúng tôi thấy mấy câu về “ Sắp Thế kỷ “ trong bài Vịnh Ông Bàn Cổ cũng có phần tương tự như “ Sáng Thế kỷ “ trong Cựu Ước :

**1.- VÔ CỰC:** Vô, Hữu vị phân: Tuyệt đối .

a.- **Hỗn mang chi sơ**, vị phân Thiên / Địa. ( Vịnh Ông Bàn Cổ ).

b.- “ **Khởi thủy Thiên Chúa đã dựng nên Trời và Đất. Đất thời trống không mông quanh, và tối tăm trên mặt uông mang và khí Thần ( Họa: Năng lượng: Nguồn Sáng ) là trên mặt Nước ( Thủy: vạn vật chi nguyên: Nguồn Sống.**”

( Cựu Ước. Sách Khởi nguyên )

Những chữ Xiên do chúng tôi ghi vào.

“ Hồn mang chi sơ “ là cái *thuở hỗn độn ban đầu* khi khai Thiên lập Địa chẳng khác nào “ Thời trống không mông quạnh và tối tăm trên mặt uông mang “.

2.- Thái cực: Vô, Hữu phân cực: Tương đối.

a.- \* Thủy phán Âm / Dương. ( *Vịnh Ông Bàn Cổ* .)

b.- \* “ Và Thiên Chúa đã phán: "Hãy có Ánh sáng!" và Ánh sáng đã có. Và Thiên Chúa đã thấy rằng Ánh sáng thực tốt lành, và Thiên Chúa đã tách Ánh sáng ( *Dương* ) với Tối tăm ( *Âm* ). Và Thiên Chúa đã gọi Ánh sáng là Ngày ( *Dương* ), và Tối tăm thì Người gọi là Đêm ( *Âm* ). Và đã có một buổi Chiều ( *Âm* ) và đã có một buổi Mai.( *Dương* ) “ ( *Cựu Ước. Sách Khởi nguyên* ).

“ **Thủy phán Âm Dương** “ là lệnh truyền phân chia ra Âm / Dương chẳng khác nào khi Chúa phán thì có ngay các cặp **Đối cực**: Khí Thần / Mặt Nước, Ánh sáng / Tối tăm, Ngày / Đêm, Chiều / Mai.

Đó là phương cách diễn tả khác nhau về sự Tạo Thiên lập Địa của Đông Tây, nhưng cùng một ý, những cặp đối cực đó cũng chẳng khác Đạo / Đức, Nhân / Nghĩa « .

Đạo / Đức, Nhân / Nghĩa cũng là Thái cực, luật Trời : nên « **Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong** : Sống thuận với luật Trời thì tồn tại, ngược lại là tiêu vong « vì đó là « **Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu** : Lưới Trời lồng lộng, thưa mà không để cho một thứ nào chui lọt «

Cách sống tiệm tiến theo Dịch lý như trên của Cha ông là cuộc sống theo Thiên lý Thái cực hay **Nhất Nguyên lưỡng Cực**, cuộc sống được bắt đầu từ nơi Gần là Tâm mình tới cái Lý nơi Xa, từ cái Nhỏ nhất tới cái To, từ cái Đơn giản tới Phức tạp, từ những cái Tầm thường để hướng tới cái Phi Thường, chứ không « Chưa biết Đi đã lo Chạy », con người chưa Thân an Tâm lạc, gia đình đang lục đục mà đã đi xây dựng xã hội hoà bình, lòng còn rặc lửa Hận thù mà hăm hờ đi xây Hòa bình thế giới, có bao giờ Lòng mình còn rặc Lửa Hận thù mà hăm hờ đi xây dựng được Xã hội Hoà bình, có bao giờ dùng Lửa mà chữa được cháy!

Vì vậy cho nên cái khó của chúng ta là ở ngay cái Lòng của mỗi chúng Ta, đó là cái Lòng « Ngại Núi ( xa Nhân ) e Sông ( rời Nghĩa ), đơn giản chỉ có thể mà xem ra còn khó hơn công trình vá Trời lấp Biển.

Trong ngôn ngữ Việt Nam, chúng ta thấy không biết có cơ man nào những Danh từ gấp đôi như thế mang Tinh thần Biến hoá muôn màu muôn vẻ theo Dịch lý Việt.

### C.- MINH TRIẾT TRONG CÁCH ĐỊNH VỊ CON NGƯỜI

Con Người Việt Nho được **Định vị** trong Tam Tài :**Thiên – Nhân - Địa** như trong Cơ cấu về Đồ hình của Ngũ hành. Con Người được định nghĩa:

“ **Nhân** giả kỳ **Thiên / Địa** chi **Đức, Âm / Dương** cho **giao, Quỷ / Thần** chi **hội, Ngũ hành** chi **tứ khí** “.

( 2 ) **Hỏa** ( **Lửa: Năng lượng** ) : **Thiên** ( **hoàng** )



( 5 ) **Thổ** : **Tâm linh**: ( **Nguồn Sống và nguồn Sáng** ) : **Nhân** ( **hoàng** )



( 1 ) **Thủy** ( **Nước: Vật chất** ) : **Địa** ( **hoàng** )

Vị trí con Người qua trục Chí ( Tung ) của Đồ hình và Số độ trong Ngũ hành .  
Con Người là Tinh hoa của Trời Đất.

**1.- Nhân giả ký Thiên / Địa chi Đức:** Con Người là Tinh hoa của Trời Đất, vị trí con Người ở Trung cung hành Thổ tức là nguồn **Tâm linh**: Nguồn Sống và nguồn Sáng, nhờ đó mà “ **Nhân linh** **ư vạn vật** “. Nguồn Sống là Đạo Nhân ( Tình Yêu ) , nguồn Sáng là Đức Nghĩa ( Lý Công chính ) . Vì Ở giữa Thiên Địa, con Người không không để bị kéo **Lên** Thiên thành **Duy Tâm** mà **mê tín dị đoan**, cũng như không bị lôi **Xuống** Địa trở thành **Duy vật**, coi của **trọng hơn Người** ( con Người Bolchevick, con Người CS ) mà **xâu xé chém giết nhau**, nhờ không để bị thiên lệch mà **Duy trì được vị thế ở giữa**, nên phải **tự Lực, tự Cường để Tự Chủ** mà làm **Người Nhân Chủ**.

Theo Nho, Trời là **Thiên hoàng**, Đất là **Địa hoàng**, thì con Người – tinh hoa của Trời Đất - cũng là **Nhân hoàng**. Không có con người to lớn và cao cả như Bàn Cổ, như thánh Gióng - Phù Đổng thiên vương - thì không làm nổi việc Tu thân cũng như việc to lớn “ **kinh bang tế thế** “.

**Người Nhân chủ** nhờ **biết sống thuận theo Dịch lý hay Thiên lý** để đạt Đạo Nhân và Đức Nghĩa nên có **Dũng lực làm chủ Vận** hệ mình, **Gia đình** mình và **Đất nước** mình.

**2.-Nhân giả kỳ Âm / Dương chi giao:** Con Người là nơi **kết giao** của Âm Dương hay **Tình Lý**. Nhờ **nguồn Tình** thôi thúc mà **Gái Trai “xe tơ kết tóc** “ mà

**Thành hôn** với nhau làm nên Vợ Chồng”, và cũng nhờ **Lý Công chính** mà Vợ Chồng hành xử công bằng với nhau như lời giao ước trong Lễ **Giao bá** mà hoà với nhau cho đến lúc “**đầu bạc răng long**”.

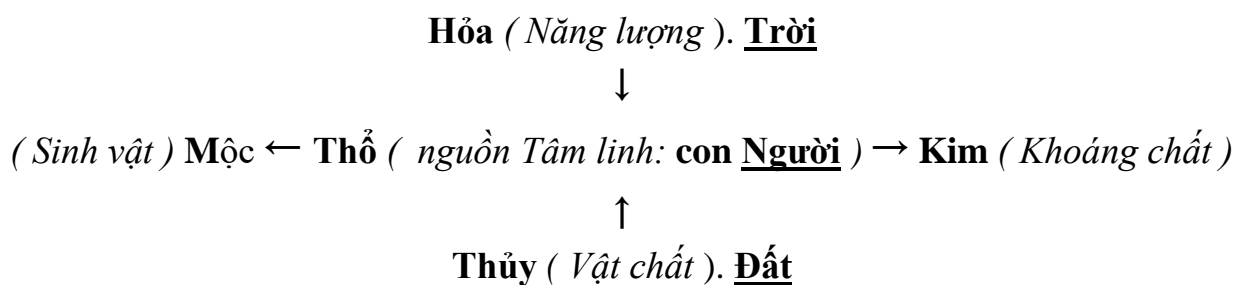
Nhờ “**Phụ phụ hòa gia đạo thành**”, giúp gia đình thành **Tổ Ấm** mà vui sống bên nhau, nhất là sinh Con (Trai) để Cái (Gái) mà tham gia vào cuộc Sinh sinh Hóa hóa của Vũ trụ. Gia đình là trường đầu đời để Cha Mẹ giúp con cái trưởng thành theo Nhân Nghĩa, hay lò luyện Trai hùng Gái đảm cho Dân tộc. Do đó mà Gia đình được chọn làm nền tảng Hoà cho Xã hội, Xã hội làm nền tảng cho Thế giới Hoà bình.

**3.- Nhân giả kỳ Quỷ / Thần chi hội.** Con Người là nơi **Quý / Thần** hay **Ác / Thiện** hay **Ngộ** / Người luôn kẻ lưng xô đẩy níu kéo nhau, lúc này còn là **Thiện**, phút sau đã là **Ác**, nên mọi người ai ai cũng phải Tu thân để lột xác **Ngộ** mà thành Người có **Nhân phẩm**.. Nhờ có **Nhân phẩm** “**Nhân Nghĩa**” mới giúp con Người **Thiện** không cho **Ác** lấn át hay vượt lên cả **Thiện** **Ác**, không những sống hoà với nhau mà còn hoà với cả vạn vật nữa.

Giá trị của con Người là **Vi nhân** làm sao Tu thân cho đạt **Nhân Nghĩa** mà sống hoà cùng mọi người và vạn vật trong Vũ trụ. Theo **luật Giá sắc** thì; “con Người gieo Thứ nào thì gặt Thứ nấy, Ai gieo thì kẻ ấy gặt, Gieo Một thì Gặt Trăm”, do đó mà muốn **Hạnh phúc** thì phải Tu Thân mà làm điều **Lành**, ngược lại làm điều **Ác** thì lãnh nhiều tai họa. Lưới Trời lồng lộng, tuy thưa mà không có thứ nào lọt qua được (**Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu**), không ai lọt qua **Luật Giá sắc** hay **Nhân quả** được..

**4.- Nhân giả kỳ Ngũ hành chi tứ khí:** Con Người là “**Hoa Trái**” của **Ngũ hành**.

**Ngũ hành** gồm 2 cặp đối cực của **Tứ hành** (**Thủy / Hỏa, Mộc / Kim**) và **Hành Thổ**. **Tứ hành** là **Thế giới Hiện tượng, tượng trưng cho Hữu, Hành Thổ tượng trưng cho Vô thuộc nguồn Tâm linh**, khi **Hữu Vô** giao thoa với nhau thành nguồn sinh sinh hóa của Vũ trụ, nên **Ngũ hành** được xem là **Tạo Hóa** hư hay **Lò Cừ**. (**Hành thổ** được xem như **Black hole**).





Thủy / Hỏa, Mộc / Kim thuộc thế giới hiện tượng ( Hữu ). Thổ thuộc lãnh vực Tâm linh ( Vô ).

Chúng ta thấy con Người được kết cấu toàn bằng những yếu tố trái ngược nhau, nhờ biết hành xử theo Dịch lý “ Âm Dương hoà ” mà trở nên con Người Nhân chủ

Ngoài ra nhờ **định vị** được vị thế “ Nhân hoàng “cao cả giữa Trời “ Thiên hoàng “ và Đất “ Địa hoàng “ nên con người có **Điểm tựa hay Bàn nhún nơi Địa**, cũng như có **Hướng siêu việt nơi Thiên** mà vươn lên làm Người. Con dân của nước không phải đôn đáo tung ra tứ phương rước độc được về mà tàn dân hại nước! Nguy tai! Hại tai!

Văn sĩ ( Albert Camu ? ) Pháp có viết cuốn sách : “ L’homme, cet inconnu « , **quả thật Lòng Người khó dò, vì do con người chứa trong mình những cặp mâu thuẫn nội tại được hài hòa hay bất hòa ở muôn vàn mức độ khác nhau!**

## D.- MINH TRIẾT TRONG HUYỀN THOẠI LẬP QUỐC TIÊN / RỒNG

### I.- Hai Biểu tượng ngược nhau

**Tiên ( Mẹ Âu Cơ ). Rồng ( Cha Lạc Long )**

Mẹ Tiên Âu Cơ là Tổ Mẫu, Cha Rồng Lạc Long là Tổ Phụ, Tổ Mẫu Tổ Phụ kết hôn sinh ra con Hùng Vương. Hùng vương là Quốc Tổ của Dân tộc Việt Nam.

Huyền thoại Tiên / Rồng là **Biểu tượng về Tinh thần Dựng nước** của Dân tộc Việt Nam.

Châm ngôn về tinh thần Dựng nước hay tinh thần Đoàn kết của Dân tộc Việt Nam:

**Mẹ Tiên: Non Nhân, Cha Rồng: Nước Trí, Con Hùng Vương: Hùng Dũng**

Chúng ta nên nhớ, nền Văn hoá của Tổ tiên chúng ta là nền Văn hoá Biểu tượng xây trên Huyền thoại cũng như Đồ hình và Số độ.

Huyền thoại có hai loại: **Thần thoại** là những câu chuyện về Thần linh.

**Nhân thoại** là những câu chuyện về con Người. con Người to lớn như Ông Bàn Cổ, Ông Đùng Bà Đà, Ông Cò Bà Cộc, Phù đổng Thiên Vương hay ông Thánh Gióng, vì họ đều là con của Thượng Đế. Con Người to nhất lớn của Việt Nam là Vua Hùng.

Huyền thoại chỉ là câu chuyện dùng Biểu tượng để diễn tả Vấn đề, khi nói nơi đây thì ý lại ở chỗ kia, nói Vật Chất để chỉ Tinh thần hay từ Hình tượng, Biểu tượng để vươn lên Linh tượng. Lý do phải dùng Biểu tượng là vì thời xưa Lý trí chưa phát triển để diễn tả nhất là về phương diện Tâm linh u linh man mác, không thể lấy lời lẽ để “ **Ngôn truyền** ” theo Lý mà chỉ “ **Hội ý** ” “ **được bằng Tinh để cảm nhận** “, lại nữa tuy là cùng một Biểu tượng nhưng mỗi người khi nhìn tới Biểu tượng thì cảm nhận được một cách sâu nông khác nhau.

**Nhìn Hình Đức Bà Maria thì liên tưởng tới lòng Bác ái, nhìn Hình Đức Quan Thế Âm Bồ tát thì liên tưởng tới lòng Từ bi. Khi nhắc tới Tiên Rồng là nhớ đến Tam cương: Nhân, Trí, Dũng. Đó là Nhân phẩm của con Rồng Cháu Tiên.**

Cũng vậy, Nho là Đạo trường chung của Đông Nam Á châu cũng là nền Văn hoá bằng Biểu tượng Đồ hình và Số độ. Không giải mã được Ý nghĩa từ Đồ hình và Số độ thì khó mà hiểu cặn kẽ được nguồn gốc của Nho. Đó là các Biểu tượng về Thái cực viên đồ, vòng Trong, vòng Ngoài, Ngũ hành, Bát quái, Hà Đồ, Lạc Thư, Cửu trù, Hồng phạm .

Nên nhớ nét Lưỡng nhất theo Dịch lý là nét Nhất quán hay Mạch lạc Nội tại của Việt Nho.

## **II.- Phân cực để thăng hoa cuộc sống theo Dịch lý:**

### **Âm Dương hòa hay “ Thuận Vợ thuận Chồng “.**

Chim Hải Âu, chim Hồng ( Hồng Bàng ) là Vật biểu thứ nhất tượng trưng cho **Mẹ Tiên Âu Cơ**. Chim Hải Âu, chim Hồng đều là loại chim **Lưỡng thể**, có khả năng sống trong hai môi trường và có khả năng **bay Cao**. Chim Âu bay lên Núi cao, chốn yên tĩnh ( silence ), ngôi bất động ( stillness ) quên hết sự đời để thăng hoa cuộc sống bằng cách “**Đôn hồ Nhân, cố năng ái** :: Đôn hậu Tình Người mà yêu thương nhau, đó là Lòng **Nhân ái**, nên” **Nhân giả ái Nhân** : Lòng Nhân là lòng yêu thương con Người. Chim Âu cũng có thể kiếm ăn dưới Biển để gặp Cha Rồng.

Giao long ( Cá sấu ) và Xà Long ( Rắn ) là Vật Tổ thứ hai, là Biểu tượng cho **Cha Rồng Lạc Long**. Rồng cũng là loài Lưỡng thể. Rồng có thể lặn lộn sâu dưới biển rộng để có kiên thức viên mãn để **trưởng Trí hay Chu tri** , nên đạt **Đức Nghĩa** .

Rồng cũng có khả năng làm mưa làm gió tung lên Không Trung để gặp Mẹ Tiên.

Huyền thoại bảo **Tiên Rồng gặp nhau trên cánh Đồng Tương để Tiên Rồng tương kiến, tương giao, tương hợp, tương hòa, tương trợ, tương thông để sinh ra con Tinh thần Hùng Vương**. Trong Cuộc Sống, Mẹ tu Nhân, Cha luyện Trí, khi sống gần nhau hai bên bù đắp Nhân Trí cho nhau cho nhau để ai ai cũng có **Tinh Lý vẹn toàn** hầu trở nên con Người Hùng Dũng.

Vậy câu chuyện Mẹ lên Non ,Cha xuống Biển cũng chỉ là Biểu tượng diễn tả việc “ Phân công theo Giới Tính “ để trau dồi Bản Sắc của Mẹ Cha.

**Tình bao la giúp Mẹ Cha sống khăng khít với nhau, Lý Công chính giúp Mẹ Cha sống Hòa với nhau . Khi sống theo Tính Lý hài hòa với nhau thì đạt Đức Hùng Dũng: Hùng là sức mạnh Cơ bắp. Dũng là sức mạnh Tinh thần.**

Chẳng có Chim nào biến thành Tiên, nhưng Chim là Biểu tượng “ bay cao “ để giúp cuộc sống bớt Lượng của Vật chất mà vươn lên Phẩm của Tinh thần, cũng như chẳng có Giao Long Xà Long nào biến thành Rồng, nhưng đó là những Biểu tượng phải học rộng nghĩ sâu như lặn dưới biển sâu rộng để trường Trí mà đạt Chu tri ( holistic knoeledge ), tránh cảnh triết lý sờ voi, mà bị phân hoá.

**Tiên là Biểu tượng của Lòng Nhân ái, Rồng là biểu tượng của Trí hay Lý Công chính. Không tin Tiên Rồng cũng được nhưng bỏ quên Nhân Nghĩa thì hết còn là con Người Hùng Dũng.**

**Nhân, Trí, Dũng là Tinh thần lập Quốc cũng là Nội lực của Dân tộc Việt Nam. Cha Lên Non, Mẹ Xuống Biển và gặp nhau để tương Hợp là quá trình rèn luyện Tính Lý của Mẹ Cha theo Dịch lý.**

**Đây là Biểu tượng Phân cực hay Phân Công Giới tính theo của Mẹ Cha; Mẹ chủ Tình, Cha nặng về Lý. Nữ Nội được phong làm Nội tướng, quán xuyến việc Nhà, Nam Ngoại được chỉ định làm Ngoại Vương, lo việc Kinh bang tế thế .**

**Đây không là việc Mẹ Cha ly dị như một số người tưởng lầm, mà là sự phân công để Tu thân hầu phát triển bản sắc riêng theo Giới tính.**

### **III.- Tinh thần Dân tộc hòa nhịp theo Dịch lý**

Mé Âu Cơ sinh ra trăm con trong một cái Bọc, các con sống trong Bọc Mẹ gọi là Đồng bào, trăm là nhiều, 100 không là con số toán học. Trăm con trong trăm họ đều được Yêu thương đùm bọc nhau trong lẽ sống Công chính và bao dung nhau để sống hoà với nhau.

**Tình Đồng bào** được Văn gia gọi là **Đạo Nhân**, Chát gia giải thích Đạo Nhân bằng những câu Ca dao Tục ngữ ngắn gọn dễ hiểu, để truyền qua cửa miệng cho nhau. Dân Việt Nam có ba lối Tu: Thứ nhất thì **Tu tại Gia, thứ nhì Tu Chợ, thứ Ba Tu Chùa**. Tu tại Gia và Tu Chợ là lối tu của dân gian. Về Đạo Nhân thì có:

**Lá Lành “ đùm “ Lá Rách  
Máu Chảy Ruột Mềm  
Tay Đứt Ruột Xót  
Anh Em Như thế Tay Chân**

...

Lành / Rách, Máu / Ruột, Tay / Ruột, Tay / Chân là nghịch số, các động từ Đùm, Chảy, Mềm, Đứt, Xót, Như thế nói lên mối Liên hệ Cơ thể thiết tha.

**Nghĩa Đồng bào** được Văn gia gọi là **Trí** hay **Đức Nghĩa**. Nghĩa là trách nhiệm hai chiều có Đi có Lại với nhau. Nghĩa còn có Định nghĩa : **Nghĩa : Nghi giả** : Nghĩa là phải thích nghi với từng Người từng hoàn cảnh từng sự việc mà ứng xử Hòa với nhau,

Chất gia diễn tả Đức Nghĩa bằng câu Ca dao ngắn gọn dễ nhớ, dễ hiểu về mối Liên hệ hai chiều;

**Có Đi / Có Lại “ cho Toại Lòng nhau  
Cục Đát “ ném Đi “ Hòn Chì “ ném Lại  
Ở cho Phải Phải *Phân Phân*.  
Cây Đa “ *cậy Thần* “, *Thần* “ *cậy Cây Đa* “**

...  
Có Đi / Có lại, Cục Đát / Hòn Chì, Cây Đa / Thần là những cặp Đối cực. Danh từ : Ném Đi / Ném Lại, cậy Thần / cậy Cây Đa, cho Toại Lòng nhau diễn tả mối liên hệ Công bằng. Phải Phải / Phân Phân diễn tả mối Liên hệ thích nghi. Những câu Ca dao trên mang đậm tinh thần Dịch lý trong Tâm hồn nhân dân Việt Nam.

**Non Nhân là Biểu tượng cho Tình yêu Bao la của Người Mẹ tu Nhân trên Núi cao.** ( **Nhân giả nhạo sơn**: Nhân thì Yêu thích Núi, do đó mà có danh từ **Non Nhân** để chỉ cho Tình Mẹ ).

**Nước Trí là Biểu tượng cho Lý công chính hay Đức Nghĩa của Cha luyện Trí dưới Biển sâu.** ( **Trí giả nhạo Thủy**: Trí thì yêu thích Sông Nước, do đó Nước được kết đôi với Trí thành **Nước Trí**, chỉ cho Lý Cha ) .

**Hùng Dũng là Biểu tượng cho Tinh thần đoàn kết của Vua Hùng, Quốc Tổ của Dân tộc Việt Nam.**

**Huyền thoại Tiên Rồng là nền tảng Triết lý Nhân sinh của Việt Nam để giúp mọi người sống Hòa với nhau, chứ không là kiến thức suông, là chuyện hoang đường .**

#### **IV.- Cái Sấy nảy cái Ung**

Chẳng có Chim nào biến thành Tiên, chẳng có Giao Long Xà Long nào biến thành Rồng nhưng đó chỉ là những Biểu tượng thăng hoa cuộc sống.

**Tiên là Biểu tượng của Lòng Nhân ái, Rồng là Biểu tượng của Trí hay Lý Công chính. Tiên Rồng gặp nhau trên cánh đồng Tương là Biểu tượng cho việc rèn luyện Tinh thần Nhân Nghĩa. Nhân Nghĩa là Tinh thần Đoàn kết Dân tộc.**

Không tin Tiên Rồng cũng được, nhưng bỏ quên Nhân Nghĩa thì hết còn là con Người Hùng Dũng. Mất con người Hùng Dũng của Vua Hùng là mất Gốc Nội lực Dân tộc, nên phải bôn ba đi tìm nhiều Gốc khác, gây ra cảnh phân hóa, nên trước sau gì Dân tộc cũng bị sa vào tròng Nô lệ để “ **Nước Mất** “ !

Cứ nghĩ Tiên Rồng chia con lên Núi, xuống Biển là Ly dị cũng được, những xin đừng quên mất việc trau dồi Bản sắc của nhau, tức quên mất vai trò Nội Tướng và Ngoại Vương của Mẹ Cha, để đối xử với nhau “ với Tình cạn Lý “, đánh mất luôn Tình Nghĩa son sắt Vợ Chồng, làm tan Nhà nát Nước, nguyên do ly dị là quên đi lời căn dặn Cha ông: Nào là : **Nồi nào úp Vung nấy** “ với “ **Non thể Bể hện** “, nào là “ **Vợ Chồng phải sống với nhau cho đến lúc « Răng long đầu bạc, cốt rũ xương mòn** « , nào là « **Trai mà chi, Gái mà chi. Sao cho Ăn Ở Nhân Nghĩa ( Nghĩa ) mới nên**” !

Sự quên đi này làm cho “ **Nhà Tan** “!

Quả là: “ **Vi Nhân nan hĩ : Làm Người khó thay!** “

Ngày nay chúng ta văn minh hơn, chúng ta có thể bỏ thứ Văn hóa chi li rắc rối này, cho là cũ kỹ lạc hậu, nhưng đừng quên là chúng ta phải tìm cho ra những giá trị tốt đẹp hơn cho hợp với thời đại thay vào, hay những phương cách theo Khoa học thay thế cho Nhân Nghĩa để giúp sống Hoà với nhau, nhưng xin đừng xài Luật rừng trời buộc con người lại thành đàn mà kéo cày cho một phe phái Bất Nhân làm chuyện Bất công, chúng ta không thể lờ đi Quốc nạn và Quốc nhục mà chạy quanh, mà phải tìm cho ra đáp đề của Dân tộc, chứ không chỉ hô hào đoàn kết suông !

#### **V.- Sự nguy hại của cái Ung mất Gốc**

Đất nước của chúng ta có Đền thờ Hùng Vương ở Núi Ngũ Lĩnh thuộc tỉnh Phú Thọ, ở hải ngoại nơi một vài nước cũng có Đền thờ Hùng Vương, nhưng hình như một số chúng ta chỉ nhớ ngày mùng 10 tháng 3, tới « **thờ cúng Tương Vua Hùng** « , nhưng đa số con dân Việt Nam đã lờ quên « **Tình thân: Nhân / Trí, Dũng của Vua Hùng** « . Tình trạng này được gọi là “**Lạc Hồn Thiêng Sông Núi** “: Hồn Thiêng Sông là Trí hay **Nghĩa**, Hồn Thiêng Núi là **Nhân**. Khi lạc Hồn Nhân Trí kết đôi thì mất **Tình thân Hùng Dũng**, do tình trạng mất Gốc này mà Dân tộc Việt Nam ngày nay như đàn gà con lạc Mẹ, không được còn nấp dưới cánh gà Mẹ để chống chọi với sự bắt bớ để ăn thịt của loài Diều. Ngày nay Tình Nghĩa Đồng bào đã phai hồng nhạt thắm thành Đồng hương, có khi thành kẻ thù không đội trời chung !

#### **D.- MINH TRIẾT VỀ GỐC ĐOÀN KẾT DÂN TỘC**

Sau thời gian sống trong Bô lạc thì con người quy tụ lại với nhau mà thành lập Quốc gia, nhu cầu đoàn kết là điểm mấu chốt để thắt chặt mọi con dân của nước lại với nhau. Tinh thần Huyền thoại **Tiên Rồng gặp nhau trên cánh đồng Tương** “ là nền tảng của Tinh thần “Đoàn kết” của Dân tộc . **Tương là Tương ái, tương Kính, tương thân, tương dung, tương giao, tương hợp, tương hòa, tương thông** nhờ đó mà mọi người được bao bọc, che chở, nuôi dưỡng trong bọc Trăm Trứng của Mẹ Âu Cơ với tình Mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào mà sống khăng khít với nhau, nên hư, xấu tốt gì cũng là Đồng bào với nhau, không có được Tình bao la của người Mẹ thì không thể sống được như thế !.

Cuộc sống Duy Lý một chiều là « chẻ sợi tóc làm tư, đếm từng hạt gạo để thổi cơm, và là giai đoạn người ăn thịt Người », ai không tin thì cứ sang Trung Hoa mà kiểm chứng!

Châm ngôn dựng nước : **Mẹ Tiên: Non Nhân, Cha Rồng: Nước Trí, sinh ra con Hùng Vương Hùng Dũng. Hùng là sức mạnh của Bắp thịt, Dũng là sức mạnh của Tinh thần.**

**Hùng Dũng là cột trụ của Tinh thần Dựng nước và Cứu nước của Vua Hùng.** Khi mọi công dân làm người sao cho Nhân Trí kết đôi hài hoà thì tạo ra Đức Hùng, Dũng để có Nội lực. Đó là Minh triết dựng nước và cứu nước.

**Không có con Người Nhân chủ, không có Minh triết sống trong mọi lãnh vực theo Thiên lý “Ấm Dương hoà” thì con Người và Dân tộc không có đủ Nội lực để Dựng và Cứu nước qua hàng ngàn năm và cũng chẳng đạt Hạnh phúc vì không sống theo Quả dục của nền Văn hoá Thái hoà.**

**Rõ ràng Huyền thoại Tiên Rồng không phải là chuyện hoang đường cũng không là chuyện trâu ma thần rắn như Vua Tự Đức quan niệm.**

Chỉ vì Lòng con Dân đã “ ngại Núi ( quên đi Lòng Nhân của Mẹ Âu Cơ ) e Sông ( bỏ Trí công chính của Cha Lạc Long ) mà Dân tộc phải tan đàn xẻ nghé thương đau!

## **G.- MINH TRIẾT TRONG NỀN VĂN HÓA THÁI HÒA VIỆT NHO**

### **I.- Nguồn mạch của Văn hoá Việt: Tiềm thức cộng đồng Nhân loại**

Khi đi vào Khoa Tâm lý miền sâu, chúng ta bắt gặp Ba Sơ nguyên tượng ( archetype ).

Sơ nguyên tượng là những ấn tượng ( impression innée ) được khắc ghi vào tâm khảm con người từ nhỏ đến lớn.

**1.- Sơ nguyên tượng thứ nhất là mối Tình bao la của người Mẹ, một Tình yêu không điều kiện như Tình Cha.**

2.- Sơ nguyên tương thứ hai là *mối tình khăng khít giữa đôi Gái / Trai từ lúc Hẹn hò cho đến lúc Kết hôn.*

3.- Sơ nguyên tương thứ ba là *nguồn Tình / Lý hay Tinh thần “ Dĩ Hòa vi quý ”, hay « Chín bỏ làm Mười » giúp con Người sống Hoà với nhau.*

*Đây là nguồn Tiềm thức cộng thông của Nhân loại cũng là nguồn gốc của Việt Nho.*

*Chúng ta thử đi vào Văn hoá Việt Nam tức là Việt Nho để xem có ăn nhập gì với Tiềm thức Cộng thông của Nhân loại không .*

1.- 50 con theo Mẹ Âu Cơ lập nên Nước Văn Lang tức là theo **Nguyên Lý Mẹ**, nên nền Văn hoá trọng Tình hơn Lý có nguồn gốc từ nếp sống Nông nghiệp, trái với nền Văn hóa đặt trên Nguyên lý Cha trọng Lý hơn Tình có nguồn gốc từ nếp sống Du mục.

*Vì vậy mà mọi người trong Dân tộc được xem cùng chung một Mẹ, chúng ta gọi nhau là **Đồng bào**. Dầu chưa bao giờ gặp mặt nhau, nhưng khi đi ra nước ngoài hề gặp nhau là tỏ Tình thân thiết.*

2.- Trong khi Xe Tư kết Tóc thành Vợ Chồng thì phải cử hành hai Lễ: Lễ Thành hôn hai bên được nối kết nhau bằng **Tình**, còn Lễ Giao bài thì hai bên hành xử với nhau theo Lễ Công bằng để sống Hoà với nhau bằng **Lý** cho đến lúc “ **Đầu bạc Răng long, cho tới lúc Cột rủ Xương mòn** “.

*Ngày nay có số người quên sống sao cho « Tình lý vẹn toàn với nhau » nên Gia đình mới thành Tổ Lạnh hay Tổ Nóng mà chia ly.*

3.- Trong công cuộc **Vi Nhân** tức “ Tu Nhân, Luyện Trí “ để có Nhân phẩm, theo Nho giáo thì có hai lãnh vực trau dồi Nhân phẩm: Một cho Cá nhân, một cho Cộng đồng.

a.- Về **Cá nhân** thì mỗi Người phải tu sao cho có **Ngũ thường**, tức là thường xuyên phải cho tu cho được 5 Điều gọi là Đạo Đức : **Đạo Nhân** ( Tình ) và **Đức Nghĩa** ( Lý ). Nghĩa có thể chia ra thành : **Lễ, Trí, Tín**.

**Nhân** là lòng Thương Người và Vạn vật trong Vũ trụ .

**Nghĩa** là Bốn phận phải hành xử Công bằng theo hai chiều có Đi có Lại. Nghĩa được chia ra làm Lễ, Trí, Tín.

**Lễ** là **Cung Kỹ kính Tha** tức là trọng Mình và trọng Người, có trọng Mình mới biết cách trọng Người,

**Trí** là **Tri Kỹ tri Bỉ** tức là Biết Mình và biết Người, có biết Mình thì mới hiểu Người khác.

**Tín** là tin Minh và tin Người, mình có thủ tín với người thì Người khác mới tin Minh, vì “ **Nhất ngôn bất trúng, Vạn ngôn vô dụng**: Nếu một lời đã nói không đúng thì nhiều lời khác cũng không đáng tin, hay nếu bất tín trong điều nhỏ thì làm sao thủ tín được trong những việc lớn lao.

**Tóm lại, tuy có 5 Đức như trên nhưng gọn lại cũng chỉ có hai chữ : Tín / Lý**

b.- Về **Công đồng** thì mỗi Liên hệ Hoà được lập trên Tinh thần Nhân Nghĩa mang Bản chất hòa, đó là 5 mối liên hệ gọi là Ngũ Luân. **Ngũ luân** là 5 mối Liên hệ Hòa giữa các thành phần trong Gia đình và Xã hội theo **tiêu chuẩn Tình Nghĩa**:

1.- **Vợ / Chồng** sống Hoà theo Tình / Nghĩa

2.- **Cha Mẹ / Con cái: Phụ ( mẫu ) Tử, Tử Hiếu** cũng theo Tình / Nghĩa

**Phụ Tử** là Cha Mẹ Yêu thương con cái theo Lễ Công chính bằng cách biến gia đình thành Tổ ấm, làm trường học đầu đời wom Tình đom Lý cho thành Trai hùng Gái đảm về sau.

**Tử Hiếu** là con cái phải **theo Lý** mà vâng lời Cha Mẹ để trau dồi Tư cách và Khả năng gọi là Thành Nhân và Thành Thân, và nhất là **khi Minh còn Trẻ** phải **Biết ơn Cha Mẹ** bằng cách vâng lời, chăm lo xây dựng con Người mình và **khi Cha Mẹ về Gia** thì **nhớ Yêu thương** mà phụng dưỡng Cha Mẹ cho tròn chữ Hiếu, đó là cách sống Công bằng: “ **Trẻ cậy Cha, Già cậy Con** “ .

3.- **Anh Chị / Em: Huynh kính Đệ cung** : Kính là trọng Người, Cung là trọng Minh, nghĩa là Anh Chị / Em phải Kính trọng nhau và hành xử Công bằng với nhau.

4.- **Nhân dân / Chính quyền**. Chính quyền phải tôn trọng **Nhân quyền** để giúp dân phát triển Tư cách và Khả năng. Nhân dân phải thực hành **Dân quyền** để giúp Chính quyền có phương tiện để Dựng nước và Cứu nước để cải tiến Dân Sinh và nâng cao Dân Trí.

5.- **Đồng bào với nhau**: Mọi người sống theo Nhân Nghĩa để hòa với nhau, theo quan niệm « **Thương Người như thể thương Thân** » và biết cách sống « **Đĩ Hòa vi quý** », đoàn kết với nhau mà Dựng nước và Cứu nước.

**Tuy có 5 mối liên hệ như trên nhưng rút cuộc cũng chỉ có một chữ HÒA**

Còn Hán Nho của Tàu được xây dựng trên Nguyên Lý Cha có bản chất Bạo động, gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng, Ngũ luân theo Hán Nho của Tàu được xếp theo thứ tự sau :



- 1.- **Quân Thần:** tôn quân làm Thiên tử, trọng Bạo lực với Ngu Trung.
- 2.- **Phụ Tử;** Cha Mẹ với con cái : **Phụ Từ Tử Hiếu** với Ngu Hiếu.
- 3.- **Phu Phụ :** *Chồng trước Vợ sau, trọng Nam khinh Nữ, Chồng Chúa Vợ*

Tôi.

- 4.- **Huynh Đệ:** **Quyền Huynh thế Phụ.**
5. **Bằng Hữu:** *Thủ Tín: “ Nhất Ngôn bất trúng, Vạn Ngôn vô dụng. ”*  
*Đây là mớ hổ lốn giữa Bá đạo và Vương đạo.*

*Đó là sự phân biệt nền tảng giữa Hán Nho bá đạo và Việt Nho Vương đạo.*

*Qua sự giao lưu Văn hóa qua hàng bao ngàn năm Việt Nho cũng đã bị Hán Nho uy hiếp xem dậm trộn lẫn với nhau mà biến chất đi nhiều, hầu như bị mai một vì mất ý thức !.*

## **II.- Nội dung Văn hóa Việt: Việt Nho**

*Nội dung Việt Nho nằm trong Kinh Điển và Ca dao Tục ngữ tuy rất phức tạp, nhưng theo Triết gia Kim Định thì gồm những điểm chính sau:*

1.- **Vũ trụ quan Động,** *Nguồn biến dịch theo Dịch lý ( số 2 ) của các cặp đối cực thành nét **Lưỡng nhất** ( Dual unit : 2 →1 ) được tổng quát bằng “ Âm Dương hoà “ hay “Thuận Vợ thuận Chồng “. Nét Lưỡng nhất là động lực giúp Tiến bộ trong trạng thái ổn định ( trạng thái quân bình động ).*

2.- **Một Nhân sinh quan Nhân chủ** ( số 3: Tam tài ): *Sống giữa Trời Đất, con Người duy trì được vị thế Tự Chủ, nên phải tự Lực, tự Cường. Đó là con người Nhân chủ.*

3.- **Nguồn Tâm linh** ( số 5 ) là : \* **Nguồn Sống** ( Nhân ái hay Bác ái hay Từ bi ): **Tình**

\* **Nguồn Sáng** ( Lý công chính hay Lễ Công bằng hay Trí tuệ ): **Lý.**

4.- **Một Lộ đồ Tu, Tề, Trị, Bình** để tất cả Cơ chế thì các cặp đối cực riêng phải được vận hành “ đồng bộ “ với nhau để tiến lên mà Dựng và Cứu nước.

5.- **Một Đạt quan An nhiên tự tại** nhờ sống theo **Quả dục** ( Chiết trung giữa **Diệt dục / Đa dục** ) và hành xử theo **An hành** ( Chiết trung giữa **Cưỡng hành / Lợi hành** ) .

*Nét Lưỡng nhất là nét Nhất quán xuyên suốt nền Văn hoá Việt có bản chất Thái Hòa.*

Nét Lưỡng nhất là “ Âm Dương hoà “, là viên Ngọc Long Toại, là “ Tiên Rồng gặp nhau trên cánh đồng Tương “, là “ Thuận Vợ thuận Chồng “, giúp “ **Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa** “ .

Sống **thuận với Thiên sinh** tức là sống thuận theo Luật Biến dịch trong vũ trụ. Có ba luật lớn: Luật Biến dịch, luật Giá sắc và luật Loại tụ.

Sống **thuận với Địa dưỡng** là suy tư theo Khoa học để khai thác tài nguyên thiên nhiên mà sống, nhưng không lạm dụng thứ nào làm ô nhiễm môi sinh, làm lỗi « Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ «.

Còn **Nhân hòa** thì phải làm sao khai thác và sử dụng nguồn Địa dưỡng thuận với luật Thiên sinh cũng như hành xử sao cho Tâm linh và Khoa học được Lưỡng nhất thì mới có đủ Nội lực để mà Xây dựng nước và cứu nước. Nói gọn muốn sống được công bằng với nhau thì đòi hỏi mọi người phải tu tỉnh cho có Lòng Nhân để thực hiện lẽ Công bằng tức là đức Nghĩa vào đời sống xã hội. Đó là lối sống theo Minh triết. Minh triết là cách làm sáng tỏ Thiên lý để sống theo mà tồn tại và phát triển, chứ không ai có Minh triết.

## **E.- MINH TRIẾT TRONG NẾP SỐNG QUẢ DỤC**

Chúng ta biết trên Thế giới đại loại có ba nếp sống: **Diệt dục, Đa dục và Quả Dục.**

**Diệt dục** là nếp sống **Xuất thế**, sống khắc khổ để chăm lo cho cuộc Sống đời sau, nên chưa lo sống đã lo chết, quên mất thực tại cần thiết của đời sống Nơi Đây và Bây Giờ. Đây là sự Lạm dụng thiếu, nên nhiều khi đưa tới nạn bị **Cưỡng hành.**

**Đa dục** là nếp sống **Nhập thế**, con Người lấn lừng vào cuộc đời, chăm lo làm cho được nhiều của cải vật chất, có thể đưa tới cuộc sống lạm dụng nhiều thứ, làm cho đảo lộn trật tự Gia đình và Xã hội, và làm ô nhiễm môi trường. Đó là nếp sống **Lợi hành.**

**Quả dục** là nếp sống **Chiết trung giữa Diệt dục và Đa dục.** Con Người Không hoàn toàn theo Diệt dục để giúp làm phát triển toàn diện con người mà lo cho cuộc Sống Nơi đây và Bây giờ được êm xuôi thoải mái. Con Người cũng Không theo lối sống Đa dục để lạm dụng mọi thứ làm tha hóa con người, rối loạn Xã hội và làm ô nhiễm môi trường. Do đó mà con người phải **Xử thế theo lối vừa Xuất vừa Nhập**, Xuất một phần theo Diệt dục và Nhập một phần theo Đa dục để cho đời sống được điều hòa Tiết độ. Muốn thế phải **An hành** nghĩa là trong cuộc

sống hàng ngày, thấy sự việc hợp với Nhân Nghĩa thì cố làm cho được, còn những điều trái với Nhân Nghĩa thì nhất định không. Chỉ có con Người sống thực sự theo Nhân Nghĩa mới có Dũng lực để An hành được.

Đây Không là cuộc sống ba phải mà đòi hỏi phải có tinh thần Triết học rõ ràng thấu đáo và Nghệ thuật tế vi uyển chuyển như nét cong Duyên dáng của Việt tộc ( xem sau ) mới đạt được.

**Đây là nếp sống theo Dịch lý, thuận theo Thiên lý để Sống hòa nhịp với Tiết nhịp hòa của Vũ trụ.**

## G.- MINH TRIẾT VỀ CHẾ ĐỘ

Về **Chế độ Chính trị** thì chọn **Chế độ Nhân trị**,  
( vì ” Nhân giả An nhân, Trí giả Lợi nhân, Ủy giả Cưỡng nhân “. Lão ).

**Nhân trị** gồm **Lễ trị** và **Pháp trị**.

**Lễ trị:** Lễ là “ cung Kỳ kính Tha “ : trọng Mình trọng Người. Không biết trọng Mình thì không thể trọng người khác. Lễ là hàng rào cản tự nội, giúp con người tự ý không làm chuyện bất Nhân và bất Công. Lễ trị thuộc về lãnh vực Văn hoá và Tôn giáo cùng Giáo dục.

**Pháp trị** là dùng luật pháp công minh mà trị dân. Vì con người luôn bất toàn, nhiều khi không tự chế được mà làm chuyện phạm pháp, nên pháp luật giúp con người bất toàn sống theo lẽ công bằng của Hiến pháp. Thiết tưởng chỉ có Pháp trị thì không thể giúp cho xã hội được luôn an vui, vì pháp luật nào cũng có kẻ hở. Phần này thuộc trách nhiệm Xã hội.

Nền tảng của **chế độ Nhân trị:** “ **Dân duy bang bản, bản cố bang ninh:** Dân là Gốc của nước, Gốc có được củng cố nghĩa là mỗi người dân phải được có Ăn có Học để có Tư cách và Khả năng thì Gốc nước mới được vững mạnh, Nước có được vững mạnh thì Dân mới an vui hạnh phúc.

Hạnh phúc cũng đòi hỏi phải Thân an Tâm lạc: **Một tinh thần minh mẫn trong một thể xác khỏe mạnh.**

Nếu một chế độ chính trị mà tham tàn bạo ngược thì người dân phải trừ khử như giết một những tên phạm phu tặc tử ( **Trụ bạo quốc chi quân, nhược tru độc phu** ).

**Chế độ Độc tài và CS rõ là chế độ « Ủy giả cưỡng nhân »**

## H.- MINH TRIẾT TRONG SÁCH LƯỢC QUỐC KẾ DÂN SINH

Bất cứ một Tổ chức nào cũng đều có một **Tôn chỉ** và **Mục đích**. Để thực hiện Mục đích đã ấn định thì phải có một Tổ chức từ Gốc tới ngọn, nên phải có Tổ chức **Nhân sự** được phân Công phân Nhiệm để điều hành Tổ chức. Một Chế độ chính trị cũng vậy không thể thoát ra ngoài khuôn khổ đó.

1.- **Tôn chỉ** hay **Chính lược** thì nhằm thực hiện cặp đối cực: **Phú chi / Giáo chi** « để cải tiến Dân Sinh, nâng cao Dân Trí hầu chấn hưng Dân khí, đó là nguồn Nội lực của Dân tộc.

2.- **Mục đích để thực hiện Chính lược** thì có Chiến lược / Chiến thuật :

a.- **Chiến lược** thì : \* Thiết lập **Chế độ Dân chủ** với nền tảng **Lễ trị / Pháp trị** với **Tam quyền phân lập** theo Dịch lý : Trong Tam quyền phân lập thì : Các ngành Lập pháp, Tư pháp và Hành pháp là những cặp đối cực vừa được vận hành theo Tiêu chuẩn « Thiểu số phục tùng đa số » và vừa theo Tiêu chuẩn « Đa số phục tùng thiểu số ( xem The Living constitution của Hoa Kỳ ở dưới )

\* b.- **Đường lối thực hiện** thì lấy **Chí Nhân / Đại Nghĩa** thay cho « Tham tàn / Cường bạo để thực hiện Công bằng xã hội.

3.- **Chiến thuật** thì: \* a.- Thiết lập các **Cơ chế xã hội** theo các cặp đối cực theo Dịch lý để giúp cho Cơ chế được tiến bộ và quân bình và đồng thời giúp các cơ chế vận hành đồng bộ với nhau :

**Chính trị** với sự điều hòa giữa N  
**hân quyền / Dân quyền**

**Kinh tế** với sự điều hòa giữa **Công hữu / Tư hữu**

**Giáo dục** với sự điều hòa giữa **Thành Nhân / Thành Thân**

**Xã hội** với sự điều hòa giữa **Dân sinh / Dân trí**.

Tất cả các cặp đối cực phải được điều hành đồng bộ với nhau.

\* b.- **Nghệ thuật Cai trị** thì phải vừa quán triệt mọi vấn đề nhờ tinh thần **Triết lý** ( Lý ) và cũng vừa phải thực hiện uyển chuyển như **Nghệ thuật** ( Tình ) giúp mọi sự được đến nơi đến chốn.

## I.- MINH TRIẾT TRONG THUẬT CAI TRỊ

**Trong việc cai trị của chế độ Dân chủ thì dùng Nghệ thuật Cai trị, trong chế độ CS thì dùng xảo thuật và bạo lực để Tà trị.**

**Để hiểu nghệ thuật cai trị của Tổ tiên ra sao, chúng ta nên truy nguyên từ cái**

**Thuật dùng chữ Nghệ. Chữ Nghệ: ( 乂 = 丿 < nét phẩy > + ㇇ < nét Mác > ) gồm nét Phẩy ( cùng chiều Kim đồng hồ: Hữu nhậm ) và nét Mác ( Ngược chiều kim đồng hồ: Tả nhậm) giao nhau, tức là cặp đối cực Tả và Hữu nhậm giao nhau , đó là cặp đối cực của Dịch lý “ Âm Dương hoà “ tức là Thiên lý mang bản chất Hoà . Vậy Nghệ thuật Chính trị là cách cai trị thuận với Thiên lý để mưu phúc lợi cho toàn dân trong trật tự Hoà mà sống an vui với nhau.**

**Nghệ thuật Chính trị cũng rất tế vi vì phải chu toàn mọi góc cạnh của đời sống mới đem cả Dân tộc tới cuộc sống Hoà vui hạnh phúc. Hoà là đỉnh cao của Văn hoá Thái hòa được thể hiện vào Đời sống Chính trị.**

**Để hiểu cái tế vi của Nghệ thuật chúng ta lấy ví dụ một Họa sĩ vẽ bức tranh, người Họa sĩ chỉ với mấy nét vẽ cùng với sự kết hợp màu sắc ( vật chất ) mà làm nổi bật lên Tinh thần của bức tranh, bức tranh vô giá là bức tranh có Hồn. Một bức tranh tuyệt tác là một bức tranh làm sao cho cái Xác hiện lên được cái Hồn của bức tranh.**

**Nghệ thuật Chính trị là sự kết hợp rất uyển chuyển giữa tinh thần Triết lý ( L ý ) và Nghệ thuật ( Tình ) sao cho công trình “ Phú chi và Giáo chi “ được hài hòa, giúp cho toàn dân sống sung mãn tương đối công bằng mà hòa với nhau cho được hạnh phúc.**

**Còn Xảo thuật Tà trị là cách hành xử đi ngược với Thiên lý, là đảng thay Trời cướp quyền Tự do và quyền Tư hữu của Dân thuộc Thiên tính về cho đảng gây ra cảnh Bất Hòa gây ra khổ đau tang tóc cho con Người và Dân tộc.**

**Xảo thuật Chính trị là cách Nói “ Nhân Nghĩa “ mà Làm ngược lại theo lời “ Tham tàn và Cường bạo” , nghĩa là “ nói Ngược làm Xuôi “:**

**Nói Độc lập vì đã làm Nô lệ kẻ thù,**

**Nói Tự do là chuẩn bị tước Nhân quyền,**

**Nói Hạnh phúc là hô cải cách để tước quyền Tư hữu hầu Ngu hóa và Bàn cùng hóa nhân dân để cho dễ cai trị và trường trị,**

**Nói Đổi mới là để rước Tư bản vào làm ăn mà cùng nhau Tham nhũng,**

**Nói làm ăn theo kinh tế Thị trường nhưng theo định hướng XHCN là nói bừa để bảo vệ đảng trong lúc bế tắc không biết tiến thoái ra sao!**

**Tất cả mọi sự đối trá nghịch với Thiên lý cứ lần lượt bị phơi bày vì không có gì dưới mặt trời có thể thoát khỏi cái Lưới Trời lồng lộng Nhân quả hay Giá sắc!**

## **K.- MINH TRIẾT TRONG CÁC CƠ CHẾ XÃ HỘI**

Theo quan niệm Nhất nguyên Lương cực thì mỗi Cơ chế xã hội phải làm sao cho cặp đối cực trong từng Cơ chế được điều hòa và điều hòa cùng các Cơ chế khác trong xã hội thì mới giúp cho các Cơ chế vừa Tiến bộ vừa Ổn định.

1.- Trong **Giáo dục** thì khi điều hợp được cặp đối cực Học ( Học Lễ : vào ) và Hành ( học Văn: ra ) thì sự Học mới trọn hảo, giúp ích cho cuộc sống. Mục tiêu của giáo dục là điều hòa được cặp đối cực **thành Nhân** ( Tư cách do Lễ ) và **thành Thân** ( Khả năng do Văn ). Giáo dục mà chỉ đào tạo khối óc để thành Thân thì sẽ sản sinh ra nan đề Duy Lý.

Tiên phải học **Lễ** ( Lễ : biết Trọng Minh để biết trọng Người ) bằng cách **Huấn luyện**, ( thuộc lãnh vực đào luyện Tư cách : Formation ). Hậu chỉ học **Văn** bằng **Bác vấn** ( thuộc kiến thức để trau dồi Khả năng : Information ), thì sự học mới giúp cho con Người phát triển toàn diện.

2.-Trong **Chinh trị** thì phải điều hòa được cặp đối cực **Nhân quyền** và **Dân quyền** thì Dân mới giàu nước mới mạnh.

Có **tôn trọng Nhân quyền** để con Người có **Tự do** mà trau dồi Nhân phẩm cho có Tư cách và Khả năng. Do đó mà đòi hỏi phải có nhu cầu Tự do Tôn giáo, Tự do Văn hóa và các quyền Tự do căn bản.

Về **Dân quyền** thì xã hội phải **cung cấp** cho mọi công dân Cơ hội và Phương tiện **phát triển toàn diện con người**, tức là giải phóng cái Tâm cái Trí của mọi công dân thành con người Nhân chủ, khi đó mọi công dân mới có đủ Tư cách và khả năng để **đóng góp tương xứng** vào công cuộc Cứu nước và Dựng nước.

**Nhiệm vụ của chính quyền** là “ **Phú chi, Giáo chi** “. **Phú chi để nâng cao Dân Sinh, Giáo chi để nâng cao Dân Trí và Dân Khí.**

Đó là công trình giải phóng toàn dân để cứu nước và Dựng nước, chứ không chỉ giải phóng giai cấp nghèo đói và ngu dốt, khi giải phóng xong rồi không biết làm gì tiếp cho con Người và Dân tộc, mà chỉ theo “ phường đạo tặc lưu manh truyền kiếp ” mà giết người cướp của để lấp đầy túi tham không đáy theo Lý tưởng Kách mệnh vô sản!

**Nhân quyền là phổ biến cho Nhân loại, còn Dân quyền mới phụ thuộc vào hoàn cảnh địa phương, nhưng khi nào cặp đối cực tương xứng này tương tranh tương hỗ để kết hợp với nhau thì mới đem lại ích lợi cho con Người và Dân tộc.**

3.- Về **Xã hội** thì phải điều hòa **Dân sinh** và **Dân trí** cho đồng bộ thì mới phát triển điều hòa được. Khi Dân sinh được cải tiến thì mới giúp nâng cao Dân trí để cho mỗi Công dân đều có Tư cách và Khả năng nhờ có học, có thể mới mong Dân giàu nước mạnh. **Một nước giàu mạnh không chỉ ở đông binh lính và nhiều súng đạn, mà chính cốt ở Dân sinh, Dân trí và Dân khí được cao.**

4.- Về **Kinh tế** thì phải điều hoà giữa **Công hữu** và **Tư hữu** để giúp cho hết mọi người dân có cuộc sống tối thiểu có Nhân phẩm, tức là mỗi công dân đều có cơm no áo ấm và tiện nghi tối thiểu cũng như Tự do căn bản.

**Thiếu quyền Tư hữu và quyền Tự do căn bản thì con người bị giáng cấp thành súc vật** Nói cách khác là **Tự do và Bình sản** là hai nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống con người. **Tự do để phát triển Nhân cách và Khả năng của con Người, Bình sản để ai ai cũng có nhu cầu tối thiểu như các yếu tố “ Ăn, Mặc, Nhà ở và Việc làm “ để sống xứng với Nhân phẩm.**

Chế độ điều hòa giữa Công điền Công Thổ với Tư điền gọi là Bình sản.

Nếu Xã hội cứ lơ đi cảnh “ **Kẻ ăn không hết, người lần không ra** “ thì đến khi Bò chết

( người nghèo ) thì Trâu cũng bị lột da ( người Giàu ). Chế độ CS là một hệ quả quá đau thương của Dân tộc do Lòng Vô cảm và thiếu tinh thần Liên đới trách nhiệm mà ra !

Do đó mà Tài sản Nhân dân không còn là Công hữu và Tư hữu của Nhân dân mà trở thành “ đảng hữu “ qua “ Mẻ cướp Lý tưởng Quốc tế trá hình.

Khi bị tước mất quyền **Tư hữu và quyền Tự do căn bản** thì con người bị thiến hoạn **mất Nhân Tính và Nhân Tính**, nên trở thành súc vật. Hai quyền này thuộc Thiên bẩm.

Mao đã dùng phương pháp Tây nã hồng để tẩy xoá Lương tâm, xóa mất quan niệm Tư hữu trong đầu, đặng nhét quyền Công hữu vào đầu vô sản mà làm Kách mệnh triệt để, nhưng kết quả là đưa Trung hoa vào khoảng trống Văn hóa như hiện nay, Trung Hoa đã bán đứt Lương tâm của Dân tộc qua việc sản xuất và xuất cảng hàng độc hàng giả để hồng tiêu diệt thế giới mà chiếm đoạt Không gian sinh tồn ( space for life ) ,cùng nhiều mưu mô bành trướng vừa trâng tráo vừa thâm độc chỉ vì bất Nhân và bất Nghĩa.! Áo tưởng “ **Biển Đông là ao nhà của đại Hán** “ đang đưa dân Trung Hoa vào ngõ cụt!

## **L.- MINH TRIẾT TRONG VẤN ĐỀ GIÁO DỤC**

### **I.- Mục tiêu**

Tiên học Lễ: THÀNH NHÂN.

Hậu học Văn: THÀNH THÂN

### **II.- Phương pháp.- Hai lối giáo dục: Đồng nhất và Khai phóng**

#### **1 .- Giáo dục đồng nhất**

“ Ở đây chỉ xin làm sáng tỏ vấn đề bằng so sánh đường lối giáo dục ( tức sự sửa soạn xa ) : Một theo Tâm Lý **đồng nhất của Hạ trí**, một theo lối **Thái hoà của Tâm Linh**. Lối Giáo dục **đồng nhất có 3 nét đặc trưng** sau:

a.- Trước hết là **nhồi sọ** : Nhồi sọ cho thực đây, nhét cho thực chặt, không còn để một quảng thì giờ trống nào để tâm hồn rảnh rang, hầu có thể tự suy nghĩ lấy cách tư riêng . Hết giờ học thì đến giờ làm việc, hết lao tác thì đến học tập.

b.- Thứ đến là lối **độc hữu**: Do quan niệm chân lý có một, vì thế một là cảm đoán triệt để tất cả tư tưởng khác với chân lý được chấp nhận, như ta thấy rất rõ trong chế độ cộng sản. Hai là không dành cho chút thì giờ rảnh nào, đặng nhìn ra ngoài.

c.- Thứ ba là **hệ quả của sự không để giờ cho suy nghĩ** thì tất nhiên phải suy nghĩ hộ : không ai có quyền suy nghĩ nữa, đã có Đảng và Bác suy tư . Tất cả chỉ có việc theo lý trí của người trên. Như vậy là lý trí rỗng làm sao lý trí gặp được tâm linh. Biết bao người Việt Cộng đã nghĩ đến tình đồng bào, tình huynh đệ, cha con, muốn ngừng tay đâm chém phá hoại, nhưng Bác và Đảng đã bắt phải từ khước những ý nghĩ đó , cho đây chỉ là những tàn tích của phong kiến, của tư bản, cần đoạn tuyệt, để được hướng trọn vẹn tai mắt, trí, ý vào chân lý của Đảng mà thôi Vì thế nhiều đảng viên phải giả điếc trước tiếng nói của tâm tình, của lương tâm để tuân theo chỉ thị cấp trên, bắt phải hoạt động như con sốt rét để khỏi nghe tiếng lòng .

..

## 2.- Giáo dục khai phóng

Bây giờ chúng ta trở về với chân lý khai phóng của Việt Nho, nó có những đặc tính sau đây :

a.-Trước hết là **sự thanh thoát trong đường lối giáo dục** , được tượng trưng trong việc “Đi tắm sông Nghi, hóng mát trên dài Vu Vũ, ca hát mà trở về” . Thật là nhẹ nhàng cởi mở, giàu tính chất Tâm linh thanh thoát ( xem Tâm Tư , chương IV ) . Còn về sách vở tuyệt nhiên không bao giờ lấy nó làm tiêu chuẩn tối hậu kiểu Mặc Dịch để chúng chặn đường con người trở lại với tâm mình. Nếu có dùng sách thì cũng không có những sách chặt chẽ kiểu ý hệ, mà là những sách có lối văn lỏng lẻo, cởi mở như Thi , Thư , Lễ , Nhạc , không có chút chi trói buộc tâm hồn. Đã vậy cũng không có nhịp điệu chung nào Anh này ra một ý chưa mức cạn, thì cứ mức đi; vài ba tuần dăm ba tháng mới trở lại gặp thầy cũng được.

b.-Điểm thứ hai, **đối với những tư trào khác, thì nên tránh công kích** : “ **Công hồ dị đoan, tư hại dã dĩ đoan** ” . Vậy có nghĩa là Dung thông . Tất nhiên



chỉ Dung thông những tư trào nào vẫn để cho mình được phép mãi mãi dung thông. Vì nếu bừa bãi chấp nhận những thuyết đầy chất độc hữu, thì ngày nào thắng thế, nó phải bắt mình cũng phải độc hữu. Y như Việt cộng hiện nay, biết bao người chỉ đón rước cộng sản như để mở rộng đường suy tư, có ngờ đâu đến lúc nó thắng thế, thì dù muốn dù chẳng mình cũng phải trở thành một chiều như nó. Vì thế nhân danh tinh thần Tương Dung mà chấp nhận bất cứ tư trào nào là một thứ “ba phải” rất tai hại.

c.-Cái nét cuối cùng của Việt Nho là **đề cao việc trở lại với Tâm tư mình**. Có theo ông thầy thì chẳng qua mình thấy ông nói hợp tâm trí mình chứ không phải vì là của ông. Vì thế có đi cùng một đường với ông, cũng chính là đường của mình. Đại để đó là mấy nét biểu thị nền Giáo dục của Nho giáo Nguyên thủy, tức cũng là Việt Nho.

### **III.- Hai nền tảng của Giáo dục: Huấn linh và Bác vấn**

Để được xứng danh là một nền Giáo dục phải có hai phần Huấn linh và Bác vấn :

1.- **Huấn linh** ( Chỉ sự **Đào luyện**: formation ) < THÀNH NHÂN > “ Muốn đào luyện phải có Cơ sở tinh thần để y cứ và để tài bồi vun tưới trở lại rồi trở đi mãi mãi, có thể mới là Huấn, mới là Luyện. Chữ luyện nói lên sự đi lại nhiều lần mãi mãi cho tới độ đạt thuần thực và tinh ba, nên cũng gọi là Thần là Linh, gọi tắt là Huấn linh.

2.- **Bác vấn** ( Chỉ sự **Quảng vấn**: information ) < THÀNH THÂN > Song song với **Huấn linh như Hồn**, thì cần phải có **Bác vấn như Xác**, tức là Bác học Quảng vấn ( information ). **Bác học là chiều Rộng, còn Huấn linh là chiều Sâu**. Chiều rộng càng lớn thì giúp cho chiều sâu vào sâu hơn nữa. Hiện nay các nền giáo dục hầu hết đều rộng quá rộng, đến độ để cho Bác vấn lấn át Huấn linh, khiến cho giáo dục thiếu mỗi Quán nhất Nội tại. Thực ra sự **biết rộng ( bác vấn ) là một điều hay dành cho một số nhỏ có khả năng bách khoa mà không hợp cho phần đông chỉ cần một tầm học vấn thông thường**, cùng lắm là hai ngành chuyên môn mà thôi. Nhờ có óc thiết thực, mà Mỹ Anh Nga đã dám làm cuộc Cách mạng giáo dục. Chương trình trung học mà nặng về Bác vấn mà bỏ qua Huấn linh là nền giáo dục bì phu, bỏ gốc ôm ngọn, như thế thì làm sao gây nên những cán bộ Văn hoá, tạo được niềm tin tưởng để gắn bó người trong nước thành một mặt trận Tinh thần.”

*( Dịch Kinh Linh Thể. Kim Định )*

### **M.- MINH TRIẾT VỀ QUYỀN HÀNH**

Trong bài trên Ts. Lê Công Sự có đề cập tới Vấn đề **Minh triết và Quyền lực Chính trị**.

Phần trên chúng tôi đã bàn về Minh triết qua nhiều lãnh vực trong Văn hóa Việt, còn **Quyền lực Chính trị thiết tưởng phải lần tới Nguồn Gốc của Văn hóa Việt để làm sáng tỏ**.

Nền tảng Tinh thần lập quốc của Việt Nam là **Hùng / Dũng** hay sức mạnh Vật chất / Tinh thần của cả Dân tộc

Sức sống của mỗi cá nhân là **Tình / Nghĩa** .

Sự phân công Giới tính hay **phân công Trách nhiệm** tuy là bình đẳng nhưng là **Nữ Nội Nam Ngoại**: Đàn Ông là Nhà, đàn Bà là Cửa.

Mối liên hệ Hoà giữa mỗi người trong nước là **Tình Nghĩa Đồng bào**.

Theo **Tôn ti trật tự** mà mỗi người có **Nhiệm vụ và Quyền lợi tương xứng khác nhau** trước hết mỗi người phải lo sao cho thành Nhân có Tư cách và thành Thân có Khả năng.

#### **Trong lãnh vực Gia đình.**

**Nhiệm vụ của Cha mẹ đối con cái** là nuôi nấng và dạy dỗ con cái cho nên người có Tư cách và Khả năng để không những người con khi trưởng thành có thể sống tự lập mà còn sống được hạnh phúc. **Quyền hành của Cha Mẹ phải nằm trong lãnh vực Tình Lý**, nghĩa là Yêu thương theo lẽ Công bằng để giúp con cái un đúc lòng Yêu thương và hành xử công bằng. Không ai có thể nhân danh lý do nào mà cướp quyền dạy dỗ con cái của Cha Mẹ. **Tổ chức Thiếu niên quàng khăn đỏ và đoàn Thanh niên CS** là Tổ chức cướp đoạt quyền Giáo dục Thành Nhân và thành Thân của Cha Mẹ, cách này ngược với Thiên lý, làm mất phẩm giá con Người và làm rối loạn Xã hội.

**Còn Nhiệm vụ của con cái với Cha Mẹ** là vâng lời Cha Mẹ để được Quyền lợi đào luyện thành Nhân ( Tư cách ) và thành Thân ( Khả năng ) để trở nên trai hùng gái đảm mà xây dựng Gia đình và đất nước, nên người con phải biết **Ơn** ( nhờ Tình ) và báo Hiếu với Cha Mẹ ( theo Lý công bằng ) cho phải Đạo làm con. Do đó mà có câu: “ **Trẻ cậy Cha, Già cậy Con** “

Còn **nhiệm vụ của Chính quyền đối với Nhân Dân** thì phải **tôn trọng Nhân quyền** để giúp người Dân phát triển Tư cách và khả năng đồng thời đòi hỏi người Dân phải **thực thi Dân quyền** như đóng thuế cùng những nghĩa vụ hợp hiến khác cho nhà nước để cứu nước và xây dựng nước. Muốn thực thi nhiệm vụ đó thì Chính quyền phải có Quyền:

**Quyền đó do toàn Dân giao cho, một là chính quyền phải là người có tư cách và khả năng do Dân bầu chọn tự do.**

Quyền của chính quyền cũng do người dân trao cho qua **Hiến pháp do người dân soạn thảo.**

Hiến pháp chẳng qua là **Công bằng xã hội** xuất phát từ **Lòng Nhân ái** để trị quốc an dân, chứ không là thứ luật rừng để hãm hại những người yêu nước chống kẻ thù Dân tộc.

Chính quyền chẳng qua là công bộc của dân, **Quyền** nào thì **Lợi** nấy, **Lợi** nào thì phải **Hành** nấy, **Hành** theo luật **Công chính.**

Như thế là Dân lãnh đạo đảng chứ sao đảng lại lãnh đạo Dân?

Sao có chuyện động trời “ chưa sinh Cha đã là sinh con “, ngược ngạo đến thế là cùng!?” Các chức vị hàng đầu trong chính quyền Trung ương mới được đảng bày bản chỉ định trước khi hết nhiệm kỳ của chính phủ cũ cũng như cuộc bầu cử Quốc hội cho chính phủ mới, chỉ có Chủ nghĩa Mác –Mao- Hồ mới có lời “ Dân chủ đến thế là cùng !“

Trong chế độ Dân chủ, quyền hành thuộc về Dân, chính quyền chỉ là kẻ được **Dân giao cho nhiệm vụ điều hành mọi Cơ chế xã hội cho được Tiến bộ và Quân bình,** quyền của chính quyền càng ít càng tốt, vì là nền Dân chủ, quyền hành có nền tảng nơi toàn Dân, mọi việc đều do Dân làm, Dân xây dựng, chứ không có Dân chủ tập trung, dân chủ này là Dân chủ cuội lộn đầu trở xuống, nên thành **Đảng chủ !**

Nên nhớ Giai cấp là tàn tích tệ hại của chế độ Nô lệ, **Đảng** của **Giai cấp** lại càng tệ hại hơn, vì bản chất của **Đảng** theo Văn hoá Du mục là bạo hành, gian manh, cướp đoạt, và bành trướng.

Ngày nay người ta bị áp bức quá nên cứ kêu gào đa đảng, cho được Tự do, nhưng Tự do không đủ hai chiều gồm: Tự do hàng Dọc ( Vô biên về Tâm Linh: **Nhân quyền** ) và Tự do hàng Ngang ( Hữu hạn qua Thế sự, Khoa học: **Dân quyền** ) thì trở nên hỗn loạn, vì “ lắm < thầy thiếu Lương tâm > thì rầy ma “. Trong một nước có thể nhiều đảng để các đảng phát triển bản sắc riêng, nhưng các đảng nên quy tụ thành hai nhóm, một chuyên về Nội trị, một chuyên về Ngoại giao, hai bên đóng vai trò cặp đối cực tương tranh tương hỗ để giúp cho Quốc kế Dân sinh luôn được cân bằng và tiến bộ.

Theo quan niệm **Nhất nguyên lưỡng cực** như: Trên / Dưới, Trong / Ngoài, Trước / Sau, Thân / Sơ hay Gần / Xa, Già / Trẻ . . . thì mỗi người ở **Vị trí** khác nhau có **Chức vụ** hay **Nhiệm vụ** khác nhau, nên có **Quyền Hạn**, **Quyền Hành** và **Quyền Lợi** tương xứng khác nhau.

**Nhiệm vụ** kết đôi với **Quyền Hạn**: Nhiệm vụ lớn thì hải có quyền hạn lớn, nhưng không thể lạm quyền làm điều trái với Luật Công bằng .

Quyền **Hạn** kết đôi với Quyền **Thế**. Quyền hạn lớn thì phải có cái Thế lớn tức là ảnh hưởng lớn.

Quyền **Hạn** đi với Quyền **Lực**. Quyền hạn nhỏ thì cần quyền lực nhỏ, quyền hạn to thì phải có quyền lực lớn. Những người làm việc cho Quốc gia thì phải có hai Lực; Quân đội để bảo vệ ngoại xâm cho Đất Nước. Công an để bảo vệ an ninh trật tự cho nhân dân. Còn những người làm công ích thì tùy theo nhiệm vụ mà có nhân viên phụ tá nhiều hay ít.

Quyền **Lực** đi với Quyền **Hành**. Phải có Quyền lực tương xứng thì mới thi hành Nhiệm vụ được.

Quyền **Hành** đi đôi với Quyền **Lợi**. Làm được việc lớn đưa tới lợi lớn chung thì sẽ được hưởng lợi lớn tương xứng. Hành nào đi với Lợi nấy. Tất cả đều là cặp đối cực tương xứng đi đôi với nhau, nếu không tương xứng là lạm dụng trái với luật Nhân quả hay Giá sắc tức là nghịch với Thiên lý. Trong các chế độ độc tài hay CS thì sự lạm dụng tràn lan hầu hết trong mọi lãnh vực.

## N.- MINH TRIẾT TRONG CÁCH VẬN HÀNH CƠ CHẾ XÃ HỘI

Đất nước Hoa kỳ có Tam quyền phân lập : **Lập pháp** ( đa số ) và **Hành pháp** ( Thiếu số ) là cặp đối cực, trong Lập pháp thì **Thượng viện** ( Chuyên về Ngoại giao ) và **Hạ viện** ( Chuyên về Nội trị ) cũng là cặp đối cực. Các cặp đối cực luôn tương tranh tương hỗ để duy trì tình trạng check and balance. ( kiểm soát nhau để cho các Cơ chế được quân bình ).

Còn **Hành pháp** và **Tối cao Pháp viện** cũng như **Lập pháp** với **Tối cao Pháp viện** cũng là những cặp đối cực, một bên là đa số như Lập pháp và Hành pháp, còn bên thiếu số là Tối cao Pháp viện, trong trường hợp này thì phe ( **Đa số** ) **Hành pháp**, **Lập pháp** phải phục tùng **Tối cao Pháp viện** ( **Thiếu số** ) vì yếu tố thông thạo vấn đề nhờ hiểu biết sâu rộng ( competency ).

**Trong Thượng và Hạ viện thì Đa số phục tùng Thiếu số . Trong Lập pháp và Hành pháp thì Đa số phục tùng Thiếu số Tối cao Pháp viện. Đó là chính sách check and balance.**

( Xem ra Tinh thần Kitô giáo trong chế độ Dân Chủ Hoa kỳ đã gặp Tinh thần Dịch lý của Việt Nho. Xin xem thêm cuốn “ Hội nhập Văn hoá Á Âu “ của Việt Nhân trong Bộ sách Văn hóa Dân tộc trên vietnamvanhien.net ).

Tóm lại, **Quyền hành Chính trị** bắt nguồn từ **Chế độ Chính trị**, mà Chính trị lại có gốc xa từ **nếp sống Văn hoá**:

Nền **Văn hoá Nông nghiệp có bản chất Hoà bình** thì chế độ Chính trị dẫu với Danh từ nào cũng mang **bản chất Dân chủ**,

Còn nền **Văn hoá Du mục có bản chất Chiến tranh** là nguồn gốc của chế độ độc tài mang **tiềm danh Dân chủ** .

## O.- MINH TRIẾT TRONG CÔNG BẰNG XÃ HỘI

### I.- Vấn đề Công bằng

Công bằng xã hội là Vấn đề quan trọng hàng đầu của con Người trong xã hội và của cả Nhân loại. Một xã hội bất công thì Đất nước bị rối loạn, làm cho mọi người đều bị đau khổ. Chế độ Nô lệ và Đế quốc thực dân của phương Tây cũng như chế độ Phong kiến chuyên chế phương Đông đều chứa muôn vàn bất công, gây khổ đau cho con người..

Dựa vào những bất công trong các chế độ đó mà CS cũng đã giết hàng trăm triệu con người bằng cách thực thi công bằng xã hội để giải quyết bất công xã hội, nhưng xã hội càng ngày càng bất công hơn. Xã hội càng bất công thì các nước càng tìm cách thi đua vũ trang để lập Hoà bình thế giới với ý tưởng “ **muôn Hoà bình thì phải chuẩn bị Chiến tranh** “, nên đem bao nhiêu mồ hôi nước mắt của nhân dân mà sắm vũ khí giết Người hàng loạt, chứ không chuẩn bị chinh đốn con Người và tinh thần Dân tộc cho hợp với Thiên lý.

Thực ra vì chưa có sách lược nào giải quyết nạn bất công xã hội thật ổn thỏa .

### II.- Nguồn gốc của Bất công xã hội

Muốn bàn tới và giải quyết vấn đề bất công xã hội thì tìm cho ra nguồn gốc Bất công là do đâu, chứ không thể nhìn các hiện tượng bề ngoài trong Xã hội mà sửa chữa . Bất công xã hội là con bệnh trầm kha, phải chữa tận gốc chứ không thể như việc chữa bệnh nội thương, chỉ lấy dầu Cù là mà thoa sát ngoài da, mặt khác sống trong thế giới hiện tượng mọi sự đều tương đối, không thể đem cái nhìn tuyệt đối vào đây. Do sự bất toàn của mỗi con Người mà gây ra tình trạng Bất công Xã hội. **Cái bất toàn một phần là do Thiên bẩm, phần khác là do Nhân vi trong cách hành xử Lạm dụng của con Người.**

#### 1.-Nguyên do Thiên bẩm

Có người được sinh ra rất thông minh mãi tiếp, có người lại dốt nát tối tăm, có người thì ở mức trung bình, có người thì siêng năng, có người lại chây lười. Về thể chất người thì khỏe mạnh người thì yếu đuối người thì bất lực. . . Nhân loại có hàng 8, 9 tỷ người, mỗi người một khác khác nhau về mọi phương diện, người kém phần này, kẻ trôi phần kia. Quả là nhân loại muôn màu muôn vẻ, dường như Thượng Đế sáng tạo ra loài người chứa nhiều bất công, nhất là về phương diện sản xuất ra Tư hữu: Mỗi ngày, Kẻ thì làm được hàng trăm hàng ngàn, người thì làm được vài trăm, vài chục, thậm chí có kẻ không làm ra đồng nào .

## **2.- Nguyên nhân do Nhân vi**

Trong giòng lịch sử Nhân loại thường xảy ra việc người có quyền thế áp bức bóc lột người nghèo đói, gây ra rối loạn xã hội. Những chế độ Nô lệ, Đế quốc Thực dân, chế độ Cộng sản ở phương Tây, chế độ Phong kiến chuyên chế ở phương Đông với thành phần giàu có đã gây không biết bao nhiêu khổ đau cho những người nghèo khó yếu thế.

CS Liên Xô, Đông Âu, CS Trung Hoa và và CSVN . . . đã đẩy sự bất công xã hội lên đỉnh cao chói vót. Khi con Người bị tước mất quyền Tự do làm Người và tước mất quyền Tư hữu để sống thì con Người sẽ trở thành Ngợm.

Vậy Vấn đề bất công xã hội có hai nguyên nhân:

- 1.- Sự bất công là do Thiên bẩm từ bản chất mỗi con Người.
- 2.- Do sự áp bức bóc lột là do con người Bất nhân gây ra Xã hội Bất công.

## **III.- Cách giải quyết Vấn đề Công bằng Xã hội**

### **1.- Thuộc lãnh vực Tôn giáo**

Trong Phúc âm đã có Dụ ngôn giúp chúng ta giải quyết vấn đề :

#### **Phúc Âm Thánh Máthêu**

“ Đoạn Máthêu 25:14-30 kể về một ông chủ sắp đi xa nhà. Trước khi đi, ông liền giao cho ba người đầy tớ trông coi một số lượng tài sản của mình.

Người thứ nhất thì nhận được năm yên (còn gọi là 5 talent), người thứ hai thì hai ( 2 ) yên, người thứ ba thì một ( 1 ) yên, tùy theo khả năng của họ.

Một thời gian sau, ông chủ quay về nhà và gọi những đầy tớ này đến để tính toán sổ sách. Hai người đầy tớ đầu tiên giải trình rằng với những yên bạc được giao, họ đã làm việc và sinh **lời gấp đôi** cho ông chủ. Do đó, họ được ông chủ khen thưởng rằng: "Khá lắm! hỡi đầy tớ tài giỏi và trung thành! Được giao ít mà anh đã trung thành, thì tôi sẽ giao nhiều cho anh. Hãy vào mà hưởng niềm vui của chủ anh!"

Tuy nhiên, trong khoảng thời gian đó, người đầy tớ thứ ba lại **đem yến mà mình nhận được chôn dưới đất** rồi giải trình rằng: "Thưa ông chủ, tôi biết ông là người hà khắc, gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi. Vì thế, tôi đâm sợ, mới **đem chôn giấu yến bạc của ông dưới đất. Của ông đây, ông cầm lấy!**".

Ông chủ nổi cơn thịnh nộ với hắn: "Hỡi đầy tớ tồi tệ và biếng nhác! Anh đã biết tôi gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi, thì đáng lý anh phải gởi số bạc của tôi vào ngân hàng, để khi tôi đến, tôi thu được cả vốn lẫn lời chứ! Vậy các ngươi hãy lấy yến bạc khỏi tay nó mà đưa cho người đã có mười yến. Vì phàm ai đã có, thì được cho thêm và sẽ có dư thừa; còn ai không có, thì ngay cái đang có, cũng sẽ bị lấy đi. Còn tên đầy tớ vô dụng kia, hãy quăng nó ra chỗ tối tăm bên ngoài: ở đó, sẽ phải khóc lóc nghiền răng."

*Theo Thiển Ý, đây là Dụ ngôn Chúa Giêsu dạy cách làm Người “**Bác ái và Công bằng**”.*

*Thể xác và Tinh thần của con Người tuy do Cha Mẹ sinh ra, nhưng đều là tạo vật của Thiên Chúa, có được sinh ra mỗi người có Thể xác và Tinh thần không ai giống ai, thì Nhân loại mới có muôn hình muôn vẻ, trong Dụ ngôn trên Ông Chủ giao cho 3 người đầy tớ: Người thứ nhất 5 yến ( lạng bạc ) , người thứ hai 2 yến, người thứ ba 1 yến, **Yến đây tượng trưng cho Thể xác và Tinh thần mỗi người, đây là vốn liếng Chúa tặng không ( free gift )** cho mỗi người, Chúa bảo làm lời chẳng khác gì bảo làm người sao cho Vật chất và Tinh thần được ngày càng phát triển tốt đẹp cho xứng danh với con Chúa.*

*Người được cấp nhiều Yến thì phải làm Lời nhiều, người được cấp ít thì làm Lời ít, người nhận Vốn mà không làm Lời là người sống trái với luật Chúa, tất cuộc sống của mình đã tự mình làm cho sa vào nơi Tối Tăm.*

*Chúa không đánh giá vào số vốn yến nhiều ít, mà Chúa đánh giá vào **tỷ lệ làm Lời ( Vốn / Lời )** của từng Người, tức là cách làm Người có hiệu quả với số vốn đã giao mà đánh giá Giá trị từng người. Thiên Chúa đã căn cứ vào Tỷ lệ làm Lời qua phương cách làm Người, chứ không phải số vốn đã giao cho nhiều ít. Người có Tư chất là người được giao nhiều Yến, người có Tư chất kém hơn thì được giao ít Yến, nhưng công lao của mỗi con Người là chỗ làm cho tỷ lệ Lời nhiều ít, chứ không bằng cứ vào nơi vốn mà phân biệt hơn thua ,cao thấp.*

*Mặt khác khi con Người được sinh ra, Chúa đã sắm sanh “**Quà biếu cho Không**” dư dật mọi thứ: môi trường **Khí quyển** bao quanh quả Đất để thở, **môi trường Nước** 5 Đại dương là vật chất nền tảng của sự sống, **môi trường Đất** với muôn ngàn tài nguyên để nuôi sống thể chất, cùng **nguồn năng lượng vô biên của Mặt Trời để hoạt động**, nhất là **vô số Định luật bất biến trong vũ trụ** để giúp con*

người khai thác vật chất mà đi vào Không gian vô cùng lớn cũng như đi vào thế giới vô cùng nhỏ nơi vật chất mà sống cho sung mãn.

Tất cả Chúa đều” cho Không “ và “cho đến muôn đời “, sau cuộc sáng tạo đến ngày thứ Sáu, mọi sự đã hoàn tất, Chúa không sáng tạo gì thêm, Chúa không nói thêm điều gì nữa ( Thiên hà ngôn tai ! ) .

Và lại con người có năng Cử động chân tay thì Cơ thể mới khỏe mạnh, có biết Suy tư để Trí óc làm việc thì tinh thần mới minh mẫn, có Quy tư vào Lòng mình thì Lòng mới Động để biết Yêu thương San sẻ với nhau nhờ Lòng Bác ái và Lễ Công bằng. Con Người có Vi Nhân như thế mới xứng danh với con Trời con Chúa. Nếu không định vị được như thế và không hiểu được vai trò làm Người quan trọng của mình như thế, thì tuy là đã có xác người nhưng Tinh thần con Người vẫn chưa xứng là con Người.

Quan trọng nhất là con Người nên hiểu, số Lời đó con Người chỉ có công một phần, còn phần khác là nhờ vào vốn cho không, Chúa đâu có thu lời,( nhưng Chúa âm thầm yêu cầu sống theo luật Chúa để Nhân loại được hạnh phúc ) , do đó mà mỗi Người phải theo luật thiên nhiên trước mắt mà ứng xử công bằng với nhau mà sống cho được hạnh phúc.

Luật hàng ngày đó là nước chảy từ Cao xuống Thấp, gió cũng thổi từ chỗ Áp suất cao xuống Thấp, nên phải tự biết lạy Cao bù Thấp, lạy Nhiều bù Ít để cho lập được thế cân bằng chung mà sống hòa với nhau, có lẽ đến khi không có Hiện tượng biến hoá nữa do vật chất hết cách biệt thì khi đó là ngày chung thẩm, do đó mà con Người phải có Lòng Bác ái, để biết san sẻ với nhau cho tương đối Công bằng mà sống cùng nhau , nếu cứ để cho xảy ra tình trạng “ **kẻ ăn không hết, người lần không ra** “ thì sinh ra đại loạn mà chịu khổ nạn cùng nhau. Nếu con người không chịu sống Hoà theo Thiên lý, mà cứ quen thói “  **mạnh được yếu thua** ” mà “ **Cá Lớn cứ nuốt cá Bé** “, mà cứ theo thói “ **Khôn Độc Đại Đàn, Sống chết mặc bay, Tiền thầy bỏ túi** “ thì Nhân loại chỉ diu nhau **chết đuối trong “ vũng nước chân trâu”** !.

CS là bài học đau thương thấm thía cho nhân loại, Việt Nam đang gánh chịu triền miên muôn vàn Quốc nạn và Quốc nhục do “ Thù trong giặc Ngoài CS gây ra “!. CS rõ là cây Roi của Thiên chúa để quất vào những con Người Bất nhân gây ra Xã hội Bất công !

Chúng ta nên hiểu, con Người được sinh ta dường như Bất công, đó là Thử thách của Thiên Chúa mặc nhiên buộc con người thăng hoa cuộc sống hàng ngày cho có Nhân phẩm để “ Nhân linh u vạn vật “.

**Đó là tiến trình con Người thăng hoa cuộc sống cho đạt Lễ sống Công bằng theo tinh thần Bác ái.**



Tóm lại Công bằng xã hội chỉ đạt được mức Tương đối mà thôi, nhờ vào Lòng Bác ái Lưu tâm và Chia sẻ cho nhau để ai ai cũng đều có phương tiện tối thiểu để sống xứng với nhân phẩm. Không có Tình Yêu điều hướng lẽ Sống với nhau cho tương đối công bằng thì không bao giờ giải quyết được Vấn đề Công bằng Xã hội. Lẽ đơn giản là trong thế giới Hiện tương đối này không có cái gì là Tuyệt đối. CS đã không hiểu công bằng xã hội là gì, nên hùng hục đi cứu con Người bằng cách tước quyền Tự do và quyền Tư hữu làm cho con Người mất hết Nhân phẩm!

## 2.- Thuộc lãnh vực Văn hóa Việt

Để giải quyết Vấn đề, theo Văn hóa Việt thì cần phải đáp ứng ba nhu yếu thâm sâu của con người, nhu yếu đó là **Thực, Sắc, Diện**.

**Thực** để Sống và **Thực** để “vực được Đạo Nhân sinh” qua chế độ Bình sản.

**Sắc** để xây Tổ ấm Gia đình giúp nhau thăng hoa cuộc sống mà đào tạo Trai hùng Gái đảm .

**Diện** là trau dồi Thẻ Diện cho có Nhân phẩm: **Nhân, Trí, Dũng** để sống biết Lưu tâm và Chia sẻ mọi sự với nhau theo tình Đồng bào.

Đó là cách đáp ứng nhu yếu Thiên bẩm của con Người, giúp con Người phát triển toàn diện.

Đó là ba Thiên tính giúp con Người phát triển toàn diện để biết cách ăn ở tương đối công bằng mà Hòa với nhau, chứ không luôn dơ quả đấm ra mà dành miếng ăn, làm cho nhà tan nước nát..

Ngoài ra bộ số 5, 2, 1 ở Dự ngôn trên cũng giống như bộ số Huyền niệm ( Myth numbers ) của Văn hoá Việt tộc:

5: Thuộc hành Thổ là Nguồn **Tâm linh** là nguồn Sống và nguồn Sáng tương tự như Bác ái, Công bằng.

2: cặp đối cực của **Dịch lý**: nguồn sinh sinh hoá hóa của Vũ trụ.

3: ( = 5 - 2 ) : con Người **Nhân chủ**.

1: Nét Lương nhất : **Thái cực “Âm Dương hòa”**: nguồn của mọi thứ Hoà gọi là **Thái hòa** .

Với con Người Nhân chủ, luôn tiếp cận với nguồn sống Tâm linh, nên có khả năng sống Hoà với nhau.

## 3.- Thuộc lãnh vực Xã hội

### **a.- Trong Chế độ Nông nghiệp**

*Trong Chế độ Nông nghiệp trong Xã Thôn, các thành phần giàu có cũng lắm kẻ bất nhân, họ áp bức bóc lột người nghèo thậm tệ.*

*Do Thiên bẩm và Nhân vi mà trong xã hội xảy ra tình trạng “ **Kẻ ăn không hết người lần không ra** “, nên trong chế độ Nông nghiệp Tổ tiên ta đã dùng Công hữu để điều hòa với Tư hữu bằng cách dùng Công điền Công thổ để cấp phát cho những người Cô nhi, quả phụ, những người tàn tật . . . mỗi người một số sào ruộng để họ tự canh tác hay cho rong canh ( cho thuê cày cấy để lấy hoa lợi ) lấy hoa lợi mà sống, tuy lợi tức không nhiều nhưng ai ai cũng có miếng ăn, không để cho cá nhân hay chính quyền dùng miếng ăn mà áp bức họ. Chế độ này gọi là chế độ Bình sản, chế độ “ **Được Ăn Được Nói** “: Ai ai cũng Được Ăn nhờ biết điều hòa giữa Công và Tư hữu. Được Nói vì đến 50 tuổi ( Ngũ thập nhi bất hoặc ) thì ai ai cũng được tham gia vào Hội đồng kỳ mục mà lo việc Làng Xã.*

### **b.- Trong Chế độ Công nghiệp**

*Trong Chế độ công nghiệp những công nhân cũng bị các Hãng xưởng, các Công ty áp bức bóc lột và đối xử bất công dưới nhiều hình thức khác nhau, gây đau khổ cho nhiều người, làm xã hội rối loạn. Để giải quyết tình trạng này các nước có chế độ Dân chủ Tây phương nhất là Hoa kỳ cũng có cách điều hoà giữa Công và Tư hữu bằng cách đánh thuế Lũy tiến để có Ngân khoản điều hành các Cơ chế xã hội trong đó có chế độ An sinh xã hội ( Social security ) để giúp các Gia đình có lợi tức thấp trong việc cung cấp tiền ăn tiêu, nhà ở có trợ cấp, trợ cấp về y tế và huấn nghệ .*

*Luật pháp các nước Dân chủ cho phép giới Công nhân có quyền tổ chức **Công đoàn độc lập** để Bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình , không để ng8n ng8ra giới Chủ áp bức bóc lột Công nhân..*

*Ngoài ra Quốc hội còn ấn định **mức lương tối thiểu hàng giờ** cho những người lao động yếu kém tay nghề.*

*Đây là phương cách để thiết lập Lẽ sống Công bằng xã hội, nhưng vẫn chỉ là tương đối.*

*Nên nhớ sống trong thế giới hiện tượng mọi sự đều tương đối, đừng đem Ý tưởng cực đoan đoán xét mà phạm sai lầm như CS.*

### **c.- Cách nhận định và giải quyết của CSVN**

*CS cho rằng sự Bất công Xã hội là do sự Chiếm hữu tài sản cá nhân gọi là quyền Tư hữu. nên để giải quyết Vấn đề Công bằng Xã hội thì phải **tước quyền Tư hữu***

**sung vào Công Hữu, mọi người làm ăn tập thể, mọi tài sản do đảng quan lý với lời hứa “ Làm theo Khả năng hưởng theo Nhu cầu “.Đấy là lời hứa về Thiên đàng CS.**

Không cần bàn đầu xa, chỉ nhìn vào công cuộc Cải cách xã hội của CSVN thì rõ chân tướng CSVN.

Màn đầu của Cải cách là cuộc phát động Phong trào “ **đấu tranh Chính trị** “, ở miền Trung mỗi Làng Xã đều có vụ bắt một số người treo lên xà Đình hay Xà nhà đập đánh tra khảo vu cho hoạt động cho Quốc Dân đảng là phản quốc . Thực ra đó là cuộc thăm dò xem phản ứng của thành phần chống đối ra sao để phát động phong trào cải cách.

Trước khi phát động Phong trào, CSVN cao rao là vì **Lòng Nhân đạo mà đảng CSVN đã phát động phong trào Quần chúng để thiết lập công bằng Xã hội.**

Phong trào cải cách có 3 giai đoạn:

1.- **Giai đoạn I là Phong trào Giảm Tô giảm Tắc với thuế Nông nghiệp;** Mục tiêu của cuộc phát động này là “ **Tích thu của nổi** “ của thành phần ( chứ không có gia cấp ) nhà giàu, gọi là Địa chủ và Phú nông. Sau khi bầu lại Diện tích và Sản lượng điển thổ thì thuế Nông nghiệp của Địa chủ và Phú nông không những phải nộp hết thóc cả vụ mùa rồi, mà còn phải bán cả nông cụ như trâu bò ngay cả đồ phụng tự nữa cũng không đủ.

2.- **Giai đoạn II là phong trào Cải cách ruộng đất** với án định là làng nào cũng phải có 5 % Địa chủ, có như thế mới phát động được toàn diện với mục tiêu là **tích thu của Chìm của Địa chủ** như ruộng vườn nhà cửa.

3.- **Giai đoạn III là “ Làm ăn tập thể “, để tước nốt quyền Tự hữu và Tự do của toàn dân, mọi tài sản do đảng Quản lý, người Dân chỉ còn lại “ số Hộ khẩu để buộc người dân phải < Đi Thưa Về Trình đảng > “, cùng “ Tem phiếu thực phẩm < làm bữa nào thì đảng đong cho ăn bữa nấy >, khiến con Người trở lại thành Ngợm như thời mông muội .**

Tuy sau này có Chính sách gọi là **Đổi mới**, bỏ làm ăn tập thể, nhưng vẫn có “ **Tổ Dân phố**” với “ **số Hộ khẩu**” với “ **Công an tràn lan khắp ngõ** “ và “ **Công an đội lột côn đồ** ” cùng chính sách “ **Quy hoạch mặt bằng “đề cướp nốt Tự hữu của Nông dân, - thành phần cột trụ của đảng - biến cả dân tộc thành bầy Nô lệ, không những Nô lệ CSVN, mà còn Nô lệ cả CS Tàu !!!**

**Quả đúng với tuyên ngôn của CS là “ cướp Chính quyền “, từ Cướp chính quyền tới cướp quyền Tự do và Quyền Tự hữu toàn dân là “ Liền một Ngõ “, thế**

*là đảng CS đã làm tròn nhiệm vụ Quốc tế Vô sản đã biến “ Tư bản Trắng thành Tư bản Đỏ “ !*

*Qua đó chúng ta mới hiểu đảng CSVN là đảng gì !!!*

*Nguyên nhân tai họa là do con Người CS là vô thần, họ từ chối nguồn Tâm linh là nguồn Tình và Lý công chính, con Người chỉ còn lại lốt Ngợm với Hận thù, CS đã kiên định lập trường trút bỏ Tình / Lý của Người, nên trở thành Ngợm tinh ranh, không từ tội ác tà trời nào mà không ra tay!*

## **P.- MINH TRIẾT TRONG SINH HOẠT CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**

### **I.- Trong Nét Cong duyên dáng của Việt tộc**

*( Văn Lang Vũ bộ. Kim Định .)*

*( Xem 2 ở dưới )*

### **II.- Trong Phong tục tập quán**

*( Văn Hiến Việt Nam. Việt Nhân )*

**Tết ( Tiết ), Lễ, Hội.**

**“ Thanh Minh trong Tiết tháng ba.**

**“Lễ là Tảo mộ, Hội là Đạp thanh.”**

*( Kiều : Nguyễn Du )*

### **I.- Danh Từ**

*Qua hai câu thơ lục bát trên, ta thấy ba chữ: **Tiết, Lễ, Hội***

*Tết ( Tiết ) , Lễ, Hội đáp ứng được 3 nhu yếu thâm sâu của con Người Việt tộc.*

*Con người Việt tộc sống theo đạo Nho: Nho là nhu thuận, nho nhã ; mà Nho cũng có nghĩa là nhu yếu, thứ văn hoá đáp ứng được 3 nhu yếu thâm sâu của con người*

*: Đó là Thực, Sắc, Diện. Ta hãy lần lượt đi vào từng chữ:*

#### **1.- Tiết: là thời tiết : Tết**

*Tổ tiên ta xưa sống theo nông nghiệp, nên phải theo dõi thời tiết để gieo trồng cho kết quả, cha ông chúng ta không dừng lại đó mà còn tìm mọi cách sống theo nhịp điệu huyền vi của vũ trụ, vì thâm cảm rằng “ Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong “ . Tết là tiếng nói trại của Tiết, Tiết nhịp của Vũ trụ, dân ta tổ chức ăn Tết trải dài theo các mùa trong năm, nghĩa là theo Thời gian, nhất là hai mùa Xuân Thu, theo thuyết Tam tài hai mùa đó ngày và đêm dài bằng nhau thuộc về trục (*

trục Phân ) thuộc về con Người ( Nhân ), còn mùa Hạ ngày dài hơn thuộc về Trời ( Thiên ), mùa Đông thì đêm dài hơn thuộc về Đất ( Địa ). Mùa Hạ và mùa Đông thuộc về trục Chí.

Mùa Xuân là mùa của vũ trụ bắt đầu một chu kỳ mới, Dân ta tổ chức ăn Tết Nguyên Đán vào ngày mồng một tháng giêng, về mùa Hạ vào ngày mồng 5 tháng 5 là ngày Ánh sáng mặt trời chiếu sáng nhất, để nhớ ta là con cháu của Viêm Đế, nên ta ăn Tết Đoan Ngọ.

Tết Nguyên Đán và Tết Đoan Ngọ là hai cái Tết quan trọng nhất của dân ta, vì ngoài lý do Thuận thiên, còn là lý do Thực tiễn nữa, vì lúc này công việc gieo trồng đã thu hoạch xong. Đây là thời gian tốt nhất để nghỉ xả hơi, cũng là lúc cần được bồi dưỡng bù vào những ngày làm việc đầu tắt mặt tối, nên phải ăn ngon mặc đẹp, nhất là phải làm mới lại tất cả: làm mới lại mối giao hoà với Trời Đất, Tổ tiên, Thần Thánh; làm mới lại mối Luân thường Đạo lý với mọi người, nhất là trong gia đình. Đây cũng là cuộc sống Tâm linh.

## 2.- Lễ

Lễ là cung và kính: Cung là trọng Mình và Kính là trọng Người. Mình trọng mình, thì mình cũng trọng Trời Đất, Tổ tiên, Thần Thánh, nên phải cúng bái, để tỏ lòng tôn kính và biết ơn, đây là những dịp để tâm hồn vươn lên bắt gặp những tâm hồn cao thượng, những hành động quả cảm, những giá trị cao cả. Đồng thời mình cũng trọng Tha nhân, nên phải thăm viếng, quà cáp, chúc mừng, để hiện thực những điều tốt đẹp học được nơi các bậc hiền nhân.

Con Người của ta là con người Lương thê, nên khi tổ chức ăn uống đình đám cho Thê xác, thì phải cúng tế cho phần Tâm linh. Vì vậy mà ta có thể nói Lễ Tết để diễn tả hai mặt của việc ăn Tết. Ngoài ra chúng ta còn có nhiều Tết khác như Tết Hàn Thực ( ngày 3 tháng 3 Á. l. ) Tết Trung Nguyên ( 15 tháng 7 Á l. ), Tết Trung Thu ( 15 tháng 8 Á. l. ) Tết Trùng cửu ( 09 tháng 09 Á. l. ) . . .

## 3.- Hội

Là cuộc vui được tổ chức cho dân Làng, liên Làng, hàng Tổng hay cho cả Nước tham dự, với mục đích là tập trung đông người lại vui chơi với nhau, để làm phát triển tinh thần cộng đồng. Nhưng với con người lương thê của Việt tộc tuy vui, nhưng không bao giờ bỏ quên mặt khác của cuộc sống: đã có ăn, thì phải có chơi và cũng phải có những hoạt động nâng cao đời sống tinh thần, đời sống tâm linh, để cho con người phát triển toàn diện.

Lễ là bản chất sự sống của Việt tộc, gồm hai lối xuất nhập, xuất thì kính ( trọng người khác ), nhập thì cung ( trọng chính mình ). Chữ Lễ đã thấm nhập trong mọi lãnh vực của đời sống, đây là hiện thực những nét Lương hợp vào đời sống của toàn dân. Vì thế ta có thể nói Lễ Tết hay Lễ Hội thì mới rõ nghĩa hơn . “ Có

rất nhiều Lễ hội ở nhưng nơi khác nhau, các Lễ hội đó mang nhiều ý nghĩa khác nhau, tựu trung ta có thể tạm xếp loại như sau:

## **II.- Các loại Lễ Hội**

### **1.- Lễ hội liên quan đến sinh hoạt kinh tế**

“ Hội cấy, Hội Tằm tang, trình nghề nông, thờ ông Điền. . .

### **2- Lễ cầu mùa**

**Cầu mưa, cầu tạnh, cầu mưa thuận gió hoà . . .** Thường vào mùa Xuân thì trời nổi cơn giông, sấm chớp. Năm nào mà Trời có mưa giông thì năm đó hoà cốc phong đăng, vì khi có sấm chớp thì khí Nitrogen trong không khí, nhờ có tia sét mới hoá hợp với Oxygen mà thành NO<sub>2</sub>, khí này hợp với nước thì thành NO<sub>3</sub>H, acid này mới hợp với các chất trong đất mà thành Nitrate là thức ăn của cây. Theo kinh nghiệm thì năm nào có mưa giông, có sấm chớp, thì được mùa, nên **đến Tết dân chúng đốt pháo để nhắc ông Trời đổ mưa giông xuống cho dân nhờ.**

### **3.- Lễ dâng cúng sản phẩm nông nghiệp**

Thường tường khi các hoa quả hoặc lúa vừa mới thu hoạch đều được dâng cúng để tỏ lòng **biết ơn Trời Đất.**

### **4.- Lễ rước lợn ( heo ), Xôi, Lễ ăn cơm mới . .**

### **5.- Lễ hội trình diễn Tổ sư các ngành nghề**

Để nhớ công ơn người phát minh cũng như khuyến khích các làng nghề phát triển, một số lễ hội điển hình như hội Vó ( Gia Lương - Bắc Ninh ) **thờ Tổ sư đúc đồng** Nguyễn Công Nghệ, Hội Chuông ( Thanh Oai - Hà Tây ) tổ khâu nón và **thờ Tổ nghề nón**; lễ hội làng Vân Sa ( Ba Vì- Hà Tây ) là **lễ hội trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa, rước bông, rước kén**; hội Phương Thành ( Ninh Bình ) thờ ông **Tổ nghề dệt**; hội Phú Đô ( Từ Liêm- Hà nội **thờ Tổ làm nghề bún.** . .

### **6 .- Lễ hội thi tài và các trò vui chơi**

Đây là những Lễ để luyện thể xác và tinh thần, tập luyện sự khéo léo, sáng trí, tháo vát, nhanh nhẹn để thành Đình để sống đời tự lập (Đây là những thử thách cho **Lễ thành Đình** lúc vào tuổi 20, sau này Nho giáo gọi là **Lễ Gia quan** . Những cuộc thi đó như : Trò thi thổi cơm. Lễ hội Đình Thi Cầm ( Từ Liêm- Hà nội ) thi nấu cơm vừa kéo lửa, vừa chạy múc nước về nấu cơm; Hội Xuân Điền ( Can Lộc- Hà Tĩnh ) cử 12 trai làng vừa kéo lửa, vừa giã gạo vừa nấu cơm; hội Hào Xá ( Thanh Hà - Hải Dương ) thi nấu cơm trên thuyền bằng bã mía; hội Trầm ở Nghệ An, hội Cảnh

*Dương ( Quảng Bình ) thi từng đôi vừa khiêng nôi vừa chạy vừa nấu cơm. . . . , ngoài ra còn có hội thi lược gà, thi dọn cỗ, thi chèo thuyền bắt vịt trong ao, thi dệt vải, thi leo cây chuối trơn, thi bịt mắt bắt dê, thi đi cà kheo, thi cờ người . . . **Tất cả có mục đích để khuyến khích thanh niên nam nữ tự rèn luyện thể xác và tinh thần để trở thành những người trai hùng gái đảm.***

## **7.- Lễ hội phồn thực**

### **a .- Rước Nỏ nường**

*Nỏ là bộ phận sinh dục Nam, Nường là bộ phận sinh dục Nữ . Hội làng Sơn Đông ( Hoài Đức – Hà Tây ) có tục mùa Mo, biểu tượng của bộ phận sinh dục Nữ trước hương án thần làng trong Đình. Sau khi tế và mùa xong, chủ tế tung mo ra để mọi người tranh cướp mong cho người an, vật thịnh ..**Trong các hội không chỉ có các trò rước liên quan đến sinh thực khí ( sinh: sinh đẻ, thực: nảy nở; khí: cơ quan ) mang ý nghĩa Phồn thực, mà các trò diễn đó mang ý nghĩa sinh động hơn về quan hệ Nam Nữ, mong cho sự sinh sôi phát triển . Đó là trò diễn ở hội Quảng Lâm.***

### **b.- Trò chơi bắt chạch trong chum ( cái Lu đựng nước )**

*Nam nữ thanh tân, một tay quàng vai nhau, tay kia cùng thò vào trong chum bắt chạch hay lươn, như hội Hoa Sơn, ( Ứng Hoà , Hà Tây , hội Rung ( Vĩnh Lạc, Phú Thọ ), hội Bạch Trữ ( Mê Linh, Vĩnh Phúc ) . . . .*

### **c .- Hội chen**

*Ở làng Ngà ( Quế Võ- Bắc Ninh ) vào dịp trung tuần tháng giêng cũng **cho phép Nam Nữ tự do chen chúc xô đẩy lẫn nhau sau khi rước và tế ở đình làng.** Từ nửa đêm rằm tháng giêng cho đến sáng, họ còn được phép tự do quan hệ trong không khí linh thiêng của lễ hội. Các trò diễn đó còn khá phổ biến ở các dân tộc miền núi trong các cuộc chơi của người Thái, Tày. . .*

### **d .- Hội ném còn vòng**

*Hội này có ở nhiều dân tộc trong nước. Đây là **trò chơi vui giữa Nam và Nữ** nhưng lại mang ý nghĩa cầu mùa khi quả Còn với nhiều tua vải màu được ném lên làm thủng cái vòng giấy ở tít trên cao . Ngoài ra còn có hội cướp Kén, hội trai gái tìm nhau, hội tắt đèn, cướp cầu thả lỗ, đánh đáo, nhún đu . . Theo Việt tộc thì chuyện Trai Gái yêu đương là chuyện quan trọng hàng đầu trong mối nhân luân, ( **quân tử chi đạo tạo đoan hồ phu phụ** ), **quan hệ nam nữ khá phóng khoáng, không có khe khắt phiến toái như kiểu Hán tộc, cả làng xóm tổ chức dưới thanh thiên bạch nhật trong không khí linh thiêng của lễ hội, cho Trai gái được tự do tìm hiểu nhau để kết duyên vợ chồng;** đây là việc tuy là my own business, nhưng*

được cả làng khuyến khích, tôn trọng, đây cũng là dịp làm phát triển tính cộng đồng. Sau này bị những người thanh giáo, vua quan chuyên chế cho những bộ phận sinh dục là xấu xa, chuyện trai gái yêu đương một cách công khai là dâm bôn, họ cho đàn bà là thấp kém, thế mà một ông vua dành cho riêng mình những 3000 cung nữ như Tần Thủy Hoàng, rồi đàn ông thì năm thê bảy thiếp, sống theo kiểu chồng chúa vợ tôi !

## 8 .- Lễ hội hát giao duyên

### a .- Hát Trống Quân

Hát Trống Quân gồm có hai phe Nam và nữ. Theo điều kiện lý tưởng thì phe **Nữ từ trên Núi xuống** ( con của mẹ Tiên ), **phe Nam từ dưới Sông lên** ( con của cha Rồng ). Khi gặp nhau thì khởi đầu bằng lời hát giao duyên, hai bên đối đáp nhau bằng những lời thơ câu hát. **Sau khi hát xong, cặp nào ưng ý nhau thì lội qua Sông, tặng nhau bó Hoa hay Cành cây, rồi thì Hợp thân trên thảm cỏ xanh** (đạp thanh ). Lúc này là mùa Xuân, đến mùa Thu mà người con gái có mang thì hai bên cưới nhau, kết nghĩa vợ chồng. Nếu chưa có mang thì lại đi hát Trống Quân nữa . **Những Lễ Hội có tính cách Phồn thực như hát trống Quân, có tính cách cầu mùa cho người an vật thịnh, mùa màng được tốt tươi, cuộc sống mới an vui hạnh phúc, với niềm tin rằng con người cũng phải góp phần vào việc sinh hoá của vạn vật, để cho vũ trụ được điều hòa, mà cốt tuỷ của sinh hoá là Âm Dương kết hợp, để cho Thiên thời, Địa lợi, Nhân hoà.**

Những nhà thanh giáo, nhà cầm quyền chuyên chế cho những Lễ Hội dân gian này là xấu xa gọi là Bôn, sau còn thêm chữ Dâm vào gọi là Dâm Bôn để khinh miệt và cấm cản, nhưng phép vua cũng thua lệ làng, “ quan có cần mà dân không vội , quan có cần thì quan lợi quan sang “.

### b .- Hội hát Quan họ ( Bắc Ninh )

Đây là vùng có gần 50 làng có nghề Quan họ. Trong đó nổi bật nhất là là hội hát quan họ ở vùng Lim ( Tiên Sơn ). Ngày 13 tháng Giêng hàng năm hội Lim lại được tổ chức, **liền Anh, liền Chị ở các làng Quan họ khác cũng thường tập trung về đây thi tài.**

**Hát Quan họ là cuộc hát đối đáp giữa hai bên Nam Nữ ( liền Anh, liền Chị ) theo từng nhóm, từng tốp, giữa làng này với làng khác, giữa tốp này với tốp khác.**

**Hát Quan họ là nghệ thuật kết hợp, chọn lọc giữa làn điệu thơ ( thường là lục bát ) giữa lời hát và cách diễn xướng. Vì thế các làn điệu Quan họ thường dễ làm say lòng người, tùy tâm trạng của người hát lẫn người nghe, mà mức độ rung động có khác nhau . Điều đáng chú ý là lối chơi Quan họ tạo ra sự liên kết và quý trọng nhau, phải lòng nhau ăn ý nhau từ lời ăn tiếng hát và đeo đẳng nhau suốt đời, tuy không được là vợ chồng cũng trở thành những nhóm bạn tri kỷ bền lâu.**



### c .- Hát Xoan ( hát Xuân )

Ở Phú Thọ có tục hát Xoan. Có 4 họ Xoan chuyên nghiệp là họ Phù Đức, họ Thét, họ Kim Đồi và họ An Thái thường đi biểu diễn khắp nơi. Tiêu biểu cho cho hội hát Xoan là **lễ hội đền Thánh Ông Thánh Bà**, làng Bác Đức vào ngày 1 tháng 2 âm lịch. Ngoài ra trong các lễ hội còn có **hát Gheo, hát Ví, hát Tuồng hát Chèo, . . .**

### d .- Hát gheo

Hát Gheo gắn liền với Lễ Hội từng làng như Lễ Hội Nam Cường, Bảo Vệ ( Tam Thanh – Phú -Thọ ). Sau Lễ phượng Gheo không hát ở sân đình mà ra hát với nhau ở nhà dân rộng rãi. Nội dung hát gheo chỉ diễn ra xung quanh việc **Nam Nữ giao duyên**.

### e .- Hát Ví

Ở Nghệ Tĩnh có tục hát Ví. Trong cảnh trăng thanh gió mát, giữa ngã tư đường cát mịn hoặc trên một đoạn đường đê, hai đoàn **Nam Nữ** đứng dưới gốc đa, hay hai bên đầu một chiếc cầu, trên bờ giếng, hay nơi cổng làng, họ trao đổi duyên tình với nhau bằng những câu hò điệu hát, nghe rất lý thú và đầy ý nhị. **Bên Nữ xướng**, ( nữ ve trai trước ) **bên Nam họa**, bên này dứt câu bên kia trả lời, nếu bên nào bí giữ im lặng thì xem như thua cuộc.

Lối hát ví này chỉ là một tập tục truyền lại tự ngàn xưa, lan rộng mãi ăn sâu vào đám trai gái quê mùa, chất phác. Nhưng không những hạng người ấy ham mê mà thoi, các đấng văn nhân, các bậc túc Nho ( như Cụ Phan Bội Châu, Nguyễn Du lúc thiếu thời . . . ) cũng mến chuộng đến say đắm nữa . . . Cũng giống như hát Gheo về nội dung và hình thức là hát **Giao duyên Nam Nữ**, nhưng là nghệ thuật gồm hai việc : câu văn và giọng hát. Người hát ứng khẩu tại chỗ ứng đối theo từng câu của đối phương.

**Hát Chèo, hát Tuồng** là hình thức văn nghệ phổ biến tại sân đình trong các dịp Lễ Hội của làng. Đây là hoạt động sân khấu thực sự. Các diễn viên phải biết nghề mới múa mới hát được. Vì Chèo và Tuồng đòi hỏi phải có nghệ thuật diễn xướng vừa hát đúng làn điệu vừa múa cho phù hợp với làn điệu và nội dung của bài Chèo, bài Tuồng . Có thể nói rằng không có Lễ Hội nào lại không có sinh hoạt văn nghệ.

**Đây là những cơ hội cho mọi người nhất là thanh niên Nam Nữ phát triển con người toàn diện, nhất là về tình cảm và nâng cao trình độ tâm linh hướng về nguồn gốc Chân, Thiện, Mỹ . Dân Việt Nam được tiếng là dân giàu cảm tình, có nhiều thi sĩ và triết nhân, chính là cũng nhờ vào cung cách và khung cảnh đào luyện này.**

## 9.- Lễ hội liên quan đến việc ghi nhớ công lao của các vị:

Danh nhân văn hoá, anh hùng lịch sử, . . .

### **a .- Lễ trẩy hội đền Hùng**

Để ghi nhớ công lao Tổ tiên, vào ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm tại núi Ngũ Lĩnh, tỉnh Phú Thọ, con dân Việt Nam trẩy hội đền Hùng.

### **b .- Lễ hội Thánh Dóng**

Hội Săn Làng La Cả ( Hà Tây ) diễn trò Thánh Gióng đánh 28 tướng giặc Ân ( do các cô gái đóng ).

### **c .- Lễ hội Hai Bà Trưng**

Lễ Hội chính ở Hát Môn , làng vận động hàng ngàn Nam Nữ thanh niên tham gia hội. Số Nam Nữ thanh niên này được chia làm hai đạo binh tiên hậ để rước nước về tắm tượng khiến không khí đêm Đông vô cùng vui nhộn.

Lễ Hội ở làng Hạ Lôi ( Yên Lãng- Phúc Yên ) mở vào rằm tháng Giêng. Trong hội có **nhều trò vui, như đánh cờ, đánh đu, đáo đĩa, . . .**nhưng vui nhất là đám rước tập trận của 150 thanh niên và 150 thanh nữ. Các thanh niên mặc áo dài đen quần trắng, thắt lưng đỏ bó que, thanh nữ mặc áo nâu dài váy đen, hai vạt áo vắt ra đằng sau. **Khi đám rước diễu hành, Nam Nữ tham gia đám rước hò reo, hát xướng vui vẻ .**

### **d .- Hội Đền Kiếp Bạc**

Hội được mở vào ngày 20 tháng 8 âm lịch là **ngày giỗ của Hưng Đạo Đại vương .** Ngài đã chỉ huy quân dân Việt Nam đánh thắng quân Mông Cổ 3 lần là đạo quân mạnh nhất thế giới thời đó. Ngoài ra còn có nhiều lễ hội như các lễ hội Tản Viên Sơn Thánh, chư Phật, chư Thánh, Hội Lễ thờ Trương Hống, Trương Hát , Bó Cái đại vương , . . .

Đây là những **Lễ Hội tôn vinh con người Nhân chủ của Việt tộc**, phụng thờ rước xách các vị cũng là để tôn vinh và hiện thực con người Nhân chủ. Ngoài ra đây cũng là những Lễ hội biểu lộ tâm tình “ uống nước nhớ nguồn “ để tôn kính và biết ơn tiền nhân, đây cũng là những nẻo đường hướng nội đi vào Tâm linh, dẫn con Người về đại Đạo, để xây dựng con người đại Ngã, con người của Nhân, Trí, Dũng hay là những Trai hùng Gái đảm.

Cái đỉnh cao nhất của những sinh hoạt của Lễ Hội cũng là tạo cơ hội cho mỗi người hướng về vươn lên những giá trị cao cả là Chân , Thiện, Mỹ .

### **Tóm lại:**

Lễ Tết nặng về cái Ăn, Lễ Hội thiên về những **lối Chơi**. Phạm vi của Tết là cho cá nhân và gia đình, họ hàng. Phạm vi của Lễ hội là mở rộng ra cho mọi người

**trong cả làng, liên Làng, hàng Tổng hay cả Nước. Lễ Tết nhằm duy trì cái gốc, cái tôn ti trật tự.** Trong việc thờ cúng Tổ tiên, một mặt người ta hướng về Tổ tiên, truy nguyên về Văn Tô, ( perfect ancestor ) hay Thượng Đế, mặt khác người ta lại làm đẹp lại mối nhân luân với cha mẹ anh em bạn bè, họ hàng làng xóm. Còn Lễ hội là nhằm thực hiện tính chất bình đẳng hay tinh thần Dân chủ giữa những con dân của Làng của Nước.

Tết được tổ chức theo các **Thời gian** trong năm. Còn Lễ hội lại được tổ chức theo những nơi khác nhau, nghĩa là theo **Không gian** . Qua một năm, con dân Việt ta đã sống theo **Tiết nhịp của vũ trụ qua sự giao hội của Không và Thời gian**, nhờ đó mà sự sống được viên mãn, hay cách khác là mẹ Tròn con Vuông ( tròn là Thời gian, vuông là Không gian . ) Đây là **lối sống hợp Nội Ngoại chi đạo, có Vật chất, Tinh thần**, mà cũng có Tâm linh.

Rõ ràng đâu đâu cũng có nét lưỡng hợp xuyên suốt bên trong, nên nói con Người Việt là con người Lưỡng thể là vậy. Tất cả có nền tảng từ Kinh Dịch. Đó là những cặp đối cực, mà ta gọi là nét Song trùng hay lưỡng hợp, hay Âm Dương cũng thế.

Trong các Lễ Tết, Lễ hội, ta thấy, các yếu tố của Tết, Lễ, Hội đều khăng khít với nhau, không thể tách rời. Cái nhu cầu ăn cho được lành và ngon; cái nhu cầu cần được yêu thương và kính nể cũng như tính dục cần được thỏa mãn; cái khát vọng về Chân, Thiện, Mỹ để thể diện con người cho được cao trọng, bao giờ cũng được tổ chức rất chu đáo : Trong Lễ Tết, người ta chuẩn bị hàng tháng để ăn chơi, người ta phải sửa sang dọn dẹp nhà cửa, sắm sang của ăn, may áo quần mới, nhất là chuẩn bị một tâm hồn mới để giao hòa với Trời Đất Tổ tiên, cũng như làm mới lại mối liên hệ với mọi người cho được tốt đẹp.

Trong các Lễ hội xóm làng cũng sửa sang đường sá tu bổ nơi tổ chức buổi lễ cho được đẹp đẽ nhất là các linh địa, mọi người đều cố sắm sanh ăn mặc đẹp đẽ, và cư xử với nhau tốt đẹp hơn ngày thường, nhất là dâng tâm hồn trong trắng của mình lên với Tổ tiên, Thần Thánh với Phật, Thượng Đế, có thể mới bắt gặp được những giá trị cao cả, những hào quang Chân Thiện, Mỹ .

Đặc biệt nhất là mối liên hệ Nam Nữ, người ta liên hệ mật thiết với nhau với tâm hồn trong trắng, cả làng tổ chức cho cuộc trai gái ve nhau, thần thánh bảo trợ cho cuộc chuẩn bị sinh hoá này, họ ve nhau dưới dưới thanh thiên bạch nhật, được mọi người dân làng tôn trọng và mong chờ. Không có cách bí mật như một số thanh niên nam nữ Âu Mỹ ngày nay, người Nam rủ người Nữ đến hotel, rồi làm cử chỉ bất ngờ ( surprise ) bằng cách người Nam quỳ xuống trước mặt người Nữ, dơ cái engagement ring ra, hỏi câu “ Will you marry me ? : ” Sau đó mới có thể gọi phone báo tin cho Cha Mẹ!

Tất cả chỉ là tạo ra môi trường để ươm Tình người, để làm phát triển con người toàn diện, đó là cách xây dựng Nhân quyền, để chuẩn bị sống theo Dân quyền là luật nước .

Một nước có điều hòa được cả hai yếu tố Nhân quyền và Dân quyền thì con dân trong nước mới được an vui hạnh phúc. Sống trong nền văn hoá này con người được đáp ứng được 3 nhu yếu thâm sâu của con Người : Đó cái cái ăn để nuôi cơ thể, cái dục tính để thỏa mãn khát vọng yêu đương và bảo toàn, phát triển nòi giống, cái thể diện bằng cách vươn lên những giá trị Chân, Thiện, Mỹ để nâng cao phẩm giá con Người. Nho giáo có câu : “ Thực, Sắc, Diện , thiên tính dã “ .

**Tiết ( Tết ) cho Thực; Hội cho Sắc; Lễ cho Diện.** **Thực, sắc** cho vật chất và tinh thần, **Diện** cho Tâm linh .

**Đáp ứng được nhu yếu Thực, Sắc, Diện là đáp ứng nhu cầu của bản năng, nền tảng của triết Việt ( Việt Nho ) . Vì thế nên chữ Nho còn có nghĩa là nhu yếu thâm sâu của con Người . Những nền triết lý nào không đặt nền tảng trên bản năng, chê bản năng là thấp hèn xấu xa, thì nền triết lý đó xa con người, chuyên nói chuyện trên Trời dưới Đất. “ Cận thủ chư Thân, viễn thủ chư Vật : Gần từ Thân Tâm mình, rồi ra xa với Vật chất “ là nguyên tắc sống của Cha ông.**

### **III .- Ý nghĩa của Lễ Hội**

( Nguồn đạo gốc nước: Kim Định )

“ Lễ Hội là một phương thức nhiệm màu để gia tăng bầu khí Tâm linh làm cho thống nhất tâm trí, nên từ xa xưa khắp nơi đã biết dùng để **làm tăng trưởng óc Liên đới, tinh thần bốn bề một nhà** . Khi hội lại như vậy thì không những có sự để chung lại những mối cảm xúc đã được khuếch đại, nhưng còn có thêm chiều kích linh thiêng màu nhiệm mà sự cộng lại suông không thể cho được. Người ta cho rằng nhờ Lễ Hội như cái nắp an toàn giúp người xả bớt đi những ấn ức trong tâm trí, nên được như vậy. Điều đó cũng có nhưng chỉ phần nào và nhất là mới tiêu cực không đủ công hiệu u linh như kia. Cả đến các Tôn giáo đầu đã rút tĩa từ thể chế này nhiều khả năng làm cho cộng đồng tôn giáo được đứng vững lâu bền, nhưng chưa bao trùm hết mọi chiều kích của Lễ Hội như có thể cảm thấy phần nào trong những cuộc hội ở đình làng nước ta. **Những cuộc Lễ này đã để lại nơi người dự Hội những cảm xúc thực thâm sâu thấm thía. Nên nhiều khi phải lặn lội thật xa xôi cũng cố đi cho kỳ được. Thiết nghĩ chiều sâu thẳm đó giải nghĩa được do những yếu tố vi tế vượt tai mắt giác quan như sau: Trước hết là sự tự tình tự động, không có chút chi thuộc cưỡng hành, lợi hành, mà hoàn toàn an hành tự nguyện.**

Thứ đến Lễ Hội có tính cách toàn thể, không những có Lễ mà còn có Hội, mà đã Hội Hè thì phải có Đình Đám, đèo theo những cuộc Chơi Vui nhiều khi mang tính cách tháo khoán, như đánh đu, bắt chạch. . . khiến cho khi ra khỏi Hội Lễ con người cảm thấy thỏa thuê trọn vẹn vì đã được sống những phút tròn đầy viên mãn, hết mọi giác quan đều được tham dự, trong bầu khí sống như chơi lâng lâng bay bổng . Đã không gặp điều kiện gò bó bắt phải trang trọng khắc khổ, tinh thần công thể lại được nâng cao rất mực, nhờ thể chế

Bình Sản nên vắng bóng chên lệch quá đáng hoặc Đấu tranh giai cấp gắt gao, khiến cho môi sinh thái hoà trùm phủ mọi người, toàn dân đều thích thú tham dự, tâm trí lại không bị khuấy động vì các chủ thuyết nọ kia, mà trái lại là bầu khí “ Du ư Nghệ “ đầy thi thơ ca nhạc làm cho tâm hồn như đã nhấc chân ra khỏi đời đến nửa, nay gặp không khí tung bừng của Lễ Hội thì nhiều người dễ cảm thấy nhẹ nhàng như bay bổng vào cõi Thiên thai man mác (được biểu thị trong Trống bằng những cánh chim dài rộng vươn cao hơn người ) như được hớp vào làn nước cam tuyền của cuộc sống bổng lai hạnh phúc, để lại trong tâm thần con dấu không thể xoá mờ, khiến có thể nói không sợ ngoa rằng mỗi cuộc Lễ Hội lưu lại ảnh hưởng sâu xa hơn trăm bài huấn đức, hơn cả trăm sách lý luận duy tâm .”

## Q.- Kết luận

*Tất cả những điều chúng tôi luận bàn ở trên đều theo Tinh thần Triết Lý An vi, tức là triết lý “ chấp kỳ lưỡng đoan “ của các cặp đôi cực được tổng quát bằng Âm Dương “ đã trở thành nét Lưỡng nhất “Âm Dương hòa “, có bản chất Tiến bộ và Ổn định nhờ đạt tình trạng quân bình động.*

*Nét Lưỡng nhất ( nét Gấp đôi : twofold ) là nét Nhất quán của Việt Nho, chứ Hán Nho không có như thế. Dịch của Tàu chỉ chú trọng vào 64 quẻ để bốc phê, chứ không đề cập tới nét Lưỡng nhất trong triết lý Nhân sinh một cách có hệ thống, vì cái Gốc Long Toại ( cặp Vợ / Chồng trong truyện Việt Tinh ) của Dịch, do Tổ tiên Việt dấu kín trong Huyền thoại Việt tinh cũng như Tiên Rồng và trong Trống Đồng nên Tàu không nhận ra, họ chỉ hót cái ngọn 64 quẻ..*

*Bỏ Việt Nho là bỏ mất tinh thần Bất khuất của Dân tộc Việt, Dân tộc của Trai hùng Gái đảm. Sở dĩ mất tinh thần Bất khuất là vì đã bị lạc Hồn Thiêng Sông ( Trí ) Núi ( Nhân ), vì mất Gốc nên đi hoang, chẳng học được bao khôn ngoan mà chỉ rước cái học vô bổ trên mây dưới gió, thậm chí rước “ của độc CS “, con đẻ của của chế độ Nô lệ đem về tàn dân hại nước, trước sau gì thì cũng sa vào kiếp ngựa trâu.*

*Xem thế có phải Nho là của Tàu không và Tàu đã truyền bá cho Cha ông ta những gì ngoài thứ Văn hóa “ Tôn Quân làm Thiên tử với Ngu Trung và Ngu Hiếu, cùng trọng Nam khinh Nữ của Văn hoá Du mục, đó là Hán Nho bá đạo ”, suốt dòng Lịch sử 4712 năm Tàu chuyên bạo động, gây chiến tranh, cướp bóc và bành trướng?*

*Xin đừng lầm Hán Nho bá đạo với Nguyên Nho vương đạo của Khổng Tử, vì không phân biệt Vương đạo của Khổng Tử với Bá đạo của Hán Nho, nên nhiều*

*người cứ đem cái bá đạo Hán Nho gán cho Khổng Tử mà bài xích, cũng như Trung cộng lập viện Khổng Tử để truyền bá Hán Nho bá đạo .*

*Cứ xem Lịch sử Tàu từ Hiên Viên Hoàng đế đến Tập Cận Bình thì rõ như ban ngày.*

*Cả Dân tộc chúng ta đã bị Tàu lừa mớ lớn. Nho nguyên là Văn hoá của Việt tộc được kết tinh từ nền Văn hóa Hòa bình tại Thái Bình Dương gọi là Thái Nho, tới Hoàng Nho thời Tam Hoàng Ngũ Đế, tới Nguyên Nho do Khổng Tử thuật lại từ nền Văn hóa phương Nam của Việt tộc. Sau khi các nhà cầm quyền Tàu thôn tính các chủng Việt, họ cướp mọi thứ kể cả những phát minh như làm ra giấy, cách luyện Sắt và Đồng nhất là Văn hoá Nho của chủng Việt. Họ công thức hóa thành Kinh điển nhờ các Nho sĩ của chủng Việt, chứ họ là dân Du mục suốt đời ngồi trên lưng ngựa, lang thang chăn nuôi súc vật làm gì có thì giờ để biết có Văn mà Hóa. Số là họ là Thiên tử có sức mạnh để trị vì, còn mọi việc cai trị đều phải nhờ các Nho sĩ của chủng Việt. Khi đã có Kinh điển Nho, họ đem xem dăm các yếu tố Du mục vào như Tôn quân làm Thiên Tử, trọng Nam khinh nữ với Ngu Trung với Ngu Hiếu cùng cách cai trị chuyên chế theo Pháp gia, luôn gây Chiến tranh cướp bóc và bành trướng.*

*Cứ xem hành tung và phát ngôn của họ Tần, họ Mao, họ Tập thì rõ!*

*Thế rồi Tàu vu cho các chủng Việt - chủ nhân của Dịch, Dịch là nền tảng của Nho - là dân Man di mọi rợ là Tứ Di ( Bắc Địch, Nam Man, Đông Di, Tây Nhung ) để Trung Hoa của Đại Hán ( Tên nước Trung Hoa có nghĩa : Dân sang trong ở giữa Tứ Di!! ) “ chiếm Công vì Tư “: Công vì Nho là của chủng Đại chủng Việt, Tư là Hán Nho chiếm đoạt Nho làm của riêng cho Thiên Tử. Cuối cùng Tứ Di bị đảo chánh thành Dân nô lệ Vô văn hoá, Hán Nho chễm chệ làm Chủ nhân ông về Văn hóa cũng như Chính trị bá đạo !*

*Nên phân biệt Nho có hai thứ: Thứ Nho Vương Đạo có bản chất Hoà bình của Nông nghiệp thuộc chủng Việt, còn Hán Nho xuất phát từ Nho Vương đạo, nhưng được thêm các yếu tố Du mục bạo động vào thành bá đạo mang bản chất chiến tranh của Đại Hán, thứ này tuy vẫn được truyền bá ở Việt Nam, nhưng Tinh hoa Nho đã được thẩm nhập vào Huyết quản Việt. Nhờ đó mà tinh thần Bất khuất của Nho đã giúp Dân tộc Việt Nam quật lại sau hơn 1000 năm Nô lệ và đánh bại Tàu qua hơn 13 lần xâm lăng.*

*Cái thâm ác của Tàu là làm cho Đa số dân tộc ta đã bị hiểu lầm, thay vì ghét cái quê mùa lạc hậu của Hán Nho, lại khinh khi xa lánh Việt Nho bất khuất của Tổ tiên, mặc dầu tinh thần đó đã ăn sâu vào cốt tuỷ của Dân tộc như đã bàn ở trên mà không còn nhận thấy vì đã mất ý thức.*

*Ngày xưa Cha ông Chúng ta đã mắc mưu “ Dịch Chủ vi Nô “ của Đại Hán, ngày nay Chúng ta cũng còn đang bị “ Bùa Lú 16 chữ Vàng, 4 Tốt “ và “Trương liên vớ vẩn” đẩy Dân tộc chúng ta vào trông Nô lệ.*

*Không mau thức tỉnh thì toàn dân và con cháu chúng ta lại phải ngậm đắng nuốt cay chưa biết đến bao giờ!*

*Chúng ta đã từ bỏ hay lơ là nguồn Tâm linh, mê say theo Văn minh khoa học, nhưng Khoa học thiếu Lương tâm thì chỉ giúp chúng ta sống theo Duy lý một chiều mà đấu đá nhau, phân hoá ra từng mảnh để làm người khiếp nhược, đến nỗi có thành phần cầm quyền “ Hèn với giặc Ác với Dân “. Một Dân tộc mà có một số con dân chuyên khôn vặt, mánh mung, một số đi đâu thì đạo chích đến đó, thanh niên thì một số chỉ biết ăn nhậu và sống đàng điếm. Một nhà, một Nước mà thiếu rường cột thì cột xiêu kèo đổ, Nước tan là lẽ đương nhiên. Cái Nhà Việt Nam đang cần Cột Dọc, Xà Ngang và Kèo Xiên để kết nối Ngang Dọc, xem ra chẳng còn mấy khúc gỗ thẳng thớm, to lớn và dài đủ để làm cột, làm kèo ?*

*Nhiều thành phần cứ dài cổ ngồi đợi “Anh hùng tạo Thời thế “, mà quên chăm lo hoạt động để giúp “ Thời thế tạo anh hùng “. Những Trai hùng Gái đảm xưa như Phù Đổng Thiên vương, Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Vua Lê Lợi, Vua Quang Trung là những tấm gương Dững lực sáng ngời!*

*Mỗi chúng ta có tự hỏi sao Văn hoá Tổ tiên chúng ta đã là một nền Văn hoá Thái hòa, sức bất khuất của nền Văn hoá này đã giúp Dân tộc chúng ta chống chọi được với một kẻ thù khổng lồ và nham hiểm suốt gần 5000 năm, thế sao nay sao chúng ta gồm gần 90 triệu dân mà để 3, 4 triệu đảng viên CS lừa bịp để hành hạ và làm nhục lâu dài đến thế ???*

*Khi đọc những giòng trên đây có lẽ quý vị cho là lý thuyết suông, thời đại Văn minh cao tốc này mà bàn những chuyện cổ lỗ làm chi cho mệt trí để mất thì giờ. Thưa một cây mất Gốc, rễ không bám vào đất thì cây đó sẽ bị héo khô, lấy thức ăn đâu mà Tốc cho được Cao, một Dân tộc mà mất Gốc đoàn kết nơi Quốc Tổ thì rã ra cả đám mà làm Nô lệ, một con Người mà mất Nhân Tình ( Nhân ) và Nhân Tính ( Nghĩa ) thì đâu còn là Người Hùng Dững để Địch Nhân Lý Nghĩa mà làm con người Nhân chủ ? Không làm được việc Người thì chỉ làm được việc Ngợm, Người và Ngợm luôn sát kề nhau như hai mặt của đồng tiền, không có Dững lực làm Người thì làm Ngợm để cho Quý “ Tham, Sân, Si “ ám mà làm việc bất công ác độc.!*

*Thói thường thì người ta hạm chuộng cái Mới, mê say cái Xa lạ Cao . . .vời trong Tưởng tượng, coi thường cái Cũ, cái Gần . . .thiết thân trong Thực tế hàng ngày, Tâm trí cứ mê mãi nơi Cao xa thoát tục, không nhận ra chính mình đang ở Nơi đây và Bây giờ phải làm gì để thành Người có Tư cách và Khả năng. Khi quên mình luôn đang ở Nơi đây và Bây giờ với bao tai họa, nên đa số chúng ta cứ điềm nhiên sống cao cả bằng tưởng tượng trên mây dưới gió, ở mãi đời sau ?.*

*Không có Khởi điểm thì làm sao có Chung điểm?*

*Không xây đời Nay cho tốt thì làm sao có đời Sau để được cứu rỗi?*

*Đó là câu hỏi khó lọt tai người nghe!*

*Đó là nguồn gốc của sự Vong Nhân, vong Thân, vong Bản, vong Quốc, vong Nô.*

*Ngày nay khi khi bàn về nếp sống Cha ông, chúng tôi lại phải Ngược Dòng đời bắt đầu từ nơi cái Tâm mình, từ cái Nhỏ, cái Đơn giản, cái Tâm thường của Đời này mà người ta không thèm để ý. Thiết nghĩ không có Tâm tình nhà quê với Tâm hồn “ mang nặng nét “ Cong duyên dáng uyển chuyển” của Việt tộc, cùng Óc Tế vi của “ Triết lý đơm Nghệ thuật “ để nhận ra cái To trong cái Nhỏ, cái Phi thường trong cái Tâm thường, cái Vĩ đại trong Tinh vi, cái Tinh trong cái Lý, cái Hồn trong cái Xác, thì khó nhận ra nếp sống theo đường mòn theo Dịch lý của Tổ tiên.*

*Không kiên Tâm trì Chí để xây dựng mọi thứ từ Góc tới Ngọn , từ cái Nhỏ tới cái Lớn, từ cái Gần tới Xa . . . , nhất là không xây dựng cái Tâm, cái Trí, cái Chí cho vững để có nền tảng thì mọi sự chỉ là xây lâu đài trên cát.*

*Quả là cái khó của mọi công trình đâu có khó bằng thay đổi “ Lòng Người ngại Núi e Sông “*

*Dân tộc chúng ta đã chạy cùng sào của cuộc sống một chiều, nay phải quay lại với đời sống cân bằng hai chiều của nét Lương Nhắt của: Tinh / Lý, Nhân / Nghĩa , Nhân quyền / Dân quyền, Phú chi với Dân sinh / Giáo chi với Dân Trí, tất cả nhằm Mục tiêu Thành Nhân / Thành Thân. Có con dân thành Nhân và thành Thân thì xây Nhà mới ấm êm, dựng Nước mới an bình thịnh trị.*

*Trong công cuộc đấu tranh cho nền Dân chủ Tự do, nhân dân chúng ta cũng phải vừa đấu tranh với chế độ “ độc tài bất công CS “ , vừa phải “ xây dựng tinh thần Tự Chủ, tự Lực, tự Cường và Tinh thần Đoàn kết toàn dân trong Chính nghĩa “ để chuyển hóa chế độ Độc tài qua chế độ Dân chủ.*

*Xin mọi người chúng ta bỏ thói khôn vặt theo phe phái, “ Khôn Độc Đại Đoàn “ hãy mở rộng Tâm Trí ra mà chiêu Hồn thiêng “ Nhân Nghĩa “ đã bị lạc về với*



*Dân tộc, cùng Tinh thần Tôn giáo Đại kết, canh tân đời sống cho đủ hai chiều, mà làm người Trai hùng Giải đảm, để có đủ Nội lực mà vùng lên vực dậy. Không nêu cao được Chính nghĩa Dân tộc thì chưa đẩy lùi được CS, và nếu có đẩy lùi được CS thì nhân dân vẫn chưa được yên vui .  
Chính nghĩa đó là:*

*“ Lấy Đại Nghĩa ( Lễ Sống Công chính của cả Dân tộc ) để thắng Tham  
tàn.*

*Lấy lễ Công chính để xoá nạn Bất công Xã hội.*

*“ Đem Chí Nhân ( Lòng Nhân ái của toàn dân ) mà thay Cường bạo “:  
Đem lòng Nhân ái mà chuyển hóa Lòng kẻ Bất Nhân.  
( Bình Ngô đại cáo. Nguyễn Trãi )*

*“ Thông Thiên, Địa, Nhân viết Nho “, nên Việt Nho tuy đã được thai nghén từ nền Văn hóa Hoà bình cách nay từ 12 đến 30 ngàn năm, nhưng tới nay xem ra Việt Nho vẫn không què mùa lạc hậu gì cả, mà lại còn rất tiến bộ theo Khoa học, rất phù hợp cho mọi Nơi mọi Thời. ( xem 4 ở dưới ).*

*Để đáp ứng với tình trạng phân hoá hiện nay, chúng tôi cố ý trình bày vấn đề theo Việt Nho, vì đây cũng là Thiên lý, gốc chung của Việt tộc, hai nửa Tinh thần Nho cũng thích hợp cho Tôn giáo và Văn hóa có tinh thần đại kết cũng như những người không Tôn giáo còn có Lương tâm, mục đích duy nhất là tìm về điểm Công thông của Dân tộc để mong xoá đi những oan trái trùng trùng duyên khởi xưa nay mà giải oan cứu nạn Dân tộc.*

*Tóm lại, Minh triết là Ouan niệm ( Tri ) và cách Sống ( Hành ) theo Dịch lý của Tổ tiên Việt ( tức là Tri Hành hợp nhất ) để đạt Phong thái An Vi mà sống Hạnh phúc cùng nhau.*

*Khốn thay vì nạn “ Dĩ Cường lũng Nhược “ của Các chế độ Chính trị thuộc nền Văn hoá Du mục làm cho Dân tộc chúng ta bỏ mất cả nguồn Minh triết của Việt Nho trên, nên mất hết Nội lực không vùng lên vực dậy được  
Chúng tôi đã lần lượt trình bày một số lãnh vực của Việt Nho theo tinh thần triết lý An vi của T. G. Kim Định.*

*Nói tóm lại Việt Nho có thể tóm vào ba chữ “ Chí Trung Hoà “. Hoà ở chỗ từng cặp đối cực gặp gỡ nhau sao cho đạt tới kết quả Hoà, Hoà theo tỷ lệ Tham Thiên ( 3 Tinh ) Lương Địa ( 2 Lý ), ( Tham Thiên lưỡng Địa nhi ỷ số ) . Hoà bằng cách “ Chấp kỳ lưỡng đoan “, nên đem lại lưỡng lợi, không ai hoàn toàn thắng không ai hoàn toàn thua. Để đạt tới tình trạng “ Chí Trung hoà “ thì cả Vũ trụ và*

Vạn vật phải được định vị hay sắp đặt sao cho: “ **Thiên Địa vị yên, vạn vật dục yên** “: Trời Đất Vạn vật phải được xếp đặt đúng vị trí theo Thiên lý hay Dịch lý để cho muôn loài được nuôi dưỡng trong Tiết nhịp hòa của Vũ trụ.

( Chúng ta có thể lấy ví dụ ném hòn đá xuống mặt Hồ yên lặng, điểm Hòn đá đụng tới mặt Nước trong hồ là điểm “ **Chí Trung** ». Hòn đá gây ra những chuyển động cứ liên tiếp truyền đi những chuyển động vòng tròn đồng tâm, những chuyển động trên mặt nước hồ giao thoa thành làn sóng lăn tăn lan rộng khắp mặt hồ, đó là hiện tượng «**Chí Hòa** “.

Nội hàm “Chí Trung “ càng nhỏ thì Ngoại hàm “ Chí Hòa “ càng tỏa rộng.)

Hòa là bản chất của các Tôn giáo, của Việt Nho, Hoà cũng là đỉnh cao của cuộc sống con Người vì Hòa là nguồn của Hạnh phúc.

**Đây là cái Nhìn Nhất quán về Văn hoá Việt Nam và cách sống theo Quả dục của Tổ tiên xưa theo Dịch lý đã bị đại Hán làm cho tiêu trầm, chúng ta cần canh tân để phục hoạt lại.**

**Hay nói cách khác Việt Nho là “ Nghệ thuật sống theo Dịch Lý ( Thiên lý ) “ giúp con Người không những sống Hoà với nhau mà còn Hoà cùng Tiết nhịp hòa của Vũ trụ nữa.**

Trong thời đại Cao tốc với thực phẩm Mì ăn liền mà chúng tôi cứ bàn luận về Nhân Nghĩa cho là ngược đời, tỉ mỉ, lời thôi chắc không được Giới trẻ tiếp nhận mà ngay đối với một số vị cao niên cũng gạt đi, vì quý ý vị đang mê mãi sống “ **theo Giường máy xuôi chiều của Thời đại Duy Lý một chiều** “ mà chúng tôi lại cứ “ **Đi Ngược / Về Xuôi** “ xem ra thật rườm rà, tưởng là làm tắc nghẽn dòng chảy xuôi theo thời đại, nhưng thực ra là khai thông bế tắc Quốc nạn và Quốc nhục Việt Nam, nếu xét thấu đáo thì “ **Dịch Lý: Nhân / Nghĩa** “ mà chúng tôi bàn tới đây, đã mang theo hào khí sinh động rất hợp với khoa học tân tiến hiện đại, nó mang theo **Gốc Dịch lý cho là Cũ**, nhưng là **luật Biến dịch bất biến luôn đổi Mới**, - nguồn mạch của **Khoa học có Lương tâm** -, có thể giúp phục hoạt lại con Người Nhân chủ và Tinh thần Đoàn kết Dân tộc, đây là hai nan đề gây cản nhất đang bị bỏ quên, nếu giải quyết được hai vấn đề căn bản này thì mọi sự về Quốc kế Dân sinh sẽ lần lượt hanh thông, vì đó không phải là thứ Nhân Nghĩa đã mất ruột chỉ còn vỏ quê mùa lạc hậu của Hán Nho, mà là nguồn cội của mọi sự biến hóa mang trạng thái Thái Hoà của Văn hoá Việt mà Tiến bộ, Hòa là đỉnh cao của sự sống con Người, cũng là bản chất của các Tôn giáo.

**Khốn thay! Việt Nho đã bị Hán Nho xuyên tạc và đánh tráo để “ Dịch Chủ vi Nô “, khiến Chủ “ Việt Nho “ đã trở thành “ Vô Chủ” ! Bỏ Việt Nho là bỏ Tinh thần Bất khuất của Dân tộc! Lịch sử gần 5000 năm của Dân tộc đã nói lên Tinh thần đó!**

**Tại sao mà đánh mất Tinh thần bất khuất ? Vì con Người Việt Nho biết Minh là ai giữa Trời và Đất, biết tựa vào Đất để vươn lên với Trời để giữ mối Liên hệ khăng khít với Thiên Địa cùng Vạn vật, nhất là mối Liên hệ Hòa với nhau mà sống với nhau, đồng thời không ngừng nghỉ làm những việc từ Nhỏ tới Lớn, từ gần tới Xa, từ Dễ tới Khó. . . . để vươn lên hàng ngày mà sống hòa với nhau, đoàn kết với nhau, chung Lòng, chung Trí và góp Sức với nhau để có Nội lực Dân tộc mà Cứu và Dựng nước, chứ bỏ quên “ viên Ngọc quý Long Toại ( tức là cặp Vợ / Chồng. Truyện Việt tình ) - Nguồn mạch Nội tại của nền Văn hoá thuận theo Thiên lý - “ của Tổ tiên mình, mà đi tìm đôi Đũa thần không linh nơi khác ( bỏ quên đời sống Tâm linh) mà cậy nhờ là Vọng tưởng .**

**Bỏ Con Người Nhân chủ với mối Liên hệ Hòa Thiên – Nhân - Địa là đánh mất Hạnh phúc, là Vong bản, Vong Nhân đưa tới Vong Quốc Vong Nô !.**

**Việt Nam được vua nhà Minh tặng là “ Việt Nam Văn / Hiến chi bang “, nhưng nay thứ “ Đạo Nhân sinh” để cho “ Văn tài “ đã rời xa Dân tộc, nên cũng đánh mất phần Hiến là những Trai hùng Gái đảm, nên Dân tộc trở nên Vô cảm và thiếu tinh thần Liên đới Trách nhiệm , đó là Nguồn gốc của Quốc nạn !**

**Mọi sự trong Gia đình và ngoài Xã hội đều bắt nguồn từ nơi con Người, từ cách Cư xử của con Người trong mọi hoàn cảnh, sao cho mọi người sống Hoà nhịp với nhau. Khởi điểm là mỗi cá nhân có sống Hòa với mọi người theo lối “ Nhân / Nghĩa ” hay “ Bác ái / Công bằng “ hay “ Từ bi / Trí tuệ “ kết đội, thì mới mong đạt tới Chung điểm là mọi người sống nhịp theo: ” Tiết nhịp HÒA của Vạn vật trong Vũ trụ “.**

**Đây là công trình dài lâu và khó khăn, nhưng mà lại “Ăn chắc Mặc bền “. Thiết nghĩ Không có cây đũa Thần nào để thay thế cho được nhanh chóng, nếu cứ tránh Võ Dưa “ Lâu Đén “ thì lại gặp võ Dừa “ Mau Đi “ !.**

**Rõ ràng nét Lương nhất theo Dịch lý là Mạch lạc nội tại của Việt Nho, nét Lương nhất đan kết những chi tiết của Việt Nho thành Hệ thống có Mối Liên hệ Cơ thể, biến Việt Nho thành nền Văn hoá Bất khuất của Việt Nam, sở dĩ có Tinh thần Bất khuất là nhờ biết đem Đạo Lý Nhân / Nghĩa vào khắp mọi ngõ ngách của cuộc Sống.**

**Thế mà ngày nay vẫn còn có nhiều người Việt Nam, không kể những vị Tân học mà ngay cả một số những vị học Nho cũng tin rằng Việt Nam không có Văn**

*hoá, có chăng là do Tàu, Tây dạy cho, nghe nói đến Nho mà không hiểu đó là Hán Nho bá đạo, lại ghét lắm Việt Nho vương đạo, vì xa lánh Nho - xuất phát từ nguồn cội Dịch lý của Thiên lý - , nên lâm vào kiếp đi hoang, ăn nhờ ở độ. Dịch của Hán Nho nặng về 64 quẻ để bói toán, không có nét Lương nhất về triết lý Nhân sinh, Hán Nho là nền Văn hoá Bạo động của Tàu, vì suốt dòng Lịch sử, Tàu luôn gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng !*

*Đã hơn 70 năm nay, CSVN ăn phải Bùa Lú “ 4 tốt, 16 chữ vàng và mấy thứ tương liên “, đã rước kẻ Thù truyền kiếp về làm Bạn vàng, “ mặc nhiên “ biến Đồng bào thành kẻ Thù, rõ ràng ngày nay tứ phía Đất nước đều bị Bạn vàng vây khốn, hết ruộng đất đến ruộng biển, trong nước thì từ Nam quan đến mũi Cà mầu chỗ nào cũng có cơ sở bạn vàng đóng chốt mai phục, Biển Đông thì bị bạn vàng chiếm đoạt, mọi Cơ chế đều bị bạn vàng lũng đoạn, thực phẩm và độc dược của bạn vàng tràn lan khắp nước, Đồng bằng Cửu Long – Bao tử của Việt Nam - bạn vàng cũng ngăn giòng nước ngọt làm cho đất nứt nẻ, do đó nước biển mặn tràn vào ruộng đồng vườn tược làm cây cối lúa mạ không trồng trọt được, dọc bờ Biển của 4 tỉnh xác Cá chết hàng loạt dạt vào bờ, chất độc sẽ theo giòng hải lưu mà làn ra Bắc và vào Nam suốt dọc Bờ biển, đây là âm mưu cắt Nguồn sống trên cạn và dưới nước của Dân tộc Việt Nam ( Có lẽ đây là đòn ngầm, đe dọa CSVN không được kết thân với Hoa Kỳ trong dịp viếng thăm của Tổng Thống Obama ) . . . , đó là chỉ kể một vài ví dụ điển hình về âm mưu tiêu diệt Dân tộc Việt Nam.*

*Tóm lại Cuộc Kách mệnh Vô sản của CSVN đã biến các môi trường sống của Việt Nam đều bị ô nhiễm nặng nề: từ môi trường Văn hóa Tư tưởng, tới Đất, Nước, không khí đều dẫn Dân tộc Việt Nam đến tình trạng bị tiêu diệt lần mòn !*

*Về mặt Nội ,đó là Sự nghiệp Kách mệnh mang tên “ Độc lập, Tự do, Hạnh phúc “ của CSVN, nhưng về mặt Chìm, thì CSVN quả là một Phân bộ của đảng CS Tàu.!*

*Trong mọi tai họa, thì cái Họa làm cho Văn hóa suy đồi, làm tê liệt Tinh thần Dân tộc là ác độc và nguy hiểm nhất.*

*Đây là giai đoạn quyết liệt, hoặc vùng lên để sống còn như những con Ngươi , hoặc cứ vô cảm mà cam tâm làm kiếp ngựa trâu!*

*Cầu xin Hồn Thiêng Sông Núi sáng soi và độ trì cho Dân tộc Chúng ta để giúp mọi người tỉnh giấc “ Công miên “, rước “ Hồn thiêng Sông Núi “ về với con Dân Việt mà Cứu con Ngươi và Dân tộc!.*

*Hy vọng thay !*

## Việt Nhân

---

### Tham khảo:

( 1 ). Bài của ông Phạm Khiêm Nhu

( 2 ). Bài thơ: “Đất nước mình ngộ lắm phải không anh “

( 3 ). < Thuộc về Văn hóa >

*Sinh hoạt của Việt tộc qua Tinh thần “Nét cong Duyên dáng “của Việt tộc .*

( 4 ). < Thuộc về Chính trị bắt nguồn từ Văn hóa >

**The Living Constitution** “ của Hoa kỳ đã được Cơ cấu và thể hiện theo Tinh Thần Dịch lý để đối chiếu với nền” Dân chủ tập trung “ được tung hô là Dân chủ gấp trăm ngàn lần của các nền Dân c hủ Tây phương .

( 5 ). Năng lượng. < Nội dung của Việt Nho rất phù hợp với Khoa học hiện đại.>

---

( 1 ) : **Bài viết của ông Phạm Khiêm Ích:**

### PHẠM KHIÊM ÍCH

Bác Nguyễn Khắc Mai – Giám đốc Trung tâm Minh Triết yêu cầu tôi viết phản biện bản báo cáo “**Minh Triết như là nghệ thuật chính trị và giá đỡ quyền lực**” của **TS. Lê Công Sự**. Tôi rất ngần ngại, nhưng không từ chối được. Vì vậy, tôi viết mấy lời chia sẻ với TS. Lê Công Sự theo tinh thần câu đồng tồn dị.

1. Trước hết tôi trân trọng ý tưởng tốt đẹp của tác giả khẳng định mạnh mẽ “**mối quan hệ giữa Minh Triết với quyền lực và chính trị**, theo đó Minh Triết như là nghệ thuật làm chính trị và giá đỡ cho quyền lực, nếu quyền lực đó muốn tồn tại lâu dài” (Tr.2)

Để làm rõ nội dung cơ bản này của bản báo cáo, tác giả đã tiến hành khảo sát tư tưởng của một số triết gia cổ đại cả phương Tây lẫn phương Đông.

Qua việc phân tích các tác phẩm tiêu biểu **Republic** (Nền cộng hòa) của Plato và **Politic** (Chính trị học) của Aristotle, TS. Nguyễn Công Sự khẳng định những giá trị minh triết trong các tác phẩm này là những khuôn vàng thước ngọc cho các

chính khách đương thời xây dựng nên một mẫu hình nhà nước cổ điển Hy Lạp, La Mã chẳng những có giá trị đương thời mà còn có ý nghĩa lâu dài trong lịch sử.

Ở phương Đông, tác giả đã dành nhiều trang phân tích những tư tưởng triết học của Khổng Tử, Lão Tử và Hàn Phi Tử để khẳng định vai trò quyết định của những tư tưởng ấy đối với đường lối cai trị đất nước. Tác giả chú trọng đặc biệt đến đường **lối nhân trị và đường lối pháp trị**, hai đường lối khác nhau, có khi dung hòa với nhau, hoặc đối lập nhau, nhưng đều “hàm chứa nhiều giá trị minh triết” (Tr.6, Tr.8) Phần cuối bản báo cáo, tác giả nhìn thẳng vào tình hình hiện tại, phân tích những biến động của thế giới trong suốt thế kỷ qua với những cuộc chiến tranh khốc liệt nhất, khủng hoảng môi trường nghiêm trọng nhất, phát sinh nhiều căn bệnh hiểm nghèo nhất.

Tình trạng trên đây, theo tác giả là do hai nguyên nhân:

- **Ý thức hệ giai cấp**, dẫn đến cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội.

- Nhân loại bận rộn với những sự kiện lịch sử hiện thực mà quên vấn đề minh triết. Để khắc phục những nguyên nhân này phải thiết lập một nền giáo dục tích hợp những giá trị văn hóa Đông – Tây. Đồng thời phải thay thế các hệ tư tưởng bằng việc thiết lập một lĩnh vực tinh thần mới, lĩnh vực của Tâm Linh Trắng (White Spirituality), của Minh quyển (Sophiosphere).

Điểm lại một số nét tiêu biểu trên đây, tôi muốn khẳng định rằng đây là báo cáo khoa học công phu, đặt và giải quyết vấn đề khá mạch lạc, có chất lượng cao.

2. Điều tôi rất băn khoăn là bản báo cáo chưa trả lời một câu hỏi căn bản: Thế nào là “**quyền lực**” và minh triết có thể và cần phải “làm giá đỡ” cho thứ quyền lực nào? Đây là câu hỏi không thể không trả lời rõ ràng, bởi nó nằm ở trung tâm bản báo cáo có tên gọi ngắn gọn là “**Minh triết và Quyền lực**”.

Theo tôi hiểu, ngày nay có rất nhiều quan niệm khác nhau về quyền lực, về sử dụng quyền lực, cũng như cách thức phân loại các quyền lực: **quyền lực xã hội, quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, rồi cả quyền lực cứng, quyền lực mềm,**

**quyền lực thông minh,...** Nhưng có hai thứ quyền lực ghê gớm nhất được nói đến hàng ngày. **Đó là bạo lực và tiền bạc.**

Những kẻ độc tài từ xưa đến nay đều say sưa ca ngợi bạo lực, coi đó như là quyền lực thiêng liêng bất khả xâm phạm. Mao Trạch Đông nói trắng ra rằng “súng để ra chính quyền”, “chính quyền trên đầu ngọn súng”. Ông ta đề ra phương châm kỳ quặc cho phụ nữ Trung Quốc “Bất ái hồng trang, ái vũ trang” (Không thích trang điểm, chỉ thích chiến đấu).

Ngày nay các chế độ chuyên chế công khai chủ trương và cổ vũ cho “quyền lực tuyệt đối” của nhà nước, mà một nhà nghiên cứu đã nêu lên 6 đặc trưng chủ yếu của nó:

- Tính chất toàn trị, muốn kiểm soát không những mọi hoạt động, mà cả cách suy nghĩ và tình cảm của con người.
- Siết chặt hệ thống kiểm duyệt đối với mọi phương tiện truyền thông đại chúng.
- Ưu thích sử dụng bạo lực và khủng bố tinh thần dân chúng và để triệt hạ mọi sự bất đồng chính kiến.
- Ưu tiên phát triển quân sự và bộ máy an ninh, dùng nó như một nguồn sức mạnh chính để duy trì chế độ.

- Giành quyền quản lý kinh tế vào trong tay nhà nước.
- Tính chất dân tộc cực đoan.

Đối với thứ quyền lực này, chẳng minh triết nào có thể làm “giá đỡ” cho nó được, hơn nữa nó cũng chẳng cần bất cứ thứ minh triết nào cả. Vì vậy, tôi muốn đề nghị bổ sung và cụ thể hóa chủ đề thảo luận Minh triết và Quyền lực thành Minh triết “dân vui, nước mạnh” và Quyền lực đích thực. Hai khái niệm này tôi mượn của Thiền sư Thích Nhất Hạnh 88 tuổi vừa qua con đột quy và của học giả Hoàng Ngọc Hiến (1930-2011) mà tôi

hình dung ông vẫn hiện diện trong Lễ kỷ niệm 7 năm thành lập Trung tâm Minh triết hôm nay và có lẽ trong mọi cuộc thảo luận về minh triết của chúng ta.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã dành cả một quyển sách nói về quyền lực đích thực (The Art of Power. Chân Đạt chuyển sang Việt ngữ, NXB Tri Thức Hà Nội 2008).

Theo Thiền sư: **“Xã hội chúng ta được xây dựng trên một khái niệm rất hạn hẹp về quyền lực, đó là giàu có, sung túc, thành công nghề nghiệp, danh tiếng, sức khỏe, sức mạnh quân sự và quyền năng chính trị.** Tôi xin đề nghị một thứ quyền lực khác, một thứ quyền lực vượt bậc, quyền lực giúp ta thoát khỏi sự ám ảnh của mê đắm, sợ hãi, tuyệt vọng, sự trấn ngự của kỳ thị, sân hận, ngu dốt; quyền lực giúp ta đạt được hạnh phúc ngay trong giờ phút hiện tại. Đây là một thứ quyền lực mà bất cứ ai sinh ra cũng có quyền hưởng, không phân biệt sang hèn, giàu nghèo, mạnh yếu”. Thiền sư gọi đây là thứ quyền lực đặc biệt, **“một thứ quyền lực đích thực, đó là tự do, an ninh và hạnh phúc,** mà tất cả chúng ta đều mong muốn, **noi đây, ngay bây giờ,** cho chính chúng ta, cho gia đình, cộng đồng, xã hội và cho cả hành tinh“.(Tr.9. Người trích nhấn mạnh)

Thiền sư nhấn mạnh **“Năm Quyền Lực Tâm Linh” (Ngũ Lực).** “Điều mà phần đông chúng ta gọi là quyền lực thì đạo Bụt gọi là tham dục. Có năm thứ tham dục.

**Đó là tham tiền (tài), tham danh (danh), tham sắc (sắc), tham ăn (thực) và tham ngủ (thù).** Trái lại đạo Bụt nói tới năm quyền lực chân thực, năm thứ đó là: **tín, tấn, niệm, định và tuệ.** Năm nguồn năng lượng này là nền tảng của **hạnh phúc chân thực...**”

Con người ta chỉ thật sự hạnh phúc khi có quan hệ tốt đẹp với những người khác và với sự sống chung quanh. Nếu không họ sẽ cô độc trong thế giới riêng của mình,

không bạn tri âm, không người tri kỷ. Bởi vậy **“Tình thương là rất thiết yếu cho hạnh phúc” (Tr.22)**

Điều này không những đúng cho từng cá nhân mà còn đúng cho một số quốc gia. Cho nên có thể định nghĩa của phát triển là hạnh phúc. **Phải đo mức độ phát triển bằng hạnh phúc chân thật.** Theo Thiền sư “một quốc gia văn minh là một quốc gia

trong đó nhân dân có một đời sống sâu sắc, có thì giờ yêu thương, chăm sóc gia đình và cộng đồng”.

Không những phải có quan niệm đúng về quyền lực, mà còn cả về **“nghệ thuật sử dụng quyền lực”**. Nhiều nhà lãnh đạo kinh tế hay chính trị luôn tranh giành quyền lực và hình như họ không bao giờ thấy đủ. **Sự tham lam và tranh giành quyền lực thường dẫn tới lạm dụng quyền lực, sử dụng quyền lực sai lầm.** Đây là nguyên nhân đầu tiên gây nên bao nhiêu đau khổ. Cần khẳng định mạnh mẽ rằng: **“Đường lối sử dụng quyền lực không phải là vấn đề tâm linh, mà là chuyện sống chết của cả một quốc gia.** Những nhà lãnh đạo kinh tế và chính trị là những người có rất nhiều quyền lực trong xã hội. Họ nắm định mệnh của chúng ta bằng nhiều cách.

Chúng ta phải tìm cách giúp họ sử dụng quyền lực một cách khôn ngoan”. Cần nói rõ với họ rằng những quyết định của họ có thể không được đa số dân chúng trong nước hay trên thế giới ủng hộ. Chúng ta cần giúp họ tránh sử dụng sai lạc và hủy diệt quyền lực mà chúng ta đã tin tưởng giao phó cho họ. Nhân dân cần phải giám sát họ. **Quyền lực đích thực, quyền lực tâm linh, có thể coi là để giám sát quyền lực chính trị và kinh tế.**

Quyền lực đích thực rất cần có một “giá đỡ” vững chắc. **Đó là Minh triết “dân vui, nước mạnh”.** Học giả Hoàng Ngọc Hiến có ý kiến rất sâu sắc: **“Dân giàu, nước mạnh” – đó là văn minh. “Dân vui, nước mạnh” – đó là văn hóa.** Dân giàu, dân vui thì nước mới thực sự mạnh. Các sức mạnh văn hóa có vai trò quyết định làm cho “dân vui, nước mạnh”. Từ ngàn xưa tâm thế “vui cười” đã là sự lựa chọn của Minh triết Việt...”Không có minh triết “dân vui, nước mạnh”, thì dân có thể “giàu”, nước có thể “mạnh”, nhưng khó mà nói là có hạnh phúc” (Hoàng Ngọc Hiến. Luận bàn Minh triết & Minh triết Việt. NXB Tri Thức. Hà Nội 2011, Tr.148-149)

Như thế là cả quyền lực đích thực và Minh triết “dân vui, nước mạnh” đều có chung một cốt lõi, đó là hạnh phúc “hạnh phúc ngay trong giờ phút hiện tại” của đông đảo nhân dân.

Từ quan niệm về quyền lực và minh triết trên đây, tôi muốn trở lại trao đổi với TS. Lê Công Sự về “nhiều giá trị minh triết” hàm chứa trong tư tưởng pháp trị của Hàn Phi, giúp cho nhà Tần thống nhất được các cát cứ phong kiến về một mối, lập nên một đất nước Trung Quốc rộng lớn như ngày nay. “Tư tưởng đó đồng thời tạo tiền



đề lý luận cho sự ra đời của lý thuyết về nhà nước pháp quyền sau này ở phương Tây. Nhà nước pháp quyền xuất hiện như một bước ngoặt cách mạng làm thay đổi cán cân quyền lực chính trị. Dân chủ và nhân quyền được đặt lên vị trí hàng đầu, người dân trở về với vai trò “động vật chính trị” như Aristotle nói” (Tr.8).

Đánh giá về nhân trị và pháp trị là vấn đề lớn, phức tạp, khó có thể trình bày đầy đủ trong bài phản biện này. Tôi xin dẫn lời một số chuyên gia Trung Quốc và Việt Nam để nói rằng gắn pháp trị với nhà nước pháp quyền là sai lầm nghiêm trọng, một đảng là chuyên chế, một đảng là dân chủ.

Học giả Phùng Hữu Lan trong cuốn “Lược sử triết học Trung Quốc” nói rằng: “...thật là sai lầm nếu ta liên hệ tư tưởng pháp gia với môn luật học. Theo từ ngữ hiện đại, cái mà học phái này rao giảng chính là lý thuyết và phương pháp để tổ chức và lãnh đạo. Nếu ai muốn tổ chức và lãnh đạo quần chúng, sẽ thấy rằng lý thuyết và thực hành của pháp gia vẫn còn hữu ích, nhưng chỉ khi nào họ muốn đi theo hướng độc tài chuyên chế” (Phùng Hữu Lan. A Short History of Chinese Philosophy. Lê Anh Minh dịch, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 2013, Tr.170.

Người trích nhân mạnh)

Còn nói rằng tư tưởng pháp trị “tạo tiền đề lý luận cho sự ra đời của lý thuyết về nhà nước pháp quyền...” thì thật ngược đời. Các triết gia Trung Quốc chỉ biết đến nhà nước pháp quyền Âu – Tây từ giữa thế kỷ thứ XIX, sau Nha chiến tranh (1840-1843 và 1856-1860). Các học giả Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê viết: “... sau cuộc Nha chiến tranh, đa số các triết gia Trung Hoa tán thưởng văn minh Âu – Tây, muốn đập đổ chính thể chuyên chế mà lại đề cao pháp trị, tôn trọng quy tắc phân quyền, tách rời quyền lập pháp, quyền tư pháp và quyền hành chính để bênh vực nhân dân mà áp chế quân chủ. Nhưng chính sách pháp trị của họ, khác hẳn chính sách quân chủ chuyên chế của Thương Ưởng, Hàn Phi, Lý Tư và giống chính sách dân chủ pháp trị của những chính thể Âu châu hiện nay”. (Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê. Đại cương triết học Trung Quốc. Quyền hạ. Sài Gòn, Cảo Thom 1966, tr.605-606).

Các học giả Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê đã đề cập đến Nhà nước pháp quyền với nguyên tắc tam quyền phân lập và vai trò của nó trong việc đập đổ chế độ chuyên chế bạo tàn. Có nhà nước pháp quyền thì “tương lai của nền dân chủ sẽ được đảm bảo” như Abraham Lincoln Tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ đã khẳng định. Năm 1863 ông tuyên bố: “Chính quyền của dân, do dân, vì dân sẽ không lụi tàn khỏi mặt đất”. (“Government of the people, by the people, for the people, shall not perish from the earth”. Gettysburg Address, 19 November 1863).

Tháng 12 năm 2013 khi ứng cử vào Hội đồng nhân quyền Liên Hợp Quốc, chính phủ Việt Nam đã trình trọng hứa thực hiện 14 điều cam kết, trong đó điều 3 khẳng định: “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền, củng cố các tổ chức quốc gia bảo vệ nhân quyền...” (“Continue to improve the legal and judicial systems, build a rule-of-law State and strengthen national

institutions protecting human rights...”)

Nhưng trái với những điều cam kết, các nhà lãnh đạo Việt Nam không xây dựng Nhà nước pháp quyền, lại ra sức củng cố và thực thi “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” – một biến thái của Nhà nước chuyên chính vô sản, theo định nghĩa của Tổng Bí thư Lê Duẩn: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Đó là chuyên chính vô sản ở Việt Nam”.

Đánh tráo khái niệm “Nhà nước pháp quyền” bằng “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” là không thể chấp nhận được, vì nó thay thế dân chủ bằng chuyên chính.

Cần nhấn mạnh rằng không ở đâu trên thế giới này nhà nước chuyên chính, chế độ cực quyền có thể đem lại tự do, hạnh phúc cho con người, làm cho dân vui nước mạnh. Nó chỉ dẫn đất nước tới chỗ yếu kém, nhân dân buồn khổ và nhân loại yêu chuộng hòa bình khinh ghét.

Ngày nay chúng ta thảo luận về Minh Triết và Quyền lực trong điều kiện mới, khi cả Minh triết lẫn quyền lực đều đã biến đổi căn bản.

Tri thức đã trở thành một quyền lực mới (Xem Alvin Toffler. Powershift:

Knowledge, Wealth, and Violence at the Edge of the 21st Century. Bantam Books, 1990 – Sự chuyển đổi quyền lực: Tri thức, Của cải và Bạo lực ở ranh giới thế kỷ XXI) Trong cuốn sách này, nhà tương lai học Alvin Toffler xem xét sự vận động và phát triển của chính bản thân quyền lực qua các hình thức phát triển từ bạo lực (violence) đến của cải (wealth) rồi đến tri thức (knowledge). Quyền lực – tri thức khác hẳn các hình thức quyền lực trước đó – quyền lực – bạo lực và quyền lực – của cải. Là của cải tượng trưng, một thứ tài sản vô hình, tri thức mang trong mình nó tiềm năng dân chủ hóa mạnh mẽ. Không như bạo lực và của cải chỉ tập trung trong tay một thiểu số, được gọi là những “kẻ mạnh”, tri thức ngày nay được phân bổ rộng rãi, trở thành tài sản chung, thành chìa khóa dẫn đến thành công cho số đông.

Alvin Toffler đã khẳng định thuyết phục về sự nổi lên của tri thức như một nguồn sức mạnh mới của con người, trở thành động lực cho sự phát triển của nhiều quốc gia. Nó là ngọn nguồn của sáng tạo và là yếu tố chủ lực cho sự thay đổi thế giới trong nền văn minh trí tuệ hiện nay. Có nhiên khi đã trở thành quyền lực mới, tri thức càng cần phải được giám sát bởi xã hội, đảm bảo cho nó có những điều kiện tốt nhất để phát triển, để được chia sẻ và được sử dụng vì lợi ích chung, vì mục tiêu cao cả của nhân loại.

Theo dõi quá trình chuyển đổi và phát triển của quyền lực có thể khẳng định rằng nếu Minh triết không thể sống chung với bạo lực và cũng rất khó sống trong thế giới tôn sùng của cải, tiền bạc, thì nó có thể bùng nổ và phát triển sáng tạo khi tri thức trở thành quyền lực mới.

Giờ đây Minh triết và triết học cũng như nhân văn học nói chung đã phát triển sang giai đoạn mới. Giáo sư Mikhail Epstein trong cuốn sách mới đây Bản Tuyên ngôn về Nhân văn học biến đổi (The Transformative Humanities. A Manifesto. Bloomsbury Publishing Plc. New York-London 2012) đã khẳng định sự ra đời của Triết học và Minh triết mới.

Mikhail Epstein (sinh năm 1950) vốn là nhà nghiên cứu lý luận văn học Liên Xô. Ông rời bỏ Moskva sang Atlanta Hoa Kỳ năm 1990, trở thành giáo sư trường Đại học Emory ở Atlanta, đồng thời là giáo sư trường Đại học Durham ở Anh quốc. Ông sang Anh quốc (Durham) sinh sống từ năm 2012. Ông là chuyên gia nghiên cứu liên ngành trong nhân văn học (Humanities – thường gọi là “khoa học nhân văn”). Mikhail Epstein xem nhân văn học bao gồm: triết học, văn học và ngôn ngữ học). Ông chú trọng đặc biệt đến sự biến đổi cách mạng trong nhân văn học mà ông gọi là “sự chuyển đổi chuẩn thức” (Paradigmatic Shifts – khái niệm của Thomas Kuhn) dẫn đến sự hình thành nhân văn học mới.

Giáo sư Mikhail Epstein nêu lên lý thuyết đa bộ môn nghiên cứu sophia, được gọi là sophian disciplines, hay là polysophianism. Chữ sophia thường được dịch là sự khôn ngoan, sự hiền minh, hoặc minh triết (wisdom). Triết học là một trong những bộ môn nghiên cứu sophia (xem sách trên, tr.256,260).

Theo Mikhail Epstein trong nhân văn học hiện đại đang diễn ra sự chuyển từ triết học phân tích (philosophy of analysis) sang triết học tổng hợp (philosophy of synthesis). Ông gọi đó là triết học mới (new philosophy). Hiện đang có “sự trở lại của triết học với minh triết” (Philosophy’s return to wisdom) và cuộc tương tác mới giữa minh triết với triết học đang diễn ra.

Mới đây, ngày 01/11/2014 tại Hội thảo khoa học “Triết học, Triết lý, Minh triết” do Trung tâm Minh Triết và Trung tâm Khoa học Tư duy tổ chức, tôi có trình bày quan niệm mới về triết học và minh triết qua công trình tiêu biểu của UNESCO: Triết học, một Trường học của Tự do (La philosophie, une École de la Liberté. Éditions UNESCO, 2007). Tôi cũng trình bày quan điểm của Đại hội Triết học Thế giới lần thứ XXIII tại Athens, Hy Lạp tháng 8 năm 2013 về “Triết học với tính cách là Minh triết thực tiễn” (Philosophy as Practical Wisdom), và quan niệm của Edgar Morin về Minh Triết như là “Nghệ thuật Sống” (L’art de Vivre), là “chất thơ” của cuộc đời.

Những thành tựu mới, quan niệm mới trên đây rất có ích cho chúng ta trong việc đặt và giải quyết những vấn đề triết học và minh triết quan trọng của đất nước trong thời hội nhập quốc tế hiện nay.

***Ngày cập nhật: 10/1/015***

(2). Bài Thơ:

**ĐẤT NƯỚC MÌNH NGỘ QUÁ PHẢI KHÔNG ANH**

Đất nước mình ngộ quá phải không anh  
Bốn ngàn tuổi mà dân không chịu lớn  
Bốn ngàn tuổi mà vẫn còn bú mớm  
**Trước những bất công vẫn không biết kêu đòi...**

Đất nước mình lạ quá phải không anh  
Những chiếc bánh chưng vô cùng kì vĩ  
Những dự án và tượng đài nghìn tỉ  
**Sinh mạng con người chỉ như cái móng tay...**

Đất nước mình buồn quá phải không anh  
Biển bạc, rừng xanh, cánh đồng lúa biếc  
**Rừng đã hết và biển thì đang chết**  
**Những con thuyền nằm nhớ sóng khơi xa...**

Đất nước mình thương quá phải không anh  
**Mỗi đứa trẻ sinh ra đã gánh nợ nần ông cha để lại**  
Di sản cho mai sau có gì để cháu con ta trang trải  
Đứng trước năm châu mà không phải cúi đầu...

Đất nước mình rồi sẽ về đâu anh  
Anh không biết em làm sao biết được  
**Câu hỏi gửi trời xanh, gửi người sau, người trước**  
**Ai trả lời dùm đất nước sẽ về đâu...**

**TRẦN THI LAM** (Hà Tĩnh)



---

### ( 3 ) . Nét cong duyên dáng của Việt tộc

( Văn Lang Vũ bộ: Kim Định )

#### 1.- Về việc lập viện khảo cổ Đông Nam Á

“ Năm 1976 UNESCO tổ chức tại Thái Lan một cuộc **hội thảo về khảo cổ miền Đông Nam Á**. Trong những vấn đề đưa ra có khoản bàn về những dáng hình và mô típ được tạo nên trong quan hệ với ý nghĩa nghệ thuật của người chế tác di vật với câu hỏi đâu là nét đặc trưng của Đông Nam Á? Hội nghị chủ trương năm điểm, trong đó hai điểm liên hệ tới nước ta.

**Một là khuyến nghị nên hợp sức với Hội Đồng Quốc Tế triết học và khoa học xã hội để thành lập một nhóm các nhà khảo cổ của Đông Á và Đông Nam Á.**  
**Hai là xin UNESCO lập viện khảo cổ chung cho Đông Á và Đông Nam Á.**

#### 2.- Sự cần thiết phải có Triết tham dự: Học, Hành, Lập, Quyền

Vào lới 1978-1979 tôi có đọc trong báo Times một bài của học giả nào đó đang làm việc trong văn hóa Liên Hiệp Quốc còn nói lại vụ này, tiếc rằng trong cảnh thị

nạn tài liệu tản mát hết chẳng còn biết ngày tháng tên tuổi liên hệ tới các điều ghi trên đây.

**Nhưng về ý chính và mục tiêu nêu lên thì đại khái là nhấn mạnh sự cần thiết phải có triết tham dự vì giả sử có lập được viện khảo cổ theo đề nghị cũng khó đạt được kết quả mong muốn, nếu thiếu sự tham dự của ngành triết nhất là triết Việt Nho, vì sự khám phá chỉ sẽ hạn cục vào đợt mỹ thuật, thí dụ về kiểu cách, dáng điệu, các loại hoa văn cùng là niên đại của hiện vật hoặc những liên hệ với các ngành văn hóa khác. □Bấy nhiêu điều tuy rất thú vị và cần thiết nhưng chưa vượt khỏi biên cương của những cái hữu hình để thấu vào hồn linh văn hóa, chưa nói lên được tại sao nét nọ kia là đặc trưng của miền ấy? Nếu thừa tại họ yêu thích như vậy thì xin hỏi tại sao lại yêu thích như thế? Thí dụ tại sao Tàu ưa thích hồi văn, tại sao các nét cong của Tàu nhỏ hơn nét cong của Việt. Tại sao trên các kiến trúc của Chăm có nhiều đường cong trên cửa sổ hơn bên Angkor Vat. Tại sao những đường nét của Việt lại bé nhỏ thanh thoát. Và nếu tinh tế thêm một độ thì sẽ đặt câu hỏi những nét thanh tú kia cũng như nét cong nọ có là những nét quan trọng hơn hết của Việt tộc chẳng? Nếu có thì tại sao? Đó là những câu hỏi thoát xem coi như lần thân do những người vô công rồi nghề nặn trán đặt ra chứ thường tình chẳng ai nghĩ tới. Cái đó đúng: văn hóa bao giờ cũng phải có giờ rảnh rang. Nhưng giả sử có giờ rảnh rang liệu có đặt những câu hỏi trên chẳng. Và nếu có đặt ra được, liệu có trả lời nổi chẳng, nhất là khi không thấy ơn ích đâu cả.**

Nhưng nếu bạn tìm về nguồn gốc dân tộc, đang tìm đâu là nét đặc trưng của Việt Nam để thành lập quốc học thì sẽ thấy đó là những câu hỏi quan trọng ít ra ở chỗ chúng có thể cung ứng chứng từ cho các lời quyết đoán rằng Việt Nam có bốn ngàn năm văn hiến.

Chính trong chiều hướng đó mà hôm nay tôi bàn về nét Cong và quyết rằng nét cong và thanh tú chính là những nét đặc trưng hơn hết của Việt nho, và đó là nét quý hóa vô biên: chính vì thiếu nó mà triết học Tây Âu đã sa vào những lỗi lầm chí tử khiến 25 thế kỷ triết học đã qua đi hầu như vô ích, phải làm lại toàn triệt.

Ngược lại vì có được nét cong nọ mà triết Việt Nho còn đang được nhân loại đặc biệt chú ý cho mãi tới nay vì nó tiêu biểu cho một đức tính, một khả năng là đã móc nối vào được với nền Minh triết, tức đã gây được nhiều hạnh phúc cho con người trong những điều kiện kinh tế hết sức eo hẹp. Tinh hoa mMinh triết nằm trong hai chữ uyển chuyển mà Nho kêu là Quyền Biến hoặc vắn tắt là Quyền được đặt trên cùng, sau ba bước: 1/ học, 2/ hành, 3/ lập, 4/ quyền.

Bước một là Học đã ít người bước vào nổi.

Thế mà đến bước hai là Hành còn ít nữa.

Thế rồi hành lung tung thì nhiều, chứ hành có Lập trường thì hiếm, thế mà trong số hiếm hoi đó lâu lâu mới nảy ra được một hai người đạt được bước Quyền.

**Quyền** là chi mà lại họa hiếm và được tôn quý như thế? Thưa đó là **biểu hiệu của sự hòa hợp cùng tột, là hậu quả của sự đúc lại hai hình Vuông cộng với hình Tròn xoe được nghệ thuật biểu thị bằng nét Cong.**

### **3.- Đúc Người: Đúc Tròn vào Vuông: Thời - Không nhất phiến**

Xin nhắc lại trong bài Đúc Người tôi đã bàn đến sự quan trọng của việc đúc: **đúc trống, đúc gương, đúc đỉnh với ý nghĩa sâu xa là đúc Người.**

Người là chi mà phải đúc? Thưa Người là sự giao hội của hai nét Đất Trời, nói theo cơ cấu là Tròn Vuông hay Ngang Dọc. Ai cũng thấy ngay đó là việc diệu vợi đúc sao được, vì là hai dạng thức khác nhau: đã Tròn thì thôi Vuông, đã 4 Góc thì thôi Tròn. Đúng lắm, vậy mà tất cả Đạo làm người lại nằm trong chỗ đúc đó, nếu đúc sai thì không ra người. **Nói khác Người là vật lưỡng thể: vừa có hình thể thù lù có góc cạnh, nhưng đồng thời lại có tinh thần bao la không mốc giới. Biết sống là biết pha hai thứ trái chiều kia cho đúng liều lượng. Liều lượng nói bao la trừu tượng là 2-3 nôm na nói là “ vài ba “. Kinh Dịch nói là “ tham lưỡng “ hay nói rộng là “ tham thiên lưỡng địa nhi ỷ số “. Xin nói ngay Đạo làm Người trở nên hiếm hoi, các triết đã thất bại trong việc đúc này. “**

*Cái Khánh ở Huế tượng trưng cho nét cong. Hình nét cong*



“ Thường thì các triết gia chỉ mãi bàn về những chuyện Trời Đất cho đó là cao cả, mà cao cả thật cao như Trời, rộng như Đất. Vậy mà lại là những vấn đề tương đối dễ: **vì chúng chỉ có một chiều: đã cao là cao, đã thấp là thấp, đã vật là duy vật, đã tâm là duy tâm, tha hồ mà múa bút, chứ nói đến chuyện vuông mà lại tròn, có mà lại như không, không mà lại như có thì đành xếp bút. Thế là triết lý trật đường. Nếu đi đúng nẻo thì phải bàn về con Người, về cứu cánh, về hạnh phúc con người, hết mọi con người.** Bởi vì con người là thành tích chói chang hơn hết của Trời Đất gặp nhau, giao hội. Việt Nam kêu là giao chỉ, là chỉ Trời chỉ Đất giao thoa, khoa vi thể nay kêu là **Thời Không liên tục** (Time- Space - Continuum). Thực ra muôn vật đều là công hiệu của Thời Không giao hội, của Đất Trời gặp gỡ, nhưng nơi con người là một tác nhân, một “ Tạo hóa “ tức cái gì cũng phải làm lấy. Sự pha độ này được hiện thực trong cụ thể bằng chữ Quyền, bằng sự uyển chuyển giữa hai bờ đối cực được biểu thị bằng Tròn Vuông.

**Sự thống nhất Tròn Vuông với nhau được biểu thị bằng nét Cong lượn. Cho nên nét Cong lượn là hình vẽ của chữ Quyền, là sản phẩm của lò Tạo hóa, của Thời Không, của Trời Đất giao chỉ. Phải nhận thức sâu sắc về nền móng vạn vật và con người như hai chỉ Trời Đất giao thoa mới nhận ra được giá trị của**

**vật biểu Tiên Rồng đi đôi, hoặc tiến thêm một bước nữa là bánh Tròn bánh Đất** ( bánh Dầy tròn chỉ số 3 (số pi), bánh Chung vuông chỉ 4 phương đất).

Đây là biểu tượng mà nội dung hay hệ quả là văn hóa Việt toàn nói về con người, về những gì liên quan tới con người: ăn làm, yêu thương, giao tế, buồn vui, hạnh phúc chứ không có bàn về sự Hữu, về sự hư Vô như trong triết lý Âu Á xưa kia.

**Trong các điều liên quan đến con người thì có một khoản được đặc biệt chú ý đó là Tình Duyên**

Mở bất cứ quyển ca dao nào cũng thấy liền đó là những câu tình duyên, yêu thương, gửi gắm ngày cũng như đêm:

**“ Đêm qua và bốn lần mơ  
Chiêm bao thì thấy dậy rờ thì không.**

Chi vậy? Thưa là sót sáng tích cực trong việc đúc đó. Đúc chi? **Thưa là đúc Người**, nó sẽ mở đầu cho hết các cuộc đúc khác, mà tổng quát hơn hết là Tròn Đất, Kinh Dịch kê bằng hai danh từ nặng về tác động là “ **Kiên Khôn** “. Kiên Khôn là nói cụ thể hơn về hai cột cái của cổng chào mà quan khách nào cũng như muôn vật đều phải đi qua: “**Âm Dương tương thôi nhi sinh biến hóa** “.

#### **4.-Quá trình hình thành nét Cong**

Thế rồi bỏ kinh sách để quay ra nhìn vào những điều quan trọng ta cũng thấy hai đàng đi đôi: như **đèn té Thiên thì Nền phải vuông, Mái phải tròn. Xe vua đi thì Thùng (xe) vuông, Mui tròn. Người quân tử phải đi Giày vuông đội Mũ tròn.**

□Trên đây dầu sao mới là những hình ảnh tuy rõ ràng nhưng còn đang ở thế sửa soạn đúc mà chưa đúc thực sự, nên Tròn còn là tròn, Vuông còn là vuông. Khi đúc rồi thì hậu quả phải là một hình thái mới. Vậy hình thái đó là chi? Thưa là **nét Cong** đó. ( *Hình chiếu của hình vuông ngoại tiếp trên một đồ thị* )

**Như vậy Cong là một hình thức xuất hiện do sự đúc Tròn với Vuông vào một, vì thế trong cổ nghệ Việt người ta thường gặp những đường cong lớn bao trùm hiện vật nên suy đoán ra được đó là sự nhập thể lẫm liệt của nền triết lý Thái hòa tức hòa Tròn cùng Đất: hòa Tròn với Vuông mà trở nên nhu nhuyễn (Trung Quốc dùng hai tiếng đó để dịch chữ mandala cũng có tròn vuông). Vậy mà nét Cong lớn lao nọ lại là của Việt tộc.**

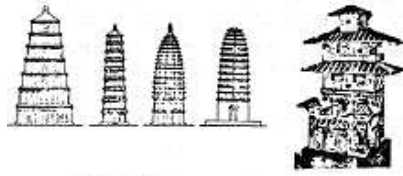
Câu này rất lơ mơ nên cần phải minh chứng, vì khi đi vào nghệ thuật thì đâu cũng có nét Cong hết chữ có riêng gì Việt tộc đâu. Nhưng nếu nhìn kỹ thì những nét Cong kia là hậu quả của óc thẩm mỹ mà không là hệ quả của triết. Cả hai đều do trực giác lành mạnh, nhưng ở nghệ thuật thì nó bàng bạc, còn ở triết thì nó trở nên ý thức nên đi vào nền tảng và xuất hiện cả vào những cái khó làm. Rõ rệt hơn hết là Mái Nhà Cong. “



## Hình Mái nhà cong



Mái nhà cong



Nhà Tàu mái thẳng, chỉ cong sau đời Đường

## Nhà Ngọc Lũ : chi tiết thuyền cong (trống Ngọc Lũ)



Hai chim



Một chim



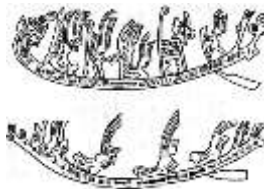
Nhà Hoàng Hạ



Nhà Quảng Xương

“ Đó là nét cong lớn và khó hiện thực, nhất là khi nhà làm bằng tre, vậy mà vẫn cố làm cho mái nhà uốn lên, cho đao đầu cong vất thì không còn là nét cong cầu âu, nhưng là một sự tính toán, một sự tìm cầu, để gửi gắm một ý nghĩ nào đó mà theo bầu môi sinh tinh thần thì đó phải là ý nghĩa của trời đất giao hội. “

### Hình Thuyền cong



Thuyền cong trong Hoàng Hạ.  
Chi tiết đầu thuyền cong (trống Ngọc Lũ)

“ Ngoài mái nhà thì đến thuyền cong, đó cũng là nét Cong lớn bao trùm toàn thể sự vật. Sau đến các **Phủ Việt thì lưởi đều cong**, vì đó là đồ dùng trong những việc tế tự, tức là rất trọng đại linh thiêng. Khi róc xác ông Cỗ người ta dùng dao Cỗ Ngô, có chỗ nói Câu Ngô để chỉ sự cong. Chúng ta rất có lý để suy đoán rằng những lưởi rìu xoè (cong lượn) gặp được ở Đông Sơn làm nên nét đặc trưng của nó

có liên hệ với những giao công này, nếu không phải là chính nó gọi là Phủ Việt, vì nó hàm ngụ số 2-3, 2 giao long giao tay, 3 người (hoặc vật) ở dưới. “



*Hình Lười riu xoè ở Đông Sơn*

*Lười riu xoè ở Đông Sơn, trên 2 giao long giao tay, dưới hình 3 người hoặc 3 con thú.*

Khi **bắn con cú người ta cũng dùng tên cong**. Vì cú là chim bắt hiểu ăn thịt mẹ, nên ý sâu xa là giống chồng con người cần phải diệt nó bằng vũ khí đã mang đậm tính người là tên cong.

“ Đọc những truyện như vậy ta thấy liền sự vô lý vì tên cong bắn sao được. Còn róc thịt thì dao nào đâu có quan trọng. Vậy mà đây lại quan trọng hóa bằng gọi **tên dao là Côn Ngô** vì hình dáng dao là Câu Ngô tức là cong, thì ta biết nó hàm ngụ một cái gì đó. Y như làm thẳng bớt tốn công hơn nhiều, vậy tại sao lại làm mái cong, cong đầu dao, thì phải hiểu tiên nhân muốn gởi gắm vào đó một ý nghĩa nào đây.

**Nếu ta lấy toàn khối văn hóa làm chân trời để có tiêu điểm thì sẽ quy định được đó là hậu quả của việc đúc Tròn vào Vuông: Tròn Vuông nằm trong thể lưỡng hợp mà trong nghệ thuật là nét Cong lượn, tức là hậu quả cuộc linh phối giữa những gì Có cùng với cái Vô biên tức giữa những phương tiện có chất thể chỉ bằng những hình có góc cạnh với hồn linh biểu thị bằng cái không có góc cạnh tức là tròn. Vì tròn nên dễ động cũng như không hiện hình, không thể xem thấy nên là linh thiêng. Những đặc tính đó (năng động và vô hình) chỉ trở cái gì linh thiêng và khi nó nhuần thấm xác thể (chỉ bằng vuông) thì làm cho xác thể trở nên nhẹ nhàng và linh thiêng hơn (tiêu biểu bằng sự làm cùn những góc cạnh) kết quả là hình cong lượn mà tiêu biểu lớn lao là đường cong giữa Âm và Dương trong Thái cực viên đồ. Đó là thứ vẽ lại “ quá trình “ hình thành của nét cong lượn. Vậy đó là nét đặc trưng của nghệ thuật Đông Nam Á. Ông Laurence Binyon nhận xét: khi tiến về phía Tây ta thấy khuynh hướng đặt nặng trên cái gì đặc, chắc, vững. Còn tiến sang Tàu và Đông Nam Á thì khuynh hướng đặt trên sự trôi chảy, lượn sóng, nhẹ như không khí (the spirit of man in asian art, Dover N.Y 1963, p.82). Chỗ khác ông nhận xét sự nổi vượt của Văn hóa Đông Á là hoà hợp với Thiên nhiên và đầy năng động tính như không muốn ở lại trần gian (Id p.27). Đó là nét đặc trưng của văn hóa Đông Nam Á mà Việt Nam là thủ chỉ.**

Vậy là đã đủ bằng chứng cũng như nền tảng để kết luận rằng nét cong lớn là của Việt tộc, hay nói là của Việt nho cũng được; nhưng **phía Tàu vì chứa nhiều chất du mục, nên nét cong thường xuất hiện nhỏ**, bằng những đường tia tốt, không hẳn vươn lên địa vị chủ đạo như bên Việt. Nhìn vào khảo cổ ta nhận thấy điều này: chỉ đến **những Trống đồng muộn về sau mới dùng hồi văn cùng nhiều đồ án hình học gãy khúc, còn trước thì chuyên dùng những đường cong lớn**: ngay từ thời Phùng Nguyên phong cách diễn đạt đã tỏ ra ưa dùng những đường cong lớn lao lấy hiện vật, hoặc những hoa tiết tạo nên bằng những đường Cong hầu như không mấy khi kết thành hàng dọc. Các nôi niêu phần lớn phình bụng mà đáy tròn có thể nằm trong liên hệ này.

**Đến giai đoạn Đông Sơn là giai đoạn có thể coi như đỉnh cao chót vót thì thấy các đường Cong lớn tập hợp lại và chạy quanh mặt Trống, thân Trống, và nhất là Thuyền Cong cả con chứ không phải từng phần nhỏ. Rồi tới Mái Nhà Cong, cong ngay từ lúc Tàu chưa có Mái Nhà Cong thì ở Việt tộc đã cong rồi.** Cái đình xưa (dân Bana kêu là Rong) bao giờ cũng có đao đầu cong vút. Những hình người Múa trong thẻ Nhún nhảy đó là một thứ Cong sinh động. Sau này ta thấy Hài các bà đi cũng cong mũi.

### 5.- Nét cong với nguyên lý Mẹ

Đây là chỗ tiện để nhận xét về sự liên hệ giữa nét Cong với nguyên lý Mẹ. **Nơi nào có đường Cong lớn là dấu còn nhiều nguyên lý Mẹ được coi như hồn thiêng để tắm nhuận những cái quá gãy khúc đến trở nên bết gay gắt.** Các bà ưa nét cong, cũng như Thân Hình có nhiều đường Cong hơn. Đó là dấu chỉ linh hồn các bà có sức thâm thấu xác thân hơn. Nói đàn ông thiên về vuông nhiều nên thua các bà về sự cân đối và hòa hợp (là nền của sự đẹp). Văn hóa Việt tộc giàu nguyên lý Mẹ nên ưa nét cong. Đây là chỗ cần bàn đến **luật Giao chỉ theo đó đàn ông Trong là Dương (Thể +) nhưng Ngoài lại là Âm (Diện -)**, nên có dáng dấp vuông gãy góc, còn **đàn bà Trong là Âm nhưng Ngoài lại là Dương** nên giàu nét Cong lượn, đẹp hơn đàn ông. Luật này được biểu lộ trong **hình Phục Hy Nữ Oa trong thế giao thoa thì ông lại cầm cái Củ (vuông) bà cầm cái Quy (tròn).**

### 6.-Phục Hy: Thể: Dương, Diện: Âm ; Nữ Oa: Thể Âm Diện Dương

Thoạt coi tưởng là sai vì Phục Hy là Dương tượng Trời lẽ ra phải cầm cái Quy tròn, để cái Củ vuông cho Bà (Âm) chứ. Đó là ta quên luật Giao chỉ. Đàn ông mê đàn bà (hoặc ngược lại) vì chỗ quên này: thấy đàn Bà đầy Dương nên mê như điên đảo. Chả là đàn ông cốt Dương nhưng sơn bằng Âm, nên lòng mê Dương, thấy các Bà trắng men Dương nên mê nhưng đem về cọ xát quá mạnh làm bong hết men Dương, trật lại còn có Âm, mới chán thấy mê.

Muốn tránh tai họa nạn cần phải luyện đức để lúc “ hết nạn vạc đến xương “ thì xương không còn là Âm nữa mà là **Âm đức** cũng gọi là cái Nết: có sức đánh chết cái đẹp.

Nhà uyên tâm **Karl Jung** đã hé nhìn ra luật Giao chỉ này khi tuyên bố **linh hồn đàn bà có giống Đực** (gọi là animus) còn **linh hồn đàn ông có giống Cái (anima)**.

Ông dùng hai chữ anima animus là Hồn này vì tiếng Âu Tây thiếu từ nên phải dùng chữ Hồn, chính ra không phải là Hồn mà là Vía: **Vía đàn ông giống Cái (anima), Vía đàn bà là Dương giống đực (animus)**. **Nếu ta chỉ Dương bằng linh hồn, còn Âm bằng thể xác thì linh hồn đàn bà xuất lộ nhiều hơn nơi thể xác (tinh anh phát tiết ra ngoài)**.

Theo triết gia **Ortega Y Gasset** thì **chính đàn bà đã thiết lập ra nền văn hóa hướng vào việc chăm sóc xác thân**: khởi đầu là sự trang sức thân hình, kế tới là sự sạch sẽ, tăng thêm bằng tinh chất của hoa hương, rồi kết hậu bằng phép lịch sự với những động ứng và điệu bộ vi tế. Chính cái xác thân được tâm nhuộm đậm chất linh hồn nạn là nền tảng làm nên sự duyên dáng cũng như giàu sức lôi cuốn đối với đàn ông.

### **7.- Văn minh Du mục và Văn hoá Đông Á**

Người ta nhận ra rằng những **họa đồ hình học là dấu chỉ đã đi vào lý trí, thiên trọng về đàn ông rất nhiều**, tức là yếu tố dẫn vào văn minh thành thị, có óc du mục chuyên chế, vì thế những nghệ thuật **ura đồ án hình học kéo dài và gãy khúc** thường đi với chế độ chuyên chế và thành thị y như hình vuông vậy: nó nói lên cái chi gãy gọn, thiếu sự uyển chuyển duyên dáng. Văn minh đực rựa của du mục ưa lý luận tranh biện.

**Văn hóa Đông Á ưa nghệ thuật** (thay vì logic thì học Kinh Thi) **đề cao lễ nhượng, coi tục lệ hơn cả luật tắc**. Một trong những lý do Mạnh Tử bị coi kém hơn Khổng Tử vì tính ông “ **khuê giác** “ (bắt góc, ưa bề bác) tức ít nguyên lý Mẹ hơn Khổng Tử. Nhóm vẽ mẫu nào đó gần đây chịu ảnh hưởng của mini jupe cứng cõi đã cắt ngắn cái áo dài của các bà các cô Việt Nam, coi nó cũn cốn thế nào ấy, mất đi biết bao làn sóng kiều diễm linh động của cái áo dài xưa lúc chưa bị ảnh hưởng cái váy ngắn của Âu Mỹ. Ở chỗ này ta có thể nhận xét **mấy tiêu biểu của Việt có phần thâm thiết hơn của Nho: đó là áp dụng Vương Tròn vào việc ăn như bánh Dầy bánh Chung**. Điều này hàm ngụ hai ý nghĩa: thứ nhất việc **đúc tụy** nói về sự **Vật** mà chính ra là nói về **Người**. **Người phải làm thế nào để cho hai chữ Trời Đất giao thoa nơi mình đúng liều lượng Giao chỉ (3-2) mới thực là con Người chân nhân.** “



### *Hình áo dài Thuốt tha*

Aó dài cụt ngắn làm sao tạo được nét cong tha thướt diễm ảo này ?

“ Thứ đến sự đúc biểu thị bằng sự Ăn, sự Tiêu hóa, tức Vương Tròn phải được tiêu hóa biến thể mới làm ra nét thứ ba. Vì vậy ngoài bánh Dầy bánh Chung thì còn có truyện **Trầu Không** nói lên sự đúc một cách sinh động: **cây Cau chỉ Trời, đá Vôi chỉ Đất, cây Trầu quán lấy cả hai**, vậy đã là nối kết, nay lại được người nhai ra hòa lại, hóa nên một thực thể mới là màu đỏ tươi như máu, ý nghĩa của sự đúc thâm thiết biết bao. Cho nên tiên Tổ đã dùng miếng Trầu làm đầu câu truyện đúc ra con Người. Thật là chí lý. Đến đây ta có thể đưa ra hai nhận xét một riêng một chung.

### **8.- Phân biệt riêng chung giữa Việt và Nho**

Riêng là giữa Việt với Nho thì ta thấy Việt đi sâu hơn như vừa nhận xét về việc ăn, uống, ở. Vì vậy mà ta thấy Việt ưa những hoa văn có đường cong lớn, cũng như hiện thực mái nhà cong, thuyền cong trước người Tàu. Tàu cũng ưa đường cong nhưng như đã nói thường là đường cong nhỏ bé. Về nhà trong Kinh Lễ có câu (608) “ phá ngung nhi ngọa hợp: phá góc để hòa hợp như ngôi “ (lợp nhà). Chưa hiểu tác giả câu nói muốn ám chỉ hình tượng nào, nhưng cứ xem chung thì đoán được đó là những sự hợp nhỏ bé y như một mái nhà gồm rất nhiều ngôi vậy.

Việt làm cong cả một mái nhà còn Tàu chỉ hòa hợp nhiều ngôi trong mái nhà. Đó là nhận xét riêng. Còn **nhận xét Chung** là đường cong không chỉ do lương tri hay khiêu thẩm mỹ, mà chính là biểu tượng của một **nền triết lý Thái hòa giữa Tròn Vương, một nền triết hàm hồ thượng thặng**. Lúc trước khi Đông Tây mới tiếp cận nhau thì Tây Âu đã đánh giá rất lầm khi muốn kéo văn hóa Việt Nho vào một duy nào đó. Thí dụ **bảo Việt Nho là Vô thần, phe khác cho là Hữu thần. Sự thực thì Việt Nho không Hữu không Vô, mà thuộc loại Cong tức là tham dư vào cả hai, cả Có lẫn Không.**

**Không mà lại có.**

Hữu nhược vô, thực nhược hư.

### 9.- Việt Nho: Đại biểu cho nền triết lý Hoà giải

**Bảo Việt Nho là duy nào cũng sai: không duy Tâm cũng không duy Vật nhưng trong Vật có Tâm, trong Tâm có Vật, “Âm trung hữu Dương căn, Dương trung hữu Âm căn “ . Đó là triết hòa Trời với Đất, hòa Vuông với Tròn, gọi kiểu khác là Giao chỉ: hai chỉ Trời Đất giao nhau.**

Áp dụng vào thực tế đó là triết lý ưa chuộng Hòa giải, lấy chín bỏ làm mười, tránh tuyệt đối hóa, tránh quan trọng hóa quá đáng một sự kiện, một biến cố, coi mọi sự trong thế biến động, nay còn mai mất, nên tránh lối sống khắc nghị, giữ tâm hồn thanh thản, tránh những lo âu phiền muộn: được thua cũng chỉ coi là gặp thời hay thất thời, tránh xa giai cấp, càng tránh xa hơn nữa giai cấp đấu tranh, thay vào là lễ nhượng kính tôn: lấy cách sống như chơi làm lý tưởng, uyển chuyển trong thái độ, uyển chuyển trong tâm hồn. Đây cũng là lý do tại sao tiền nhân ưa thơ, vì thơ là lời nói làm cho sự vật mất góc cạnh, trở nên chập chờn, biến thực ra mộng, mộng ra thực: âm u dạt dào như những bức tranh thủy mặc diễn tả cùng một tâm trạng: sự vật đã không có góc cạnh lại còn thường phủ lên bằng đám mây cong lượn. Tranh ấy cũng như óc sính thơ đều nằm trong ảnh hưởng của nét cong giao chỉ nọ.

### 10. Nét Cong thanh thoát: Kết hợp luật Tả nhậm hay “ Chí Trung hoà “

Xin thêm ít lời về **sự thanh thoát**: những đường chỉ nhỏ nét chạy dài có khi vòng bao cả sự vật là do luật Tả nhậm hay luật chí Trung hoà. Càng vào thì càng nhỏ, nhưng sức bao quát lại càng to. Cho nên nét Thanh thoát là hệ luận của nét Cong, nét Cong thành bởi sự cong tròn nuốt nét vuông mà thành cong lượn. Muốn nuốt được nét vuông thì nét cong Tròn phải đi vào, phải nhỏ lại tức hiện thực nguyên lý **có chí Trung thì mới chí Hòa**. Và đó cũng là con đường để hiện thực được nét cong lượn cũng như nét thanh tú cách đúng tinh thần.

### 11.- Việt Nho: Tiêu biểu cho nền triết lý Hòa hợp

Nhân loại đang đi tìm một triết lý Thái hòa nghĩa là không Tròn không Vuông để có thể hòa được Tinh thần với Vật chất, Đông với Tây, Đạo học với Khoa học mà hiện chưa tìm ra. Vậy xin giới thiệu cho tới nay mới có Việt Nho là loại triết lý thứ ba đó, nó không Hữu vi mà cũng chẳng Vô vi, nhưng là An vi với **đường Cong bao la như Vũ trụ: bao trùm lấy mọi cái góc cạnh**. Đó là nền triết cần thiết cho thời đại mới khi chân trời của mọi tri thức đều mở rộng. Nhớ lại thuyết tương đối đã minh chứng sự vô dụng của toán học hình học cũ trong cái vũ trụ quan mở rộng này, chỉ vì nó thiếu nét Cong bao la: theo hình học cũ thì hai đường chạy song song chẳng bao giờ gặp nhau. Đó là nói nhỏ chứ nói to ra vũ trụ hay Chí trên địa cầu, hai Chỉ cùng chạy lên bắc cực thì sức máy mà không gặp nhau. Cũng vậy triết học

cổ điển Tây Âu xây trên những ý niệm sự vật bé nhỏ không thể hòa hợp nhưng nếu đặt nó vào cái vòng bao la vũ trụ thì chúng sẽ hòa hợp được hết, nghĩa là chúng được chứa đựng trong cái vòng Thái hòa, cũng gọi là vũ trụ chi Tâm. Chính vì thế, nên triết Việt Nho nhằm lấy Tâm vũ trụ làm lý tưởng tâm hồn, tâm hồn phải mở ra bao la như vũ trụ để có thể nói 'ngô Tâm thiên thị Vũ trụ' thì sẽ nói được “Vũ trụ nội mạc phi phản sự” trong Vũ trụ không việc gì không phải là nghĩa vụ của tôi. **Cho nên nói được nét cong Việt tộc có thể dùng làm tiêu biểu cho việc kiến tạo nền Triết hòa hợp mà nhân loại đang mong tìm.** “

## *II.- Hiệt củ hay lối xử thế của người xưa*

### **1.- Định nghĩa Hiệt củ**

“ **Hiệt Củ: hai chữ lấy trong sách Đại học, có nghĩa là dùng Tâm mà đo người khác.** Chữ “ Hiệt “ viết như chữ Khiết (cùng chữ mà âm khác) có nghĩa là Tâm trong sạch lọc khỏi những ý niệm Bối vật, lấy cái Tâm đó mà đo người thì cũng như nói yêu Người bằng Minh, nhưng hai chữ Hiệt củ có hơi hưởng cơ cấu (do chữ đo đạc) nghĩa như sau: ý đó cũng được diễn tả trong câu sau: “ **Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân** “ . Điều mình không muốn ai làm cho mình thì đừng làm cho ai. Trên đây là một câu nói lên đạo xử thế rất phổ thông, nhưng thường được coi như của riêng Việt Nho vì có tên là Hiệt củ với lối trình bày gọn ghẽ và nhất là tiêu cực của nó. Tuy nhiên đến nay thì nó cùng với Việt Nho đã trở nên lu mờ, nhiều người không còn dám động tới, hơn thế nữa nhà “ cách mạng “ vĩ đại của Tàu là **Mao Trạch Đông đã đưa ra nguyên lý ngược lại là “ điều mình không muốn ai làm cho mình thì hãy làm cho người khác** “. Nhắc đến Mao chẳng qua vì Mao đã nhại câu cách ngôn trên, chứ có cộng sản nào mà không thi hành như vậy đâu. Tệ hơn nữa trên thế giới ngoài cộng sản, còn biết bao người cũng thi hành theo đó, nếu không vì vô tình thì ít ra vì không có tiêu chuẩn nào khác hướng dẫn, và rồi thấy làm như vậy cũng chẳng sao. Nói khác bất kể tới tiêu chuẩn hiệt củ mà rồi thấy đời cũng xuôi: cũng tiền tài danh vọng đầy đủ. Cần chi phải Hiệt củ, hay nói chung thì **chẳng còn mấy ai thấy tiêu chuẩn Hiệt củ là quan trọng. Vì thế bài này sẽ bàn đến điểm đó.**

### **2.- Sống cho no tròn để đạt hạnh phúc**

**Chúng ta đã bàn luận nơi khác về mục tiêu cuộc sống này là phải sống sao cho no tròn, sao cho phát triển hết mọi khả năng có thể được, cũng như đáp ứng được những nhu yếu, những khát vọng sâu thẳm nhất của con người, và khi đạt được thì dấu hiệu là sung sướng, an vui, nói gọn là hạnh phúc.**

Hạnh phúc cao hay thấp là phát triển được nhiều hay ít khả năng, đáp ứng được nhiều hay ít nhu yếu cao thấp. Như vậy kết luận được rằng cứu cánh cuộc đời này là đạt hạnh phúc, y như khi ta trồng một cụm hoa hay một cây trái ta mong cho cây

ra nhiều hoa trái hết cỡ có thể vậy. Hóa công với con người cũng thế, nên đã là người thì phải là người hết cỡ, mà dấu hiệu là được hạnh phúc, cho nên ta chắc tâm rằng hạnh phúc là một tiêu chuẩn giá trị: nói rộng ra là cái gì làm cho ta vui thích, giúp ta có cuộc đời thoải mái thì đấy là điều hợp cho tiêu chuẩn trên, nói kiểu thông thường đó là điều phải lẽ, hợp đạo:

### 3.- Đừng quấy phá lân nhân ngay ở việc nhỏ nhất

Khi ta cư xử với lân nhân mà ít nhất là không làm cho lân nhân bị khó chịu thì đây là bước đầu tiên. Ta không vắn ti vi ồn ào làm phá vỡ bầu khí an tịnh của lân nhân, không hội họp ăn nói bô bô mãi tới muộn giờ làm ngăn trở việc ngủ nghỉ của lân nhân thế là “đúng Đạo”.

**Đừng ngại hạ chữ Đạo xuống đến những phép lịch sự như vậy: vì Đạo cũng như Đời sống làm nên bởi những cái nhỏ nhỏ như vậy đó: cái sảy làm nảy cái ung. Biết bao cuộc hạnh phúc tan vỡ, bao cuộc đời khổ lụy truy căn ra cũng chỉ vì những cái nhỏ mọn làm nên. Vậy không làm cho ai khó chịu phải là bước đầu tiên, có giữ được mới không vô tình làm sút mẻ hạnh phúc của tha nhân.**

Bước thứ hai tích cực hơn liên hệ tới những người bó buộc ta phải có sự tiếp xúc cụ thể hơn, như thân nhân hay lân nhân vì vậy khó hơn nhiều vì **con người rất khác nhau ở sở thích**, cái tôi ưa đã vị tất là cái anh thích, do đó có muôn vàn lối cư xử. Nhưng nhiều tới đâu ta cũng có thể quy ra hai loại lớn: một là Nhân Nghĩa hai là Chủ Nô.

### 4.- Quan niệm về Nhân Nghĩa và Chủ Nô

Cả hai đều căn cứ trên quan niệm về con người, một coi Người như sự Vật, còn một coi Người như một thực thể riêng biệt, linh thiêng hơn vạn vật. Về quan niệm người như sự vật thì thực ra không có ai chủ trương rõ ràng như vậy, nhưng do cách đối đãi ta có thể rút ra hệ luận.

#### a.- Quan niệm Chủ Nô: coi con Người như sự vật

Thí dụ lối Chủ Nô phát nguyên từ quan niệm coi trọng sự vật, không dám nói là hơn con người, nhưng trong thực tế thì như vậy, quan niệm đó đã kết tinh vào câu nói của cộng sản là **hạ tầng kinh tế chỉ huy thượng tầng văn hóa**. Thực tế là xưa kia các xã hội La Hy căn cứ trên tài sản để đánh giá người:

có tiền đến trăm ngàn thì được quyền bỏ phiếu, không trăm ngàn nào thì không được bỏ phiếu nào. Đó là quan niệm căn cứ trên sức mạnh, do đó chính sức mạnh đã trở nên tôn chỉ của cuộc sống. Lại sống đi theo lối đấu tranh để sinh tồn, trong đó kẻ được thì chiếm đoạt nên có của và làm Chủ, kẻ thua bị tước đoạt phải làm Nô. Nô không là người mà chỉ là sự vật, Chủ muốn giết hay bán đi đều tùy ý như bán một đồ vật. Vì vậy tuy không nói rõ ra nhưng hậu quả là thế tục coi con Người như sự vật. Và xin nói ngay là chính quan niệm này đã chỉ huy các xã hội cổ xưa



và đổ khuôn mọi liên hệ của con người vào mối liên hệ duy nhất là Chủ Nô. Ngày nay liên hệ này không hiện hình rõ rệt nhưng nội chất vẫn còn, vì thế triết hiện đại gọi là “ **I-that** “: tôi với cái đó, “ Je et cela “.

Tất cả mọi người chỉ là cái “ that “ cái “ cela “ tùy quyền tôi quản lý. Khởi nói thì ai cũng thấy cộng sản nắm giải quán quân trong việc thể hiện tương quan I-that này, biến các xã hội nó cướp đoạt được thành các nhà tù vĩ đại khôn khổ khôn lường. Tất cả bấy nhiêu khổ luy đã xa hay gần khởi nguồn từ quan niệm Người như con vật, hay sự vật.

### **b.- Quan niệm Nhân Nghĩa: coi con Người như con Người**

Ngoài quan niệm người như sự vật thì có quan niệm Người như Người, mới nghe như nói quẩn, nhưng khi đã biết quan niệm người như sự vật thì mới thấy sự đặc biệt của quan niệm người như người vì **lõi giao liên của nó căn cứ trên Nhân Nghĩa** đặt nền trên hai yếu tố: trước hết là định nghĩa con người trên Nhân, Việt Nho nói “ **Nhân giả nhân dã** “ chính đức Nhân làm nên Người. Nhân là gì? Thưa là cái mà khi người nào có thì tỏ ra **Nhân tình, Nhân hậu, Nhân ái, Nhân nhượng...**Còn nghĩa là gì? Sách Trung Dung định nghĩa là “ nghi “ : “ **Nghĩa giả nghi dã** “. Chữ nghĩa do chữ nghi, mà nghi tối hậu là thuận theo Trời cùng Đất. Theo đó nói “ **Thiên Địa lưỡng nghi** “. Theo nghĩa thông thường là thích nghi: thích nghi với tình người: nó tùy hoàn cảnh mà khác nhau. Hoàn cảnh đó khi nói cách tổng quát và với con Người thì có 5 vị trí: **1/ vợ chồng, 2 / cha con, 3 / vua tôi, 4/ anh em , 5 / Bằng Hữu ( Đồng bào )**.

### **5.- Bằng hữu.**

Đây là nền tảng, còn khi pha trộn vào nhau cùng với thời gian không gian thì làm nên vô số trường hợp không thể nói hết, và lúc ấy cần đưa ra một nguyên lý thực tiễn để giúp đỡ đó là Hiệt Củ, dùng thước vuông mà đo: square measuring, nói đến vuông là nói đến cái gì có mốc giới, cụ thể, có một không hai trong lúc đó, nên chỉ có người trong cuộc có quyền quyết định, thầy dạy hay sách vở không thể thay thế được, vì thế phải **lấy bụng ta suy ra bụng người**. Đó là câu nói bình dân diễn tả đạo Hiệt Củ: điều mình không muốn ai làm cho mình thì đừng làm cho ai. Đó là khuôn vàng thước ngọc. Nhiều người cho đó chưa là cao vì còn tiêu cực. Tất nhiên rồi, nếu nói trong lý thuyết thì chưa đủ cao thật. Muốn cao phải nói kiểu tích cực là điều tôi muốn người khác làm cho tôi thì tôi phải làm cho người khác thế mới tích cực, mới cao trội hẳn lên. Tuy nhiên đây là nói lý thuyết còn trong thực tế thì khó vô cùng. Thí dụ tôi muốn người giàu san sẻ cho tôi ít tài sản, thì tôi cũng san sẻ cho người khác. Nhưng cho ai? Bao nhiêu?.. Nó kéo theo vô số vấn đề ghen tị (người có kẻ không) kẻ nhiều người ít, rắc rối vô kể. Vậy mà chưa hẳn trầm trọng cho bằng rất có thể phạm đến tự do tha nhân. Vì không phải bất cứ cái gì mình thích mà người khác thích, anh thích hot dog mà tôi đâu có thích, nay anh bắt tôi

ăn, tôi không chịu, anh giằng tôi ra nhét vào thì đâu có làm cho tôi sướng. Đó chỉ là thí dụ để chỉ sự áp đặt mà lối yêu tích cực cơ thể dẫn tới, như ta thấy trong chế độ cộng sản.

### c.- Cách yêu Người cuồng nhiệt của CS

Đừng ai nghĩ rằng cộng sản không yêu người mà phải nói rằng **cộng sản đã nảy sinh do lòng yêu người rất tích cực, họ bất bình vì thấy người bị tước đoạt, nên muốn chấm dứt nạn người bóc lột người, thế mà cuối cùng cộng sản đã trở nên những kẻ bóc lột người khác đến tận cùng, tước đoạt không những tài sản mà luôn cả ý nghĩ, cảm tình, những tình tự tư riêng thuộc bạn bè, anh em, cha mẹ. Ấy chỉ vì họ đã yêu theo lối tích cực: họ giằng người ta ra để lèn vào những điều họ thích: vô thần, vô gia tộc, vô quốc gia. Vậy có nghĩa là lối yêu tích cực rất dễ đổ ra quan niệm về người như sự vật tức yêu kiểu chiếm đoạt, coi lân nhân như một đối vật mà mình cần chiếm lấy để làm ra của mình, tức bắt kết mọi người khác phải đồng nhất mình cả trong niềm tin lẫn tình cảm, ý nghĩ, đường đi nước bước.**

### d.- Lối yêu Người dè dặt của Việt Nho

Đó chính là lý do tại sao **Việt Nho rất dè dặt không dám trình bày “Hiệt cử” theo cung cách tích cực.** Sách Trung Dung (13) nhắc lời Khổng Tử rằng:

**“Quân tử chi đạo tử, Khâu vị năng nhất yên:**

**Sở cầu hồ tử dĩ sự phụ, vị năng dã.**

**Sơ cầu hồ thân dĩ sự quân, vị năng dã**

**Sở cầu hồ để dĩ sự huynh, vị năng dã**

**Sở cầu bằng hữu dĩ tiên thi chi, vị năng dã**

Đạo quân tử có 4 điều mà Khâu này chưa làm nổi một:

Phụng sự cha như tôi mong cho tôi phụng sự tôi, điều đó tôi chưa đạt.

Phụng sự vua như tôi mong đại thần phụng sự tôi, điều đó tôi chưa đạt.

Phụng sự anh tôi như tôi mong em tôi phụng sự tôi, điều đó tôi chưa đạt.

Cư xử với bạn hữu tôi như tôi muốn bạn tôi cư xử với tôi, điều đó tôi chưa đạt.”

Tôi chỉ cố gắng hiện thực những đức thường thường: cần trọng những lời nói thông thường. Trong mấy khoản đó nếu có điều nào không đủ thì không dám không cố gắng, nếu có điều nào thái quá thì không dám không tận lực, sao cho lời theo việc, việc theo lời. Đó không phải là dấu chí thành của quân tử sao. Điểm khác thứ hai của **lối Nhân Nghĩa là nhấn mạnh trên Tình người mà bỏ nhẹ Lý sự.** Theo câu phương châm triết lý An vi: **Lý là lý sự mà Tình là tình Người.** Đó là câu nói đặc

biệt vì người duy lý thì đi theo quan niệm sự vật về người nên không trọng Tình. Cần phải đi lối tình mới trông hiểu được người vì con người làm bằng 1 lý 9 tình. **Muốn đạt Tâm con người thì phải đi theo lối Tình, Việt Nam quen nói Tâm tình là vì vậy. Không có lối nào phát triển tình cảm tự nhiên, trong trắng bằng tình cảm gia đình vì đây là những tình cảm tự nhiên cao thượng, khi đã thấm nhuần những tình cảm đó thì dễ dàng xử với mọi người đúng hiệt củ, tức gây hạnh phúc cho người.**

Chữ Hiệt củ Mỹ dịch là **square measuring** thì mới dịch có nghĩa đen. Chính chữ Hiệt cũng là chữ Khiết, là làm cho trong trắng cái thước đo, mà thước đo ở đây là bụng: **suy bụng ta ra bụng người, nếu bụng ta tốt thì sẽ cư xử với người tốt, tốt bụng hơn hết thì không đâu bằng sự đối xử với nhau giữa những người ruột thịt. Vì vậy lấy Tình nhà làm mẫu cho Tình nước, gọi vua quan là phụ mẫu chi dân chính là thế: muốn cho vua quan yêu cái dân yêu, ghét cái dân ghét.** Và khi vua quan đặt mình làm dân, và không muốn người cai trị làm cho mình những điều chi thì đừng làm cho dân những điều đó. Mọi mối liên hệ khác cũng rập khuôn như vậy. Đó gọi là Hiệt. “

### *III.- Ở đời*

#### **1.- Trống Đồng và hai chữ Hồng Bàng**

“ **Thiên Nga hay Hồng Bàng là họ Thủy tổ nước ta.** Trước kia tôi chỉ được nghe qua huyền thoại không cảm thấy mấy rung động, nhưng từ ngày tôi nhận ra nó liên hệ mật thiết với khảo cổ thì hai chữ Hồng Bàng bỗng trở nên óng ánh chói chang gây cảm xúc rung rinh tràn ngập, đã vậy còn mang theo cả hào quang của khách quan tính rất khoa học. Xin trình bày ít điểm sau đây: Khảo cổ nói ở đây là trống đồng Ngọc Lũ mà trên mặt có hai hình chim lớn đậu rợp nóc nhà sàn. Nếu chỉ **xem có Trống thì không mấy ý nghĩa, nhưng móc nối vào truyện Hồng Bàng thì giá trị tự nhiên bật nổi lên.** Trước kia Hồng Bàng chỉ là một hình ảnh tượng trưng, nhưng nay nhờ Trống đồng tôi thấy trực thị được hình ảnh về Hồng Bàng mà tiền nhân đã ấp ủ và tạc ra hình để lưu lại cho con cháu. Tôi thấy có một cái gì vững chắc dùng được làm bàn nhún có tính chất khách quan khoa học khiến cho cuộc ngoi ngược về Nguồn (tổ nguyên) trở nên đầy hứng thú.

#### **2.- Huyền sử tràn ngập Chim**

Thoạt đi vào huyền sử nước nhà ta liền nhận ra mình đang bước vào **bầu trời tràn ngập những chim là chim.** Trong khi quan sát ta thấy cả hai loại đáng chú ý: một là **chim Trĩ hai là con Hồng Hộc.** Tôi nói loại mà không nói thứ vì thứ là phạm vi điều học, hay cả khảo cổ, ở triết chỉ cần biết loại chim là đủ.

#### **a.- Việt Trĩ: thời thờ Mặt Trời ( Viêm Việt )**

Vây Trĩ là loại nổi hơn hết, lông được dùng để múa, để trang sức áo quần. Xưa áo các bà đều thêu hình chim Trĩ, lông nó kêu là Địch là Vũ, nên áo đó kêu là địch y, vũ y□. Vây loại này thuộc về Việt rõ ràng như câu sách Kinh Thư nói **Châu Từ công lông Trĩ ngũ sắc. Châu Từ là đất thuộc châu Dương của Di Việt cũng gọi là Hoài Di.** Theo sách Quảng Đông Tân Nghĩa nói “ **tuỳ dương Việt Trĩ** “ : con Trĩ của Việt đi theo hướng mặt trời mà hình ảnh còn tràn ngập trong trống đồng đi theo vòng ngược kim đồng hồ. Còn trong nghệ thuật là con Phượng. Phượng bao giờ cũng vẽ theo hình Trĩ, nên có thể **coi Phượng là Trĩ.**

### **b.- Hồng học : Lối sống nhập Thất ( điều tục ) của Văn Lang**

Sau Phượng Trĩ thì đến **Hồng Học** đứng tên cho Hồng Bàng thị của nước Văn Lang tức là Tị Tổ của ta đã nhận **Hồng Học làm Quốc điều.** Hồng Học là chim nước, con lớn gọi là Hồng, con nhỏ gọi là Học, cả hai thuộc loại chim chủ đề của Đông Nam Á. Hai chúng tích trên cho thấy huyền sử nước ta gắn bó với cả hai loại chim ngay từ đầu, từ lúc thờ mặt trời ghi lại bằng con “ **Việt Trĩ đi theo hướng mặt trời** “, cho tới lúc chuyển sang thờ Trời với chim nước mà **Hồng Học dẫn đầu.** Thiết nghĩ không những Tàu mà cả các chi Việt khác cũng không đâu có được sự gắn bó với chim như vậy. Có thể coi con **Việt Trĩ là giai đoạn Tổ tiên ta còn đang nằm trong khối Viêm Việt** lúc còn thờ mặt Nhật chưa tách ra thành một dân tộc riêng. Đó là điều chỉ xảy đến với nước Văn Lang được thiết lập vào giai đoạn thờ Trời (xem sự phân biệt thờ Trời và mặt Trời ở Sứ Diệp). Như vậy là ta có một điểm tựa nào đó rồi để **xác định lối Ở Đồi được gói ghém trong hai chữ Hồng Bàng.** Vây Hồng Bàng là nhà chim tức cha ông ta lấy “ **điều tục** “ làm **lối ở đồi của dòng tộc,** của Hồng Bàng thị. Điều đó tối quan trọng vì việc “ làm người “ một cách siêu việt, Nho giáo quen gọi **việc học làm người là xây nhà và việc thành Nhân là vào được Nhà** (nhập u Thái thất). Vây sự bước được vào thâm cung của nhà chính là hiện thực được đầy đủ tính Bản nhiên con người đại Ngã Tâm linh. Đây là ý tưởng rất sâu trong triết dã manh nha từ đời Hồng Bàng, thời nhận chim nước làm vật biểu và cố sống theo cung cách của chim là bay bổng.

### **c.- Lối sống bay cao ( siêu việt ) như Hồng Học**

Sau này gọi nước là Việt thì vẫn còn giữ liên hệ với ý tưởng ban sơ này, vì Việt có nghĩa là siêu việt, là bay lên cao như chim Hồng chim Học. Đó gọi là sống theo lối Chim mà Nho kêu là “ điều tục “, tổ tiên xưa đã bày tỏ “ điều tục “ bằng nhiều cách, nhưng cách cụ thể hơn **hết là lối ở nhà sàn,** vì nhà sàn giống với tổ chim hơn bất cứ kiểu nhà nào khác: chim làm tổ trên cây thì cái sàn cũng ở lưng chừng nhà. Chỗ này phải ghi lại truyền thuyết nói rằng ông **Hữu Sào làm nhà trên cây,** nên gọi bằng tên đó, vì sào là tổ, Hữu Sào là người “ có tổ. Hình ảnh này hợp cho nhà sàn hơn hết, nên suy đoán được ông Hữu Sào chẳng qua là tên tiên thiên đặt ra để

ghi việc sáng nghĩ ra nhà sàn, hay đúng hơn ghi việc gán nghĩa cho nhà sàn: một hình ảnh cụ thể hóa ý niệm **Người là trung gian giữa Trời cùng Đất. Trời chỉ bằng óc nhà có chim đậu trên, Đất chỉ bằng nền nhà, Người ở giữa gọi được là nơi giao chỉ** (giao thoa của chỉ trời chỉ đất). Đó là hình ảnh tiến bộ cho thuyết Tam tài Thiên, Địa, Nhân.

#### **d.- Sống trong Thái thất ( Tổ ) nên Chim biến thành Tiên: Tổ Tiên**

Chính lối ở quy định bản tính con người, mà tính thì biểu lộ bằng tên, nên ta gọi cha ông là Tiên Nhân tức nói lên lối ở đời của cha ông như Tiên. **Tiên đi với chim, nên gắn hai tiếng vào nhau thành ra Tiên Tổ** có nghĩa là **muốn nên Tiên thì phải ở ăn cách thanh thoát**, mà cụ thể chỉ bằng nhà sàn làm cho người ở trên giống như chim ở tổ. Con cháu đã ghi bài học đó bằng gọi tiên nhân của mình là Tiên Tổ, là Tổ phụ. Lâu đời quá không còn để ý đến chữ Tổ có nghĩa là nhà chim trước khi chỉ các bậc Tiên nhân: cao, tăng, cố, tổ. Chứ ban đầu theo ý nghĩa sơ nguyên thì mấy tiếng đó (nhà sàn, Tiên Tổ) mang đầy ý nghĩa rung rinh thăm thiết: **lối ở nhà sàn quy định tính con người biểu thị bằng tên (là Tiên, là Tổ, là Hữu sào) là như vậy.**

#### **e.- Tiên Tổ đã hoá trang Chim ( thể Đạo )**

Bây giờ xin hỏi thêm lối ở đó có ảnh hưởng đến vấn đề ăn mặc chẳng. Thưa có đó là **Tiên Tổ ta đã hóa trang chim**: áo, xiêm, mũ tất cả đều làm bằng lông chim, như ta thấy hình ảnh trong trống đồng những người trang sức bằng lông chim và đang cầm khiên, mộc, giáo, phách để múa (đã nói cặn kẽ trong quyển Sứ Điệp). Nên nhớ đời xưa tục múa bằng lông chim rất phổ biến, đến đời vua Thuần, vua Vũ cũng còn múa kiêu đó. Cả trường Bích Ung nhà Chu cũng còn múa như vậy, thì đủ biết cái nét đặc trưng nọ rộng và xưa biết bao: **hễ đâu có múa lông chim là đấy có “ Hồng Bàng chút giọt máu đào “ , có Xích Quỷ, có Văn Lang.** Không ngờ chỉ một cái tên, một câu tục ngữ lại trở nên chìa khóa vững chắc cho cuộc thám hiểm vào nền văn hóa nước nhà đến như vậy. Ấy là nhờ trống Đồng đã ghi lại chói chang hình ảnh cái nhà chim, với cuộc ca vũ của những người đã hóa trang chim. Nó mở chân trời cho ta bước đi vững vào khu rừng già của huyền thoại Trung Hoa cổ đại để biết đích xác hơn những chi tộc thuộc về ta, cũng như **chứng thực Nho giáo đã bắt nguồn tự Việt vậy.**

#### **g.- Tàu có chim Cú và mượn Chu Tước**

Trước hết về chim, với Tàu xét như vật biểu thị không thấy dấu nào rõ như Hồng Bàng. Tàu chỉ có mờ mờ về **chim Cú** xem ra là vật tổ của Hoàng Đế, còn không có một lâu đài rực rỡ đầy chim như trống đồng. Chỉ về sau có **chim chu tước hay hỏa tước đời Chu nhưng chắc chắn là mượn con “ tùy dương Việt trí “ của ta,** như khoa khảo cổ nhận thấy loại chim đó (quen gọi là chim nhà Hán cũng gặp ở

Bornéo) thì biết là mượn của Viêm Việt. Về chim nước thì rõ ràng là của ta. Các nhà nghiên cứu đều ghi nhận chủ đề chim nước là của Đông Nam Á. **Tàu chỉ có cá vẩy là duy Thủy. Phải gọi là chim nước mới là Âm Dương giao chỉ ( bay được trên trời mà vẫn sống được dưới nước ).**

### **3.- Lịch sử về Cái nhà của Tàu và Việt**

Còn nhà của Tàu thì có vừa mượn về sau, vừa không vươn lên đến độ triết lý Tam tài. Nói mượn vì mãi đến **thế kỷ 13 tr.c.n, thủy tổ nhà Chu là ông Đản Phụ còn phải ở hang.** Kinh Thi phần Đại Nhã bài Miên (237) nói: “ **Cổ công Đản phụ, đào phúc đào huyết, vị hữu gia thất** “ : ông Cổ Công Đản Phụ còn ở lò nung gốm và hang, chứ chưa có nhà. Đào phúc là lò nung gốm, còn đào huyết là hang khoét vào đất để ở. Do tính chất đất (loes) hoang thổ miền Thiểm tây có thể làm như vậy. Các nhà nghiên cứu đoán rằng chính loại hang này đã gọi ra **lối chữ viết chỉ nhà gọi là gia, kép bởi bộ miên là nhà và thỉ là heo:** vì lúc ấy người Tàu cũng như Âu Châu trung cổ còn nuôi súc vật chung trong một nơi với người. Xem thế đủ biết khi Nho nói về lối ở (cư) về nhà (thái thất) về tính con người thì đều khởi nguồn tự văn hóa Việt được phân tích như sau: Trong Nho có hai tiếng để chỉ nhà liên hệ đến vấn đề này một là Gia hai là Thất. Gia ( 家 ) là cái gì vòng ngoài chỉ con trai, chỉ thói tục (nhập gia tùy tục), còn thất chỉ con gái, chỉ cái gì thâm sâu như bản tính con người, nên câu “ vào được nhà: nhập ư thất “ phải hiểu là người khi đã đạt thân, tức hiện thực được nhân tính. Chữ thất ( 室 ) giống với nhà sàn ở chỗ có ba bộ miên, công, thổ (thực ra bộ phận giữa không rõ, nhiều học giả cho là chữ công biến thể). Như vậy dạng tự chữ thất thuận lợi để chở theo ý nghĩa Tam tài cũng như nhà sàn. Trong Kinh Thi (bài Si Hiêu) chim cũng gọi nhà của nó là thất, như vậy lại thêm một liên hệ nữa chỉ Hồng Bàng là nhà chim.

### **4.- Lối sống Ở Đời của Nho: Cư chi**

Sau nhà thì đến việc ở. Nho giáo cũng đặt vào đó sự quan trọng rất mực. Trong lễ gia quan là lễ khai mạc cuộc đời tự lập của con người, cha nói với con khi được nhận mũ phải biết ở chỗ rộng lớn trong thiên hạ tức biết hiện thực đại đạo:

**“ Cư thiên hạ chi quảng cư**

**Hành thiên hạ chi đại đạo. . “**

“ Cư chi “ được các học giả đồng hóa với chữ Tâm chí, tức để chí vào đâu gọi là ở đó, còn chữ hành đi với thân theo như Mạnh Tử phân biệt:

**“ Cư chi ư Tâm giả**

**Hành chi như Nhân giả.”**

Nghĩa là khi nói ở đời thì phải hiểu về cái Tâm tức về cái chỗ của mình để lòng vào. Vậy đâu là chỗ con người phải để lòng vào. Nói khác cái gì làm nên con

người? Cái ăn hay cái ở? Đây là chỗ rất lộn xộn, chúng ta thường nghe người này nói: anh ăn cái gì, anh là cái ấy: “ you are what you eat “. Còn Việt Nho xưa lại nói: “ **Vô Nghĩa vô Lễ hà dĩ vi nhân**“ : không Lễ không Nghĩa lấy gì để làm người tức **cái làm cho người ra người không phải là cái ăn mà là cái ở, ở sao cho có Nghĩa có Lễ**. Thiếu Lễ Nghĩa thì không có gì để làm người. Giữa những câu nói trái ngược đó chúng ta cần phân tích để tìm câu đáp ổn thỏa.

### 5.- Loại nhu yếu làm nên con Người

Ai cũng thấy rằng trong con người có hai loại nhu yếu một là ích dụng: Như **ăn, ở, đi, lại....** .

Hai là loại phi ích dụng như các loại tình tự, cư xử, **Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, Liêm Sĩ...**

Vậy trong hai loại đó, loại nào làm nên con người.

**Duy vật chủ trương là loại một, ngày nay gọi là kinh tế**. Đôi khi có dùng tên khác như xã hội, nhưng xã hội lại do kinh tế chỉ huy nên người vẫn là người kinh tế “ homo economicus “ .

Trái lại **Tâm linh sử quan đặt căn tính con người trên những đức tính phi ích dụng**: có thể tóm vào chữ Nhân. Vậy nói “ **Nhân giả Nhân dã** “ là khước từ vai chủ động trong con người không phải là Kinh tế mà là Tình người. Chính chữ Nhân mới làm nên con người chứ không phải cái anh ăn vào miệng. Nói vậy không có nghĩa là không chú ý đến ăn. Bài sau sẽ cho thấy ăn còn được Tổ tiên chú ý hơn các nơi: nhưng nói cho cùng Tâm trí con người chưa cần lưu ý đến cái ăn thì đã có dạ dày nhắc nhở, điều đó giống với các con vật khác cũng thế, nên đây không phải là **cái làm nên con Người, phải tìm ở chỗ khác: ở chỗ Tình người**. Đây là điểm một.

### 6.- Ba quan niệm về Bản tính con Người : Mạnh, Tuân và Cáo Tử

Điểm hai là trong các mối Tình người có hai loại là tích cực như Yêu thương quảng đại và tiêu cực như Hận thù, Oán ghét, ta hỏi loại nào thuộc bản tính con người. **Việt Nho cho là loại tích cực tức cái làm nên bản chất con người** là những đức tính cao cả những mối tình quảng đại, yêu thương, nhân nhượng chứ không phải những khuynh hướng ngược lại như căm thù, nham hiểm, độc địa.

Chính theo định nghĩa tiên thiên trên mà **Mạnh Tử đã cho Tính con người là tốt. Tuân Tử đã chống đối cho tính con Người là ác**. Nhiều người như **Cáo Tử không biết bên nào phải nên chủ trương tính con người trung hòa không tốt không xấu**, tùy uốn nắn mà ra tốt hay xấu mà thôi. Chủ trương như Cáo Tử là lối ba phải thường nghiệm không đi tới triệt để, nên cũng không tìm ra được tiêu chuẩn để phán quyết thế nào là tốt thế nào là xấu.

### 7.- Quan niệm dàn hoà giữa Mạnh và Tuân

Vì vậy cần đi xa hơn đến chỗ triệt cùng và lúc ấy ta nhận được điểm giàn hòa giữa Mạnh và Tuân. Tuân Tử cho là xấu vì căn cứ trên Hậu thiên, trên hiện tình con người thì quả là xấu có đầy. Kant cũng nói theo hướng Tuân Tử rằng con người làm bằng một thứ gỗ quá cong vẹo không trông làm nên được cái gì tốt. Mạnh Tử theo thuyết này, nhưng không triệt để nên ông còn trừ ra mấy thánh nhân như Nghiêu, Thuấn, nhưng học giả Legge đã chối luôn cả trường hợp ngoại lệ nọ, cho là không thể có dù chỉ một người trọn vẹn tốt. Legge có thể coi như đại diện quan niệm Hậu thiên của Tây Âu cho rằng con người vì mắc nguyên tội, nên đầu tiên thiên có tốt nhưng không còn phương thế tự nhiên nào lấy lại được trạng thái “ nhân chi sơ “ đó nữa. **Quan niệm của Mạnh Tử vì đặt trên căn bản triết lý Nhân chủ** nên cho là có thể lấy lại được. Theo đó ta cần xét tới **lập trường của Mạnh và Tuân.**

Vì chúng ta đang đi tìm một định nghĩa con Người tuy có lấy Thực tiễn làm trọng nhưng lại không bỏ qua tính chất Lý tưởng nên cần đặt vấn đề như sau: xét trong con người hiện tại xấu có tốt có = có cả lòng muốn yêu người, yêu hết mọi người, thích quảng đại, bao dung, nhân nhượng, nhưng đồng thời cũng có khuynh hướng ác độc, căm thù, báo oán, gian tham. Cả hai khuynh hướng ngược chiều đó đều hiện diện trong con người, nên Việt Nho cho người là nơi quý thần hội tụ. **Con người vừa là Thần vừa là Quý.** Và trong thực tế, chủ nhân của con người có lúc là Thần có lúc là Quý, tùy ý chí con người quyết định. Vậy xin hỏi cứ Tiên thiên mà xét thì chủ nên là Thần hay Quý. Nếu là Thần thì tức là bản tính con người chính là những đức tính nhân ái, bao dung, quảng đại, và đó là chủ trương Việt nho khi nói “ Nhân giả nhân dã “ .

### **8.- Xét Quan niệm: “ Nhân giả Nhân dã “ của Nho**

Vậy ta hãy xét xem câu trên có đúng chăng. Để thấy điều đó nên **xem trong con Người ý hướng mạnh nhất là gì: ghét hay yêu? Có thể nói đó là Yêu**, ai cũng muốn mọi người được hạnh phúc sung sướng, mà cụ thể là muốn mọi người được tự do, no ấm. □ Đó là điều rất rõ, khi xét các triết thuyết, các đạo lý, các đảng chính trị cũng như các phong trào bao giờ cũng thấy xây trên ý hướng yêu thương, đến nỗi như cộng sản hễ thở ra là phải nói đến căm thù, phá hoại, nhưng cũng chỉ coi đó là bước tuy cần thiết để dẫn tới giải phóng con người khỏi nạn bóc lột, khỏi nạn vong thân, nếu vậy thì **dự phóng căn bản cũng là yêu thương, cũng là tốt! Như thế cần phải tìm Bản tính con Người trong phía yêu thương quảng đại, công bằng, kính trọng tha nhân.** Mạnh Tử đã minh họa bằng những ý hướng vô vị lợi trong con người mà ông gọi là tứ đoan: 4 cái khởi đầu:

**Một là lòng Chăng Nỡ đối với người khác.**

**Hai là lòng Hổ thẹn khi làm lỗi.**

**Ba là lòng Từ nhượng.**



## **Bốn là biết Phải biết Trái (II.6)**

**Đó là những mối tình chớm nở một cách đột nhiên ai cũng có. Nó có tính cách vô vị lợi, thí dụ khi thấy đứa trẻ gần rơi xuống giếng tự nhiên ai cũng muốn cứu không cầu cái chi như sự ghi ơn của mẹ cha đứa nhỏ. Những tình cảm đó rất tự nhiên ở đâu và bao giờ cũng có như vậy, nên kết luận được đó là bản tính con người, tức là nó đã có trước khi con người được dạy dỗ như vậy, cũng như trải qua cuộc đời đầy nham hiểm độc ác mà những mối tình kia đâu bị chà đạp có khi tắt hẳn ở một số người nhưng nói chung thì nó không bị tiêu diệt, vẫn còn tìm cách vươn lên, vươn lên được nhiều hay ít là tùy hoàn cảnh mà Nho gọi là Mệnh.**

### **9.- Quan niệm về Mệnh của Việt Nho**

**Mệnh là những gì hạn chế khả thể hiện thực của ta: Nó đi cả với những đức tính vươn lên như Nhân Nghĩa, Quảng đại, nó không cho ta hiện thực những đức tính đó một cách đầy đủ như ý muốn: Mệnh cũng đi với những điều xác thân ta ham muốn như những thèm khát nhục thể cũng đều thuộc thiên Tính (thực, sắc, thiên tính dã) và đây là trường hoạt động đã dành cho mọi người. Con người phải làm thế nào để vượt qua những Mệnh, những trở ngại kia. Phải phân biệt thứ nào căn bản, thứ nào tùy phụ để biết đặt quan trọng đúng chỗ. Nếu đặt đúng để phát triển cái phần chính cốt làm nên con người thì sẽ là đại nhân, ngược lại là tiểu nhân. Việt Nho gọi đó là tu Tâm, Tâm cần được nuôi dưỡng bằng những mối tình yêu thương, quảng đại, bao dung, nhân ái.**

### **10.- Tu dưỡng Khí Hạo nhiên: Tâm, Chí, Khí**

Những mối tình cao cả quảng đại đó là những món ăn tinh thần nuôi dưỡng **cái Tâm cái Chí**, nếu nuôi được đều đặn thì nó sẽ lớn lên dần cho tới độ to bằng với vũ trụ, lúc ấy gọi là “**Vũ trụ chi Tâm**“, vì tâm mình to lớn đủ để bao dung khắp vũ trụ. Nguyễn Công Trứ nói “**Vũ trụ nội mạc phi phận sự**“ = không gì trong vũ trụ mà không là việc của tôi. Đây là phần Tâm cũng gọi là Chí, còn phần hiện thực bằng tác động thì được đại diện bằng cái gọi là Khí. Khí phải được nuôi dưỡng bằng những việc công minh chính trực, những nghĩa cử bất vụ lợi. Được nuôi như thế lại không bị hại nó sẽ lớn lên dần để trở thành Khí Hạo nhiên đầy khắp trong khoảng trời đất “**kỳ vi khí dã, chí đại chí cương, dĩ trực dưỡng chi vô hại, tác tắc hồ thiên địa chi gian**“ **Mạnh II 2. Với Chí Khí lớn lao như vậy thì gọi là Đại Ngã Tâm Linh hay cái Bản tính Tiên thiên của con Người. Đó là lập trường của Việt Nho, nó trung dung ở chỗ không gầy bỏ tính ác khỏi con người, cho rằng con người có cả ác, nói bóng là có cả Quỷ cả Thần, nhưng thần phải làm chủ; nói theo cơ cấu “vài ba“ thì Quỷ 2 Thần 3, 2 là Thực và Sắc, còn 3 là Tâm (chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài) với những mối tình cao thượng. Chính cái này mới làm nên con Người.**

Sở dĩ người ta ít thấy được vì bị hai nhu yếu dưới (thực và sắc) choán hầu hết năng lực. Nhưng nếu đáp ứng được hai nhu yếu kia rồi, thì người ta liền nghĩ đến điểm ba và dễ dàng nhận ra thiếu nó thì người không ra người.

**Như vậy Thần chỉ vượt hơn Quỷ một điểm, nên chỉ là Chủ tương đối, có thể bị lấn át, và đây là chỗ dành cho sự đóng góp của con Người, nếu con người đóng góp hữu hiệu thì Thần là Chủ, con Người sẽ có tính Thiện, tất cả mọi Người đều có thể trở nên Thiện. Đó là quan niệm của Việt Nho, trung dung tránh hai thái cực là cùng cực tốt hay cùng cực xấu.**

### **11.- Việt Nho đặt Đạo ở gần con Người**

Vì vậy Việt Nho không đặt Đạo ở rất cao xa vượt hẳn con người, nhưng đặt vào những mối nhân luân thường ngày, nói là Đạo của Nghiêu Thuấn tức hai vị được coi là thánh thì cũng chỉ tóm vào hai chữ Hiếu Đễ mà thôi. “ Nghiêu Thuấn chi đạo Hiếu Đễ nhi dĩ hĩ “ . Đó là đại lược quan niệm về con Người đặt vừa tầm sức con người để có thể hiện thực.

Sau khi đã nghiên cứu hết mọi nền triết lý, tôi đoán quyết rằng không phải bất kỳ Nhà nào cũng có thể đưa ra một hướng đi, một hướng ở đời. Phải, không phải Nhà nào, không phải House nào kể cả White House mà **phải là Việt House mới có thể cung ứng cho con người một nơi ở xứng hợp với bản tính con người**: nhiều nơi con người hoặc còn nằm trong bậc **Bái vật** thì làm chi có “ Nhà “ hiểu là Thái thất ba tầng. Nhiều nơi khác như Âu Mỹ lại đang luân quần ở vùng **Y hệ** nên cũng thiếu nhà luôn; cùng lắm có Gia, chưa có Thất nên kể là thiếu Nhà. Chúng có là tiếng homeless được nói vang lừng trong sách triết. **Người Việt chịu bỏ công ra học hỏi trở lại về nguồn gốc văn hóa nước nhà để nhận thức trở lại giá trị cái nhà Việt thì sẽ khỏi phải than phiền vì nạn “ thiếu Nhà “ mà chỉ cần dồn hết tâm lực vào việc trùng tu ngôi nhà Hồng Bàng Thái thất và cố gắng vào ở (cư chi) cho tới ngày đạt hạnh phúc là vào dựng trong nhà Hồng Bàng mà Nho gọi là “ Nhập cư thất “ còn Việt gọi là “ Vũ hóa “ trở nên có cánh, trở nên con Bạch Hạc vỗ đôi cánh thiên nga bay tuốt lên cõi Thiên Tiên Đại Vũ Trụ. “**

### *IV.- Ăn : phương thức sản xuất trong nước Văn Lang*

#### **1.- Khám phá lừng danh của Marx**

“ Một trong những điều đã làm **K.Marx** vang lừng danh tiếng kéo được vô số trí thức tận tình ủng hộ đó là việc “ khám phá “ ra rằng “ **con người cần phải có cơm ăn áo mặc nhà ở trước khi nghĩ đến chính trị, tôn giáo, nghệ thuật “** . Chính vấn đề ăn mặc gọi bằng tên tổng quát là Kinh tế nó chỉ huy Thượng tầng kiến trúc văn hóa.... **Lịch sử loài người toàn là truyện tranh ăn nên Thượng tầng Văn**

**hóa của nô lệ thường dân**, nói khác là Văn hóa của người bị trị, bị đàn áp do Văn hóa của kẻ thống trị. □ Đại để đó là những nhận xét đã được Engels gọi là khám phá vĩ đại, chính nó đã gây ảnh hưởng quyết liệt trên hoàn cầu, thúc đẩy mọi người hướng trọn vào việc sản xuất đầy đủ những nhu yếu về ăn mặc. □ Chính vì thế ta thấy Việt cộng lúc nào cũng nói đến sản xuất. Đang đêm đột nhập Lâm Đồng cũng hỏi Linh mục ở đây bác có sản xuất chăng. Đủ biết hai chữ sản xuất đã ám ảnh chúng đến mức độ nào. Đó là hậu quả của một cuộc “ khám phá “ do Karl Marx.

**2.- Câu nói đầu mỗi chót lưỡi của Dân Việt Nam: Có Thực mới vực được Đạo**  
Người Việt Nam đọc đến đây không khỏi ngỡ đặt câu hỏi tại sao một việc quá thông thường lại gây nên được hiệu lực lớn lao như kia. Có gì lạ đâu: bên ta dù em bé chăn trâu không đi học cũng thường ngao câu tục ngữ “ có Thực mới vực được Đạo “ tại sao câu nói của K.Marx xét về nội dung không khác lại được đề cao như một khám phá vĩ đại và đã gây ảnh hưởng lớn lao đến thế.

### **3.- Môi sinh văn hoá Âu Tây: Duy Tâm**

Để thấy điều đó cần phải nhớ lại **môi sinh văn hóa Tây Âu là duy Tâm** nơi mà triết lý là một ý hệ tức xây trên những ý niệm trừu tượng xa thực tế như vấn đề ăn mặc, vì vậy sự nhận xét của K.Marx quả là một “ khám phá mới lạ “, mới lạ với bầu khí duy Tâm của Tây Âu trước kia. Đây là điểm một.

### **4.- Cơ cấu văn hoá Âu Tây xây trên Lợi hành**

Điểm hai là Hạ tầng kinh tế chỉ huy Thượng tầng Văn hóa cũng có thực nữa: vì xét tới cơ cấu mới thấy **Văn hóa Tây Âu xây trọn vẹn trên Lợi hành, trên sự đấu tranh giai cấp và Văn hóa của Chủ đã thắng Văn hóa của Nô, tức những nền triết lý chính thức được nhận vào chương trình học tập hàn lâm: Plato, Aristotle, Kant toàn vô tình vào phe chuyên chế để dè bẹp Tự do nhân phẩm con người** (điều này mới nghe tưởng như trái ngược nhưng sự thực là thế, xin xem phân tích trong quyển Sứ Điệp Trống Đồng) vì vậy phải công nhận K. Marx đã nói rất đúng, nhưng chỉ đúng cho Tây Âu và cũng chỉ có đến đây, **còn về phương pháp đề ra là Duy vật Sử quan, Duy vật Biện chứng với nền thống trị của vô sản chuyên chính cũng lại sai lầm trầm trọng như giải pháp duy Tâm, để khỏi nói là gây tai họa bi thảm hơn nhiều:** nghĩa là dân chúng vẫn khôn khổ vì miếng ăn, mặc dầu đảng và nhà nước đã giết hại hàng trăm triệu người để thiết lập đường lối mới nhằm tạo cơm áo cho mọi người. Hãy lấy thí dụ cụ thể về nước ta khi **Việt cộng đã tiêu diệt cả triệu người để thiết lập Triết lý lao động vinh quang** mà toàn dân nước hiện đang đói như chưa từng khi nào có trong lịch sử, thì đúng là sự sai lầm của cộng sản rất trầm trọng. Xưa kia nếu đói có thể đổ cho sự thiếu chăm nom của chính quyền. **Ngược lại ngày nay chính quyền lo đêm lo ngày bắt dân**

**làm việc không còn giờ nghỉ, vậy mà lại đói khổ hơn thì đủ biết sai lầm không nằm trong sự thiếu đường hướng mà nằm chính ngay trong đường hướng.**

### **5.- Nguyên nhân sai lầm: Triết lý một chiều**

Đây là hậu quả của Triết lý một chiều Duy vật. Việt cộng đồ cho đủ thứ: Mỹ, nguy, thiên tai nhưng các nước cộng sản khác kể cả nước đầu số là Nga cũng chỉ cao hơn Việt cộng, chứ so với các nước Tự do thì mức sống còn thấp kém hơn rất nhiều. **Xin hỏi đâu là căn do của sự vụ trái ngược nọ: tức từ khi khám phá ra sự quan trọng của việc ăn uống và chú tâm tới thì dân lại đói dài? Thưa là tại triết lý.**

Xưa kia đói là do triết lý duy Tâm không lo cho dân còn nay là duy Vật lại chỉ lo có miếng ăn: bề ngoài chống nhau như nước với lửa, nhưng cả hai cùng nằm trong một bình diện, nên hậu quả nay với duy Vật cũng vẫn đấu tranh giai cấp, còn mở rộng thêm ra khắp vũ hoàn, thì hậu quả tất nhiên vẫn là Chủ Nô, chỉ đổi có cái tên: Chủ thành kẻ Thống trị còn Nô là người Bị trị. Người Bị trị tuy không còn bị gọi là Nô nhưng tình cảnh bi đát hơn nhiều vì **không những đói cơm đói gạo, mà còn đói tai mắt, đói chân tay, đói tình cảm, đói ý chí, đói sáng tạo v.v...**

K.Marx không sống đủ dài để thấy hết sự sai lầm của mình nhưng đã có lúc mở tầm mắt xa hơn, để thấy rằng Á Châu không hẳn đúng với cái khuôn của mình đã đề ra là Hạ tầng chỉ huy Thượng tầng, nên đã đặt ra vấn đề Phương thức sản xuất Á Châu, với ngầm ý là lịch sử loài người có thể đi lối khác với lối Giai cấp đấu tranh mà có lẽ Á Châu là một thí dụ.

### **6.- Lý do bất lực về phương thức sản xuất Á Châu của Marx**

Tuy nhiên K.Marx đặt ra vấn đề nhưng không tìm ra giải đáp nên sau bỏ qua. Có hai lý do bất lực.

#### **a.- Về Tâm lý**

Một thuộc **chủ quan là vấn đề Tâm lý**: nếu nhìn rõ ra được phương thức sản xuất Á Châu thì khám phá của K. Marx hết là “ khám phá “ mà chỉ còn là sự thực quá quen thuộc của Á Châu đã có từ nhiều ngàn năm lịch sử trước rồi, không để lại chi cho K.Marx khám phá nữa. Thứ đến sự thực nọ sẽ đánh đổ hệ thống tư tưởng Duy vật sử quan, nghĩa là trong nhân loại có **những nơi không theo Duy Vật cũng như Duy Tâm, thế mà tài sản lại được phân chia đồng đều hơn.**

Nếu vậy thì còn gì là chủ thuyết Duy vật sử quan. Hướng chỉ đối với cộng sản thì **đảng tính phải vượt trên Sử tính**: nói cho dễ hiểu là khi nghiên cứu lịch sử, Văn

công phải chú ý uốn nắn sự kiện theo chỉ thị của đảng hơn là theo ánh sáng khách quan của sự kiện.

### **b.- Về khách quan**

Về **phần khách quan** cũng không có gì trợ giúp cho cộng sản thấy được phương thức sản xuất Á Châu như thế nào. Trước hết vì cho tới nay chưa ai thấy nó ra sao: không nói chi đến các vấn đề cộng sản bị trói buộc do đảng tính, thì **chỉ có thể thấy một hai lối Trung ương tập quyền ở một vài nơi rồi mở rộng đại ra cho cả Á Châu.** Đây là phía cộng sản, còn **phía các học giả tự do** cũng lờ mờ nốt, hầu như chẳng ai ít ra trong phạm vi Triết thấy được cách sáng tỏ, thế mà có thể thấy được sự khác biệt giữa Á Âu, mới đáp được câu hỏi đâu là nét đặc trưng của phương thức Á Châu. Sau này thấy nền kinh tế Xô Viết vẫn không đủ khả năng nuôi dân, **Staline trở lại vấn đề và cho rằng phương thức sản xuất Á Châu ở tại tập trung sản xuất theo kế hoạch và sự kiểm soát của chính quyền.** Thế rồi đem áp dụng vào nông nghiệp của Nga: kết quả vẫn không đủ ăn và nhất là phẩm quá kém, thóc gạo thì mốc, khoai sắn thì thối mục. Có phải tại phương thức Á Châu đâu, đó chẳng qua là lối nhìn của cộng sản và một số học giả Tây Âu. Hoặc là chữ Á Châu quá rộng nghĩa bao cả Ấn Độ và Cận Đông. Nếu nói gọn vào Trung Quốc và nhất là Việt Nam thì phương thức đó trái ngược hẳn lại cái nhìn của Staline.

### **7.- Phương thức sản xuất của nước Văn Lang: Tự do Bình sản**

Vậy sau đây là tóm lược phương thức đó: như được hiện thực trong nước Việt cổ đại gọi là Văn Lang. Sở dĩ chúng tôi nói tới Văn Lang hơn là Trung Quốc là vì về vấn đề này Văn Lang chính truyền hơn, đang khi Trung Quốc phần nào đã bị bẻ quặt theo Du mục bắc phương, nên giống Tây Âu nhiều hơn. Vậy phương thức sản xuất Á Châu trong nước Văn Lang ở tại bốn chữ “**Tự do Bình sản.**” **Vì Tự do nên không có chế độ Nô lệ. Còn Bình sản là ai cũng được tham dự tài sản quốc gia theo định chế định kỳ quân cấp lại ruộng đất. Vì vậy không có Tư bản với Vô sản.**

### **8.-Gốc rễ sai lầm: thiếu Tâm linh sử quan**

Nhưng đó mới là hai hậu quả bên ngoài, còn gốc rễ của nó là chi? Chắc chắn không phải Duy Tâm sử quan, cũng không phải Duy Vật sử quan mà là một vũ trụ quan khác. Ta hãy đặt cho nó tên là **Tâm linh sử quan.** Theo nghĩa thông thường “**chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài**” hoặc nói vắn tắt “**có Thực mới vực được Đạo**” : Thực là ăn trở nên điều kiện tiên quyết để hiện thực Đạo. Tuy vậy theo Việt Nho thì **Đạo mới là phần chính, phần cốt cán của con Người, phần làm nên con Người.** Còn tài sản, hay nói đơn sơ là vấn đề Ở Ăn tuy rất cần nhưng đó chỉ là điều kiện mặc dầu là điều kiện bất khả vô, nhưng mới là phần ngoài: **phần**

**chính bản tính con người phải là Tâm linh. Tâm là chính cốt đến nỗi thiếu nó con người không thể giải quyết vấn đề Ăn Mặc.**

Như được chứng tỏ trong thế giới duy vật cộng sản nay, cũng như thế giới duy tâm của Tây Âu xưa, cả hai nơi chỉ chừng 20% dân là Chủ, là có ăn, còn 80% là Nô không có ăn, mà chỉ được nuôi sống như người ta duy trì những con vật để nó kéo cày, chứ có được vươn lên đến những tầng cao đâu. Ta có thể cảm nghiệm ngay trong mình điều đó: **chỉ khi hết bị dẫn vật về vấn đề sinh sống ta mới nghĩ đến được những vấn đề cao thượng thuộc Văn hóa. Nhưng nếu nghĩ đến Văn hóa đúng cách thì nó lại giúp rất nhiều vào việc mưu sinh. Nói vậy có nghĩa con Người là một toàn thể không thể cắt lấy một phần mà lo cho được, không thể cắt rời việc Ăn Mặc ra khỏi vấn đề Văn hóa Tinh thần để lo cho chu đáo hơn, trái lại nó sẽ tệ hại hơn rất nhiều. Muốn cho con Người có ăn thì phải lo đồng đều cả Ăn Mặc cả Tinh thần, nói theo Triết lý là lo cho cả Ý, Tinh, Chí. Chỉ lo một Ý sẽ dẫn đến tai họa.**

Xin mở dấu ngoặc để nói về trường hợp Mao Trạch Đông đã được tiếng là có óc sáng tạo mà không mù quáng theo K.Marx. Vậy tất cả sự “ sáng tạo “ của Mao là biết tựa vào nông dân Á Châu mà theo K.Marx chỉ còn có một vai trò lịch sử là chết đi để làm phân bón cho cây cộng sản. Mao đã làm trái hẳn lại điều đó. **Tuy nhiên Mao thành công không do cái nhìn của Triết mà là hậu quả của Lương tri:** sau khi Mao đã theo lối hướng dẫn của Staline dựa trên Thợ thuyền rồi thất bại tam tứ thứ mới quay về với Nông dân. Vì vậy với sự quay về đó Mao đã không đợi được tia sáng nào vào vấn đề sản xuất Á Châu cả.

### **9.- Đáp đề: Trút bỏ Đảng tính và 4 loại Giai cấp**

Biết đại để như thế rồi bây giờ ta hãy liếc nhìn cách Việt cộng tìm lời đáp cho vấn đề phương thức sản xuất Á Châu. Ta thấy chúng rất hăm hở về đề tài này, vì là đề tài đã được bàn tới rất nhiều trong thế giới cộng sản, và vẫn chưa tìm ra đáp số nên nếu Việt cộng tìm ra được lời đáp đúng thì lúc ấy chúng sẽ có một đóng góp ngoạn mục cho vấn đề nóng bỏng kia và lẽ ra chúng phải tìm ra được. **Là vì Phương thức đó đã hình hiện lên trong nước Văn Lang một cách chói chang, cũng như được bảo lưu qua bao thế hệ của Việt tộc cho tới tận đầu thế kỷ 20 này.**

Chỉ cần trút bỏ “ đảng tính “ tức trút bỏ thành kiến do Marx, Staline đã lèn vào đầu óc để xét lịch sử một cách khách quan sẽ thấy phương thức Á Châu, hay ít ra phương thức đó đã hiện thực ở Việt Nam ra sao. Muốn biết đặc tính của một phương thức sản xuất thì cần xem dấu biểu lộ ra ngoài rõ hơn cả, đó là vấn đề có Giai cấp hay không có giai cấp.

**Nếu có Giai cấp thì tức là có kẻ bóc lột và người bị bóc lột. Đó là liên hệ Chủ Nô. Hỏi rằng ở Việt Nam cổ đại là nước Văn Lang có Nô lệ chăng, có giai cấp chăng? Đây là chỗ lúng túng của Việt cộng nên chưa đưa ra được câu đáp khoa học.**

Để trả lời câu hỏi này, cần trước hết phải phân loại Giai cấp, để tránh tình trạng tiền đề nói về một sự kiện, đến tiêu đề hay kết luận nhảy sang sự kiện khác dưới cùng một danh hiệu. Theo đó ta thấy có đến bốn loại giai cấp:

**Giai cấp Giàu Nghèo Quý Tiện**  
**Giai cấp Cai trị và Dân gian**  
**Giai cấp kẻ Thống trị và người Bị trị**  
**Giai cấp Chủ Nô.**

### 10. Định nghĩa về Giai cấp

Thứ đến phải **định nghĩa thế nào là Giai cấp** mình muốn nói tới. Phải tránh hẳn lối nói khơi khơi thiếu định nghĩa, rồi sau thấy không ổn thì thêm đây những chữ **nhưng** vô duyên vào để sửa lại. Thí dụ Văn Lang có giai cấp nhưng chưa sâu sắc! Thế nào là sâu sắc, cần quy định mới là nghiên cứu theo phương pháp khoa học. Vì thế để chữa lại, chúng ta cần định nghĩa sơ qua thế nào là giai cấp.

#### a.- Giai cấp Chủ Nô

Theo mạch văn của cộng sản thì trên hết phải hiểu là giai cấp Chủ Nô, vì cộng sản là thuyết thoát thai từ thực thể Âu Châu quê hương của giai cấp Chủ Nô. **Vậy để có giai cấp Chủ Nô thì trước hết phải là một định chế nghĩa là có pháp luật theo đó Nô lệ không có quyền tạo mãi tài sản, không có quyền là người nữa, vì bị coi như đồ vật, chỉ có quyền đem bán hay huỷ hoại đi. Giả sử một Nô lệ bỗng nhiên trở nên giàu có, hoặc tài giỏi như triết gia Epictète cũng vẫn không được là người Tự do vì hàng rào pháp luật ngăn cản.**

Thứ đến **Tỉ lệ nô lệ phải lớn**, ít ra quá bán số dân vì đó là định chế nhà nước. La Hy xưa số nô lệ thường là 80% lên xuống tùy thời và nơi, nhưng rõ ràng là vượt quá bán.

**Đem hai điều đó áp dụng cho Văn Lang đều không có, nơi đây chỉ có sự kiện Nô lệ mà không có chế độ Nô lệ.** Vì không có chế độ nên số phận khá hơn rất nhiều, như được Chủ tin dùng, cùng đi đánh giặc với Chủ, nhiều khi còn được gả con và cất nhắc như An Tiêm là một mẫu đề. Vì vậy nên gọi là Nô tỳ hay tên gì khác và tổng số tất quá vài ba phần trăm dân số.

#### b.- Giai cấp Giàu Nghèo

Còn **giai cấp Giàu Nghèo chỉ là Giai cấp thông thường, không là định chế** và không bao giờ hay ở đâu tránh được, nó gắn liền với con Người vốn khác nhau về may rủi và tài cán, nên dù ở xã hội nguyên thủy cũng có giàu nghèo nếu không giữa Cá nhân thì giữa các Thị tộc bộ lạc, rồi nữa nếu có bao giờ cộng sản thực hiện nổi xã hội không giai cấp đi nữa thì vẫn cứ có người nghèo kẻ giàu, chưa nói trong dân chúng mà nói ngay giữa cán bộ với nhau. **Vậy giai cấp Giàu Nghèo không là**

**một phạm trù khoa học, không nên đem ra dùng khơi khơi được. Tư bản thì khác vì nó nằm trong xã hội Âu Tây căn cứ trên giai cấp Chủ Nô mất rồi, nên có thể dùng như phạm trù định tính. Còn Giàu Nghèo bên ta không thuộc loại đó.**

### **c.- Giai cấp Thống trị. Giai cấp Cai trị**

Về **giai cấp Thống trị** cũng không có bên ta. Để đáng tên là Giai cấp Thống trị không những phải có toàn quyền mà còn có **Tôn giáo và Văn hóa riêng cho giai cấp đó được dùng để đè bẹp Văn hóa đại chúng. Bên ta trái lại chỉ có một nền Văn hóa duy nhất của toàn dân**, do dân sáng tác và duy trì, đó là những Tục ngữ, Ca dao, những Truyện kể: vua tôi cũng ca múa như nhau, cũng thờ Gia tiên, Quốc tổ như nhau. Văn chương bác học cũng mức chất liệu từ nguồn suối chung đó, nên vẫn bám sát đời sống đại chúng, không làm gì có Văn hóa riêng cho Giai cấp thống trị, vì không có Giai cấp Thống trị, mà **chỉ có Giai cấp Cai trị**, là điều cũng tự nhiên: hễ đã có tổ hợp là phải có nhà cai trị tức phải có người ứng tác, điều hợp, ra mệnh lệnh. □ Vậy với **xã hội Văn Lang thì đó là Lạc Hùng, Lạc Tướng**. Không thể gọi Lạc Hùng Lạc Tướng là Thống trị, vì họ rất gần dân, họ giống với Quan lang trên Mường khi uống rượu thì Lang phải đối đãi dân tử tế, khi dân cần vay mượn thì phải cho dân vay, y như khi Lang túng thiếu phải vay dân vậy. Lang Liêu là con Hùng Vương cũng túng nghèo như ai, nếu thật thống trị đâu có thế. Tất nhiên không thiếu lạm dụng nhưng đó vừa là trường hợp ngoại lệ, vừa đến một chừng mực nào thôi.

Chỉ có **một điểm kém ngày nay là Cha truyền Con nói**, nhưng đời bấy giờ chưa tiên bố đủ, hoặc vì người xưa muốn tránh việc cướp chính quyền gây xáo trộn đời sống. Tóm lại không có Giai cấp nên không có việc dân oán hờn nhà cai trị, chứng cứ là trải qua nhiều ngàn năm Hùng Vương vẫn được tôn thờ; mới lên sổ sơ sơ đã có tới hơn bốn trăm đền điện ghi nhớ Hùng Vương, vợ con tướng tá. Những nhà nghiên cứu cộng sản coi bộ như quên mất chữ Cai trị, chỗ nào cũng thấy viết thống trị, cả đến chữ phục trong câu “Hùng Vương dĩ huyền thuật phục chư bộ lạc” cũng phải thêm tiếng thống phục vào mới yên mà lẽ ra phải dịch chữ thần phục mới đúng với mạch văn. Sở dĩ nhiều người (1) muốn Văn Lang có giai cấp là vì họ đã dính chặt mắt vào bộ tiền đề của K.Marx, Engels cho rằng mâu thuẫn Giai cấp là điều kiện thiết yếu để cho nhà nước xuất hiện. Nhưng ai cũng thấy đó chỉ là sự kiện của Tây Âu, cùng lắm thì là luật tắc của những nước miền Lưỡng Hà chứ không phải là luật phổ quát tức nhiều nơi không cần giai cấp mà bộ tộc cũng có thể bước lên nhà nước được vì còn nhiều công tác khác thí dụ những việc công như đê điều, chống xâm lăng, xử kiện, đều đòi chính quyền trung ương mạnh.

*(1) Nói nhiều người vì cũng có những học giả chủ trương Văn Lang không có nô lệ. Tuy nhiên vì khả năng luận lý và tinh thần chính xác khoa học không đủ sắc bén nên không đưa ra được lý chứng mạnh mẽ để thuyết phục đối phương. Tuy về các*



*phương diện nghiên cứu khác thì lẽ lối khoa học được thi hành một cách nghiêm chỉnh, nhưng về mặt suy luận thì tất cả còn ở đợt Ý kiến, và người mập mí đợt Tư tưởng còn vươn tới đợt Triết gia thì tuyệt nhiên chưa thấy bóng dáng.*

## **11.- Kết luận về phương thức sản xuất Á châu**

### **a.- Bình sản và Tự do**

**Theo những điều trên đây thì phải kết luận thế này là phương thức sản xuất Á Châu ở tại Bình sản và Tự do. Bình sản là ruộng để làm của chung làng xã rồi cứ định kỳ quân cấp cho dân, như vậy là xã hội không lấy tư sản làm căn bản, càng không tuyệt đối hóa quyền Tư hữu. Nếu có ít chút tư điền thì đó chỉ là sự lạm dụng, sự áp đặt do phong kiến về sau, không phải là nền tảng lúc đầu và cũng không lấn át nổi chế độ bình sản: tức ruộng đất chung bên ta vẫn chiếm phần đa số ít ra tới thế kỷ 19. Do đấy không có Chủ Nô vì ai cũng Tự do, ai cũng có tài sản cũng như có quyền Ăn Nói: hễ đến tuổi thì được vào Hội đồng kỳ mục.**

### **b.- Tâm linh sử quan: “ Thiên Địa vị yên, vạn Vật dục yên “**

Vậy nếu cần một ngữ thuật chỉ thị tình trạng đặc trưng nọ thì đó là **Tâm linh sử quan** bao gồm cả Trời và Đất mà Nho đã công thức hóa thành câu: “ **Thiên Địa vị yên vạn vật dục yên** “. Trời đất đặt cho đúng vị trí thì vạn vật sẽ được nuôi dưỡng. Điều đó Việt Nho đã đặt đúng theo thuyết Tam tài Thiên, Địa, Nhân, cả ba đều là vua, người cũng là vua. **Vua thực sự có địa vị. Địa vị đó rất cao cả tức đứng giữa Trời cùng Đất, nên có quyền thực sự:** quyền trên Vạn hệ mình, trên Thân xác mình cũng như Tâm Tinh Ý Chí của mình, không ai được xâm phạm tới. Khác với Duy Tâm nghĩ về con người như một thứ hồn ma bay lằng lằng trên không khí không cần phải nghĩ đến Ăn Uống, như vậy Người đâu có vị yên, Đất cũng không có vị yên. Lại cũng khác với Duy Vật chỉ nghĩ đến có miếng Ăn, còn bao nhiêu Tình cảm tâm linh bỏ hết như vậy đâu người có vị yên, Trời cũng đâu có vị yên, làm sao Vạn vật dục yên cho được. **Chỉ có “ vị yên “ là khi nói đến con Người như một vua trong ba vua.**

**Đã là Vua phải có chủ quyền nào đó về Tài sản. Nó là bước đầu bảo đảm cho bước sau như Tự do, Nhân phẩm, cũng như các động ứng phát huy các đức tính làm nên con Người toàn vẹn.** Con người toàn vẹn phải có cả quyền phát triển mọi khả năng của mình, thí dụ đức tính tiên liệu sao cho miếng đất mình cấy cấy kết quả tốt đẹp. Nội một việc tiên liệu đó đòi óc sáng kiến, điều động, dự trữ dài hạn ngắn hạn, chứ không như người trong công xã chỉ là một nô lệ bảo làm gì biết làm việc ấy lúc ấy, mà không còn biết gì đến ngày mai, hay toàn thể vấn đề ra sao. Làm thế nào cho ruộng tốt, cây giống lúa nào, thời gian nào, tích trữ ra sao cho khỏi mỗi một □ Cả ngàn điều phải tự liệu....

Chính những lo liệu ấy làm nên những bước chân đi trên con đường kiện toàn Nhân tính. Đó là những điểm then chốt mà sự chối bỏ chỉ gây tai họa. Các nước cộng sản đàn anh đã mở mắt dần. Khrushchev đã phải bãi bỏ luật cưỡng ép bán nông sản cho nhà nước; các nước Đông Âu đã phế bỏ hầu trọn lối canh tác cộng đồng. Trung cộng cũng phải bỏ dần các công xã. Đó là những bước đi lần về với phương thức sản xuất Á Châu. Tuy nhiên đó chỉ là từng mảng phụ bên ngoài do kinh nghiệm đau thương bó buộc phải sửa đổi, nên chưa đạt hậu quả tốt đẹp.

**Muốn đạt sự tốt đẹp thì phải đổi triết lý: từ Duy vật sử quan đổi ra Tâm linh sử quan, phải coi trọng con Người, mỗi con người với những nhu yếu thâm sâu của nó mà nhu yếu đầu tiên là Ăn Thực nhưng nhu yếu cuối cùng lại là ăn lời Tâm linh. Có vậy mới mong lâu dài. “**

## V.- Mặc

### 1.- Triết lý về mặc: Đỉnh Nhân lý Nghĩa

“ Đó có thể là câu nói tóm triết lý về cách Ăn Mặc, trang sức của tiên nhân. “ Đỉnh Nhân là đội lấy Nhân “ , nói kiểu khác đầu đội Trời. Còn câu chân đạp đất được thay bằng “ Lý nghĩa “, “ dẫm lấy Nghĩa “ tức đi theo Nghĩa, mà “ Nghĩa “ chỉ đạo lý (nhân) được áp dụng vào từng trường hợp. Nhân là đạo lý, còn Nghĩa là đứng trước trường hợp cụ thể thì phải áp dụng ra sao.

### 2.- Mặc ở giai đoạn thờ mặt Trời: bỏ ăn Vật Tổ, mặc Vật Tổ

Muốn xét về ý nghĩa cái Mặc của Tiên nhân phải trở ngược lại thời Văn minh. Xâm mình là bước tiến đầu tiên để trẻ ra khỏi **giai đoạn “ vật Tổ “**, **“ ăn Thánh “** hay lối **“ thông dự nhiệm tích “** (communion sacramentelle) tức thời kỳ thờ vật Tổ thì người ta ăn thịt con vật được thờ để được tham dự linh lực của Thần vật ấy. Đó là bước tiến thứ nhất ở tại **bỏ ăn Vật Tổ để mặc Vật Tổ**: thờ con nào thì mang sắc phục con vật ấy, thí dụ dân miền Altai (Thiên Sơn) thờ nai Chà thì xâm mình nai Chà. Có thể một số tiên Tổ rất xa xưa của ta cũng ở vào giai đoạn này, đó là giai đoạn thờ Mặt trời. Về phía **các bà là mặc Áo lông Trĩ**. Nhớ Trĩ là chim mặt trời, nên cũng gọi là Chu tước = con tước đỏ: đỏ mặt trời, quẻ Li.

### 3.- Mặc ở giai đoạn thờ Trời: Áo lông Ngỗng, xâm mình, xâm trán

Nhưng đến giai đoạn thờ Trời thì các bà lại mang **áo lông Ngỗng** (ngỗng trời cũng gọi là Thiên Nga) đó là bộ áo Tiên. Còn các ông không có da rồng để may áo, thì **vẽ hình Rồng trên mình**. Cũng trong đợt này nên kể đến **tục xâm trán** (điều đê). Đây cũng còn là giai đoạn mặc Vật tổ (trong đó có tục xâm mình) nhưng cao hơn một độ vì dùng đến hình vẽ, tức là tiến thêm một bước trong việc trừu tượng hóa, nhất là có một số bộ lạc xâm trán với màu xanh đỏ gọi là **“ xích văn lục tự “**: xích

là đỏ, lục là xanh, nghĩa là văn đỏ chữ xanh. Đây lại là bước tiến nữa lên **đến đợt cơ cấu Ngũ hành**, trong đó **xanh chỉ Đông, đỏ chỉ Nam**, tức hàm ngụ Triết lý của ta là Đông (số 3) và Nam số 2) cộng thành số 5, tức là Ngũ hành với cái Triết lý thâm sâu của nó. Chính ở chỗ này mà người ta thấy sự hiểu lầm được ghi lại trong sách Lĩnh Nam Trích Quái: là xâm mình long giao để khỏi bị giao long làm hại khi xuống sông bắt cá. Đó là tán phồng chùng không có gốc rễ. Sự lầm này khởi đầu có lẽ do một tác giả người Tàu là **Cố Dĩ Vương**.

#### **4.- Nhận diện chim Trĩ là di sản của Việt tộc**

Xin nói thêm về chim trĩ. Chữ Nho kêu là Địch. Địch là thứ trĩ có đuôi dài, lông ngũ sắc. Ngũ sắc Nho xưa kêu là hạ. Đôi khi đặt chữ Lạc trước thành Lạc Địch thì nghĩa là chim trĩ của Lạc Việt (Leg. III tr.105). Hoặc câu nói thông thường của Việt Nho là “ **Lạc Địch tập kỳ tả dục** “, con chim trĩ của Lạc Việt thu cánh bên trái lại. Hoặc câu “ **tuỳ dương Việt trĩ** “, con trĩ của Việt đi theo hướng của mặt trời. Trưng tới ba câu Nho để ghi nhận bốn điểm sau:

**Trĩ là chim của Lạc Việt.**

**Trĩ đi theo hướng của mặt trời.**

**Nó xếp cánh bên Trái lại.**

**Lông nó có Ngũ sắc.**

#### **5.- Ý hướng “ Thánh Nhân thể Đạo**

Cả bốn điều cần thiết để nhận ra di sản của Việt tộc gồm chim Trĩ có lông Ngũ sắc (tức Ngũ hành đi theo hướng Tả nhậm). Đoán được chính ở vào suýt soát giai đoạn này mà ta có thể đặt để **ý nghĩa cho nón chóp hình tam giác**, mà hình tam giác là một trong những tiêu biểu lớn của nhân loại **để chỉ thần minh hoặc chỉ mặt trời** (thay mặt thần minh) đối với “ dây vuông “ chỉ đất hay bánh dây bánh chùng. Khi nói đầu đội trời chân đạp đất thì có thể hiểu vào việc này.

**Hài cong** của các bà xưa là muốn cộng hai hình tròn (tam giác) với hình vuông vào thành một nét cong. Cũng trong chiều hướng này, ta có thể nghĩ đến các thứ nón hoặc khăn của dân ta: **khăn chữ nhất hoặc khăn chữ nhân** v.v□ đều nằm trong ý hướng hiện thực lý tưởng là “ **Thánh nhân thể đạo** “ = thánh nhân phải biết mặc lấy Đạo vào mình. Quần, áo, khăn, nón hiện thực sự mặc tiêu biểu để giúp tâm hồn mặc được đức tính thiện.

#### **6.- Mặc lấy cơ cấu Vải Ba ( 2 – 3 ) của nền Văn hoá**

Đến giai đoạn biết dệt vải để may quần áo thì giữ đạo lý vào kiểu áo 5 thân hoặc 5 cái cúc: xấp đặt theo số vải ba là số cúc trên ngực 2 dưới hông 3: làm nên Ngũ hành. Ta thấy nhờ bộ số vải ba mà Đạo có thể “ khảm vào “ rất nhiều vật dụng thường nhật như vậy.

## 7.- Sự lẩn át của Văn minh Tàu ( Hữu nhậm )

Bây giờ còn việc cái cúc áo thì cài bên nào? Việc tộc cài bên Tả gọi là Tả nhậm (tứ Di tả nhậm). Còn Hoa tộc cài bên hữu xin hãy gọi là “ **Hữu nhậm** “. Nhân tiện nên ghi vào đây là những chim nào quen xếp cánh bên tả như chim Lạc Địch, Tất Phương, Uyên Ương thì nên hiểu đó là những chim của Việt tộc. Về sau văn minh Tàu lẩn át nên bắt người mình phải “ hữu nhậm “ như Tàu. Mình yêu đành chịu vậy chớ biết sao, nhưng cố tìm cách gỡ gạc chút ít là dùng vạt áo bên tả đặt lên vạt áo bên hữu. Đó là một gỡ gạc gọi được là quan trọng vì nó có tính cách triết lý, tức bên tả là Âm đi trước bên Hữu là Dương theo thứ tự Việt là “Âm Dương: Tả đề lên Hữu “. Nhiều nơi cũng đắp vạt tả lên vạt hữu, nhưng xét đồng văn thì đó chỉ là một sự tình cờ do thuận tiện hay óc thẩm mỹ chứ không do triết, thí dụ thì người Tây phương đến Tàu, người Tàu thấy họ cài như vậy thì chê là trái cựa.

## 8.- Vững tin về Nguồn

Bài Mặc này tuy ngắn nhưng cũng có thể coi như **thí dụ rất chính xác của bộ số vải ba** (làm nên ngũ hành) nó giúp ta rất nhiều trong việc tìm về nguồn. **Việc Ăn Mặc của dân ta tuy chẳng có hình thể nhiều nhưng nhờ có bộ số đó mà ta theo dõi được quá trình hình thành và biến thể trong việc Ăn Mặc của tiền nhân xưa các khá xác định.**

Đáng lẽ đây phải nói đến bài “ **Nghê Thường Vũ Y Khúc** “ , vì đó là đỉnh chót vót của triết lý ăn mặc, nhưng vì đã nói đến hai nơi một trong Trống Đồng, chương V và hai ở bài Từ Việt Mễ tới Việt Thường. Vậy xin gửi tới hai nơi đó để chấm hết bài. “

### *VI.- Nói: Tính thể siêu linh của tiếng Việt Xét qua cơ cấu Vải Ba*

“ Tiếng nói là một phát minh rất sớm của con người. Có thể vì đó mà Hy Lạp “ **nói đầu trước hết có lời** “. Vì sớm sủa nên rất quan trọng nó mang theo những đức tính của nền văn hóa mà nó chuyên chở.

### 1.- Tiếng Nói bày tỏ Tính thể con Người

Bởi vậy nghiên cứu tiếng nói của một dân chính là xử dụng một chìa khóa đa năng mở vào nhiều kho tàng ẩn náu của nền Văn hóa ấy, thí dụ Nhạc tính trong **tiếng Việt tạo nên do Âm, Thanh, Vần, Nhịp** và đủ đề tài không những cho ngữ học là điều tất nhiên, mà luôn cho văn chương và cả tư tưởng nữa.

Hôm nay, chúng tôi thử bàn về điểm cuối cùng, tức về **liên hệ giữa Cơ cấu tiếng Việt và Việt lý xem hai đằng ăn chịu với nhau đến đâu.**

Trong các cơ năng hiển hiện của con người, **tiếng Nói bày tỏ Tính thể con Người nhiều hơn hết.** Con người được định nghĩa là nơi giao hội của đức Trời đức Đất, **tiếng Nói cũng vậy nó đứng giữa Vật chất và Tinh thần, vì thế nó chỉ còn có**

Thanh âm mà Thanh âm là cái đã thoát khỏi hình hài khí chất, nó là nhịp cầu nối Thể chất ở đợt Tinh vi cùng cực (thanh âm) với cái vô hình là Ý niệm và Tư tưởng. Chính do chỗ đó mà ta có thể xét xem Ngôn ngữ của một dân có tinh thần nhiều hay ít. Hãy nhớ lại câu định nghĩa Thần trong Kinh Dịch là Thần vô phương. Thần không ở nơi nào nhất định, thế có nghĩa là Thần có tính cách uyển chuyển, biến động và thấu triệt. □ Vật nào càng giàu thể tính năng động và thâm thấu thì càng giàu siêu linh tinh thần.

## 2.- Hai loại tiếng Nói: Cơ cấu và Ngữ luật

Theo tiêu chuẩn đó ta có thể chia tiếng nói của loài người ra hai loại: một loại đi theo Cơ cấu, một loại vâng theo Ngữ luật.

Theo Cơ cấu thì uyển chuyển và giàu khả năng thâm thấu. Theo Ngữ luật thì bị ràng buộc bằng cả một hệ thống mẹo luật gọi là Ngữ luật gồm Động tự, Danh từ, Quán từ (article), Giống, Số, Cách v.v... thì hợp tác nhau đóng khung câu nói xuống theo một cấu trúc Ngữ pháp nghiêm nhặt cột chặt các tiếng vào một ý nghĩa không thể hoán vị, hễ hoán vị là trật Ngữ luật và trở nên vô nghĩa. Có thể nói chung đó là các tiếng Âu Tây. Loại hai đi theo Cơ cấu thì không có những thứ như trên, không Thì, không Cách, không Số, không Quán tự, Trạng tự hoặc nếu có thì cũng đứng rời không ảnh hưởng nhau để dễ bề hoán vị mà cơ cấu chỉ định dạng mang theo ý nghĩa khác nhau tùy theo vị trí. Thí dụ “ vào được ” khác với “ được vào “. Đó là tiếng Tàu và tiếng Việt. Ông Burton Watson (1) nhận xét rằng Ngữ luật tiếng Tàu rất đơn giản chỉ gồm có Thực tự và Hư tự (full words and empty words) (chi, hò, giả, dã). Hư tự thường dùng như Quán tự để nối kết hoặc giải nghĩa, nhưng cũng thường bỏ luôn. Phương chi tiếng Việt với cơ cấu rõ hơn và Hư tự giàu hơn. (1) *Early Chinese Literature, Columbia Univ, Press N.Y.1962 p.146-170.*

Về Cơ cấu chỉ việc xem thí dụ với 5 tiếng dưới đây: hễ hoán vị một chữ là có ý mới.

Sao không bảo nó đến  
Nó đến sao không bảo  
Không bảo nó đến sao  
Sao bảo nó không đến  
Sao nó bảo không đến  
Không bảo sao nó đến  
Sao nó đến không bảo  
Không sao bảo nó (cứ) đến  
Nó không đến bảo sao

(Tôi nhớ láng máng xưa kia đã đọc thí dụ này đâu đó, có lẽ của L.M Lê Văn Lý thì phải và với nhiều xếp đặt hơn)

### 3.- Cơ cấu tiếng Việt

Quả là một sự uyển chuyển và năng động vô địch chứng tỏ trình độ cao cấp mà Việt ngữ đạt được trong việc đi đến cơ cấu. Lấy về đàng số mà nó thì Cơ cấu thượng thặng phải gồm ba bộ số: 2, 3 và 5.

#### a.- Năng động tính

**Số 2 nói lên tính chất năng động căn bản.** Muốn động phải có hai Hạn từ: Động bao hàm sự di chuyển từ A đến B, bước chuyển động cùng cực là từ Vô tới Hữu, từ Có tới Không, nên số 2 nền tảng phải là từ Có tới Không.

#### b.- Nhân chủ tính

**Số 3 nói lên Nhân chủ tính.** Vì Nhân chủ nên đứng ở giữa, không hề lệ thuộc vào hai thái cực nhưng độc lập như một chủ nhân ông. Số 2 là số căn bản có đầy trong Trời Đất giữa Sáng Tối, Đất Trời, Đục Cái, Cứng Mềm. Thế nhưng duy trì được số 2 trong văn hóa phải có một nền Nhân chủ mới đủ mạnh để duy trì, và sự duy trì được biểu lộ bằng số 3, nên **số 3 là số Nhân chủ, là số chỉ được đề cao trong văn hóa có Nhân chủ tính.** Chứ như trong duy Vật hay duy Tâm thì không có số 3 vì con người thuộc vào một trong hai bên, vào Trời hay Đất, duy Vật hay duy Tâm, và chỉ có Một tức nguyên lý Đồng nhất được đề cao rất mực. Còn số 3 bị gậy bỏ. Pháp gọi là tiers exclu = triệt tam. Tertium non datur.

#### c.- Tâm linh

**Số 5 là số ngũ hành** thành bởi 2+3 cũng gọi là “Vài Ba “ hay “ Tham Lương “ tức nói lên tác động cùng cực của con người. Muốn làm được tác động cùng cực thì phải là con người Nhân chủ (số 3) còn tác động cùng cực là nhảy từ Có tới Không, phải hiểu là cõi không u linh đầy tràn diệu hữu gọi là Tâm linh. Chính vì thế mà để tóm tắt thì quen nói **số 5 là số Tâm linh, hay là số Thâm thấu cùng cực.** Tóm lại sự uyển chuyển (do cơ cấu) nói lên sự thâm thấu cùng cực, thâm thấu biểu lộ tình chất Tâm linh (số 5). **Tâm linh biểu lộ bằng số 2 (từ Có đến Không) và tính chất nhân chủ số 3.** Chi tiết hóa như vậy rồi bây giờ chúng ta thử đi vào phân tích tiếng Việt.

### 4.- Tóm lược tinh túy

Đó là tóm lược tinh túy của bộ cơ cấu “ vài ba tham lương “ .

#### a.- Số 2

**Số 2 quan trọng như nền tảng được bàn trong bài Nét Song trùng (Kinh Hùng).** Đây là nền tảng tối quan trọng nên văn hóa nào thiếu nó thì sẽ gieo tai

**họa.** Hiện nước ta đang phải rên xiết dưới ách độc tài chuyên chế phi nhân của cộng sản thì cũng vì cộng sản thiếu nét song trùng. Bởi cộng sản là duy Vật.

**\* Tại họa đánh mất số 2 trở nên Duy Lý một chiều**

Chữ ấy nói lên sự thiếu nét Song trùng một cách công khai lộ liễu, nên sự hiểm độc, đi đến thái thậm. Chính cái độ thái thậm nọ làm cho nhân loại giạt mình mới nhìn nhận ra căn nguyên tai hại, chứ trong thực tế thì văn hóa Tây Âu đã đánh mất nét Song trùng từ khuya. Heidegger kêu là đánh mất nét gấp đôi (the twofoldness). Chính sự đánh mất này là nguyên uỷ sâu xa tại sao văn hóa Tây Âu trải qua 25 thế kỷ không sao kiến tạo nổi một nền triết lý Hòa giải, như chúng tôi đã minh chứng điều đó trong quyển sách mang tựa đề như trên và đề nghị ra một nền triết lý Hòa giải đặt nền trên Việt lý (rất tiếc bản thảo quyển này đã bị mất vào dịp tị nạn năm 75) là vì cuối cùng chúng tôi khám phá ra trong triết Việt có nét Song trùng nọ, nó hiện hình vào cùng khắp những gì quan trọng như vật biểu là Tiên Rồng, cai trị nước được biểu thị bằng bánh Trời bánh Đất, quê nước được kêu là Sông Núi v.v... cái gì cũng đi cặp đôi như thế.

**Vậy sự đi cặp đôi nọ cũng thấy nhan nhản trong tiếng Việt một tiếng nói gọi là độc âm, nhưng lại ưa đi đôi theo lối nhị âm một cách tràn ngập:** chợ búa, chăn màn, giường phản, làm lưng, ngồn ngang, hồ hởi, lè phè □ (Theo môn Việt Ngữ Lý (1) thì ban đầu tiếng ta đi đôi. Về sau chịu ảnh hưởng Tàu nên mới đi vào hướng một).

*(1) Mỗi khi nói tới Việt Ngữ Lý là tôi quy chiếu tới cụ Mai Ngọc Liệu người đã mở ra một trường phái riêng về ngữ lý học đặc biệt Việt Nam. Tôi đã được đọc một vài bài thấy các khám phá của cụ có nền tảng nghiêm túc. Xin chờ đọc cụ Mai Liệu để biết thêm về ngữ lý của ta.*

**\* Thực tự và Hư tự**

Thường thì không mấy người để ý đến lối đi cặp đôi đó vì tiếng nào trên thế giới chẳng có, thí dụ blanket, table thiếu chi. Nhưng khi nhìn lại liền nhận ra đó là tiếng đa âm nên cần cả hai âm mới đủ nghĩa, nói mar không đủ, phải thêm ket vào mới có nghĩa là chợ. **Còn tiếng Việt nói chợ là đủ, âm búa không cần cho ý nghĩa, thêm vào có thể coi là thừa, là Hư tự, có người cho là vô ích. Kỳ thực thì nó không còn nằm trên cấp vô ích với hữu ích, nhưng đã vươn vào vòng Trong.**

Trong bộ triết lý An vi tôi hay dùng chữ vòng Trong thay cho siêu hình, là vì vòng Trong tàng ẩn ngay trong sự vật, khác siêu hình đi luôn vào cõi ý niệm, kêu là lý giới như của Plato. Còn “vòng Trong” là cái gì vẫn nằm trong sự vật làm nên cái hồn, cái ý nhị của sự thể và như thế là diễn tả nét song trùng cách thâm thấu, nên ta còn nhận thấy tính chất thâm thấu đó ngay trong chữ cặp đôi được bày tỏ bằng nhiều lối.

**\* Liên hệ ý nghĩa**

Liên hệ ý nghĩa như nâng lên, hạ xuống, mở ra, đóng vào, chợp búa, tập tễnh mon men.

**\*Liên hệ lân cận...**

Liên hệ về lân cận, về liên tưởng như chăn màn, bát đĩa, giường chiếu, mâm bàn, nồi niêu, xoong chảo, viết lách, nói năng, ăn ở, điệu bộ....

**\*Lặp lại Nguyên âm**

Có khi bằng nguyên âm như ngâm nga, ngân nga, nét na (nguyên âm N), lập loè (L), đủng đỉnh (Đ), kêu ka (K)....

**\*Lặp lại Chủ âm**

Có khi bằng chủ âm như linh kinh (inh), khoác lác (ác), lão đảo (ảo). ..Có trường hợp đặc biệt về chủ âm iéc như học hiéc, thi thiéc, làm quan làm kiéc, láo liéc, ho hiéc, ốm iéc, phải đi xin eo phe eo phiéc, phút tem phút tiéc. □ Trên đây chỉ kể sơ qua một cách ngẫu hữ (cách hệ thống dành lại cho ngữ lý học) vừa đủ để chứng tỏ đó là một sáng tạo không phải là vô ích như có người tưởng, mà là tối quan trọng để diễn đạt nét song trùng của Việt Lý, hai mà một, một mà hai.

**b.- Số 3**

**\*Nền Nhân sinh quan Nhân chủ hùng tráng**

**Bây giờ xin hỏi hậu quả nét song trùng là chi? Xin thưa đó là số 3 chỉ nền Nhân chủ tức một nền Nhân sinh quan hùng tráng cùng cực đến độ Trời cao Đất thấp mà cũng có thể nắm giữ cùng một trật để làm nên “ cõi người ta “ ở giữa Trời cùng Đất. Nếu là thứ nhân sinh quan yếu hèn thụ động thì chỉ nắm nổi một bên: đánh mất nét song trùng và trở nên một chiều kích, một duy nào đó: vì chọn một bỏ một, chọn lý bỏ tình là duy lý, chọn trời bỏ đất là duy tâm, chọn Tư sản bỏ Vô sản là Tư bản, chọn Vô sản bỏ Tư bản là Cộng sản. □ Cứ thế mà giảng co chống đối, đấu tranh, đọc bên nọ mất bên kia, nên gieo tai họa cho con người vốn là một vật lưỡng thể (sống ở hai cấp bậc).**

**\* Khác biệt giữa Tây ngữ và Việt ngữ ( Le La và con cái. . )**

Văn hóa con người chia ra được hai loại lớn một bên có **nhân sinh quan hùng mạnh** thì sẽ Nhân bản hóa vũ trụ còn bên có **nhân sinh quan yếu ớt thụ động** thì tất sẽ bị Vật hóa, như triết học bàn về con người theo cung cách bàn về sự vật tức đứng cùng một bộ định đề và nguyên lý của sự vật nên người bị vật hóa, Mỹ kêu là “ man reified ”, như đã được nhắc tới trong tiếng người homme do tiếng humus là



đất bùn: cả hai tiếng cùng một gốc đất. Sau đây là mấy thí dụ nền tảng. Tây Âu gọi Trời là the **Sky**, Đất là the **Earth**, còn Việt Nam thì kêu là **Ông Trời, Ông Địa**. Thế là ta đã thấy khuynh hướng nhân bản hóa vạn vật lộ dạng trong chữ ông đặt cho Trời cho Đất. Hãy đi đến vài thiên thể lớn nhất là **mặt trời mặt trăng**, hai chữ mặt nói lên bóng dáng con người chiếu dọi tới trong chữ mặt: mặt trời, còn mặt trăng không những là mặt trăng mà còn có cả cưới xin nữa tức nhân bản hóa trọn vẹn. Trẻ con hát: “**Ông Trăng mà lấy bà Trời**” .

Câu này chớ theo bầu khí sơ nguyên của thời mẫu hệ lúc mặt trăng còn nắm chính quyền kêu là ông trăng, về sau đến thời phụ hệ thì ông trăng trở nên bà nguyệt. Như vậy kể có phần mát mát nên dân gian an ủi bằng cách rút tuổi đi và kêu là cô Hằng, đã vậy còn yêu cô ra rĩ.

**Tôi yêu cô Hằng  
Đêm xưa xuống trần  
Mình ơi tình ơi.**

Nhưng thôi yêu em anh để trong lòng để anh xét tới các vật khác. Vậy khi xét tới cách kêu tên các vật ta thấy sự khác biệt lớn giữa Tây ngữ và Việt ngữ. Ta thì kêu là **cái là con**, cái bàn, cái bút, cái nhà con gà, con cá, con trâu. **Tây thì lại chú ý đến đực cái trừu tượng**: le monde, la table v.v, sự khác biệt này nói lên nhiều nét đặc biệt, mà điểm đầu tiên là tiếng Âu Tây quá ước định, thí dụ nói la table giống cái thì căn cứ vào chi mà bảo cái với đực. Thứ đến là **vụ giống** cái thì tiếng Pháp phải thêm “ e câm “ (e muet). Nếu theo cụ thể thì e câm phải cho vào giống đực. Các bà nói nhiều thì e nói chứ sao e câm? Hay là có ý bảo các bà phải “câm đi” theo cung cách duy dương độc chiếm, đàn áp đàn bà?

*\* Thứ tiếng sống Hiện và sống Ẩn tạo nên mối liên hệ Vạn vật nhất thể*

Ngược lại tiếng Việt thì có nền tảng **đàn hoàng** vì căn cứ trên sự sống hiện và sống ẩn. **Sống hiện** kêu là con: con gà, con vịt, con chim; **sống ẩn** kêu là cái: cái nhà, cái bút, cái bàn. Đây mới là nét xét vòng ngoài chứ vòng trong còn lắm điều hay kinh khủng. Trước hết nên nhớ **chữ Cái xưa kia có nghĩa là Mẹ** như câu Con dại thì Cái mang (tội). Như vậy hai tiếng **Con Cái** nói lên mối tình thâm thiết nhất trong loài người được đem dùng cho sự vật. Đó là tang chứng không những Nhân bản hóa vạn vật mà còn đem đặt vào đó mối liên hệ bao la và sâu thẳm nhất, nên vạn vật được ràng buộc với nhau như một thân thể, mà **nhờ kêu là “ thiên địa vạn vật nhất thể ”**. Chính quan niệm nhất thể này gây nên môi sinh tinh thần công thể (esprit communautaire) mênh mông không những bao trùm nhân loại không phân biệt Chủ Nô, mà còn tỏa ra khắp vũ trụ đến nỗi Nguyễn Công Trứ đã nói được “ **vũ trụ nội mạc phi nhân sự** “ = trong vũ trụ không có chi không phải là phận sự của ta. Nó khác biệt bao với cá nhân chủ nghĩa, mọi cái rời rạc xa lạ như

Albert Camus đã nói đâu đó rằng: tôi cảm thấy tôi xa lạ với vũ trụ, với Thượng Đế, với tha nhân và hơi ôi với chính tôi nữa. Điềm hai nó dính dáng đến lịch sử, lúc Mẫu hệ nhường quyền cho Phụ hệ. Ở thời mẫu hệ thì Cái chỉ vật sống hiện như câu:

**Cái cò cái hạc ( vạc ) cai nông.**

**Sao mày nhô lúa ruộng ông hỡi cò?**

Nhưng đổi sang phụ hệ thì cái lui vào hậu trường để chỉ những gì có cái sống ẩn tàng. Huyền sử nước ta chỉ thời quá độ bằng truyện 50 con theo Mẹ lên núi lập ra nước Văn Lang và chia nhau cai trị thay Mẹ. Còn Mẹ rút vào trong nắm lấy cái “ công bà “ với chức nội tướng và từ đây thì vật sống ngầm kêu là cái: cái bút, cái chén, cái nhà, còn vật sống hiện thì kêu là con “ con cò bay lả bay la “.

**\* Liên hệ giữa Tư tưởng và Ngôn ngữ**

Trên đây chỉ là cái nhìn thoáng của triết, vừa đủ để đặt ra nhiều vấn đề bàn luận để gây sinh động trong lãnh vực văn hóa, cũng như để nhận ra **mối liên hệ giữa tư tưởng và ngôn ngữ: cả hai cùng một nét song trùng y hệt. Nếu tư tưởng là Tiên Rồng, Sông Núi, Đất Trời, Mẹ Cha, thì ngôn ngữ cũng thích đi cặp đôi: chẵn chiếu, ngân nga, lê phê, ve vãn. Nếu tư tưởng là Nhân chủ thì tiếng nói cũng thế, từ ông Trời, qua cô Hằng cho đến cái cò, con tôm, cái nôi, cái cháo đều mang ấn tích con người. Đó là hai bước song trùng và nhân chủ hay là nhíp vài ba 2-3 hoặc tham lưỡng : 3-2.**

**c.- Số 5**

**\* Con số “ Thiệp đại xuyên**

Bây giờ xin bàn đến số 5 hay hành ngũ, nó bao trùm tiếng ta bằng **5 dấu: huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã.** Tại sao tiếng ta lại được tràn hợp bởi số 5?

**Ý nghĩa sâu xa nằm ẩn trong hai chữ hành ngũ.** Hành là hành động vì đây là đợt cơ cấu nên phải nói tới hành căn để, vậy hành đó là bước vào cung ngũ mà theo cơ cấu là “ **hành vô hành** “ , “ **địa vô địa** “ tức là An vi = theo nghĩa không còn đối tượng, đi đến chỗ “ **vô thanh vô xứ** “ . Cái bước quan trọng đó Kinh Dịch kêu là “ **thiệp đại xuyên**” sang qua sông lớn, nhà Phật kêu là “ **đáo bỉ ngạn** “ vì thế càn thuyền bát nhã, mà trong Trống đồng là thuyền Rồng là thứ “ **thuyền tình bẻ ái** “ cùng cực để nối Trời với Đất.

**\* Ngũ hành ( 5 ) với Linh cổ ( 3 – 4 )**

Vì thế xa xưa trống Linh Cổ có 6 mặt và có cái cả 8 mặt. 8 mặt chỉ Trời (8 gió của Kinh Dịch) 6 mặt chỉ Đất (lục phương). (1) Thứ trống này gọi là **Linh Cổ** được nói đến trong sách Mục Thiên Tử truyện, chương 5. Linh Cổ có 6 mặt nhưng cũng được trình bày như trống kép 3 (6 mặt) và được dùng để tế thần Đất (nhờ Thổ

Bá có ba con mắt). Còn trống 8 mặt cũng gọi là **trống Sấm** để tế Trời. Lẽ ra 6 Trời 8 Đất hay 3 Trời 4 Đất chứ sao lại 8 Trời 6 Đất. Thừa ở đây theo luật Giao chỉ là theo Dụng mà không theo Thê (Thê viên Dụng phương, thê Âm dụng Dương) **3 trời Dương nhưng Dụng 4 Vuông. 4 Đất Âm nhưng Dụng Dương.** Vì luật giao chỉ đó mà Phục Hy Dương lại cầm cái Cù Vuông, bà Nữ Oa Âm lại bồng cái Quy Tròn (diễn nôm là ông giò miếng chả, bà giả miếng nem, nem Thủ Đức gói khá tròn!). Còn nhiều rắc rối khác nên không lạ con cháu mất trọn ý thức về bộ cơ cấu uy linh của mình. Chúng tôi đã cố tìm lại dấu vết trong hai quyển Kinh Hùng Khải Triết và Sứ Điệp Trống Đồng. Nhưng xin hỏi **6-8 liên hệ với Ngũ hành chỗ nào?** Thừa đó là liên hệ ngầm có đầy trong các số cơ cấu là loại số cũng đầy uyển chuyển linh động. **Vậy 6-8 cũng là 3-4 (cặp đôi) mà 3-4 cũng chính là 3-2 mà 3-2 là số 5, số 5 kép bởi 3 trời 2 đất. Hai Đất cũng có thể là 4 Đất, hai số có thể dùng thay nhau: 2 hay 4 cũng được. Nói 3 + 2 (vài ba) hay 3-4 cũng là một. Nhà Phật nói “ tam tế tứ đại “ = 3 cái tế vi chỉ Trời, chỉ cái gì vô hình siêu linh, tứ đại là 4 cái thô đại chỉ Đất. Đó là liên hệ ngầm giữa 6-8 (ra 3-4) với Ngũ hành. Ngũ hành thành bởi 3-2. 3 chỉ Nhân chủ, 2 chỉ bước lưỡng hành: hành trong cõi hiện tượng lẫn hành trong cõi vô hình: có vậy mới ra lưỡng thể = amphibious gồm cả cái sống của Phàm ngã lẫn Siêu ngã.**

Ta thấy tính chất ghê sợ của hành Ngũ cũng biểu thị bằng số vài ba, 3-4 hay 6-8 sâu xa dường nào, thâm thấu tới tận Trời cùng Đất. Có ngày chúng ta sẽ tham luận về tính chất thiên biến vạn hóa của hình thái song trùng kép này.

### *\*Bộ số Vài Ba (nhịp kép Hai) nhập vào Ngũ lý*

Hôm nay chỉ xin áp dụng bộ số vài ba vào ngũ lý. Ta biết Song trùng là **nhịp Đầu, Nhân chủ là nhịp kép Một, vài ba là nhịp kép Hai.** Ta đã thấy tiếng Việt phản chiếu hai nhịp đầu (Song trùng và Nhân chủ). Bây giờ đến nhịp Vài Ba nó cũng phản chiếu cách kỳ diệu trong thể thơ lục bát (6 là 3 cặp, 8 là 4 cặp). Hãy mở truyện Kiều ra đọc những câu lục bát tuyệt vời:

**Trăm năm / trong cõi / người ta.**

**Chữ tài / chữ mệnh / khéo là / ghét nhau.**

*(Đánh dấu phân để thấy câu đầu có 3 cặp, câu sau có 4 cặp)*

**Cơ cấu Nói bằng số “ Vài Ba” hay nói bằng “ hình Tròn Vuông giao hợp “, hoặc cụ thể cùng cực là làm hai chiếc “ bánh Dầy bánh Chung “, hoặc muốn “ Xô Nho “ thì “ Thiên viên Địa phương “ đều cũng một cơ cấu. Vậy cơ cấu đã hiện thân cách kỳ diệu vào ngôn ngữ qua thể thơ lục bát trong cách gieo “ yêu vận “ tức câu trên không gieo vận vào cuối câu mà lại gieo vào lưng vào lòng câu sau:**

**Trăm năm trong cõi người ta/**

**Chữ tài chữ mệnh khéo là / ghét nhau.**

Vậy mới là tình thâm chứ! Đọc lên như thâm bảo yêu em anh để trong lòng (trong mà) mà không để ngoài da đâu! Em đừng có ngại! Thật là bất ngờ, thảo nào thể lục bát được nhìn nhận là thể thơ độc nhất nói lên đức tính An vi ở chỗ gieo toàn vần bằng: dấu hiệu của an lạc siêu linh.

**\* Bè 6 – 8 được thể hiện trong trống Đồng Ngọc Lũ**

Xem ra thể thơ này cũng có trong nhiều chi của đại chủng Việt vì thấy hiện diện trong nhiều chi khác và có thể ngờ là đã được phản chiếu vào trống đồng Ngọc Lũ nơi vòng hoa văn giữa gồm **14 con chim chia hai bè: một bè 6, bè kia 8**. Phải chăng chúng đang ngâm thơ lục bát. Ít ra lục bát đang mạnh nha? Vì thế mà chúng có thái độ siêu thoát trần tục để đi về miền thái cực linh thiêng. Dầu sao mặc lòng, tức dầu 6-8 con chim có phản chiếu lối thơ lục bát hay không, nhưng không ai chối cãi rằng đó là thể thơ đặc trưng của Việt tộc, gói ghém cả hai bộ số 2 và 3 cũng như cơ cấu kép vài ba. Có thể lối đó đã mạnh nha từ buổi bình minh với **nhịp Trống quân khai quốc. Câu sáu có thể chỉ bè Nam (3 cặp từ) câu 8 bè Nữ (4 cặp từ)** tức là đã từ lâu đời lắm.

**\*Tiếng Nói theo Cơ cấu tràn đầy Nhân chủ tính và Tâm linh**

Chính vì vậy mà lòng ta nao nao ngầy ngất khi đọc những câu lục bát trong Kiều nhất là khi gặp những chữ đi đôi như nao nao, nho nhỏ, sè sè. □ Mỗi cặp đôi xuất hiện như **nhịp câu 2 mỗi: một mỗi bắc bên Có mỗi kia cắm vào hư Không** làm cho ta như chạm vào cõi u linh bát ngát.

**Nao nao** dòng nước uốn quanh.

**Nhịp câu nho nhỏ** dưới ghènh bắc ngang.

**Sè sè** nắm đất bên đường.

**Dầu dầu** ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.

Xem thế đủ biết **tiếng ta thuộc loại ngôn ngữ đầy tràn Nhân chủ tính cũng như Tâm linh tính tức nghiêng về nghệ thuật và triết lý: đề cao cái tổng quát trên cái tư riêng, tránh rõ rệt, ưa âm u nên dùng rất nhiều hư tự.**

**\* Cái Thừa và thiếu của tiếng Nói theo Ngữ luật**

Ngược với tiếng của Âu Mỹ có tính cách khoa học ưa khúc chiết khi đến độ không cần, thí dụ bất cả mọi cái phải là đực hay cái, số nhiều, ít phân biệt chi li. Ta nói “ ba cái hoa này đó “, chỉ một chữ ba đủ chơi vai trò số nhiều, các từ khác không bị phiền hà chi cả. Mỹ thì “ these three flowers are red “ . Đã có three rồi còn bất these flowers cũng phải thêm chữ s, this phải đổi ra these, verb phải đổi ngôi và số is ra are. Tiếng Pháp còn phải đổi đỏ ra đỏs (rouges). Đó là một thí dụ về sự tôn thờ ý niệm mà tiếng nói là dấu hiệu. So với tiếng Việt thì vừa thừa mà lại thiếu, thừa vì đã có 2 chữ s, verb còn phải đổi ra số

nhiều; thiếu vì chữ ba không đủ bao quát toàn bộ, đây là điểm một, còn điểm nữa là cú pháp mạch lạc mà cơ cấu yếu: ta nói ăn được, được ăn, chỉ cần đổi vị trí của từ. Còn Mỹ phải dùng hai verb can và may. Đây là lý do ngữ luật trở nên bề bộn và được quan trọng hóa rất mực. Ở La Hy xưa trẻ mới khai tâm phải học ngữ luật chứ không học về luân lý, sử ký.

*\* Tính chất đơn sơ và hàm súc của tiếng Nói theo Cơ cấu*

Tiếng ta trái lại rất đơn sơ nên có sức hàm súc nhiều. Trong quyển Man and People ông Ortega Y Grasset nhận xét rằng tiếng Tàu giàu nhất thế giới về khả năng hàm súc (comprehension) do cơ cấu mạnh với sự dùng nhiều hư tự, vì hư tự chơi vai trò âm u với toàn bích. Ta có thể nói về tiếng Việt như vậy mà còn hơn nữa vì về hư tự thì tiếng Việt giàu hơn tiếng Tàu.

Hư tự của ta là những chữ kếp vào không cần thiết thí dụ nói chợ, nét, ngân đủ rồi không thêm chợ búa, nét na, ngân nga như ta quen dùng: đó chỉ là hư tự không cần mà lại cần: không cần cho nghĩa từng chữ nhưng lại rất cần để móc nối với âm u toàn thể. Đó là nét biểu lộ nhiều tính chất triết lý của dân tộc Chủ nhân Trống đồng, trống là hư, là không, hư không làm nền tảng cho triết Việt do thế mà ngôn ngữ của ta tràn ngập hư tự tức là tiếng đầy triết lý nhân sinh vậy.

Có lẽ đây là lý do của một kinh nghiệm bản thân tôi. Số là nhiều người đọc sách tôi mà không hiểu, có người đề nghị cần sửa đổi dăm ba từ ngữ thí dụ không nên viết “ cần suy nghĩ lại “, “ đã bàn rồi “, “ xin nhắc lại “ mà nên viết cần chúng ta suy nghĩ lại, chúng tôi đã bàn rồi, chúng tôi xin nhắc lại. □ Tôi bằng lòng sửa lại vì với tôi từ ngữ chẳng qua chỉ là để hiểu đạo, nói chúng ta cần suy nghĩ lại là đặt nỗi chủ từ như Tây Âu cũng chẳng sao, y như hiện nay trong việc viết tên ta phải đặt cá nhân trước dòng họ, thay vì Lý Ông Trọng thì phải viết Trọng Lý Ông, thôi thì vào xứ cá nhân ta cũng phải đành đi một đường cá nhân vậy. Nhưng nhượng bộ rồi tôi cứ cảm thấy một cái gì ray rứt tạm gọi là khổ tâm như phải đi xa khỏi việc coi trọng gia tộc hơn bản thân, coi trọng lời gương mặt cá nhân (tôi, chúng tôi) hơn là ẩn náu để nhường chỗ cho đạo lý, nhưng gặp thời thế thế thì phải thế. Phải thế nhưng vẫn suy đi nghĩ lại về khía cạnh triết lý của tiếng Việt và ghi lại một ít trong bài này để mở chân trời cho những suy nghĩ về sau. “

*VII. – Làm ( theo Triết lý tác hành )*

“ Không còn chi vinh dự hơn khi nghĩ đến rằng tiên Tổ chúng ta đã thiết lập được một nền triết lý tác hành. Tuy nhiên đó là mối vinh dự ít ai ngờ, cần phải được phân tích thấu đáo mới thấy được.

**1.- Phương pháp Tỉ giáo của triết lý bằng Động từ To be**

Trước hết xin hỏi rằng thế nào là triết lý tác hành. Đây là câu hỏi đầy khả năng soi sáng, được gọi ra do phương pháp tỉ giáo, tức là triết lý hiện đại đang cố thiết lập một nền triết làm bằng động từ như Heidegger cố chứng minh rằng là một hình thức sa đọa của To Be. **To Be là một động từ, To Be (verb) sau đã đóc ra danh từ Being. Nếu triết xây trên verb To Be thì là triết ngon, ngược lại xây trên danh từ Being là triết hỏng. Vì being là một vật thể (entity) mà không là động từ To Be như thưở sơ nguyên nữa.** Đây là những vấn đề người ngoài thấy như vô tích, kỳ thực thì thế giới chỉ huy do những vấn đề tế vi nọ, nơi mà “ sai một li đi một dặm “ .

**Con người phải chịu trận với một dặm là những ác quả của cái sai lầm một li, nhưng vì bé quá (một li) nên không thấy.**

Thế nhưng nếu dùng sự so sánh một dặm hậu quả thì có thể nhìn ra sự quan trọng của một li, và lúc ấy sẽ hiểu tại sao dựng nên được một triết lý bằng động từ, bằng tác hành là một vinh dự tối cao. Tại sao triết gia thượng thặng của Tây Âu hiện nay được nổi tiếng chỉ vì khám phá ra sự vụ động từ “ To Be “ đọa ra “ Being “, tức triết lý tác hành ban sơ đọa ra triết lý ý niệm nằm lì bất động.

## 2.- Nguyên nhân sa đọa từ To be ra Being

Vấn đề nằm trong tâm lý con người mà Việt Nho nói là “ **nhân tâm duy nguy** “ = tâm con người rất tế vi dễ nghiêng lật nên đầy nguy hiểm, vì nó là khởi điểm cho những sự nghiêng lệch ở những chỗ chẳng ai ngờ đến. Để soi sáng sự nghiêng lệch này xin lấy một thí dụ trong câu “ **tôi đọc sách** “ gồm ba hạn từ: tôi, đọc, sách, có ai ngờ rằng **chỗ quan trọng hơn hết là chữ đọc**, là động từ, là verb, **nếu không xây trên động từ mà xây trên Năng là tôi, hay trên Sở là sách thì đều là bước tiến lên đầu mỗi nghiêng lật.** Xưa nay các nền triết đều nằm trong chỗ nghiêng về tôi, hoặc về sách.

### a.- Đợt một li

**Về tôi là duy Tâm, về sách là duy Vật: đây là đợt một li.** Hãy đi xuống một độ nữa là thước (còn lâu mới đến một dặm) thì ta sẽ thấy loài người như Descartes xây triết trên câu “ **tôi suy tư, vậy có tôi** “. Câu ấy nói lên cái bệnh duy Tâm nghiêng hẳn sang phía bên Chủ tri (subject) là “ **tôi suy tư** “, nghiêng đến nỗi không còn tin là có đối tượng nữa, những người đi đường mà ông xem thấy ông không dám chắc là có, cuối cùng ông phải nại đến uy quyền Chúa phán rằng phải yêu người ta, thế là đích rồi, nhất định có người ta, vì có người ta mới yêu được chứ. Nhưng đó là tin người ta, nên **không lập lại được quân bình giữa chủ tri nên gọi là nhị nguyên: hai bên li lìa không tìm ra được mối liên hệ giữa Chủ tri (tôi) và Đối tượng (sách), vấn đề đành bỏ dở.** Về sau Malebranche đưa ra **thuyết hòa hợp tiền chế harmonie préétablie** để cứu vãn tình thế: đại để là Chúa dựng nên một linh hồn (tôi suy tư) và một thân xác song song với nhau. Tôi muốn

đọc sách và xác thân tôi, mắt tôi đọc sách. Hai việc đó: **tôi muốn đọc sách và chính việc đọc sách không liên hệ chi với nhau, nhưng nhờ sự hòa hợp tiền chế nên lúc tôi muốn đọc thì cũng chính là lúc cái máy xác thân chạy đến chỗ đọc.** Đó là một thí dụ cùng cực của sự chi li, vớ vẩn của triết có thể đem nhốt nhà thương điên. Thế nhưng xưa nay chỉ có chữ triết chứ ai dám nghĩ đến đưa các triết gia vào nhà thương điên. Thực ra có cho tiền cũng không ai dám làm, vì rằng các chính quyền tự xưa tới nay cứ bắt người học triết phải học như thế, nếu có nhốt thì phải nhốt mấy ông nắm chính quyền trước đã, rồi mới đến các người khác, nghĩa là tất cả mọi người.

### **b.- . . . Đi một dặm**

**Bởi vì mọi người đều chịu ảnh hưởng của những thứ triết đó của Plato đặt căn cứ trên lý giới (duy tâm), của Aristotle đặt trên ý niệm bản thể sự vật (duy vật).** Các triết gia sau tuy có phá phách, có thử thách đủ mặt nhưng không sao rút chân ra khỏi hai hạn từ đó mà triết Đông gọi là Năng (subject) Sở (objet). Vì thế mà **xã hội Tây Âu đầy những sự chia rẽ tự nền tảng: Vô thần chống Hữu thần, Chủ chống Nô và ngược lại, rồi Tư bản Vô sản, Chủ nhân Thọ thuyền, Bà chống Ông....** Không một mối liên hệ nào là vắng bóng sự chống đối. Lâu ngày một sô trí giả hé nhìn ra đôi chút lỗi tại đâu nhưng **phải đợi đến đủ một dặm “ tam vô “ với đủ thứ đũa giả bạo tàn ngu xuẩn bản tiện của cộng sản thì bà con mới thấm mùi sự sai một li.** Và từ đấy mới mọc lên nào triết lý tác hành, nào là triết lý lao động, ngày lễ lao động, lao động vinh quang....

Thành công chăng? Thừa không vì đó mới là nói về làm chứ đã làm đâu, hay có làm nhưng đặt căn bản trên “ duy vật “ thì vẫn là bánh xe cũ: tức cũng xây trên một duy nào đó mà không trên tác động tinh tuyền. Vì chỉ có tác động tinh tuyền (an vi) mới đặt mối liên hệ cơ bản.

### **c.- Đáp đề của thuyết Tam tài**

**Có nói được Năng Sở mới thống nhất, có thống nhất mới có sinh động, có sinh động mới có tinh thần. Thế có nghĩa là con người phải tìm sao cho ra một triết lý tác hành cao quý nọ.** Điều đó chỉ có thể tìm trong những loại triết kiểu thuyết Tam tài của Việt Nho. Vì tài là tác, nó chỉ trở lỗi Tác Hành viết hoa, tức không phải là tác thường mà là Tác cùng cực. Việt Nho nói bằng huyền số 3, Đạo Ba, Tam tài. Đây là lý do của thuyết tam tài, chữ tài viết theo điệu tác (hành), nôm na gọi là “ tài gậy “ ( 才 ), biến thể của chữ thủ ( 手 ) là tay (cơ quan để làm).

**Chính nhờ thuyết tam tài mà triết lý Việt Nho đã không bị bệnh duy nào: không duy tâm, không duy vật, không duy lý, không duy tình v.v. □ Trái lại có một mối thống nhất lẫm liệt bao trùm cùng khắp, không còn chỉ là nối kết những cái nhỏ bé mà là nối kết toàn cả vũ trụ.**

Do đó có một **sự sinh động** đáng tên là **triết lý Nhân sinh** và đạt tới bậc tinh thần cao độ nhất với câu “ **thần vô phương** “ , nghĩa là thần không ở hẳn đâu, nhưng đâu cũng ở, nghĩa là thâm thấu cùng cực. Những điểm trên đã bàn dài nơi khác, ở đây chỉ cần nhắc sơ qua như thế để soi đường cho cuộc tìm về cảnh giới Tổ tiên xưa, để xem các ngài đã đạt đến đâu. Muốn thấy ý hướng của các ngài thì một trong các phương tiện hiệu nghiệm hơn hết là **suy tư về những danh hiệu Nước, danh hiệu Người**, vì đây là những kết tinh của lý tưởng được áp ủ, được lưu truyền từ đời nọ đến đời kia, nên là những căn cứ bền bỉ. Vậy thủy Tổ tối sơ của đại tộc ta là **Tam Hoàng gồm Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông**, cả ba danh hiệu đều nói lên cái gì bao la và cùng cực. Điều đó được bày tỏ bởi chữ tam trong Tam Hoàng. **Tam là Tam Tài: Trời, Đất, Người, cả ba làm nên một thân thể**: “ Thiên, Địa, vạn Vật nhất thể “, không may chia lìa chông đời : nhất thứ khi con người lại là cái tâm của vũ trụ (vũ trụ chi tâm). Như vậy khi đã đạt Tam Hoàng là đã bao trùm hết mọi đối tượng bé nhỏ, chỉ còn lại **những động từ nằm ẩn trong chữ Tài**. Tài là **power, là sức mạnh, một sức mạnh tinh tuyền tự phát ra tác động không cần bất cứ cái chi mảy đông nên đó là việc cao nhất, bao trùm hơn cả nên cũng đi vào cùng cực hơn hết, đến chỗ “ hư tâm “ tức là tinh thần cùng cực**.

Trong tập này đã mở đầu bằng 5 chương về các việc căn bản Ở, Ăn, Mặc, Nói, Làm. Đọc bài nào rồi ta cũng sẽ thấy nó dẫn đến cái cùng cực, cái gì bao la vô hình.

### **3.- Thái thất của ( Việt ) Nho**

Ở dẫn tới Thái thất: cho con người Đại Ngã ở trong vũ trụ, “ cư chi quảng cư “

**a.-ĂN dẫn tới Việt tỉnh : mức lên nước Cam tuyền bất tận.**

**b.-MẶC dẫn tới thể Đạo : mặc Đạo vào thân.**

**c.-NÓI dẫn đến Hư tự : để hòa tan với Vô biên.**

**d.- LÀM dẫn đến An vi : làm là làm không lệ thuộc Đối tượng.**

### **4.-Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa**

Tất cả đều chứng minh nền triết lý tác hành có tầm bao la cũng như thâm thấu đến cùng triệt.

Như vậy là tạm xong chữ Tam Hoàng, bây giờ bàn đến ba nhân vật hay đúng hơn ba mẫu mực tối sơ làm nên bộ Tam Hoàng đó là Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông. Ở đây ta cũng thấy liền đó là những động tác căn bản. **Phục Hy là thuần phục sức vật, còn Hy là nuôi dưỡng cúng tế**. Đó là hai chữ nói lên giai đoạn từ bỏ sẵn bản



tức ăn sẵn để tự tay mình làm ra bằng thuần phục súc vật và gậy nuôi ngay trong nhà. **Thần Nông cũng thế nói lên giai đoạn từ bỏ hái lượm lang thang để bước vào nông nghiệp với lối sống định cư tự tay làm ra thức ăn. Nữ Oa là sự tàng trữ chứa đựng nói lên sự làm nhà để trú ngụ. Đó mới là nghĩa đen vòng ngoài, còn nghĩa bóng thì Tam tài tức tác động cao nhất.**

**Phục Hy chỉ Thiên sinh**

**Thần Nông chỉ Địa dưỡng**

**Nữ Oa chỉ Nhân hòa.**

Đó là những tác động bao trùm hơn cả, cũng có nghĩa là đạo đức, triết cùng đều đã xuất hiện với bộ ba của Việt tộc. Sau này Nho giáo đã công thức bộ ba trên thành thuyết Tam tài: Thiên, Địa, Nhân đặt con người ngang hàng cùng trời, đất mà nhà cách mạng Trần Cao Vân đã diễn tả một cách oai nghiêm rằng:

**Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh,**

**Trời Đất ta đây đủ Hóa công.**

Nhưng học giả như James Legge cho đây là những ý tưởng nông cuồng cần dờ dại dột. Nhưng ta trả lời đó là tại J.Legge đứng ở quan niệm triết học bản thể mà xét con Người cùng một vị trí như Trời. Đó là sai, hay đúng hơn đó là hiểu theo nghĩa đen câu nói bóng bẩy. Muốn hiểu cho đúng tinh thần Việt Nho thì phải hiểu về phương diện tác động có tính cách chiến thuật chiến lược tức phải quan niệm về Trời Đất thế nào cho hợp triết lý Tác hành, sao cho con người duy trì và phát triển được khả năng tác động của mình, mình vẫn hăng hái say sưa làm việc. Đó là điều quan trọng.

**Đã là triết lý Nhân sinh thì chỉ nên xét tới những Tác động liên can đến Mình.**

Tuân Tử ví với quan niệm về hòn đá cạnh đường, người đi ban đêm tưởng là hổ thì rụng rời chân tay tê liệt cả thân mình, mất khả năng chịu đựng, nhưng nếu xem đó chỉ là tảng đá thì khả năng đi đứng vui hưởng còn giữ y nguyên. Về Trời cũng vậy, Trời vô hình nên mỗi nơi mỗi đời có những quan niệm về Trời khác nhau, mỗi nền triết lý đạo lý đưa ra một quan niệm thuận với chủ trương của mình.

## **5.- Quan niệm ( Việt ) Nho về Trời**

Theo đó triết lý Nhân chủ tác động không thể chọn quan niệm về Trời quá toàn quyền đến độ coi con người là sự vật hoàn toàn bất lực chỉ còn phải vâng theo cách tối mật.

Với Việt Nho quan niệm Người như thế là xúc phạm đến Trời. Trời là đáng thông minh vô cùng, quyền phép vô biên mà đến lúc dựng nên con người yếu xèo hoàn toàn thụ động không dám có một sáng kiến nào thì không hổ mặt Thượng Đế sao. Ca dao ta nói: **con hơn cha là nhà có phúc**. Con người cũng là con Trời, không dám nói đến hơn nhưng cũng phải giống Thượng Đế phần nào, con nhà tông không

giống lông cũng giống cánh chú li. Nếu Thượng Đế là đấng toàn năng thì con người cũng phải là giống đầy năng lực đầy khả năng tác hành tự chủ.

## 6.- Quan niệm quá hạ thấp và quá đề cao con Người

Vậy cho nên quan niệm quá hạ thấp con người chính là quan niệm xỉ nhục Trời, nó sẽ dẫn đến thuyết định mệnh, bóc lột con người hết thảy, không còn chút tự do nào.

Vậy hỏi tại sao quan niệm thấy kém đó lại được duy trì xuyên qua Âu Tây cổ đại?

Người ta nhận ra rằng quan niệm này được các nhà chuyên chế ưa thích vì nó rèn luyện tâm trí con người để suy phục quyền bính và nếu nhà cầm quyền lại thành công trong việc tự đồng hóa mình với Trời như thuyết vua thần, thì sự đàn áp chuyên chế đi đến cùng cực, khiến con người bị vong thân mất hết chủ quyền và khả năng tác động.

Đó là lý do thâm kín đã gây nên thuyết Vô thần chối bỏ Thần minh để cho con người ngóc đầu lên để được tự do, tự làm lấy lịch sử. Do đó con Người coi Trời bằng vung. Nhưng đó là quan niệm không tương trái với thực tại. Trời che cùng khắp sao dám coi là vung. Trời là gì cao cả bao la vây bọc quanh mình từng giây từng phút chối đi đâu có được. Vì vậy mà Âu Tây cứ lúng túng trong hai Thái cực nọ: **Trời là tất cả, con Người không làm chi được; hoặc con Người là tất cả: không có Trời.**

Nhưng cả hai đều có hại cho khả năng làm việc của con Người. Cụ thể là không thiết lập nổi một nền triết lý Tác hành. Muốn giàn hòa hai thái cực đó nên dùng thuyết Tam tài là đặt con người lên cùng hàng Tài, tức Tác, tức là bất cứ tác động nào liên quan đến con người thì con người cùng đóng góp vào đó “ một phần ba “ (xin hiểu co dẫn kiểu tam tài). Ngay việc lên Thiên đàng xuống hỏa ngục thì chính con người phải có phần đóng góp quyết liệt chứ nếu cho là tại Trời cả như Calvin chủ trương thì ra ông Trời là đầu môi sự bất công sao? Việc lớn lao như vậy mà con Người không có phần, hưởng chi việc khác. Đây là lý do của thuyết Tam tài, và đây là lý do tại sao Việt Nho có ý nghĩa đặt tên người là Thánh ngang với Trời (Tề Thiên Đại Thánh) khác hẳn ông Trời Tây Âu, thấy con người bất tuân thì làm sét đánh cái rết. Ông Trời Đông phương thì không, nhiều khi con người làm bậy ông chỉ nhìn rồi khóc, chứ tuyệt không can thiệp sợ phạm vào tác quyền của nó, cái quyền tự tạo tự thành chứ không được ý lại. Phong dao ta có câu:

**Hoàng Thiên ngự tại thiên đàng  
Thấy con uống rượu hai hàng lệ rơi  
Tưởng rằng con uống con chơi  
Ai dè con uống con rơi xuống xình.**

Tôi nghĩ Trời cũng phải thích thú câu trên, bởi vì quyền phép vô biên của Trời thì quá chói chang, sức mây mà hạ giá nổi, cần chi cảnh cáo. Trời quá đủ thông minh

để hiểu rằng: tụi nó quá kính nể mình là cái chắc có nói ngông chút cốt chẳng qua là chiến lược tâm lý thôi, tức là mạnh miệng một chút cốt để bảo toàn nội lực, nuôi dưỡng được tác phong của con người hùng, sẵn sàng nắm lấy phần tích cực dành cho con người trong mọi việc liên hệ đến nó, để:

**“ Có trời mà cũng có ta “**

và

**“ Tận nhân lực nhi quy thiên số “ .**

### **7.-Hiện tượng Dân chủ rất sớm ở nước ta**

Có quy thuận theo thiên số theo vận mạng chứ, nhưng trước hết phải làm cho đầy đủ đã những gì con Người có thể làm, làm Tận Nhân lực. Chính nhờ chiến thuật đó mà triết lý Việt Nho đã đạt thành tích hầu không một triết lý nào làm được: là đã cứu gỡ con người ra khỏi mọi tròng nô lệ của tai dị rồi đặt con người lên địa vị Chủ nhân, gọi vắn tắt là Nhân chủ.

**Đây là lý do sâu xa giải nghĩa hiện tượng Dân chủ rất sớm của nước ta xưa là đề cao kinh nghiệm thực lực bên trên quyền bính, coi trọng uy tín hơn uy quyền, đề cao những sáng tạo những thành tích như xưa xưa là ông Hữu Sào người sáng nghĩ ra nhà sàn, Toại Nhân, Viêm Đế là người biết dùng lửa, Hữu Miêu người biết gieo mạ, rồi đến một lượt các bà: Bà Đà trồng cây xây núi, Bà Dâu phát minh ra việc nuôi tằm bằng lá dâu, Bà Nành nghĩ ra việc trồng đỗ nành, Bà Giàn biết làm giàn dưa. Trong Nam có đầy tên các bà: Bà Điểm, Bà Hom, Bà Queo....**

Tóm lại không phải thuộc dòng tộc vua quan mới được lưu danh mà tất cả ai ai dầu là thường dân miễn có tác động sáng tạo là được lưu danh hậu thế.

Về điểm này có thể nói Việt còn giữ được tinh tuyền hơn Tàu, bên Tàu còn có những kiểu nói chỉ dân nước là người nhà Chu, người nhà Hán, người nhà Đường (Chu nhân, Hán nhân, Đường nhân) chứ bên Việt Nam thì không. Có lẽ vì vậy mà danh hiệu nước ta có những tên hay một cách tuyệt vời như Văn Lang, Giao Chỉ, và nhất là Việt, cả Việt Mẽ lẫn Việt Tầu. Tóm lại triết bằng động tự với nghĩa là nhấn trên Tác hành hơn là trên Bản thể của sự vật, hoặc trên quyền bính vì quyền bính cũng là một vật thể ngoài con Người. Quả là một nền triết thấu triết vậy.

### **C.- Phong tục, tập quán**

#### ***I.- Trống Quân : Triết lý nhảy đầm***

*( Triết lý cái Đình : Kim Định )*

Nhảy đầm là chữ nhà quê còn người trí thức gọi là khiêu vũ, nghe sang hơn nhưng không cụ thể và bình dân bằng hai chữ nhảy đầm. Nhảy đầm là do Tây đưa vào nó

có tính cách cá nhân còn nếu nhảy đầm công cộng thì đã có bên ta từ lâu đó là hát Trống quân.

### 1.- Cuộc nhảy mang tính chất công thể và Tâm linh

**Trống quân không những khác nhảy đầm vì tính chất công thể tức không nhảy với một bà nhưng nhảy với một đàn bà. Nét thứ hai trong việc nhảy còn có cái gì linh thiêng bao bọc nên trống quân lẽ ra phải được tổ chức dưới núi, bên bờ sông ở cửa Đông Nam của thành hay làng.** Thường thì những điều kiện đó khó hội đủ nên người xưa đã sáng chế ra tiếng trời tiếng đất để thay thế cho những điều kiện trên kia. Đó là cái Trống Đất (đào lỗ xuống đất) lại có dây chằng ở trên chỉ Trời. Khi hát mà gõ lên dây phát ra tiếng gầm gừ như là tiếng Đất tiếng Trời đệm theo quán quýt lấy những lời hát đối của Đôi Bên. Còn những lời đối đáp qua lại nhiều khi chớ theo rất nhiều yếu tố triết bình dân. Hãy đưa ra vài thí dụ: miếng trầu là đầu câu chuyện.

#### **Bè nữ**

Gặp nhau ăn một miếng trầu  
Gọi là nghĩa cũ về sau mà chào

#### **Bè nam**

Miếng trầu đã nặng là bao  
Muốn cho đông liêu tây đào là hơn

#### **Bè nữ**

Miếng trầu kể hết nguồn cơn  
Muốn xem đây đây thiệt hơn thế nào

#### **Bè nam**

Miếng trầu là nghĩa xương giao  
Muốn cho đây đây duyên nào hợp duyên.

Thí dụ khác:

#### **Bè nam**

Ở đâu năm cửa nàng ơi?  
Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng .  
Sông nào bên đục bên trong?  
Núi        nào        thất        quả        bông        mà        có        thánh  
sinh?.....

Ai mà xin được túi đồng?  
Ở đâu mà lại con sông Ngân Hà?

Nước nào dệt gấm thêu hoa?  
Ai sinh ra cửa ra nhà nàng ơi?  
Kìa ai đội đá vá trời?  
Kìa ai trị thủy cho đời được yên?

### **Bè nữ**

Thành Hà Nội năm cửa chàng ơi.  
Sông Lục Đầu sáu khúc nước chảy xuôi một dòng.  
Nước sông Tương bên đục bên trong.  
Núi đực Thánh Tản thất quả bông mà lại có thánh sinh.

Ông Không Minh không xin được túi đồng.  
Trên trời lại có con sông Ngân Hà.  
Nước Tàu dệt gấm thêu hoa.  
Ông Hữu Sào sinh ra cửa ra nhà chàng ơi.  
Bà Nữ Oa đội đá vá trời.  
Vua Đại Vũ trị thủy cho đời được yên.

### **Bè nam**

Bây giờ mạn mới hỏi đào,  
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?

### **Bè nữ**

Mạn hỏi thì đào xin thưa:  
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.

### **Nam kết**

Ai về đường ấy hôm nay  
Gởi dăm điều nhớ gởi vài điều thương.  
Gởi cho đến chiếu đến giường.  
Gởi cho đến chôn buồng hương em nằm.

Đại khái đó là vài mẫu khi đọc lên nhận thấy hai điểm đặc sắc sau đây.

## **2.- Cuộc nhảy: Hoạt động cả Thân Tâm**

Thứ nhất là tính chất động đích của Trống quân khác với nhảy đầm. Nhảy đầm chỉ cần biết đưa tay đưa chân sao cho hợp với điệu nhạc khỏi phải suy nghĩ, cũng khỏi phải hát nữa, đã có máy. **Trống quân thì phải hoạt động hơn nhiều; miệng phải hát, tâm trí phải tác động để đối đáp, vì không được hát bài có sẵn mà phải tùy cảnh mà sáng tác lấy rồi hát lên tức khắc cho hợp câu hỏi.**

## **3.- Cuộc nhảy: kết mối Hoa Tình ( Đại Đạo Âm Dương hòa )**

**Thứ hai là ý phải từ xa tới gần, mà gần cuối cùng là việc lấy nhau, nói lên một cách không úp mở nhưng phải nói “ Hoa Tình “** tức là nói lên cách văn hoa và như thế nó không phải là một sự vui giải trí như nhảy đầm, mà là việc làm có chủ đích đưa đến hôn nhân nhưng đưa đến bằng nghệ thuật, bằng múa hát, tức là một lối triết lý toàn diện. Tất cả tinh thần vật chất hòa trộn với nhau, chứ không có kiểu phân chia. Vào điện hay đèn thờ lạy, rồi ra xóm bình khang chui lủi: tinh thần ra tinh thần, vật chất ra vật chất. Ở đây tinh thần vật chất hòa hợp ngay trong một nơi, một lúc theo đúng triết lý tìm phi thường trong cái thường thường. Trở lên là thử đưa ra một hai thí dụ về sự thâm nhập của triết lý vào trong mọi hành vi cử chỉ của Người Việt.

#### **4.- Phương thuốc chữa bệnh Duy: Phục hoạt triết lý hướng dẫn Thân Tâm**

Đây là ơn ích rất lớn và nếu biết làm phục hoạt thì sẽ là bài thuốc chữa bệnh thời đại mà Herbert Marcuse kêu là **bệnh Duy một chiều kích**. Hay cũng quen gọi là nhị nguyên, tức là duy vật hoặc duy linh. Linh thiêng được biểu lộ rất lớn lao trong bao nhiêu điện đài, bao nhiêu sách, bao nhiêu người hy hiến thân tâm cho tinh thần. **Nhưng vì là nhị nguyên nên anh đi đường anh tôi đi đường tôi.**

**Đạo là đạo.**

**Đời là đời.**

Hóa cho nên Đời trở nên vô Đạo, mặc dầu các thứ Đạo lý truyền bá khắp nơi nhưng vì đứng ngoài Đời nên đời vẫn vô Đạo. Nhưng hỏi vậy tại sao người đời không để ý đến Đạo nằm ngay trong Đời. Thưa vì đó là điều rất khó và rất dễ quên đi. Rất khó vì người ta dễ chú ý những cái gì ngoài mình, vì lúc ấy nó là đối tượng, giác quan có thể tác động. Còn như Đạo đã lẫn vào Đời vào Thân Tâm thì không còn đứng ngoài nên không còn là đối tượng. Vì thế Kinh Dịch mới nói là “ **bách tính nhật dụng nhi bất tri chi : 百性日用而不知之** “ : bách tính dùng hằng ngày nhưng không biết đến. Không biết đến nên là nguy cơ, và mỗi nguy cơ đó càng ngày càng trở nên lớn lao vì không những bách tính là thường dân không biết, mà cả giới trí thức cũng không biết đến nữa, thế mới nguy. Vì từ lúc ấy họ sẽ đi tìm triết ở xa xăm theo cả hai nghĩa, một là phát xuất từ ngoài Đời sống, đứng ngoài con Người nên dễ được tìm thấy, dễ được học hỏi, và do vậy gây nên cho nền triết lý Việt Nam một cơn thử thách lớn lao như chưa từng thấy.

**Vì hầu hết tri thức trong nước đã bỏ triết Nhà để chạy theo triết Ngoài.**

Có còn cách nào cứu vớt nỗi tình trạng này chăng? Chưa biết, nhưng chắc một điều là nếu không cứu vớt nỗi tình thần triết Việt thì chúng ta chỉ còn có triết học để học, nghĩa là để mà chơi. Chứ còn triết lý tầm nhuận việc ăn làm, **triết lý hướng dẫn Thân Tâm** thì không còn nữa. Bởi vậy dù thành hay bại việc đáng làm là chúng ta hãy cố gắng làm. Và đó là mục tiêu của quyển sách nhỏ này, và đường lối của quyển này là bình dân. Cụ thể là những Lễ Lạy Đình Đám mà vì tinh thần thống nhất nên chúng ta có quyền coi chúng như tài liệu chân thực về triết lý

bình dân trong đó cái đình là trung tâm hiện thực nên lấy đó làm đầu đề cho sách: triết lý cái đình.”

## **II .- Trống Quân xét như khôi nguyên Nghệ thuật sống của Việt tộc** ( Văn Lang vũ bộ: Kim Định )

### **1.- Trống Quân biểu hiện nét Lương hợp sinh động**

“ Trong lãnh vực văn hóa nước ta, nếu ai muốn đưa ra một sự kiện vừa căn bản vừa bao trùm hơn hết còn sót lại từ buổi sơ nguyên thì đó là Trống quân. Phải, chính tục lệ này nếu không cung ứng thì cũng biểu thị cách chói chang, phong phú hơn hết cái cơ cấu uyên nguyên về vũ trụ quan của tiền nhân Việt tộc cũng như về mối nguyên lý hướng dẫn trọn nền triết lý nhân sinh của cả miền Đông Á, nơi nhân sinh quan xây trên đạo vợ chồng : “ Quân tử chi đạo tạo đoan hồ phu phụ “. Vậy mà trước khi nên được vợ chồng thì phải biết ve nhau, nên Kinh Dịch mở đầu hạ kinh bằng hai quẻ Hàm và Hằng. Hàm là ve: ve gái hay ve trai tùy. Còn Hằng là ở với nhau mãi mãi.

Đây là một Nhân sinh quan được xây trên Vũ trụ quan ở thượng Kinh của Dịch mở đầu với hai quẻ Kiên Khôn có nghĩa là Trời Đất, giao thoa. Nét căn bản nổi bật của văn hóa Việt tộc đầy sinh động nằm trong đó.

**Trống quân chính là biểu diễn lại cái nét Lương hợp sinh động. Cho nên nắm vững tinh thần Trống quân chính là hiểu được đầu mối cái cơ cấu triết lý sinh động của Tổ tiên xưa kia vậy.** Đó quả là điều quan trọng hơn hết trong lúc này, lúc mà con người khắp nơi đang cảm thấy thiếu thốn cái chi nên nảy ra ý muốn trở về nguồn.

### **2.- Về Nguồn bằng cuộc đấu: Tình, Lý, Nói, Ca**

Khắp nơi trên thế giới đều đang vang lên chữ về nguồn mà vẫn không sao về cho được, là bởi thiếu lối về. Với người Đông Á thì một trong những lối về đó là Trống quân, nên hiểu trúng được sẽ giúp ta trên nẻo đường về. Bởi chung căn bệnh trầm kha của nhân loại hiện nay là bệnh một chiều kích, cần tìm cho nó con đường nào giàu Lương hợp tính hơn cả và đó là trống quân. Lý do: trong trống quân có nhiều cặp đôi hơn hết. Hãy kể sơ qua:

#### **a.- Thời gian và Không gian cuộc đấu**

Trước hết nó được tổ chức vào hai mùa **Xuân Thu**. Đó là đôi đầu thuộc **Thời gian**. Sau là dưới **chân Núi nơi có suối Nước**: cặp đôi thứ hai thuộc **Không gian**. Còn nếu không có Núi có Sông thì thay bằng cửa Đông Nam, hay cùng lắm thì cửa Nam.

#### **b.- Các đấu thủ: Hai bè Nữ và Nam**

Thứ ba, nơi hát phải **đào một lỗ làm cái Trống Đất trên có chằng dây làm trống Trời** cũng như làm biên giới giữa hai bè Nam Nữ đóng vai hai đạo quân.

### c.-Khí giới giao đấu: Ca vũ

Còn **khí giới là ca, là vũ**, toàn là thứ có nhịp đôi như sẽ phân tích ở dưới.

### d.- Chiến lợi phẩm cuộc đấu: Kết đôi Hoa Tình

Cuối cùng **những đôi nào “ bị bắt “ sẽ sang qua sông, trao hoa cho nhau và hợp thân ngay trên nệm cỏ xanh** (đạp thanh). Đó là đôi uyên ương trong thế sáng tạo hơn cả.

Kèm theo là **những trò** như bắn nhau bằng những Quả cầu làm bằng chỉ Ngũ sắc như nói người Mèo, người Thổ chẳng hạn. □ Hoặc nhiều trò chơi khác tương tự làm cho Trống quân càng thêm giàu tính chất sinh động. Tây phương nói “ La vie est un combat: đời là chiến đấu “ và ngày xưa hay dùng việc đấu gươm mà xử kiện: ai thua là đuối lý. Như vậy là lý lẽ dựa trên sức mạnh. Đó là lối du mục. Đông phương theo lối nông nghiệp tuy công nhận đời là chiến đấu, nhưng thay vì đấu gươm thì lại đấu lý, đấu tình, đấu ca, đấu nói như được bày tỏ mạn mà nhất trong Trống quân, một bên hát xướng, bè bên kia phải hát đáp liền, nếu không là “ thua “....

### e.- Những mối liên hệ trong cuộc đấu Hoa Tình

**Điều đó nói lên tính chất Lương hợp, mà Lương hợp tính chính là linh hồn của triết lý Việt Nho. Nên Trống quân là một lễ trong có liên hệ:**

**Tới Vũ trụ quan như Trời với Đất,  
Tới Quốc gia như Non với Nước,  
Tới Làng mạc như của Đông với Nam,  
Tới Gia đình như hai bè Nam Nữ đưa đến việc nối đôi Tông đường.**

Hai bè dàn quân ra, rồi biểu diễn các tác động của chiến đấu: **nào ve, nào gheo, nào thách, nào đổ**, nào tiến vào đất địch chớp nhoáng lại rút ra vì địch cũng đang tiến vào đất mình, đồng đưa như hai con rồng lượn khúc **theo nhịp thùng thùng “ Vài Ba “ của trống ngũ liên: 3 trời 2 đất**. Quả là một cuộc chiến đấu quan trọng nhưng đừng sợ chết chóc tang thương vì đây là “ một cuộc cờ người “: gọi là “ đấu trí mà chơi “ nên thay vì chết chóc thì chỉ có sống, sống mạnh: sinh sinh, vì cuộc chiến kết hậu bằng sự hợp thân trên nền cỏ xanh. Trước đó có tặng hoa nên hoa trở thành quan trọng, đến độ tiếng hoa gắn liền với tình thành hoa tình. Hoa đây thường là hoa lan (hay thược dược) được trao tặng nhau trước khi giao hợp và sau cuộc đấu mà nàng “ phình phình từ giữa phình ra “ thì đến mùa Thu sẽ làm lễ cưới. Chỉ phác họa sơ qua thế đã thấy ngay tầm quan trọng của **Trống quân, nó bao**



**hàm một triết lý Nhân sinh xây trên Vũ trụ quan động, nên cũng là một thứ Tế tự của toàn dân.** Vậy mà cho tới nay chưa được nghiên cứu thấu đáo nhất là về phương diện triết lý. Vì thế đó sẽ là điều chúng ta bàn ở đây. (1)

*Tài liệu trong việc này phần lớn chúng tôi mượn của ông Granet trong cuốn Fêtes et chansons anciennes de la Chine, Paris 1929, sẽ viết tắt là Fêtes. Quyển ấy nhằm tìm hiểu Kinh Thi đúng với ý nghĩa trung thực của nó. Quyển thứ hai là “ Les Chants Alternés “ của tiến sĩ Nguyễn Văn Huyền, Paris 1934, sẽ viết tắt là Huyền. Bá Nho hay Hán nho đều là Nho đã bị bẻ quặt.*

### **3.- Kinh Thi: Chiến lợi phẩm của trống Quân**

Phương pháp sẽ là triết lý với sự trợ giúp của xã hội học, cơ cấu luận, tất cả đi ngược với lối Nho Thanh giáo dùng vương triều để giải nghĩa phong tục dân gian. Còn đây dùng phong tục dân gian để tìm hiểu Kinh Thi, lấy tiếng dân để hiểu Trống quân. Đó cũng là lấy chất gia làm nội dung tìm hiểu văn gia, nên xoay quanh quyển Kinh Thi, nói có cả Văn cả Chất. Đây là sách mở đầu toàn bộ kinh thi Nho giáo, nên hiểu sai Kinh Thi là dễ dàng hiểu sai cả các kinh sau. **Vì Kinh Thi không là chi khác hơn là chiến lợi phẩm của Trống quân.**

Nói khác nó ghi tiếng Dân nhưng không phải là bất cứ lúc nào mà chính là lúc Dân hát Trống quân hay ít nữa cũng theo phong thái của Trống quân, trong bầu không khí đó, hoặc hướng vào đó. Sau này Bá Nho uốn nắn để theo chiều hướng Thanh giáo nên không nhận ra điều trên (Fêtes 7). Nhưng cũng nhờ bị cạo tấy mà nó được sống qua các đời để nay chúng ta còn có dấu vết đi tìm lại được nhiều tục lệ cũng như đời sống thời xa xưa. “ ( Về việc cạo tấy, tức gán tác quyền cho vua quan xin xem Histoire de la littérature chinoise, Prose Georges Margouliès p.13).

### **4.- Trống quân là một cuộc Tế Lễ: Tôn giáo Phong Nhiêu**

“ Là chính những yếu tố gặp thấy trong các cuộc tế lễ:

**Bàn thờ là trống Đất trống Trời** thay cho Non và Nước khi hoàn cảnh không cho phép có.

**Tư tế là hai bè Nam Nữ** mặc áo đẹp ngày lễ.

**Còn Tế là sự đấu của hai Bè:** đấu ca, đấu lý, đấu tình...

Rồi tới **Giao hợp được coi là cái đỉnh của cuộc lễ** biểu thị sự phối hợp cao độ nhất mà con người có thể hiện thực: nên Non phải trèo, Nước phải lội, Người phải giao. Ông Granet gọi là “ chịu lễ giao tình “ (communion sexuelle).

Cuối cùng có **cuộc Đại Âm** làm như nghi lễ giao thoa với Đất. Tất cả được gọi là **Bôn** tức lời cưới hỏi trực tiếp: hỏi thẳng không môi giới, lẫn làm thẳng, tức hợp thân liền, với niềm tin rằng năm nào không có “ **Bôn** “ thì sẽ mất mùa. Niềm tin này thuộc giai đoạn Bái vật sau sẽ thăng hoa và truyền sang cho vua: đức hạnh ông vua ảnh hưởng đến thời tiết. Cả hai niềm tin là một, cùng thuộc tôn giáo Phong nghiêu và ở đợt Bái vật, Lợi hành.

Nói dân gian là công thể (toàn dân chịu trách nhiệm) đến khi quy tụ vào vua thì một mình vua chịu trách nhiệm về việc mưa gió, nóng lạnh nhưng rồi niềm tin đó sẽ được thăng hoa tới đợt triết lý là giúp Trời Đất trong việc hóa đục. Đó là một tiến trình đi lên, muốn hiểu được ý nghĩa cần tới bầu khí bao quanh Trống quân.

## 5.- Bầu khí của cuộc Lễ: Tự do

### a.- Con gái: Nói thẳng, làm thẳng

Trước hết đó là bầu khí tự do lúc con gái chưa bị bó chân còn có thể một mình đi dạo trên bờ sông Hán sông Giang, có thể mời trai ăn trà, cho địa chỉ hội họp.... Mỗi tình thôn dã lúc ấy chưa bị thanh giáo cấm đoán hay bẻ quặt nên mọi cử chỉ đều làm trong tâm trạng vô tội, đường hoàng chứ không phải dấu diếm chi hết. Tất cả được nói thẳng ra. Người ta đang gánh nước nặng trĩu vai mà dám đường đột hỏi:

**Cô kia gánh nước quang mây**

**Tôi hỏi câu này có lấy tôi chăng?**

**Nói thẳng, làm thẳng “ trên Bộc trong Dâu “** như thấy ở nước Trịnh nơi giữ được nhiều tục lệ xưa hơn cả, cũng là nơi có con sông Bộc chảy qua. Nên nhớ Bách Việt cũng có tên Bạch Bộc vì nhóm ở trên sông này có nhiều nét biểu hiệu hơn cả (Xuân Thu nói đến Bộc rất nhiều xem bản của Legge tr.273).

### b.- Chưa có tinh thần Thanh giáo kiềm chế

Thứ hai, lúc ấy chưa có câu “ nam nữ thụ thụ bất thân “ phát xuất từ óc Thanh giáo bắc phương nên có thể tự do ca hát ngoài đồng nội, trên bờ sông, chung quanh bờ giếng, có thể cùng lên xe, nhìn mặt, cầm tay (*xem bài Hưng U Thi trong Cửa Không* ).

### c.-Con gái làm chủ tình thế

Điểm thứ ba, **gái còn nắm chủ tình thế nên chính các cô khiêu chiến trước.** Phu lúc ấy còn là cô, cậu mới là phụ, theo phong thái Tả nhậm như có thể đọc thấy rất nhiều trong ca dao Việt, cả đến Kinh Thi cũng còn có chỗ giữ thứ tự Thất (vợ) trước Gia (chồng) “ nghi kỳ Thất Gia “ ( đào chi yêu yêu) tức Âm đi trước Dương, Gái trước Trai. Nhiều Nho gia có thấy điểm này nhưng lại giải nghĩa bằng lý lẽ siêu hình giả tạo như mùa Xuân dương khí lên mạnh nên con gái (âm) bị ảnh hưởng!! Sự thật thì **lễ tổ chức vào hai mùa Xuân Thu, là hai mùa của người hơn hết, đã vậy lại theo Tả nhậm: Gái nắm phần sáng kiến y như người trước Trời Đất.** Cần nhấn mạnh điểm này để đặt nỗi sự cấm đoán của vương triều không cho gái bắt đầu trước mà phải phụ xướng phụ tụy về sau.

## 6.- Hợp với Thời tiết: Triết lý Chũ Thời

Điểm thứ tư cũng rất nền tảng là sự thống nhất và căn cơ của sự thống nhất đó là **điển tiết cũng gọi là thời tiết**, nên **Kinh Thi cũng có thể coi là quyển triết lý của Chũ Thời** trong đó hai mùa quan trọng hơn hết là **Xuân Thu** mà con én đóng vai đại sứ du hành để thông tin cho các cặp Nam Nữ biết đã đến ngày hội họp để mà “đưa thoi “. Như vậy con én là biểu hiệu của cưới xin tự do đã đưa thoi từ những ngày Xuân của muôn thế hệ trước, nên Trống quân đã trở thành một cơ cấu, một lễ, tức là cái gì u linh trang trọng dù sức vật lộn với văn hóa du mục đến sau.

**Tóm lại yếu tố nền tảng là cuộc Tế trong bầu khí tự do cởi mở của công thể: mọi cái là của chung theo một lối nào đó, có thể tóm vào hai cặp danh từ là Tâm linh và Công thể.** Đó là những đức tính đi kèm Trống quân và sẽ bị văn hóa du mục phá vỡ.

Vì nét đặc trưng của du mục là **độc hữu ngược hẳn với tinh thần công thể của nông nghiệp: Độc hữu là óc cá nhân riêng rẽ với sự độc quyền là hậu quả tất nhiên.** Khi óc cá nhân thắng thế thì mạnh được yếu thua, càng mạnh càng có nhiều, chiếm nhiều, chiếm tài sản, rồi chiếm luôn cả đàn bà làm tài sản, vì thế nảy ra sự căm đoán đàn bà tự do đi lại, cũng từ đó mà nảy ra tục “**nam nữ thụ thụ bất thân**”. Chính vì vậy mà Trống quân trải qua nhiều cuộc lột xác. Ta hãy theo dõi một số trường hợp: trước hết với vương triều.”

## **7.- Lột xác phía vương triều để thành Tế Giao**

### **a.- Tế Giao: biến thể của Trống Quân**

“ Nói rằng lễ Tế Giao phát xuất tự Trống quân là một câu nói khó có thể xác quyết vì nó thuộc phạm vi tiền sử bao la. Rất có thể lễ Tế Giao là hậu thân của hai lễ Phong và Thiện cũng như Phong Thiện là một dị bản chính thức của nhà cai trị có tính cách tương đương với Trống quân của dân gian. **Tuy nhiên trong tiến trình đàn áp Trống quân thì Tế Giao có thể đóng vai trò thay thế và nhân đây là biến thể của Trống quân** như học giả Granet đã nhận xét. Học giả Maspéro cũng cho rằng lễ Tế Giao thêm vào sau đạo Phong Nhiêu, CA p.53. Như vậy là đã hé thấy mối liên hệ giữa hai bên, và trong ý hướng đi tìm chi tiết của liên hệ có thể kể ra những chặng biến thể từ Trống quân hướng về Tế Giao.

### **b.- Lễ Phong Nhiêu**

Ông Granet đã làm điều đó xuyên qua những tục lệ mùa Xuân của nước Trịnh, Trần, Lỗ. **Ở Trần và nhất là Trịnh có tiếng là duy trì được nhiều tục lệ dân gian nhất thì người ta thấy hầu còn nguyên vẹn hình thức Trống quân như trong Quốc phong bài Trần Vĩ.** Ở đây xin chú mục vào nước Lỗ vừa là quê hương của Khổng Tử vừa có sự biến thể rõ hơn. Trong Luận ngữ, thiên XI, câu 25 có lời rằng:

**“ Mộ xuân giả, xuân phục kí thành: Quán giả ngũ lục nhân. Đồng tử lục thất nhân. Dục hồ nghi. Phong hồ vũ vu. Vịnh nhi quy. “**

Chúng tôi nhớ khi xưa mới học Nho đến bài này đã cảm thấy có cái chi chèo kéo bí ẩn lạ thường (như đã bày tỏ trong quyển Tâm Tư, chương IV).

Sau này đọc rộng thêm mới nhận ra nhiều học giả khác cũng khoái đoạn văn trên như vậy, cuối cùng chúng tôi nhận ra sức thu hút của câu văn là **do tinh thần Trống quân còn lớn vớn trong đó:**

**Bàn thờ** là nơi cầu mưa: đó là **đài Vũ Vu,**

**Tư tế** là hai đoàn trai trẻ mỗi đoàn từ 6 đến 7 người,

**Ca hát** là vịnh, là phong ( hóng gió),

**Tế** là sang sông như trong câu **“ dục hồ nghi: tắm ở sông Nghi “** .

**Chịu lễ là quy.** Chử quy theo Vương Thông có liên hệ tới ăn.

Đây là bước thứ hai trên đường hoán thể vì ở bước nhất **sách Chu Lễ còn dùng cả Trai lẫn Gái: cả Vu lẫn Hích** chỉ khác không còn ở tuổi xuân nữa mà đã lớn tuổi, lại đi tu. Đây thì không tu, cũng chưa già nhưng **toàn trai** thì cũng chẳng làm nên được trò trống gì ngoài sự nhai lại kiểu diễn tuồng trong các nội trú Nam sinh: vai Nữ phải hóa trang. Dầu sao đó **không chỉ là một cuộc chơi thường nhưng là một cuộc Lễ,** vì có sửa soạn xiêm áo cho dịp này trong câu ‘ xuân phục ký thành ‘. Rồi lại có ca vũ dưới đài cầu mưa, nên Vương Thông trong sách Luận Hành cho đó là Lễ cầu mưa. Sự thực thì không những cầu mưa mà là **cầu mùa, hay đúng hơn là lễ Phong Nhiêu nhưng đang được “ thặng hoa “** : tức đang trút bỏ những gì không hợp cho thời Chu nữa, thí dụ bỏ bê Nữ để khởi phạm tục “ Nam Nữ thụ thụ bất thân “. Còn hai việc Bôn và đại Âm thì bỏ hẳn. Vương Thông cho rằng việc đại Âm nằm trong chữ Quy mà lẽ ra Quỹ có nghĩa là một thứ tiệc Thánh, nên viết với bộ thực (Fêtes 156). Nếu không là lễ Phong Nhiêu thì tại sao phải hát, phải Ân (Quỹ). Tại sao phải Mặc áo Xuân. Tại sao phải hai Bè. Tại sao phải qua Sông (**dục hồ Nghi có nghĩa như “ thiệp đại xuyên: qua sông “**). Tại sao lại Ca Hát trên Sông và dưới chân Đồi (Vũ vu)? Người ta chỉ tìm ra lời đáp thỏa đáng khi cho đó là Trống quân đang lột xác, nói cụ thể là bỏ hai yếu tố: toàn dân và bè nữ. Đây là cuộc lột xác thứ hai hay ba.

**Còn đợt bốn sẽ đưa sang lễ tế Thiên** (hoặc đây là lễ trung gian giữa Trống quân và lễ Nam giao). Lễ Nam giao xét về nội dung được truyền tụng là có từ đời Vô Hoài thuộc thời đại Thần Nông. Vô Hoài có nghĩa là từ đời nào không ai nhớ được nữa vì lâu quá. Rồi sau đời Tam Đại gọi là Phong Thiện. Phong là tế Trời: đắp đất cao lên làm bàn thờ để tế, còn Thiện là tế đất nên quét sạch đất mà tế (1)

*(1) Có mối liên hệ nào chẳng với câu “ phụ đồng phụ chổi, thổi lỗi ma lên “ và câu hát mùa Lào: tôi cầm cái chổi, tôi quét cái nhà...*

### **c.-Lễ Phong Thiện, Lễ Nam Giao**

Có thể **Phong Thiện** đã là một hình thái biến thể của **Trống quân** và cũng là **tiền thân của Lễ Nam giao**, với mục đích không được rõ ràng như là **Phong Nghiêu của Trống quân**. Vì có lúc thiên về việc cầu tự cho nhà vua. Khi vua ra tế thì đưa cung phi đi cùng, người nào được vua ngự rồi thì được uống rượu và trao bao cung tên để chỉ sự cầu cho có con trai (Fêtes 168). Người ta có thể thấy ấn tích của Trống quân trong những sự kiện đặt vào lễ Giao thấy không ổn. Thí dụ tại sao không tế Thiên trong thành như trong cung điện mà phải ra ngoài đồng, ở phía Nam? Tại sao có thời tế Địa trên phía Bắc, tế Thiên phía Nam? Tại sao lại gọi là Giao khi không có giao nào cả. □ Và ở đây cũng chỉ tìm ra lời đáp thỏa đáng trong Trống quân mà tế Giao là một biến thể: vì có sự giao hợp trên ruộng nên Trống quân là lễ bao giờ cũng diễn trên ruộng. Đã có đạo người ta tế Địa ở Bắc thành, tế Thiên ở Nam, nhưng sau không rõ vì lý do nào lại dôn một: có lẽ vì cách một cái thành thì làm sao mà giao. Vì vậy cuối cùng **đưa cả về Nam và tế Thiên cũng là tế Địa**: có xông hương cho Thiên, đổ rượu xuống đất cho Địa. Còn chịu lễ thì vua ăn và chia cho các quan phần thịt tế gọi là Quĩ. Nếu chỉ có thể là đủ để bù vào chỗ huỷ bỏ cuộc đại Âm trong Trống quân thì đã có những **lễ Bát chá và Na gọi là Trừ tà cuối năm** để đón năm mới nên có ăn uống linh đình. Ban đầu Bát chá và Na là những lễ đi theo mùa gặt. Bát chá là để ăn mừng gặt xong, và thường đặt ở mùa thu. Sau này được kể như lễ cuối năm đặt ở trực Chí, như vậy là từ trực Phân thuộc Nhân chủ chuyển sang trực Chí chỉ Trời Đất, thuộc Chủ Nô (về hai trực Chí và Phân xin xem bài Xuân Thu trong Ngũ Điển). Cách giải nghĩa như trên mới hợp tinh thần xã hội học là dùng tục lệ dân gian để tìm hiểu việc tế tự chính thức. Vì tục lệ có trước và đã đâm rễ sâu vào dân gian không thể phá nên vương triều phải thích nghi.

#### d.- Ý nghĩa chữ Nam Giao

Nếu hỏi tại sao lại gọi là Nam Giao, có người giải nghĩa bằng Cao môi, **Cao môi là thần coi việc môi giới ở phía Nam**: entremetteur de banlieue du Sud (Fêtes 160), nơi mà các bà phải đến cầu khẩn để thoát nạn không con (trừ ki vô tử chi tật) nên chữ Giao do Cao đọc trại. Trả lời thế là gượng, ấy là chưa kể chữ Nam chưa có giải nghĩa. Vì thế xin đưa ra một lời thưa khác: là chữ Giao ( Dao) nhắc lại nơi phát xuất là chi tộc Dao: có lối đọc giống chữ Keo mà người Nùng người Thái dùng để chỉ người Lạc Việt. Lối này giải nghĩa được cả chữ Nam là địa bàn của dân Việt. Dầu sao thì ta cũng đã nhận tên Nam tên Giao tên Dao, cũng như xưa đã là chủ tịch nhóm Trống quân, và hai chữ Giao Chỉ là tên thuận lợi nhất để nói lên sự giao thoa giữa hai chi: Đất Trời, Đông Nam, Sông Núi, Nữ Nam. Vì thế tác động Giao có nhiều: giao tình, giao lý, giao ca, giao thân, và đại âm là giao với Đất (giao thực hồ địa). Như vậy ta thấy nói **lễ tế Giao là biến thể của Trống quân** là câu nói có bằng chứng, tuy xét về nội dung đã mất đi nhiều, nhất là thiếu dân gian và bè nữ nên nét công thể tính, nhưng có lẽ cần thái

bớt như vậy để dành cho nhà vua đăng để trọng thể hóa. Điều đó tốt, giả sử Vương triều đã không cấm Trống quân mà cứ để nó sống song hành với tế Nam Giao thì mới đúng tinh thần hợp tác giữa Chắt gia và Văn gia. Nhưng không may Trống quân đã bị cấm đoán theo óc du mục chủ nô. Nhưng “ phép vua thua lệ làng “ nên Trống quân vẫn sống và cùng với không gian và thời gian mà biến đổi, ta cần đặt vào đó cái nhìn tổng quan. “

## **8.-Lột xác phía dân gian**

### **a.- Không gian và Thời gian của hát Trống quân**

‘ **Biên cương của dân gian hát Trống quân rất rộng từ Hoa Nam xuống tận các đảo Thái Bình Dương, còn thời gian thì có tự rất lâu đời trước vương triều.** Vì thế việc nghiên cứu đòi rất nhiều công sức. Đã có một số học giả lưu tâm và được ông Granet thâm lượm lại ở cuối quyển Fêtes. Xin trích dịch ra vài triết tiêu biểu để độc giả thấy sơ qua những hình thái khác nhau của Trống quân.

**Nhật:** Bên Nhật Trống quân biểu lộ trong **lối hát đối gọi là Kagai.** Đặc biệt là lúc hai bè đang hát bỗng ngưng lại rồi một người trong nhóm nay đứng ra ứng khẩu hát lên một câu, bè kia cũng sẽ có một người đứng ra hát đáp lại: nội dung vẫn là bày tỏ yêu đương. Tác giả có kể ra một số câu mẫu rất nhiều đoạn giống thơ “ Quốc phong “. Lối hát Kagai này vẫn còn được duy trì trong dân gian, tuy giới thượng lưu đã bỏ.

**Tibet và Tân Cương (Fêtes 281):** Người ta ưa thích cuộc hát hai bè bên nam bên nữ đối diện với nhau, vừa hát vừa tới rồi lui lại theo nhịp nhàng được tổ chức vào mùa Xuân và hát công cộng, không được riêng lẻ, nhưng trong lúc làm đồng áng gieo gặt cũng có thể hát.

**Vân Nam (Fêtes 281):** Người Lô Lô làm cả ngày tối lại hát đối. Xong ngồi từng đôi tặng rượu nhau. Nữ tặng trai trước, trai tặng lại sau. Cuối cùng ai về nhà nấy ngủ nghỉ mai làm để rồi tối lại hát nữa. Có nói sau khi hát quay quần cùng uống rượu.

**Lô Lô (Fêtes 282):** Cuối năm có hát mà còn thêm một thứ lửa trại, khởi hát từ lúc đi lấy củi về chụm lửa, sau còn thêm đốt pháp cho thêm rộn ràng. Trong Socio. 125, ông Granet nhận xét thơ Lô Lô rất giống Kinh Thi quốc phong.

**Miêu ở Vân Nam (Fêtes 283):** cũng có Trống quân như người **Miêu ở Quảng Tây** hay người **Thổ ở Cao Bằng**, hai bè Trai Gái cầm tay nhau hát theo nhịp trống Cơm và một thứ dân cũng có những câu hỏi ứng khẩu phải thưa liền, thưa không được bị phạt rượu uống cho đến say mèm. Có nơi người thua bị vò tai rất mạnh.

**Hải Nam (Fêtes 288):** Khi một cậu trai ưa cô nào thì mang đàn đến gảy trước cửa nhà cô ấy. Nếu cô ưng thì ra. Khi đã thỏa thuận về các khoản rồi thì trình lên cha mẹ. Cha mẹ làm lễ cưới tại nhà và cậu trai về ở nhà gái.

**Nam Chiếu** (Fêtes 288): Nơi đây người ta tin tưởng có những vụ mang thai một cách lạ với rồng nhân lúc tắm hoặc khi ra đến giữa sông thì chạm phải cái gậy rồi có thai.

**Người Miêu Tử** có thêm vào Trống quân trò ném cầu làm bằng chỉ ngũ sắc và đánh Trống đồng. Tất cả các sắc dân ở đây cũng như Vân Nam đều có ít nhiều thói tục này.

**Các sắc dân Bô Di**, nam nữ bao giờ cũng hợp thân trước rồi mới cưới sau. Họ không ưa những người nữ ở vậy, y như ở miền Dương Tử Giang và Hán Thủy (Fêtes 291).

**Long Châu** (Fêtes 293): Các người đi dự mang cơm theo, mỗi lần hội có cả trên ngàn người. Tuy tục lệ này bị nhà cầm quyền ngăn cản nhưng vẫn lưu hành trong khắp miền Việt Tây (**Quảng Tây**). Hễ mỗi lần vua quan Tàu cấm thì sinh xôn xao.

**Lô Lô ở Quý Châu** (Fêtes 295) cũng hát trên núi. Có sự đấu tài hùng biện và thi ca. Những cuộc hội này vẫn còn truyền tụng tuy đang dần dần biến mất.

**Bên Java** vợ chồng vẫn giao hợp trên ruộng (Civ I 191). **Mã Lai** cũng có (Fêtes 228).

**Dân Dao, Chi Lao, Lê, Bạch Mán, Thái** được nói tới nhiều nhất. Tất nhiên **Mán, Mèo, Thái, Thổ, Nùng ở Bắc Việt** cũng được nói tới, đủ biết biên cương của Trống quân rất rộng, rộng bằng với cái biên cương của nền văn hóa Viêm Việt.

### **b.- Sự hợp tác giữa Văn gia và Chết gia**

Thứ đến có thể nói rằng khắp thế giới cổ xưa đâu đâu cũng có thể tìm ra vết tích một thứ Trống quân (Civ I 19) nhưng sau đều biến mất hay biến thể trọn vẹn chỉ còn ở **Viễn Đông là tồn tại**. Điều đó giải nghĩa được bằng sức mạnh của nền văn hóa Việt Nho trước sức xâm lăng của vương triều, nên đã xuất hiện sự kiện duy nhất trên đời là có **sự hợp tác giữa Văn gia với Chết gia**, nhờ đó mà chúng ta sẽ tìm ra được chiều kích thâm sâu của Trống quân như sẽ bàn ở triệt sau. Tuy hai bên sống chung nhưng cũng phải lột xác, trong đó **Việt tộc phải bỏ phần bị công kích hơn là hợp thân ngay trên cỏ**, rồi thay vào bằng nhiều trò chơi khác: **đánh đu, bắt chạch, bắt dế, ném cầu**. □ Phần nổi nhất còn lại là **hát Đối**, là nơi nhận được nhiều sự hợp tác giữa **Thôn dân và Kẻ sĩ**. Vì phần hát đối này được biểu lộ sâu xa nhất trong Lạc Việt nên chúng ta sẽ theo dõi cách riêng. “

## **9.- Trống quân với Lạc Việt**

### **a.- Việt ngữ hợp với Trống Quân**

“ **Sở dĩ hát liên hệ mật thiết với Trống quân vì Trống quân chính là đạo Trời Đất**, hay nói cách khác là **lễ hòa hợp Trời Đất nên cần tiết nhịp như Đất cùng Trời, nhất là Trời**. Tiết trời thì như **Sáng với Tối, Xuân với Hạ, tiết Đất thì**

như Đông với Nam, Sông với Núi. Vậy mà hát cũng đầy nhịp, có thể nói đó chính là nhịp nghĩa là chưa cần đến lời thì nhạc đã khởi sự có từ lúc có nhịp. Vậy ngôn ngữ nào giàu nhịp nhàng nhất cũng là giàu nhạc tính nhất, do đó hợp với Trống quân hơn cả.

### b. Giàu song ngữ có tính cách co dãn

Thế mà trong các nhóm Nam Man, Việt ngữ là một trong những tiếng song ngữ nhất: thanh thanh, nhẹ nhõm, vàng vọt, lung tung, lè phè, tà tà. □ Tiếng thêm sau có khi để tăng gia phẩm tính như vàng hoe, đỏ đỏ hoặc để bớt đi như tím tím, vàng vàng, đo đo. □ Nhưng nhiều khi thêm vào coi như là để cho có vậy thôi. Rõ nhất là trong vần iếc: ăn iếc, yêu iếc, học hiếc, chơi chiếc, hôn hiếc. □ Nhờ những tiếng song trùng đó mà Việt ngữ có một số nét đặc trưng như sau: Thứ nhất phải kể đến nét **co dãn làm cho nó biến hóa vô cùng** mà hình thức đầu tiên là **nói lái**. Riêng tiếng nhị âm mới nói lái được, **đa âm như Tây hay độc âm như Tàu đều không có nói lái**. Tây thì đã rõ: dù có tiếng hai âm nhưng không là bản chất của tiếng, nên không nói lái được, thí dụ maison mà lái ra son/mai thì hết nghĩa; còn Việt mà nói “ cà nhái “ cũng hiểu liền là cái nhà. Tiếng Tàu không thể nói lái. Lối ký âm trong tự điển kiểu Ngô Hoàn chiết đọc là Ngoan không phải là nói lái. Tiếng Tàu đôi khi kể một hai tích nói lái thì quá cầu kỳ (xem Vân Đài Loại Ngữ quyển VI, câu 42 có cho một thí dụ dài lê thê). Có lẽ vì thế Tàu ưa dùng lối đồng âm. Con dơi Tàu đọc là Phúc nên vẽ hình dơi để chỉ chúc Phúc, vẽ con Hàu để chỉ hàu tước....

### c.- Giàu nhạc tính

Tính chất thứ hai là giàu nhạc tính đến độ nói thông thường đã có nhạc tính rồi, như nhận xét của nhiều người ngoại quốc rằng: nói tiếng Việt đã là ca hát. Có thể vì đó mà ta có những danh hiệu đồng hóa được với ca hát chẳng như Lạc và Dao, Lạc cùng với nhạc viết như nhau (nhạc giả lạc dã), còn Dao thì là ca dao, có thể hiểu là tiếng hát của người Dao hay Giao Chỉ. (Tàu viết Dao, Diêu, Giao khác nhau mà thấy chưa là yao cả).

### d.- Nói như Thơ, Thơ như Nói, Nói Thơ đều để ve

Tính chất thứ ba là nói với thơ hầu như một gieo vần ngay trong câu nói “ **có mới nói cũ, vì cây giây quần** “ Vậy mà đó là thể lệ trong lúc hát Trống quân. Trong đó nói bằng thơ, hỏi bằng thơ, thưa cũng phải bằng thơ. Thế mà hầu như không ai cho đó là chuyện khó. Hỏi là thưa liền, ứng khẩu thành thơ. Đây là chỗ phải nói về ve. Ve là một lối ở giữa thơ và nói. Nói như thơ, thơ như nói, rất hợp cho Trống quân. Nên ghi ra đây như giả thuyết làm việc là **Ve do chữ Ve mà ra, mà Ve là Ve gái**: “ ve ve ve bắt ve con nhện “ . Và khi đã có sự ưng thuận thì bắt ve. Ai bắt



về? Bắt về đâu? **Thời xa xưa là gái bắt trai.** Người đàn bà Radhé hiện còn nói “ không đủ tiền đi bắt cái chồng” . Sau này khi phụ hệ lên chân thì trai bắt gái. Xa xưa nữa là bắt cóc. Sau này bỏ tục bắt cóc thì vẫn còn một vài nơi giữ một số nghi thức để giả dò bắt cóc. Theo đó câu truyện Sơn Tinh Thủy Tinh là bắt gái về núi.

### **e. Triết lý “ Chí Trung Hoà “ trong cách gieo vần Thơ**

Một điều cần phải nhấn mạnh cho tâm thức hiện nay hay khinh thường những cái giản dị, tưởng về dễ quá nên không có gì cao sâu, sự thực là không thiếu cao sâu cả trong thơ lẫn trong tiết nhịp. Thứ nhất về thơ thì về là thơ không những trong tiếng đôi mà luôn trong câu đôi, đó là lục bát so le làm nên nhịp câu. Cả nhịp tỏ trong từng từ (6-8) lẫn nhịp ngầm trong cặp đôi từ (3-4). **Còn triết lý thì nó ẩn trong một nét lạ lùng là gieo vần trên lưng câu sau:**

**Trăm năm / trong cõi / người ta**

**Chữ tài / chữ mệnh / khéo là / ghét nhau.**

Triết lý ẩn bên trong sự vụ là tinh thần “ chí Trung hòa “ của nền văn hóa Đông Nam: theo cung Ngũ hành thì Đông số 3 chỉ Trời, Nam số 2 chỉ Đất. Đất cũng chỉ bằng các số chẵn khác như 4, 6, 8. Số 3 trời đi với 2 đất thì ra số 5 trong Ngũ hành. Số 3 đi với 4 thì ra bánh Trời bánh Đất.

**Áp dụng nét Song trùng vào hai số 3, 4 thì ra 6-8. Đó là số của thể thơ lục bát.** Nên thể thơ này gọi được là thể thơ riêng của nước, y như bánh Dày, bánh Chung, hay con số Vài Ba, bào thai của Ngũ hành vậy. (1)

*(1) Lần viết đầu tiên tôi móc nối câu thơ với quẻ Chấn Li (xuất Chấn hướng Li). Chấn số 4 Li số 3 nhân đôi thành 8-6. Nhưng sau xem lại sự móc nối đó không uyển chuyển bằng móc nối với Ngũ hành.*

### **g.- Trống quân với nhịp Song trùng của Ta**

Nói theo tiên thiên thì là “ 3 Trời 2 Đất “, tức là bao hàm được tiết điệu vũ trụ vừa trong hai câu thơ, vừa trong từng cặp đôi tiếng, vừa trong bước chân vũ tức là tiết nhịp đầy ắp, nên câu thơ lục bát nói lên cái nhịp của Trống quân hơn hết, cũng là nhịp Song trùng đã xuất hiện với dân tộc từ mãi xa xưa. Bởi đó khi đọc lên những tiếng đi đôi nó gây cho ta cảm giác man mác nhiệm mầu là do cái tiết nhịp cũng như thể thơ và triết lý tàng ẩn bên trong. Vì xuất hiện quá sớm nên khi Hoa tộc vào nước Tàu thì không đổi nữa mà chỉ còn cách thích nghi. Trước hết bằng đưa vào tiếng Tàu nhiều cặp song ngữ. Mở đầu Kinh Thi đã thấy hai chữ Quan Quan (thư cưu) rồi kể tiếp biết bao tiếng khác:

**Đào chi yêu yêu**

**Săn săn hề**

**Hoàng hoàng hề**

**Ân ân, diên diên...**

Những tiếng đôi đó có đầy trong Kinh Thi □ Ông Granet đã thu thập vào trong ba trang lớn rồi nhấn mạnh rằng những cặp chữ đôi đó gọi là cái gì cụ thể như những bức họa bằng lời: Comme de véritables peintures vocales (Socio 114).

### **h.- Những tiếng ngân nga của Ta và Hư tự của Tàu**

Việc thứ hai là đưa các **Hư tự như các chữ Tư, Hĩ, nhất là Hê** lên bậc từ chính cho chiếm một chỗ trong câu thơ. Điều đó với tiếng Việt không cần, nên những tiếng ngân nga (í, a, tình, tang, tính) đứng ngoài thơ là vì tự nhạc đến thơ không gặp khó khăn nào như đã nói trên về về. Còn Tàu thì gặp khó khăn khi thơ muốn tách khỏi nhạc, nên phải dùng nhiều Hư tự. Sau này Ly Tao dùng Hê thả dần là do thơ đã gần tách hẳn khỏi nhạc để sống độc lập, nên phải thêm tiếng Hê để người đọc có cảm tưởng hát, mà đồng thời cũng là chắm câu dùng lời thay cho dấu chấm. **Chữ Nho không dùng dấu chấm câu là do chịu ảnh hưởng quá nặng văn Trống quân đó.** Còn lại mấy cái khác như nhịp câu thì Tàu không có mấy thành công. **Kinh Thi hầu hết câu 4 chữ. Sau này chỉ có thơ ngũ ngôn, thất ngôn, vẫn gieo vần ở cuối cả. Không có nhịp từng cặp từ.** Sài Ung đã cố đưa thể tứ lục vào thơ Trung Hoa nhưng không được phổ biến, vì không phải cơ cấu của tập thể mà là của một cá nhân. Thứ đến câu 4 quá ngắn không đủ diễn tả tư tưởng cách đầy đủ, nên không chơi nổi vai trò tiếng nói thông thường như thể lục bát. Ấy là chưa nói tới cái vụ câu 4, không theo lối gieo vần trên lưng câu 6 nên thiếu chiều sâu của triết lý.

### **10.- Lạc Việt là chủ của Trống quân**

Trên đây là thử phác họa sơ sài ảnh hưởng Trống quân trên ngôn ngữ và do đó trên tư tưởng của Tàu, một nền tư tưởng xây trọn vẹn trên cặp đôi Âm Dương mà Âm Dương chỉ là kiểu thức hóa các cặp đôi trong Trống quân. **Vậy tiếng Lạc Việt vốn đã là cặp đôi nên có lý do chân chính để nói Lạc Việt là chủ chính của Trống quân.**

**Câu chuyện Âu Cơ** đưa 50 con lên núi, Lạc Long Quân đưa 50 xuống biển với hai cái tết mồng 5 tháng 5 xuống Nước nên có cuộc đua thuyền, và tết Trùng cửu ( 9 / 9 ) là lên Núi gọi là đăng cao để hái hoa vạn thọ để chỉ thu thường, có thể giải nghĩa là phát xuất từ nguồn gốc xa xưa của Trống quân. Vì tổ chức đúng chỗ thì khi khởi hát một bên từ Núi xuống một bên từ Sông qua. Khi ca dao nói:

**Công cha như Núi Thái Sơn,**

**Nghĩa mẹ như Nước trong nguồn chảy ra,**

thì **nền tảng siêu hình phải là cặp Song trùng Sơn Xuyên nọ.** Chính cặp đôi đó đã làm nên cho 8 quẻ **Kinh Dịch** vì cả 8 có thể quy vào hai thực thể là Núi và Nước.

Núi: Lửa, Gió, Mẹ = Cấn, Li, Tốn, Khôn

Nước: Sấm, Ao, Cha = Khảm, Chấn, Đoài, Kiền

Khi mẹ ông **Bành Tổ** giờ nách Tả sinh ra ba con, giờ nách Hữu sinh ra ba con nữa, cũng như 6 anh em Hi Hòa: 3 bên Tả, 3 bên Hữu đều phải quy chiếu vào cặp Nước Non sơ nguyên nọ mới hiểu được mối liên hệ nằm ngầm. Còn khi bỏ huyền thoại mà nói bóng thì ra:

**Quốc tắc ỷ sơn xuyên**

**Sơn băng xuyên kiệt**

**Vong quốc chi trung dã (Sử Ký II 278).**

Nước dựa vào núi sông: khi núi lở sông cạn thì đó là điềm triệu báo hiệu nước sắp mất, nên có niềm tin truyền đời như sau:

**Sông Nghi sông Lạc cạn nhà Hạ mất,**

**Sông Hà cạn nhà Thương tiêu.**

**Núi Thái Sơn sứt là điềm nguy khốn.**

Vì Sông Núi chính là biểu tượng Trời Đất, cũng như 2 quẻ Kiền Khôn là hai trụ cột cho nền Đạo lý giữ nước. Đó là điều chúng ta phải hiểu khi “đứng lên đáp lời Sông Núi”. Đó cũng là đứng lên đáp tiếng gọi của Tiên Rồng, của con người tiêu ngã đứng lên đáp tiếng gọi u linh của Nguyên Tinh. Có thấy mối liên hệ sâu xa đó mới nhận ra giá trị nghệ thuật ẩn trong thể thơ lục bát Trống quân. “

### **11.-Trống quân trình bày một Vũ trụ sinh sinh hoá hoá**

“ Sau khi đã biết tiến trình giao thoa của hai nền văn hóa Nông Du, sau khi đã hiểu lý do vì sao Du mục cắm đóa hay bôi xấu Trống quân, sau khi đã hiểu sự sống dẻo dai của Trống quân xuyên qua nhiều thời đại trong một biên cương bát ngát hẳn không còn ai phải ngạc nhiên nữa về câu nói Trống quân vốn là một cuộc Lễ, trái lại có thể yên lòng tìm hiểu đến chỗ thâm sâu của nó.

**Ai cũng biết Tế tự là rồn của Tôn giáo, mà Tôn giáo là để kết hợp với Thượng Đế. Hiểu theo nghĩa cao siêu hơn hết Thượng Đế là cái toàn thể u linh nên việc gì bất cứ nếu giúp con người kết hợp với toàn thể u linh thì là Tế tự. Vậy mà đó là ý chính của Trống quân trong buổi sơ nguyên. Hát Trống quân là để hòa hợp với Trời bằng ca hát nhịp nhàng.**

Thứ đến là hòa hợp với Tha nhân trong mối tình sâu thắm hơn hết là hai người Trai Gái hợp thân.

Ba là **ăn với Đất bằng Đình Đám** vì thế phải nói không những là một lễ nhưng là lễ trọng nhất, đầy đủ nhất. Nó trình bày một Vũ trụ quan của “**Hóa nhi đa hí lộng**” hay một Vũ trụ sinh sinh hóa hóa. Rồi một **Nhân sinh quan cũng theo nhịp vũ trụ**: Cá nhân có ăn uống. Dòng tộc có Hợp thân giúp Trời Đất sinh hóa là sinh con và nuôi dưỡng giáo hóa. Vì thế đó là lễ Phong nhiêu.

### **12.- Trống quân: Một vũ trụ quan Thống nhất**

Có hai lối hiểu, một lối Bái vật là năm nào không có Trống quân, không có Hợp thân trên ruộng, năm đó mất mùa. Còn một nữa thăng hoa theo lối Tâm linh gọi là

giúp Trời Đất hóa dục: “ **tán thiên địa chi hóa dục** “ . Tức nói lên sự đóng góp của con Người vào cái Tiết nhịp cao cả của vũ trụ để làm nổi bật lên mối “ **Thiên Nhơn tương dữ** “ **đã được đổ khuôn vào thuyết Tam tài**. Đó là một Vũ trụ quan thống nhất bao gồm trọn vẹn cả kinh tế, chính trị, tôn giáo, ăn, chơi, hát, xướng.

### 13.- Trống quân: Thỏa đáp 3 nhu yếu nền móng của con Người

Con người thời nay quá quen với ý niệm nhị nguyên tách rời không thể chấp nhận được sự đi đôi của Du hí với Tế tự, nhưng với **quan niệm nhất nguyên lưỡng cực thì chỉ có một toàn thể không có gì Tục với Linh, nhưng Linh bao hàm Tục y như nội ngoại gắn bó vậy**. Cho nên Chơi cũng là thành phần của Lễ, vì Chơi biểu lộ bản chất con người hơn hết ở chỗ nó siêu thoát, không còn cầu lợi nữa nhưng đã nhô đầu vào cõi An hành là đợt đầu tiên để kết hợp với toàn thể u linh. Cho nên hiểu theo vũ trụ quan “ **thiên địa vạn vật nhất thể** “ **bất phân ly** thì Trống quân dù có đi kèm với những cuộc Du hí, ăn uống linh đình vẫn không mất chút nào tính chất cuộc Tế lễ của nó cả. Trái lại càng biểu lộ đến cao độ nền minh triết thâm sâu vì đã thỏa đáp được cả ba nhu yếu nền móng của con người: “ **Thực, sắc, diện thiên tính dã** “ .

### 14.- Trống quân: cuộc Lễ gồm đủ Tam Tài

Xưa nay Lễ hay bị quan niệm quá cao khi chỉ hiểu là cuộc kết hợp với Thượng Đế trừu tượng ngự trên cao xanh. Vậy là lệch lạc vì mới có hàng dọc Lý trí khô cằn. Hoặc lại hiểu theo kiểu tả truyện “ **Tễ là để điều chỉnh việc dân** “ . Vậy là mới có hàng ngang.

**Lễ mà đầy đủ phải có cả Ngang cả Dọc: cả Trời, cả Đất, Người đều tham dự**. Nói khác là cả Ý, Tình, Chí phải được thỏa thuê mới đúng câu: **sử thần nhơn bách vật vô bất đắc kì cực** ( làm cho cả Thần, cả Người, cả vạn Vật đều được thỏa thích cùng cực). Fêtes 189. Câu này nói về lễ **Bát chá**, là lễ bế mạc mùa gặt mà sau này đổi ra **lễ Tất niên**, trong đó có cuộc đại ẩm là nét còn ghi lại dấu trong Trống quân, khiến mọi người được no say nhảy múa như điên (**quốc chi nhơn giai nhược cuồng**) điều đó bị người theo thuyết Thanh giáo khắt nghị khinh chê, nhưng thực ra đó mới là bản chất của lễ, cũng gọi là Tiết, ta đọc là Tết. Lễ hay Tết phải có một cái gì qua mức thường để biểu lộ sự thoát khỏi quy ước thường nhật; đó là một yếu tố quan trọng của lễ. **Toute fête est un excès** là câu nói mà con người thời nay không hiểu nổi nữa vì bị đè nặng dưới ảnh hưởng của thanh giáo. Còn ở thời sơ nguyên khi chưa bị những quy ước trái khoáy của Du mục bẻ quặt thì Trống quân là một cuộc Tế lễ toàn vẹn có Ăn Uống, Hát xướng, Giao hoan và do đó nó gây âm vang sâu thẳm vào lòng con người đến độ chỉ huy cuộc sống trong cả năm, từ ý nghĩ, việc làm, lời nói, nó gây sức mạnh đến nỗi mọi lời khác đã

qua đi nhưng những lời hát trong Trống quân được giữ lại, như ca dao tục ngữ hay nếu đã có văn học thì như Kinh Điền.

**Kinh Thi chính là kết nạp những bài đã hát trong Trống quân (Fêtes 224). Còn trong Việt thì Trống Quân kết tinh vào Trống Đờng.** Trống Đờng không chỉ khác hơn là tinh túy Trống Quân, nơi Âu Cơ tiên đang lao xuống miệng rồng là bố Lạc.

### **15.- Hát Trống Quân : Lối thông giao với nguồn Tâm linh**

Đây là chỗ cần đặt câu hỏi tại sao lại nói Trống Quân. Có nên viết là chống quân với ý nghĩa hai đạo quân chống nhau chẳng: opposer toupes? (như ông Nguyễn Văn Huyền đề nghị trong Chants alternés p.29). Thừa viết chống không hẳn sai nhưng muốn toàn vẹn phải nói **Trống Quân với ý nghĩa để Trống.** Ý như cái trống Trời trống Đất phân hai bè Nam Nữ cũng để trống mặt. Và sau này khi đã làm thành Trống Đờng cũng để trống một mặt gọi là **Trống Bộc** (Huyền 28) tức là Trống của **dân Bách Bộc** (trên Bộc trong dâu) cũng như Trống Đờng cũng phải để một mặt trống mới đúng tên là Trống, là “ thần cô đánh ở kinh đô Việt mà tiếng ngân mãi tới Lạc Dương “.

**Đó là để nói lên lối thông giao với toàn thể u linh vốn là vô biên là cái không thể diễn tả mà chỉ biểu lộ bằng nhạc, bằng sự im lặng, bằng trống rỗng tâm hồn.** Vì lẽ đó cái Trống phải để trống một đầu, sau này người ta mất ý thức nên **bịt luôn hai đầu,** mà vẫn cứ kêu là trống, là đánh trống, mà thực ra là đánh bịt, đánh búng, đánh lũng búng vòng ngoài đối kháng làm ra hai bè chống nhau mà không biết đến vòng trong sinh sinh nội tại. Như thế là **sa đọa tự nhất nguyên lưỡng cực độc ra nhị nguyên bịt kín:** chọn một bỏ một theo kiểu biện chứng, ý hệ , không còn hợp với dịch lý kết hậu bằng quẻ vi tế, tức để trống đầu cuối cho nó mở sang cõi vô biên. Ý như hội họa mà đi đến cùng kỳ cực phải như **Mã Viễn “ vẽ bằng không vẽ “** tức biết phối hợp cảnh vật với quăng trống lúc ấy đóng vai vô biên. Chính sự hiện diện của quăng trống kẻ như một thực tại vô biên đó đem lại cho bức họa nét trầm hùng bi tráng không tìm thấy ở nền hội họa nào khác như René Grousset nói về bức họa “ **chiếc thuyền câu trên ao thu** “ của Mã Viễn “ *une des oeuvres les plus poignantes de la peinture de tous les temps* “ ( La Chine et son art p.177, 186 ) vì nó cũng nằm trong một nền triết lý của quẻ “ Vi tế “ tức của cái trống, cột trụ của Trống quân. “

### **III.- Địa vực lễ lạc: Nguồn gốc văn minh**

*( Triết lý cái Đĩnh: Kim Định )*

#### **Ba cái Tết: Ba cái Lễ sống**

“ Điều đặc chú trong chương này là địa vực một số lễ được coi như ẩn tích của tác giả văn minh. Nếu văn minh là nông nghiệp mà nội dung các Lễ cũng là nông

nghệp thì ở đâu mừng lễ đó tức đây là chủ khởi sáng ra nền văn minh. Tính chất các Lễ nông nghiệp là đi sát thiên nhiên như mùa gặt mùa cấy, hoặc những hiện tượng thiên nhiên như ngày Trùng ngũ mừng mặt trời vào cung Ngọ. Nói chung là các Lễ này hướng nhiều đến sự sống, và gọi là Tết:

**Tết Nguyên đán**

**Tết Đoan ngọ**

**Tết Trung thu.**

Có lẽ ý nghĩa chữ Tết là một lối đọc chữ Tiết, hiểu là Tiết nhịp uyên nguyên mà mọi tác động đều nhịp theo thì mới đạt cảnh thái hòa “ **phát nhi giai trúng Tiết vị chi hòa** “ (D.T). Theo Tiết là những nhịp sống cao độ mà mọi cơ năng đều cố vươn lên cực điểm để cùng nhịp theo với tiết điệu thiên nhiên. Vì thế mà có những cuộc vui, tung bừng ăn uống đình đám kèm theo nói lên sự sống tràn ngập. **Văn minh nông nghiệp đặt nền trên sinh sinh nên chú ý nhiều về sống hơn về chết** như Lễ Thanh minh, Lễ các Vong hồn là những Lễ không được chú ý lắm và phần nhiều mang nặng ảnh hưởng Phật giáo. Chúng ta chú ý đến ba cái Tết (Lễ sống). Tìm hiểu nơi phát xuất của cái Tết với những biến dạng của nó xuyên qua các đời và hiện nay còn những đâu giữ nhiều nhất v.v□ thì đây là việc dài hơi của một nhóm nghiên cứu và thuộc về văn học xã hội hay cổ tục học. Ở đây chúng tôi không bàn kỹ về các lễ mà chỉ nhằm ghi lại ít nét thuộc địa vực phát xuất hoặc duy trì. (1)

*(1) Trong việc này chúng tôi có nhờ đến tài liệu của một số học giả trong đó phải kể tới quyển Chinese Festivals của giáo sư Wolfram Eberhard (Henry Schuman 1952 N.Y). Tác giả đã tốt nghiệp về triết học, xã hội và Nho học năm 1931. Năm 1933 được hội Baessler cấp học bổng cho sang Tàu nghiên cứu về cổ tục học nước này. Luôn thể ông có dạy Đại học Bắc Kinh cũng như Bắc Bình. Nhờ nghiên cứu tại chỗ nên sách của ông là những tài liệu đáng tin cậy có thể dùng làm tiêu điểm đầu tiên cho những ai muốn đi sâu vào đề tài.”*

### **1.- Tết Nguyên đán**

“ Trước hết là Tết. **Cái Tết của ta rất lớn lao như chưa có đâu ăn Tết trọng thể bằng:** kéo dài đến cả hai tháng. Tháng Chạp sửa soạn còn tháng Giêng thì ăn Tết ở nhà và tới nay tuy đời sống bắt phải giản lược nó vào những chiều kích bé nhỏ, nhưng so với các nơi khác Tết vẫn còn to hơn, lâu hơn nhiều lắm. Có một điểm mới xuất hiện là bên Tàu, Đài Loan, Nhật đã bãi bỏ Tết để ăn Tết Tây, trái lại bên Việt Nam mặc dù ở vào tình trạng thuộc địa thì lẽ ra phải bỏ Tết trước hết, vậy mà vẫn giữ Tết thì có nên xem đó như một dấu chỉ ngầm rằng xưa kia Tổ tiên Việt đã đặt ra cái Tết? Đây chỉ là một sự gợi ý mời các nhà nghiên cứu về sau, ở đây chúng tôi chỉ tìm hiểu ít nhiều nét riêng biệt của ba ngày Tết.

### a.- Gia đình tính

Điều nhận xét đầu tiên nằm trong chữ “ **tháng Giêng ăn Tết ở nhà** “.

Đây là nét đặc trưng, bởi vì Tết là Lễ trọng thể nhất cũng như lâu dài nhất trong năm mà lại không mừng ở Đền Chùa cũng như không ở những công sở mà lại mừng ngay ở nhà thì điều đó biểu lộ gia đình là nền móng của xã hội, mà **không có gì khác thay thế được kể cả Tôn giáo lẫn Chính quyền**. Về phía chính quyền thì đã có mấy Lễ chung rồi như hai Lễ “ té Đế, té Thường “ hay một hai kỷ niệm gì đó gọi là Quốc khánh thì nói chung dân vẫn tỏ ra hờ hững, họ để chú ý vào đó may ra được một phần mười, còn tất cả dốc trọn vào cái Tết phần lớn nằm trong khuôn khổ gia đình.

**Vì thế những chế độ ghét gia đình như cộng sản đều cố gắng quốc gia hóa cái Tết** như thí dụ cho nghỉ ngày mồng một còn mồng hai thì dân phải thi đua trồng cây cho nhà nước. Đó là dùng võ lực để tước đoạt gia đình. Phía các tôn giáo cũng có tính cách kéo Tết ra khỏi gia đình ít là một phần. Không thành công vì chỉ có thể kéo ra khỏi gia đình để đem đến chỗ tinh thần hơn. Nhưng theo quan niệm Việt Nho thì tinh thần đã lại nằm sẵn ngay trong nhà rồi nên không có gì hơn mà phải ra ngoài nếu có ra chăng thì cũng là rất chóng vánh: đi lạy Phật, hay hái xăm một lát rồi về “ ăn Tết ở nhà “.

### b.-Táo quân

Điều biểu lộ tinh thần gia đình thứ hai là tục Táo quân. Ngày 23 tháng Chạp ông Táo về trời lập bộ về các việc đã xảy ra trong năm qua có liên hệ đến nước đên gia đình. Đây là một Tục Lệ coi có vẻ dị đoan nhưng biểu lộ niềm tin vào Hoàng Thiên Thượng Đế của các dân Viễn Đông. Đêm 23 tháng chạp các gia đình thường tiễn ông Táo một bữa cơm thịnh soạn những món ăn toàn là đồ ngọt, cốt để cho khi lập bộ ông dùng những lời lẽ ngọt ngào. Vì thế mâm chất bánh ngọt, mật, lại thêm một xị mật ong để bôi mép ông Táo! Lễ này do các ông phụ trách, còn các bà lo bếp núc không tham dự. Nhân dịp này ông Eberhard nhận xét về **mối liên hệ giữa Người và Thần trong xã hội Viễn Đông**. **Tuy Thần có quyền phép hơn nhưng đó chỉ là sự khác về cấp bậc, chứ không về giống loại**. Thần cũng chỉ là những công chức, một thứ quan lại, coi một việc nào đó mà nếu không chu toàn nhiệm vụ thì phải đổi đi. Thí dụ khi trời đại hạn dân đã cúng tế đàn hoàng mà thần vẫn không chịu làm mưa thì rất có thể tượng thần sẽ bị đem ra phơi nắng để ném mùi đại hạn là gì. Cũng có thể bị quăng vào đống rác, rồi dân làng viết đơn lên Thượng Đế xin sai xuống một ông thần khác đặc lực hơn. Học giả Eberhard thêm rằng: tuy người Âu Tây chúng ta coi là buồn cười nhưng **theo các nhà tâm lý thì lối quan niệm bình đẳng với thần thánh kiểu này không gây ra cảm tình tội lỗi hay ý niệm bị lệ thuộc quá đáng vào quyền năng thần thánh, đó là điều có sức cứu gỡ tâm hồn khỏi nhiều sự căng thẳng thần kinh do sự dồn nén, sợ sệt thần thánh, nên giúp cho con người cảm thức được quyền hạn riêng của mình**. Tuy

biết mình là một vật nhỏ không có nhiều quyền năng nhưng có một số quyền lợi bất khả sang nhượng, và hai bên đều có ăn sang ăn giả chứ không một chiều như bên Âu (Festivals 22).

**Đối với Tục Lệ Táo quân ta có thể coi như việc thanh toán sổ sách trong năm sắp qua đang có thể bước vào năm mới với tâm hồn thanh thản.**

### c.- Tổ tiên

**Ngày mồng một đầu năm là ngày trọng đại hơn cả**, cũng là ngày nói lên tính chất gia đình đầy đủ hơn hết vì đây không còn phải là gia đình nhỏ hẹp nữa nhưng là đại gia đình về ăn Tết, trước hết các **Tổ tiên** đã qua cũng được thỉnh về để cùng ăn Tết với con cháu. Còn về hàng ngang nghĩa là những người đang sống thì dù ở xa mấy mặc lòng trong mấy ngày Tết **gia đình cũng cố tụ họp** để cùng chung vui. Bởi vậy có thể nói ngày mồng một Tết là tuyệt độ cao của đời sống gia đình trong đó mọi người đều được nhắc đến nhờ có **Tục Lệ đọc và ghi gia phả**. Ông Eberhard có nhận xét về việc ghi gia phả trong dịp này như sau: “ **Bất kỳ đứa con nào sinh ra dù là chết yểu cũng được ghi chú tên tuổi phần số** để lại các thế hệ về sau, nhờ đây ai nấy đều có một địa vị trong cái chuỗi dài bất tận của các thế hệ.”

Thật là một điều đáng suy nghĩ trước sự đổ vỡ của gia đình hiện nay, các nhà tâm lý nói đi nói lại rằng rất nhiều những khó khăn nội tâm của chúng ta như bệnh thần kinh là hậu quả những **cảm thức bất an ninh** cách sâu xa, bởi ngay từ trong những ngày bé bỏng đứa trẻ đã cảm thấy mình trợ trợ trên đời: **vì sống trong một nhóm tuy là gia đình nhưng thực chất chỉ là một đơn vị kinh tế**. Trái lại ở đây ai nấy đều có một địa vị ngay từ lúc bé thơ và truyền lại mãi về sau. Nó vẫn là một phần trong công thể, mặc dù ngày mai có xảy ra sao đi nữa nó vẫn là một phần tử nên vẫn còn được tham dự trong buổi tiệc đầu năm này. “;

“ Our psychologist tell us over and over that many of our inner difficulties, our neuroses, are the result of a deep-seated feeling of insecurity which begins in the early days of childhood when the child feel itself alone in this world, living in a group of people called “ family “ but representing no more than an economic unit. Here in this Chinese framework every member has his definite position. Has the security from the early day of his birth: each individual knows that he will have place in this record over his lifetime and in all future time. He is a member of a community, come what may, and will remain a member even after his death. He will take part, even then, in this sacrifice on New Year's.” (Festivals 43).

Tôi biên lại cả bản văn để độc giả có thể đọc trong chính văn cảm nghĩ của một tác giả ngoại quốc về tính chất gia đình của ngày tết, đang nhìn ra những điểm rất sâu xa nhưng vì chúng ta ở trong cuộc quá quen nên không nhận thấy được, nên cần nhớ đến những suy nghĩ của người ngoại cuộc xem bằng con mắt lạ lắm tra hỏi thì cũng là điều hay. “



#### d.- Múa Lân

“ Trong các trò vui công cộng dịp Tết thì có tục múa Lân. Trong lúc múa người ta vừa múa vừa ca những bài hát Phương Nam “ leader of the group sang the Southern song “ (Festivals 15). Tôi ghi điểm này vì coi là kiện chứng cho **tính chất phương Nam của ngày Tết, tức là chủ tịch thuộc Bách Việt rất ưa ca vũ.** Nhưng từ năm 200-100 t.c.n xảy ra một sự đứt khúc rõ rệt gây nên do sự **thắng thế của Hán Nho tức một thứ Nho đã bị trộn quá nhiều chất Thanh giáo Bắc phương nên từ đây ca vũ bị trụt xuống dần cho tới độ “ xướng ca vô loài “, và dân ca chỉ còn sống bám víu vào một số lễ lạy mà thôi. Bởi vậy cần phải có con mắt tinh tế nhìn những cái bé nhỏ để tìm ra dấu vết của nguồn gốc chúng ta.”**

#### 2.- Đọan Ngọ

“ Tết Đọan Ngọ đã được bàn tới trong **Việt Lý bài Âu Cơ tuý**, ở đây chỉ ghi nhận thêm ít điểm minh chứng đó là Tết của Việt tộc. Điểm trước hết thuộc **màu dùng trong Tết này là sắc Đỏ** để chỉ sự sáng nóng, mặt trời, mùa hạ, sự sống, vì thế đây là Lễ Sóng thứ hai gọi là Lễ “ cầu may “ hay Lễ của sự sống thuộc phương Nam “ double fifth is a Southern festival, lucky festival or festival of the Living” . (Festivals 70-71).

**Vì thế Tết này ít có ở phía Bắc, ngược lại được mừng trọng thể ở phía Nam nước Tàu,** tức trong miền của Bắc Việt. Một trong những trò vui của Tết là cuộc **đua thuyền** trong đó có hai dấu nói lên tính chất phương Nam: một là **mỗi thuyền gồm 50 người.** Con số 5 vừa nói lên ngày mùng 5 tháng 5 mà đồng thời cũng nói đến “ **50 con theo mẹ lên núi, 50 con theo cha xuống biển”** .

Thứ hai là **dùng công để đánh hiệu đua thuyền. Công đi với bà nên là dấu chỉ thuộc Viêm Việt.** Tuy nhiên những yếu tố này dễ mất ý thức nên sau lẫn lộn. Nhất là vì Tết này bị vương triều cấm đoán ít ra hạn chế thí dụ việc đua thuyền, vì khi đua thuyền người ta **hát những bài của Khuất Nguyên rất dễ gọi lòng ái quốc,** nhưng còn vì một tục lệ nguy hiểm cho tính mạng Hán tộc. Không hiểu tục thi bơi thuyền có từ lúc nào, nhưng về sau nó kéo theo sự kỷ niệm **Khuất Nguyên là người Nam Man thuộc nhóm Thái hoặc Dao tức Bách Việt (Festivals 75)** vì không được vương triều **thâu nhận những bản điều trần mà tự vẫn,** thì đây là **một mối thù của dân gian đối với vương triều của Hán tộc, và vì thế có tục bắt một người Hán để đến ngày đua thuyền thì tế đặng báo thù cho Khuất Nguyên. Đây là tục lệ nguy hiểm cho Hán tộc nhất là những người có bộ râu dài đẹp.**

Dân Nam Man bắt người có họ đưa về nuôi nấng đàn hoàng để đến ngày trùng ngũ đưa ra dim sông tế Khuất Nguyên. Về sau vì có nhiều biến đổi, nhiều hiện tượng dị đoan len lỏi vào như việc thả cơm cháo xuống nuôi hồn Khuất Nguyên v.v□ (Festivals 76). Nhưng ý tưởng cầu mưa để đặng mùa màng phong đăng luôn

đi kèm Lễ, nên ta vẫn có thể nhìn ra được gốc gác của nó thuộc nông nghiệp và từ phương Nam phát xuất.”

### 3.- Trung Thu

“ Trung Thu là **Tết Sóng thứ ba hoàn toàn có tính cách đàn bà**. Trước hết đây là Lễ đặc biệt thuộc mặt Trăng. Vì thế **không mừng đúng vào ngày Thu phân là 21 tháng 9 dương lịch, mà lại mừng vào ngày 15 tháng 8, thường là cuối tháng 9**. Cứ kê ra thì Lễ nào cũng gọi được là thuộc mặt Trăng vì theo lịch Viễn Đông thì tháng tính theo mặt Trăng biểu thị nguyên lý Mẹ. Nhưng Lễ này còn có thêm hai nét nữa nói lên nguyên lý Mẹ là mừng về Đêm, nên **có tính chất “ lãng mạn “ nhất** (it is undoubtedly the most romantic. Festivals 79). Hai nữa là việc **Tết Tụ thì do các Bà chủ sự**. Tại sao lại thuộc các Bà? Lý do sâu xa là vì **mùa gặt là công các Bà**. Thời sơ nguyên đàn ông đi săn, đàn bà ở nhà nghĩ ra việc gieo, mà đã gieo thì rồi có gặt, cho nên mọi Tết đều có tính chất Mẹ hơn Cha. Nhưng vì hậu quả của gặt kéo dài hơn nên có lẽ vì vậy mà Tết Trung Thu là một Tết mừng mùa gặt, mùa tích trữ (thu tàng) thóc lúa nơi ruộng các Bà, nên là lễ thuộc các Bà hơn và vì thế cũng **phát xuất bởi vùng Viêm Việt nhất là Phúc Kiến**, theo như các sách cổ nói: old texts tell us that the midautum festival originated in Fukien Province. (Festivals 100). Không hiểu vì từ lúc nào đó thì có một Lễ khác gọi là **Lễ Trùng cửu**, tuy sau này sáp nhập với Tết Trung Thu nhưng ban đầu là hai Tết khác nhau. Tết Trung Thu hoàn toàn vui vẻ còn Trùng cửu thì có mang sắc thái lo âu, xem ra là riêng của dân Việt một dân có nhiều điểm giống với các dân Thái. The festival of “ Double Nine “ belonged to an East Chinese ethnic group, the Yueh. These Yueh were in many respects similar to the Tai. (Festivals 111) Có lẽ vì sự bành trướng của du mục Bắc Phương nên nhiều lần Viêm Việt phải bỏ tất cả để tháo chạy nên Lễ Trùng cửu tỏ ý lo âu chẳng. Ngoài những lý lẽ trên thì ta còn thêm được một **chiều kích siêu hình của Tết Trung Thu**, tức là sự trùng hợp với các số Lạc Thư mà Lạc Thư biểu thị một nền triết đạt quan như đã trình bày trong quyển Dịch Kinh Linh Thê (bài cuối). Thế mà Lạc Thư có những con số hợp với Tết Trung Thu.

**Vì Lạc Thư gồm 8 lô với một Trung cung, và cộng chiều nào cũng được 15**, như vậy là có sự trùng hợp với ý cùng của Tết là ăn mừng mùa màng thu gặt thì Lạc Thư cũng là triết đạt quan thâm thái, vì là biểu hiện nguyên lý Mẹ đối với nhà Hà Đồ biểu hiện nguyên lý Cha. “

#### *IV.- Quốc túy quốc hồn xuyên qua tục ăn Tết ( Pho tượng đẹp nhất của Việt tộc: Kim Định )*

##### **1.- Định nghĩa về Quốc Hồn và Quốc Túy**

**“ Quốc hồn là cái Hồn thiêng của đất nước, cái Tinh hoa văn hóa dân tộc, ta có thể gọi bằng tiếng mới là cái triết lý của Tiên Tổ chúng ta. Quốc túy trái lại là cái gì Vật chất thường gắn liền với ăn với uống, có tính cách tinh vi, có khả năng làm cho say, say túy lúy như quen nói về thuốc lào, rượu đế, một số món ăn đặc biệt tinh xảo.**

Hai điểm trên nếu để rời thì nói được là đâu cũng có cách nọ hoặc cách kia, nhưng khi đem hai cặp thành ngữ đó ghép vào nhau thì đây là một nét đặc trưng nghĩa là không đâu có.

Nét đặc trưng nói lên hai điều:

## **2.- Đạo được đặt vào truyện thường nhật**

Thứ nhất là đặt Đạo vào ngay những truyện thường nhật như ăn uống là điều khác với nhiều nơi, thí dụ Tây Âu và Hy Lạp thì họ đặt trên lý giới rất xa cõi người ta: ăn ra ăn, triết ra triết. Họ nói ăn đã rồi mới triết lý sau: prius manducare deinde philosophari. Với ta thì ăn đã là triết. **Triết ngay trong việc ăn.**

## **3.- Con Người chủ động trong việc Đạo**

Điểm hai là nói lên tác động con người, chính con người giữ một vai chủ động ngay từ trong việc Đạo, việc linh thiêng. Đó là điều đặc biệt của triết lý Nhân chủ vốn đề cao tác động con Người, đưa lên tới bậc ngang hàng cùng Trời Đất như bánh Dầy chỉ Trời chỉ Đạo đó là Quốc Hồn, bánh Chung chi đất là Quốc Túy: còn phần việc của con người là Ăn.

Nếu ta để tâm suy nghĩ sẽ thấy việc của con người cao cả xiết bao: đó là ăn Trời ăn Đất, hoặc nói theo Kinh Dịch là vui với Trời, ăn với Đất (**lạc hồ Thiên, thực hồ Địa**).

## **4.- Cái Ăn: khung của Đạo lý**

### **a.- Bề ngoài của cái Ăn với cái Nhai No, Say**

Chính vì nét đặc trưng đó mà tiếng Việt có những cặp danh từ kỳ lạ như **ăn học, ăn chơi, ăn nói, ăn làm, ăn hỏi, ăn cưới, ăn lời, nếu không thì ăn đờn** v.v, tức là **ăn đi với những việc không phải ăn.** Vậy thì tiếng ăn ở đây nó như cái khung của Đạo lý: thay vì nói phương pháp tôn chỉ của học của chơi thì ta nói ăn học, ăn chơi. Là vì Đạo lý nào muốn có thực chất thì phải tiêu hóa, nên **sau mỗi cái ăn đều có một Đạo lý**, thường được biểu lộ bằng một câu truyện và những âm vang như Tục ngữ Thói tục. Thí dụ cụ thể là **ăn Trầu**. Ăn Trầu là một lối ăn riêng biệt rất công phu, kéo dài gọi là nhai. Nhai thì Mỹ cũng có, Mỹ Việt đều nhai: Mỹ nhai chewing gum, Việt nhai Trầu. Nhưng đằng sau cái nhai của Mỹ không còn gì ngoại giả cao su. Ngược lại với miếng Trầu thì đằng sau còn lắm điều hay. **Điều thứ**

**nhất là có Say: có tuý lúy, có đỏ mặt và nóng ran người. Điều hay thứ hai là có truyện Tràu Cau.**

Đây là truyện hay ở chỗ biểu thị cao sâu của nó, cây cau mọc thẳng lên tượng Trời, hòn đá vôi nằm ngang dưới gốc tượng Đất, còn Người là cô gái trở thành cây leo quấn quýt lấy cả hai cây và đá. Vì

đó có bản gọi tên cô là **Liên tức đóng vai liên lạc giữa Trời cùng Đất**. Quốc tuý được biểu thị bằng nhai đi nhai lại cho **Trầu Cau hòa hợp vào nhau để sinh ra một chất mới là nước Trầu đỏ thắm**

**để chỉ Quốc Hôn Quốc Tuý hòa hợp và như vậy rất tiện để chỉ việc hôn phối giữa Nam Nữ, hầu sinh ra con cái nối dòng, do vậy mà miếng Trầu trở nên đầu câu truyện với vô số phong dao tục ngữ đi kèm:**

Trầu bọc khăn trắng cau tươi  
Trầu bọc khăn trắng đái người xinh xinh  
Ăn cho nó thỏa tâm tình (tuý đây)  
Ăn cho nó thỏa sự mình với ta (hôn đây).  
Trầu này trầu quế trầu hồi  
Trầu loan trầu phượng trầu tôi trầu mình.  
Trầu này trầu tính trầu tình,  
Trầu nhân trầu nghĩa trầu mình lấy ta.  
Trầu này tằm tối hôm qua,  
Trầu cha trầu mẹ đem ra cho chàng.  
Trầu này không phải trầu hàng,  
Không bùa không thuốc sao chàng không ăn?  
Hay là chê khó chê khăn,  
Xin chàng đứng lại mà ăn miếng trầu.

Còn biết bao nhiêu nữa nhưng vậy tạm đủ để thấy **sự dị biệt giữa cái nhai của Mỹ và cái nhai của tiền nhân** ta. Nhai chewing gum thì chỉ có nhai đàng sau không còn gì; còn nhai Trầu thì đàng sau có câu truyện Tràu Cau đầy ứ ý nghĩa với **vô số cái ăn đàng sau: ăn hỏi, ăn cưới, rồi ăn ở, ăn nằm....**

Sau ăn Trầu thì nói đến ăn Tết ta còn thấy sự dị biệt lớn lao hơn nhiều. Trước hết **Tây đâu có nói ăn Tết, họ nói celebrate gì đó, nghĩa là mừng**. Thí dụ Tết Tây chỉ có một ngày là hết, hôm sau là chấm tròn đi job. Tết ta thì có đến ba ngày, ta quen nói “ ba ( 3 ) ngày Tết “, đã vậy đó chỉ là chính cốt chứ phải kể cả sửa soạn và cái đuôi thì cả hàng tháng. Đến nỗi phong dao có câu:

Tháng giêng ăn tết ở nhà  
Tháng hai cờ bạc, tháng Ba hội hè

**b.- Bê trong: Tiết nhịp Hòa giữa 3 cõi: Thiên, Địa, Nhân**

Đây là cái khác nhau bên ngoài, bây giờ tìm vào đến nội dung ta mới thấy một sự khác biệt sâu xa lạ lùng. **Ta thấy Tết chính là Tiết, tức là Tiết nhịp hòa âm thống nhất. Thống nhất chi? Thừa là Trời Đất Người, cả ba phải hòa nhịp. Vì thế mà Tết phải có ba ( 3 ) ngày và cả ba đều là căn bản, vì thiếu ba thì làm sao có hòa hợp, có thống nhất. Trời quá cao Đất quá thấp, phải có Người làm trung gian mới có Thái hòa.**

***\*Nền tảng triết lý trung thực mưu hạnh phúc cho con Người***

Rồi để cho sự thống nhất có nội dung trung thực thì Tết phải mừng vào lúc Trời hết lạnh, lúc Đất nở hoa lá, con Người có thể ra đồng trồng gieo.

***\* Mừng Tết trong khung cảnh Thái hòa***

Vậy nên đó phải là mùa Xuân lúc khí trời ấm áp, thảo mộc nảy mầm lá hoa, người có thể đi ra để **khởi đầu quá trình gieo gặt. Đó là một cảnh Thái hòa** được diễn cách cụ thể trong mùa Xuân. Ta quen nói: “ Ngày xuân con én đưa thoi “ là vậy. Phải là mùa Xuân én mới đưa thoi được chứ ngày Đông mà rở thoi ra thì teo gập, còn đâu nữa mà đưa, mà thoi không đưa thì làm gì có hòa hợp.

**Tết Tây không bao hàm triết nên họ đặt Tết vào lúc thịnh đông:** lúc trời rét căm căm, đất đầy tuyết, người phải rúc trong nhà. **Như vậy là chỉ nghĩ đến Trời mà không kể đến Đất đến Người, nên Tết chỉ có một ngày, nếu nói ngật thì Tây chỉ có một ngày đầu năm mà không có Tết.**

**Vì Tết là Tiết là Nhịp mà có nhịp với ai đâu: độc tấu à, chỉ có Trời độc tấu. Đất với Người không tham dự, làm sao mà có truyện Tết như ta.**

***\*\* Lang Liêu sắm món ăn Thái hòa cho cả 3 cõi***

Truyện Tết kể rằng **vua Hùng Vương thứ ba** muốn truyền ngôi cho con, nhưng không truyền cho bất cứ con nào mà phải là con có Tài có Đức, vậy để tìm ra người đó thì vua đặt ra cuộc thi gia chánh kỳ lạ: hễ con nào làm được món ăn vừa ý vua hơn cả thì sẽ truyền ngôi cho. Các con vua liền bỏ đi khắp ngả để tìm của ngon vật lạ người lên rừng, kẻ xuống bể, kẻ đi đông người sang tây đưa về thoi thì đủ thứ: sơn nhung, hải vị, giò lụa, nem công, chả phượng, chả quế, hot dog, hamburger không thiếu thứ gì. Trong khi đó công **tử thứ 9 tên là Lang Liêu** nhà nghèo không có phương tiện chuyên chở nên chẳng tìm ra được cái gì xa lạ, nên buồn rầu cả đêm trằn trọc mất ngủ. May thay đang lúc bối rối thì có thần hiện đến mách nước rằng khỏi đi đâu xa xôi hãy xuống ngay bếp lấy gạo nếp ra làm một bánh Vuông, và một bánh Tròn, rồi chồng lên nhau mà dâng vua cha. Lang Liêu liền làm theo đó. Đến ngày thi thì được vua cha chấm nhất với ưu hạng khen rằng ăn không những đã ngon mà ý nghĩa thì hàm súc vô cùng, vì **bánh chưng vuông chỉ Đất, bánh dày tròn chỉ Trời. Vậy đó là Đạo người rồi còn chi, vì người được định nghĩa là “ nhân giả kỳ thiên địa chi đức “** mà.

Thực là không thể sâu xa hơn được nữa. Thế là vua truyền ngôi cho Lang Liêu và cải hiệu là Tiết Liêu nghĩa là biết lo liệu cho cuộc sống hợp với tiết trời cùng đất. Và từ đây thì gọi ngày đầu Xuân là Tết và cũng từ đây hễ đến Tết thì tiên Tổ ta gói bánh Dày bánh Chung với đạo Trời đạo Đất.

**\*\* Tết: Nghi Lễ làm Hoà giữa Người với Người**

Đây là câu chuyện Tết còn âm vang của câu chuyện là sự Thái hòa trước là giữa Trời, Người với Đất sau là giữa Người với Người. Về Trời với Đất thì có những nghi lễ nhớ Trời Đất như múa Lân, Trời thì có Rồng với ông Địa đi kèm. □ Còn với Người thì kỹ hơn. Với thế hệ đã qua thì có lễ Gia tiên, với những nghi thức tưởng nhớ đến Ông Bà. Với Người đang sống thì thăm hỏi quà cáp, những người họ hàng ở xa cũng cố trở về quê hương ăn Tết để gặp lại và thăm hỏi bà con.

**\*\* Chế độ Bình sản: nền tảng Tự do cho mọi Người**

Ấy là chưa kể đến thể chế Bình sản, xóa bỏ sự phân chia giai cấp giữa kẻ Có với người Không, giữa Chủ với Nô, để ai ai cũng là người Tự do, và nếu vì kế sinh nhai cả năm vất vả thì nhờ vào “ ba ngày Tết “ mà nghỉ ngơi ít bữa để có dịp ngửa mặt nhìn Trời, cúi xuống nhìn Đất tức sống an vui trong mấy ngày: tạm xếp sang bên mọi bận rộn, lo âu thường nhật để lòng phơi phới vui Xuân: vì thế ngày Tết không ai dám đòi nợ, hay trách mắng, trái lại ai nấy cố vui tươi mời gọi, chào đón, đi đâu cũng có ăn với những nét mặt hân hoan cười nói làm ta dễ cảm tưởng đó là quang cảnh lân bang với bông lai tiên cảnh, vì là lúc người nghèo tới đâu cũng được hưởng cảnh dư dật phong nhiêu tràn ngập của ngon vật lạ. Đó lẽ ra phải là cuộc sống thường xuyên của con người nghĩa là con người lẽ ra phải được sống thanh thoi như những con chim, làm ít chơi nhiều, tung tăng với ca xướng và vũ điệu như được ghi tạc trên mặt tròn đồng Ngọc Lũ. Chính đó là lý tưởng của triết lý an vi, một nền triết nhằm hạnh phúc của mọi người như lý tưởng, như là cứu cánh.

**\* \* Tết: một ấn tượng tươi vui phấn khởi và trẻ trung**

Và quả thực trong dĩ vãng lý tưởng đã hiện thực được phần nào tuy còn xa mới hoàn bị, nhưng so với những nơi khác thì quả không hổ mặt xưng là nước có văn hiến sống theo lý tưởng Tết là **hoà hợp giữa Trời, Đất, Người**. Tuy vì trình độ lúc xưa chưa có cơ khí, cũng như vì nhiều lý do phức tạp con người chưa đạt được cảnh an vui thịnh vượng như ý, thì ít ra mỗi năm để ra ít ngày và tạo điều kiện để mọi người có thể sống lối sống lý tưởng nọ ít nhất trong ba ngày, rồi sau đó cố kéo dài ra được đến đâu thì đến, bằng các cuộc hội hè, đình đám, chơi xuân...

**Đây là lý do giải nghĩa tại sao Tết đã in sâu vào tâm thức người Việt một ấn tượng tươi vui phấn khởi đầy tung bừng trẻ trung đến nỗi thiếu Tết nó làm cho ta cảm thấy mất mát một cái**

**gì quá ư trầm trọng, mà trầm trọng thật, vì nó là dấu mất một nền triết lý ơn ích hơn hết cho con người mà Việt tộc có cái may đã sáng tạo và duy trì được trên bốn ngàn năm.**

**\*\* Ba ngày Tết: triết lý xây trên chữ Thời**

**Đang khi các nơi chỉ có triết lý một chiều bất động gây nên các thứ độc quyền, độc chiếm, độc chuyên, đã không giúp cho đời được an vui thì chớ, mà nếu chẳng may nó cướp được chính quyền thì gieo rắc đau thương trầm thống khôn cùng, như dân nước ta hiện đang là nạn nhân cực kỳ khốn đốn. Đó là trái đấng của triết lý xây trên không gian bất động với cái Tết chỉ có một ngày, trái ngược hẳn với triết Việt xây trên chữ Thời rất uyển chuyển vì làm bằng tiết, nhịp, hợp hòa, thống nhất để giúp gây được nhiều hạnh phúc như nước ta trong hơn bốn ngàn năm qua đã nhiều lần được hưởng.**

Đành rằng so với đời sống hiện nay được nâng đỡ do khoa học kỹ thuật: đầu đầu cũng đầy xe hơi nhà lầu với tiện nghi tràn ngập thì đời sống thôn quê ta xưa thấp hơn nhiều lắm. Thế nhưng biết bao người di tản vẫn nuối tiếc cuộc sống bên nhà là vì **hạnh phúc con người chỉ lệ thuộc vào tiện nghi có 2 phần 5, còn 3 phần nữa ở tại lối xấp đặt, ở tại môi sinh tinh thần, ở tại tâm hồn thanh thoi:** không có tủ lạnh nhưng gà vẫn chạy quanh vườn, cá vẫn lội dưới ao, lúc hứng lên muốn nhậu là chạy ùa ra rãnh bắt ít con tôm, hái thêm mớ rau mớ lá, lôi ra vài xị đế nữa, thế là một cuộc nhậu khởi đầu bất tận, nhiều khi có sáu câu vọng cổ mùi giúp vui hay dăm ba ván cờ tướng! Khỏi lo mất job với đụng xe. Đây không phải bản rập của cuộc sống trên “bồng lai tiên cảnh” hay sao? Thế mà không phải chỉ có trong huyền thoại nhưng đã thấp thoáng xuất hiện nhiều lần trong trình sử của nước ta.

**\*.- Có ăn Tết thực sự mới nuôi dưỡng được ý chí phục Việt kiến quốc Đó là công hiệu của một nền triết lý trung thực hơn hết cho con Người mà “ba ngày Tết” là một bản tóm sinh động. Như vậy quả là đáng cho chúng ta nâng niu gìn giữ như một gia sản thiêng liêng để mà truyền dòng nối dõi. Chúng ta cần phải nghiên cứu học hỏi để duy trì lấy nền văn hóa ơn ích nọ trong các đoàn thể người Việt hải ngoại, cũng như để nuôi dưỡng cho ngày thêm vững mạnh ý chí phục Việt kiến quốc, mong một ngày nào đó không còn phải kỷ niệm Tết, nói về Tết nhưng là “ăn Tết” với sự tham gia của mọi giác quan trên chính quê nước khi đã tìm lại được tự do hạnh phúc như xưa.”**

---

**( 4 ). THE LIVING CONSTITUTION**

Creating America A history of the United States Mc Dougal littell California Edition. The Framers of the Constitution created a flexible plan for Governing the United States far into the future. They also described ways to allow changes in the Constitution. For over 200 years, the Constitution has guided the American people. It remains a “ living document “ . The Constitution still thrives, in part, because it echoes the principles the delegates valued. Each generation of Americans renews the meaning of the Constitution’s timeless ideas. These pages show you some ways in which the Constitution has shaped events in American history.

## **SEVEN PRINCIPLES OF THE CONSTITUTION**

The Framers of the Constitution contracted a new system of Government. Seven principles supported their efforts. To picture how these principle work, imagine seven building blocks. Together they form the foundation of the United States Constitution. In the pages that follow you will find the definitions and main ideas of the priciples shown below:

### **UNITED STATES CONSTITUTION**

- I.-Republicanism
- II.- Separation of power
- III.- Limited Government
- IV-Popular sovereignty
- V.-Federalism
- VI.-Check & Balances
- VII.-Individual Rights.

#### **I.- Popular Sovereignty**

Who gives the Government its power? “ We the people of the United States. . . establish this Constitution for the United States of America.These words from the Preamble, or introduction, to the Constitution clearly spell out the source of the Government’s power. The American form of government comes from a school of political thought called classical liberalism, which emphasized freedom, democracy, and the importance of the individuals. The Constutions rest on the idea of popular sovereignty.

#### **II.- Republicanism**

How are people’s views Represented in Government? The Framers of the Constitution wanted the people to have a voice in Government. The Framers also feared that public opinion might stand in a way of sound decision making. To solve this problems, they looked to republicanism as a model of Government. Republicanism is based on the belief: The people exercise theis power by voting for their political representatives. According to the Framers, these lawmakers



played the key role in making a republican government work. Article 4, Section 4, of the Constitution also calls for every State to have a “ republican form of Government “ . Civic Republicanism is the idea that citizens stay informed about politics and participate in the process, ( In the republican government, voting citizens make their voice heard at the polls. The power of the ballot prompts candidates to listen to people’s concerns ) .

### **III.- Federalism**

#### **How is Power Shared ?**

The Framers wanted the states and the nation to become partners in governing. To build cooperation, the Framers turned to Federalism. Federalism is a system of government in which power is divided between a central government and a smaller political units, such as states. In the early years of the United States, Federalism was closely related to dual sovereignty, the idea that the powers of the federal government and the states were clearly defined, and each had exclusive power over their own spheres with little overlap. This view of federalism led to states’ rights conflicts, which were contributing factors in the Civil War. The Framers used Federalism to structure the Constitution. The Constitution assigns certain power to the national government. These are delegated powers .Powers kept by the states are reserved powers. Powers shared or exercised by national and state governments are known as concurrent powers Federalism .

#### **I. Powers delegated**

to the national Government.

#### **III. Shared Powers national**

(Concurrent)  
Powers

#### **II. Powers reserved to the**

for the State Governments

The overlapping spheres of power bind the American people together.

### **IV.- Separation of Powers**

How is Power divided?

The Framers were concerned that too much power might fall into the hand off a single group. To avoid this problem, they built the idea of Separation of Powers into the Constitution. This principle means the division of basic roles into branches. No one branch is given all the power. Articles 1, 2 and 3 of the Constitution detail how powers are split among the three branches.

#### **Separation of Powers United States Constitution**

Article 1

Article 2

Article 3

<b>Legislative branch</b>	<b>Executive branch</b>	<b>Judicial branch</b>
Congress make the laws the laws	President enforce the laws	Supreme court interpret the laws

**California standards 8.27**

Describe the principle of federalism, dual sovereignty separation of powers, check and balances, the nature and purpose of majority rule, and the way in which the American idea of constitutionalism preserves individual rights .

**V.- Checks and Balances**

How is Power evenly distributed?

**Executive Branch ( E.B. )**  
( President )

**E.B.** Checks on Court ↙ **L.B.** ↘ Checks on President

**J.B.** Checks on President. ↗ **CHECKS & E.B** ↘ Check on Congress

**BALANCES**

<b>Judicial Branch ( J.B.)</b>	( L.B. ) <b>Legislative branch</b>
( Supreme court )	( Congress )

**J.B.** Check on Congress ⇄ **L.B.** Checks on Court.

“ Baron de Montesquieu, an 18th – century French thinker wrote, “ Power should be a check to power ”. Comment refers to the principle of checks and Balances. Each branch of government can exercise checks, or controls, over the other branches. Though the branches of government are separate, they rely on one another to perform the work of government. The Framers included a system of checks and balances in the Constitution to help make sure the branches work together fairly. For example, only Congress can pass laws. Yet the President can check this power by refusing to sign a law into action. In turn, The Supreme Court can declare that a law, passed by Congress, and signed by the President. violates the Constitution. “.

**VI.-Limited Government**

How is Abuse of Power Prevented? “ The Framers restricted the power of government. Article 1, Section 9, of the Constitution list the power denied to the Congress. Article 1, Section 10 forbids the States to State certain actions. The

principle of limited government is also closely related to the “ rule of law “ In the American government everyone, citizens and powerful leaders alike, must obey the law. Individuals or groups cannot twist or bypass the law to serve their own interests “ of Rights. The Bills of Rights guarantees certain individual Rights, or personal liberties and privileges. For example, government can not control what people write or say.

## VII.- Individual Right

How are personal Freedom Protected? “ The first ten amendments to the Constitution shield people from an overly powerful government. These amendments are called the Bill of Rights. People also have the Right to meet peacefully and ask the government to correct a problem Later amendments to the Constitution also advanced the cause of individual rights.

“ **Chú thích:** *Popular sovereignty, Limited government: Đem tinh thần Dân chủ vào nền tảng của các Cơ chế Xã hội.*

*Republicanism, Federalism: Thể hiện tinh thần Cộng hoà vào các Cơ chế xã hội. Separation of power, Checks and Balances, Individual Right: Phân công trách nhiệm để thực hiện mối liên hệ cơ thể một cách quân bình trong các Cơ chế Quốc gia bằng cách kiểm soát nhau hầu bảo vệ Nhân và Dân quyền mà mưu phúc lợi cho toàn dân.*

## THE CONSTITUTION OF THE UNITED STATES

### Preamble. Purpose of the Constitution

“ We the people of the United States, in order to form a more perfect Union, establish justice, insure domestic tranquility, provide for the common defence, promote general Welfare, and secure the blessings of liberty to ourselves and our posterity, do ordain and establish this Constitution for the United States of America.

### A closer look Goals of the Preamble

Form a

---

#### more Perfect Union

Create a nation in which States work together

- \* US postal system
- \* US coin, paper money

---

#### Establish justice

Make law and set up court that are fair

- \* Court system
-

\* Jury system

---

**Insure domestic Tranquility**

**Keep peace within**

- \* National guard Tranquility the country
- \* Federal Marshals

---

**Provide for the Safeguard the country**

- \* Army Common defense again attack

\* Navy

---

**Provide for the Contribute to the Social security**

General welfare happiness and the Well-

- \* Food and drug laws being of all the people Secure the blessing Make sure future
- \* Commission on civil right of liberty to ourselves citizens remain free
- \* National council on Disability

**Form**

---

**a more Create a nation in which**

- \* US postal system Perfect Union States work together
- \* US coin, paper money

Establish justice Make law and set Court system up court that are fair

Jury system Insure domestic Keep peace within

- \* National guard Tranquility the country
- \* Federal Marshals

---

**Provide for the Safeguard the country**

- \* Army Common defense again attack
- \* Navy

---

**Provide for the Contribute to the**

\* Social security General welfare happiness and the Well-

- \* Food and drug laws being of all the people ( Mưu cầu Phúc lợi cho toàn dân )
- Secure the blessing Make sure future

- \* Commission on civil right of liberty to ourselves citizens remain free
- \* National council on Disability .

---

*Hiến pháp Hoa Kỳ là sự thể hiện Công bằng Xã hội với nền tảng Bác ái của  
Kitô giáo.*

## ( 5 ). Năng Lượng

“ Einstein đã có lý khi nói rằng: Chúa không chơi trò xúc xắc”.

**Vũ trụ không phải được điều khiển bởi sự may rủi, nó được điều khiển theo qui luật tối ưu của tạo hóa.**

Vũ trụ bao la huyền bí của chúng ta giống như một tư duy vĩ đại hơn là một cỗ máy vĩ đại.

Triết lý của vấn đề là: **Thế giới là một thể thống nhất, không thể phân chia.** Cấu trúc của vật chất trong vũ trụ là một khối thống nhất, không thể phân chia, tức không có phần tử nhỏ nhất, không có viên gạch cuối cùng mà hàng trăm năm, ngành cơ học lượng tử cố công tìm kiếm .

**Giữa các vật thể luôn luôn tồn tại các trường, biểu hiện bằng lực hút, lực đẩy hay gọi chung là lực tương tác.**

Nguyên tử luận- những thành công và bế tắc: Trong suốt thế kỷ XX, các nhà bác học đã sôi nổi đi tìm cấu trúc của hạt cơ bản và người ta nhận thấy hạt cơ bản bị phân chia từ **Electron, Proton; Neutron**; tới dạng hạt Quark- cũng chưa phải là nhỏ nhất vì **hạt Quark** có bước sóng nhỏ hơn bước sóng ánh sáng. Điều huyền bí là chúng lại có khối lượng lớn hơn rất nhiều so với các hạt mà từ đó chúng sinh ra và đặc biệt là những hạt này phân rã rất nhanh để lại thành **Proton và Neutron**.

Niềm tin của những nhà nguyên tử luận bị lung lay... và họ tiếp tục tìm ra **lý thuyết” Dây”** và **“siêu Dây”**- dạng vật chất của vũ trụ trước đây được xem như hạt, thì giờ đây được biểu diễn như những sóng chạy dọc theo “dây”. Nhưng lý thuyết “Dây” chỉ đúng khi không gian, thời gian phải có tới mười chiều, hoặc mười sáu chiều, chứ không phải là không gian chỉ có bốn chiều như chúng ta hiện nay (ba chiều không gian, một chiều thời gian). Nếu quả thật có sự tồn tại nhiều chiều không gian, thời gian, tại sao chúng ta không cảm nhận được?

Khởi đầu cho sự thắng thế của quan niệm vũ trụ không thể phân chia của nhà triết học vĩ đại Aristotle.

**Đó là vũ trụ là đồng nhất thể, vật chất là liên tục và không thể phân chia, và vận hành không ngưng nghỉ theo qui luật Âm- Dương, Ngũ hành. Thế giới (dù tầm vi mô hay vĩ mô) cũng là một thể thống nhất không thể phân chia.**

Mặt khác ngày nay, chưa có lý do để phủ nhận sự tồn tại của những thế giới song song theo bất kỳ nghĩa nào. Người ta thấy rằng, **vũ trụ ngày nay giống như là một tư duy vĩ đại hơn một cỗ máy vĩ đại.** Và phải chăng đó là con đường của trái Tim

### **Học thuyết Mesmer với Năng lượng sinh học,**

Y học năng lượng và Dưỡng sinh Tâm Thể: Mesmer Franz người Áo, bác sĩ, nhà vật lý, chiêm tinh học (1774-1815) đã trình bày học thuyết với hai mươi bảy điều khoản về phương pháp trị bệnh khá huyền bí của ông. Người ta nghiên cứu, gán học thuyết Mesmer với những lý thuyết trường hiện đại:

**Có một ảnh hưởng tương hỗ giữa các thiên thể, trái đất và các sinh vật (mối quan hệ Thiên- Địa- Nhân hợp nhất). Mệnh đề này gợi nhớ tới định luật vạn vật hấp dẫn của Newton, và lý thuyết Trường: Trường nhiệt, Trường điện từ, Trường khí vũ trụ hoặc sóng vũ trụ.**

Sóng vũ trụ là bức xạ từ các thiên hà, các hệ mặt trời, các vì sao trong vũ trụ, từ lòng đất, từ đại dương... **Sóng vũ trụ đến từ mọi hướng, mọi không gian, thời gian.**

**Một chất lỏng tràn khắp vũ trụ một cách liên tục, không để có chỗ trống. Sự tinh tế của nó không gì sánh nổi. Nó có khả năng nhận- truyền và trao đổi mọi cảm giác của vận động.**

Ngày nay khoa học cảm xạ đã khẳng định (thông qua các thí nghiệm có thể định lượng được) là: Tồn tại năng lượng dự trữ trong mọi vật chất của vũ trụ .

**Nguồn năng lượng này là động lực để vật chất luôn luôn vận động tạo ra những rung động và lan truyền trong vũ trụ. Sự bức xạ năng lượng và lan truyền như vậy được gọi là sóng.**

Xung quanh chúng ta tràn ngập môi trường năng lượng bức xạ, có thể hình tượng hóa chúng bằng thuật ngữ Vũ điệu năng lượng và ngầm hiểu sự kỳ bí của thế giới sóng năng lượng này.

**Khái niệm chất lỏng trong mệnh đề của Mesmer ngày nay được thay bằng sóng năng lượng. Ý tưởng này thể hiện rõ trong các khái niệm rung động cộng hưởng và sóng mang thông tin khi ta thực hành chữa bệnh từ xa.**

Hoạt động trên bị chi phối bởi các luật, những cơ chế mà đến nay ta vẫn chưa được biết. Tuy nhiên, đã có nhiều nhân tố, nhiều bằng chứng, cho phép chúng ta tin rằng: nền văn minh cổ đại đã biết đến, đã làm chủ và sử dụng sóng năng lượng vào nhiều mục đích khác nhau, trong đó có mục đích chữa bệnh.

Chữa bệnh theo phương pháp tự nhiên bao gồm các phương pháp khá phong phú. Có thể chia thành các nhóm chính.

**Con người là một nhất thể- không thể tách rời phần tinh thần và phần thể xác. Vũ trụ tràn đầy sóng năng lượng của chúng ta là một nhất thể**

Quan trọng hơn, người ta đã bắt đầu nhận ra, tác động lớn lao của cuộc sống tinh thần, tình cảm, trên sức khỏe thể chất.

Quan niệm con người là một nhất thể, nhất thể trong chính mình và trong vũ trụ đã được chấp nhận rộng rãi và trở thành nhận thức chung của mọi người.

**Barbara Ann Brennan** nhà vật lý học vũ trụ hàng không Nasa trong hơn hai mươi năm đã nghiên cứu về trường năng lượng con người. Bà được huấn luyện chữa bệnh bằng NLSH, ngày nay bà là người chữa bệnh tâm linh giỏi nhất Tây bán cầu và là tác giả của nhiều cuốn sách nổi tiếng được dịch ra nhiều nước trên thế giới.

Barbara cho rằng con người là một nhất thể, giữa con người và vũ trụ có mối liên hệ chặt chẽ qua trường năng lượng. Theo bà: “Mọi đau khổ đều gây ra bởi ảo tưởng về tính riêng biệt, vốn là mẹ đẻ của nỗi lo sợ...” và “Yêu thương là gương mặt, hình hài của vũ trụ...”. Bà cũng thống nhất quan niệm: “Chúng ta đang sống trên hành tinh năng lượng”.

Dưỡng sinh tâm thể của má Hai Hương (Tôn nữ Hoàng Hương) tại Hà Nội.

Về vũ trụ quan, từ cách tiếp cận cơ học lượng tử, những thành công và bế tắc, DSTT cho rằng:

“Con người gồm hai phần. Phần tinh thần (siêu hình) và phần thể xác (hữu hình). Hai phần này hòa quyện vào nhau. Nó làm mạnh nhau lên hoặc làm yếu nhau đi; trong đó phần tinh thần (linh hồn) dẫn dắt phần thể xác.

Trong con người tồn tại một hệ kinh lạc, lưu thông trong hệ kinh lạc là “khí”, cũng có thể hiểu là sinh khí. Hệ kinh lạc thông suốt, con người khỏe mạnh. “Khí” bị tắc nghẽn ở bất kỳ nơi nào trên cơ thể, con người sẽ bị bệnh. Sinh khí trong hệ kinh lạc xung mãn, con người khỏe mạnh, tỏa trường hào quang, ngược lại, con người yếu đuối, buồn nản, héo hắt. Con người là sản phẩm hoàn thiện nhất của tạo hóa, giữa con người và vũ trụ liên hệ chặt chẽ với nhau qua trường (trường hào quang lượng. Nguồn năng lượng này là động lực để vật chất luôn luôn vận động, tạo ra những rung động và lan truyền trong mọi môi trường dưới dạng sóng (vũ điệu năng lượng). Sóng vũ trụ (còn có thể gọi là sóng năng lượng, trường khí vũ trụ, NLSH...) là sóng bức xạ từ các thiên hà, hệ mặt trời, các vì tinh tú. Người ta nghiên cứu và thấy sóng vũ trụ thật đa dạng, từ loại tần số thấp, đến loại tần số cao...

**Hào quang của con người, trường năng lượng vũ trụ và sức khỏe của chúng ta**

Cuối thế kỷ XX, năm 1977 cuốn sách “Năng lượng của cơ thể sống” được in tại Pháp xác định “Không phải bức xạ hào quang chỉ bao quanh con người mà là quanh muôn loài, kể cả thực vật”.

Đến nay, các nhà khoa học đã công nhận sự tồn tại những dòng phát sáng sinh học (bioplasma) trong con người. Nó có nhiều màu sắc, có tỷ trọng và cường độ khác nhau, và chảy theo các vầng có cấu trúc. Nó có liên hệ với các cảm xúc và tư duy của chúng ta. Bioplasma chính là chất liệu tạo thành các vầng của trường hào quang nơi con người.

Con người có bảy vầng hào quang. Mỗi vầng hào quang là duy nhất (có màu sắc, cấu trúc, chức năng, nhiệm vụ riêng). Chúng không pha trộn nhưng luôn tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau theo một qui luật nhất quán với sức khỏe và mức độ Thánh Thiện trong cuộc sống tinh thần bạn. Khi bạn cân bằng sức khỏe, bạn sống tràn đầy hạnh phúc với những suy nghĩ dâng hiến thanh cao, trường hào quang bảy vầng đều cân xứng, hài hoà sáng rõ.

Ngược lại khi bạn đau khổ, thù hận, ghen ghét, giận dữ, bảy vầng hào quang sẽ méo mó, mất cân xứng, chuyển màu tối đục. Và bạn sẽ ốm đau .

Bạn thường xuyên nạp năng lượng thông qua cuộc sống Thánh Thiện và Thiên đĩnh, vầng thứ bảy của trường hào quang mạnh mẽ, sáng suốt, sáng màu chàm, nhấp nháy với một tần số cao, sẽ giúp bạn xâm nhập vào “trường năng lượng vũ trụ”.

Nó dạy chúng ta về sự liên thông giữa tâm trí với tâm trí, giữa tâm trí của chúng ta với tâm trí vũ trụ. Nó giúp bạn tràn đầy sức sống nội tâm và thân thể khoẻ mạnh .

Năng lượng vũ trụ là vô hạn. Khi bạn sống Thánh Thiện bạn sẽ nhận được nguồn Năng lượng Tình thương từ vũ trụ và bạn sẽ có khả năng truyền năng lượng, chữa bệnh cho nhiều người.

**Cách sống để nhận được năng lượng phi phạm của vũ trụ:**

Sự quân bình Những người hiểu về cuộc sống tinh thần cho rằng bất cứ điều gì xảy ra trong cõi trời đất bao la này, đều được tạo bởi vô số yếu tố, mà yếu tố nào cũng cần thiết cả.

Những yếu tố ấy, như những sợi chỉ muôn màu, muôn sắc được dệt chung để tạo nên một tấm thảm của sự tồn tại. Sự quân bình là cách nắm giữ các sợi chỉ ấy lại với nhau một cách hài hòa.

Có thể nói, thước đo sự thông tuệ của một người, là khả năng giữ quân bình của người đó. Trong cuộc sống hiện đại náo động, xô bồ, biến động khôn lường, việc giữ được quân bình không phải là chuyện dễ. Chỉ một suy nghĩ, hay một lời nói tiêu cực thôi cũng có thể ném chúng ta ra khỏi sự quân bình. Chúng ta như người đi trên dây, ta cần rất cẩn trọng, đặt bước nọ sau bước kia, còn tay thì giữ một cái sào để giữ thăng



bằng. Bước đi hơi chệch một chút, một đầu sào hơi nặng một chút, là ta sẽ bị đổ nhào. Để đến được đầu bên kia, mỗi bước chân của ta phải chính xác, mỗi bước chân của ta đòi hỏi sự quân bình

### **Sự quân bình với sức khỏe con người: Sự quân bình giữa thể chất và tình trạng tinh thần:**

Sức khỏe là kho tàng quý báu nhất của cuộc đời. Không có nó, mọi của cải khác đều trở nên vô nghĩa (Không Tử). **Để khỏe mạnh chúng ta cần sự quân bình. Bị mất quân bình vì bất cứ lý do nào, ta sẽ bị bệnh. Giữa sức khỏe thể chất và tình trạng tinh thần có một sự gắn kết chặt chẽ. Nó cần được giữ quân bình, hài hòa.**

Da Di, người giữ linh hồn của Đại học tâm linh thế giới Ấn Độ thường nói: **“Trong cuộc đời tôi, tôi luôn ưu tiên giữ sự bình an trong mọi ý nghĩ và cảm xúc của mình. Bằng cách này, tôi không bị mất năng lượng, và cách đánh giá của tôi cũng không bị méo mó bởi những xung đột nội tâm. Cách thực hành này mang lại sức mạnh cho tâm trí, cơ thể và giúp tôi có cảm giác thoải mái trong mọi mối quan hệ”**.

#### **Sự quân bình giữa tinh thần và thể xác**

Con người có phần tinh thần, còn gọi là phần hồn, hay linh hồn (siêu vật chất) và phần thể xác (vật chất). Khi hiện hữu, trong mỗi con người, phần tinh thần và phần thể xác gắn kết chặt chẽ với nhau tới mức, người ta nhầm tưởng chúng là một, nhưng thực tế, chúng là “hai trong một“ ( : 2 → 1: Dual unit )

Vì vậy một con người muốn khỏe mạnh và khỏe mạnh một cách bền vững, phải khỏe mạnh cả về tinh thần lẫn thể xác, phải giữ quân bình. Hai phần này tương tác lẫn nhau, làm mạnh nhau lên hoặc làm yếu nhau đi. Tuy nhiên, phần dẫn dắt là phần tinh thần

#### **Sự quân bình Âm- Dương**

Âm- Dương ở đây là một phạm trù triết học sâu sa, chỉ hai trạng thái đối nghịch, hai cực, chúng luôn tương tác theo qui luật của Âm- Dương, Ngũ Hành, của tạo hóa, biến đổi, để tạo nên cuộc sống muôn màu của chúng ta. Để có sức khỏe, ta phải giữ quân bình Âm- Dương. Thí dụ phải giữ mình không quá nóng, không quá lạnh, không quá vui, không quá buồn...

#### **Luật nhân quả với sức khỏe con người.**

Luật nhân quả là định luật của vũ trụ. Thế giới này được điều khiển tự động bằng luật nhân quả

Từ “ nghiệp” (Karma) có nghĩa là “hành động” và tức “**gieo gì gặt nấy**”. Bất kể hành động của ai đó, mà ngay cả lời nói hay mới chỉ là suy nghĩ, dù tốt hay xấu, sẽ mang lại cho người đó một kết quả tương đương. Kết quả này có thể nhận lại ngay tức thì, nhưng thường là nhận lại ở kiếp sau. Có thể là “Nghiệp lành”, cũng có thể là “Nghiệp dữ”, nếu ai tạo “Nghiệp dữ” thường gọi là “Nghiệp chướng” thì sẽ phải trả nợ sau này. Trong muôn vàn con đường trả nợ (bị tật nguyên, con cháu hư hỏng, làm ăn thất bát) có một con đường là bệnh tật, gọi là “bệnh do nghiệp”, đây thường là những căn bệnh khó chữa nhất. Hiểu về “Nghiệp” và về luật nhân quả, có một ý nghĩa nhân văn sâu sắc, những người thức tỉnh sẽ biết sống hướng Thiện, tức không tạo “Nghiệp dữ”. Người thức tỉnh biết trồng hoa nơi anh ta bước đi và tâm nhi hạnh phúc được mang cho, được dâng hiến.

**Luật nhân quả là định luật điều hành vĩnh hằng của vạn vật của vũ trụ. Đây là một qui luật được chi phối một cách khách quan, đương nhiên là có trước đạo Phật**

Tuy nhiên, khi đức Phật thành đạo dưới gốc Bồ đề, ngài đã giác ngộ được luật này, thấy được tầm quan trọng của nó tác động đến sự sống và sự chết trên hành tinh này. Luật nhân quả được giáo lý của đạo Phật hoàn chỉnh và trở thành lý thuyết cơ bản, là chính kiến quan trọng trong Phật học, đến mức nhiều người lầm tưởng luật nhân quả là của đạo Phật.

**Luật nhân quả là định luật vĩnh hằng của vũ trụ, một luật tuyệt đối khách quan và tuyệt đối công bằng với từng con người, từng quốc gia đang tồn tại trên trái đất.**

*( Luật này cũng tương tự như Luật Giá sắc của Nho giáo: Gieo gì thì gặt nấy, Ai gieo thì kẻ ấy gặt, Gieo một thì gặt trăm )*

**Chúng ta cần coi việc giáo dục Luật nhân quả như một chiến lược toàn cầu, thay thế cho mọi thuyết giảng đạo đức, và những tiếng kêu gào đánh thức lương tâm nhân loại trước tội ác đang tràn như sóng bão**

Bạn đã nhìn thấy Luật nhân quả vận hành tuyệt đối chính xác từ tâm vĩ mô (trái đất) đến vi mô (con người) chưa?

**Như bạn đã thấy, hành tinh của chúng ta từng mỹ lệ, hiện đang thoi thóp, và chúng ta đang gánh chịu hậu quả từng ngày (bão, lũ, mưa, núi lửa, sóng thần, động đất, bệnh dịch người và gia súc...) do chính sự tàn phá tàn tệ không thương tiếc của con người nhiều thế hệ, nay vẫn tiếp tục. Rồi trái đất sẽ ra sao?**

**Rồi chính bạn, trong những ngày buồn, giận, đau khổ, âm mưu, thù hận, cơ thể bạn sẽ yếu ốm đến thế nào? Chưa nói đến việc ta quá tham sân si mà gây tội ác, thì quả báo nào sẽ đến? Chính vì sự vô minh đó mà cuộc sống của chúng ta trở nên bất hạnh, ốm yếu Cuộc sống trên thế giới này sẽ đẹp biết bao nếu mỗi con**

**người biết được Luật nhân quả điều hành vũ trụ hoàn hảo và độc nhất vô nhị**  
“

*( Do CLBLC: Câu lạc bộ Lều chõng chuyển tới, không rõ tác giả )*

---

Hình Bìa sau

## KINH TIÊN RỒNG

### I.- Nền tảng của Tinh thần Việt

Ta có thể tóm tắt Tinh thần lập Quốc của Dân tộc Việt Nam vào mấy câu sau:

“ Giông dân Việt khởi nguồn từ khi một Bà Tiên và một Ông Rồng phối hiệp nhau và bà Tiên sinh ra cái bọc trăm trứng nở ra 100 người Con. Sau đó ông Rồng nói với bà Tiên: Ta là giông Rồng, nàng thuộc dòng Tiên, “*do Âm / Dương xung khắc, Thủy / Hỏa bất đồng*”, không ở với nhau lâu dài được, nên nàng đem 50 con lên núi, ta đem 50 con xuống biển. Khi cần thì gọi, ta về ngay “*và hẹn gặp nhau ở cánh đồng Tương*” Từ đó dòng giống Việt ngày một phát triển.”

“ Tiên là hình ảnh của một nàng Tiên ở trên núi cao, xinh đẹp vô ngần, dịu hiền tuyệt đỉnh, khoan nhân vô lượng, từ ái vô song, siêu phàm thoát tục.

Rồng là loài sống ngoài biển khơi, khi thì tung mình lên trời cao làm mây mưa gió bão, khi thì ẩn sâu dưới đáy biển, ẩn nấp chờ thời cơ, nên Rồng tượng trưng cho sự dũng mạnh vô song, sự ẩn nấp khôn tả, sự biến hoá khôn lường “

( Nam Thiên : Kinh Việt, Hoa Tiên Rồng, trang 21 )

( Chữ xiên do người Trích xin đem vào )

*Tiên Rồng là nòi cao quý, con cháu phải ăn ở làm sao đừng để hoen ố dòng máu Hùng / Dưng của Tổ tiên. Đây là Danh dự chung.*

*Có “ ăn ở chí Tình ” và “ đối xử với nhau chí Công ”, thì đời sống cá nhân mới được cân bằng, gia đình được hoà thuận, và xã hội được an vui .*

### II.- Tinh hoa của Tinh thần Việt

“ Là Con Rồng thì không thể là con Người yếu hèn bạc nhược:

Yếu hèn là khi Nhân loại dơ quả đấm lên làm luật, lấy miếng ăn làm lẽ sống duy nhất, lấy đấu tranh đâm chém làm vinh quang của mình, nhưng những thứ này chuyên tạo ra bất công, gây khổ đau cho con Người và làm rối loạn xã hội.

Là Cháu Tiên thì phải nhân hậu cao cả:

Cao cả là khi biết lấy Đạo lý Nhân sinh làm luật, lấy Nhân ái làm cách xử thế, lấy Tinh thần làm trọng. và khi đó con đường Tâm linh trở nên một đường lối tối ưu quan trọng đi tới lòng Nhân ái là Gốc của con Người ”

( Những dị biệt giữa hai nền Triết lý Đông Tây . . . . Kim Định )

[www.vietnamvanhien.net](http://www.vietnamvanhien.net)